

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022



MỤC LỤC

Chương 1

Giới thiệu chung

- 06 Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản trị
- 08 Thông tin chung về Công ty
- 22 Các chỉ số cơ bản KPIs

Chương 2

Báo cáo tình hình hoạt động 2022

- 28 Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025
- 30 Tổng quan nền Kinh tế và TTCK 2022
- 35 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 39 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Chương 3

Kế hoạch 2023

- 72 Dự báo nền Kinh tế và Thị trường chứng khoán năm 2023
- 75 Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2023

Chương 4

Quản trị Công ty

- 84 Cơ cấu tổ chức
- 86 Nhân sự chủ chốt: HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành
- 90 Thông tin dành cho Cổ đông
- 100 Hội đồng Quản trị
- 111 Ban kiểm soát
- 118 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc
- 122 Kiểm toán nội bộ
- 126 Quản trị rủi ro
- 137 Thực hiện các quy định về Quản trị công ty

Chương 5

Phát triển bền vững

- 146 Thông điệp của Tổng giám đốc
- 154 GRI 102: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn 2016
- 164 GRI 200: Kinh tế
- 169 GRI 300: Môi trường
- 174 GRI 400: Xã hội
- 206 Phụ lục I: Điểm yếu tố chất lượng quản trị theo CAMEL
- 208 Phụ lục II: Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL

Chương 6

Báo cáo tài chính

- 212 Báo cáo tài chính
- 292 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

01

Giới thiệu chung

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác,

Năm 2022, dịch Covid - 19 đã được kiểm soát, toàn bộ đời sống xã hội chuyển sang trạng thái “bình thường mới”. Nhiều chính sách hỗ trợ, phục hồi kinh tế được Chính phủ ban hành giúp nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng 8,02% so với năm 2021, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 11 năm qua kể từ năm 2011. Tuy nhiên, Thị trường chứng khoán Việt Nam (“TTCK”) diễn biến phức tạp và chịu áp lực lớn từ biến động của thị trường quốc tế trước xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương toàn cầu, đồng thời Chính phủ Việt Nam thực thi các biện pháp mạnh nhằm làm trong sạch, lành mạnh các thị trường bất động sản, thị trường cổ phiếu và thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Điều này đã gây ra những tác động mạnh làm cho TTCK liên tục sụt giảm mạnh về cả điểm số lẫn thanh khoản thị trường, VNIndex đóng cửa năm ở mức 1007 điểm, giảm 491 điểm tương đương 32,8% so với năm 2021, là một trong những mức giảm mạnh nhất trong lịch sử hơn 20 năm hoạt động của TTCK.

Trước bối cảnh thách thức trên, BVSC bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021-2025, tập trung phát huy thế mạnh cốt lõi của doanh nghiệp để thích ứng nhanh với những biến động từ thị trường. Kết quả là doanh thu thực hiện đạt 898,45 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế thực hiện là 213,67 tỷ đồng, hoàn thành 101,8% so với kế hoạch, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước - mức giảm thấp hơn so với bình quân toàn ngành chứng khoán (giảm xấp xỉ 27%). Bên cạnh đó, BVSC tiếp tục kiến tạo môi trường làm việc an toàn, hạnh phúc & đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, đồng thời thực hiện chia cổ tức cho cổ đông đều đặn bằng tiền mặt trong năm 2022.

Bước sang năm 2023 dự báo môi trường kinh doanh tiếp tục còn nhiều thách thức tuy nhiên cũng là cơ hội để BVSC tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững với phương châm hành động “linh hoạt”, “chủ động”, “minh bạch” và “sáng suốt” trong việc triển khai các mục tiêu kinh doanh và nâng cao chất lượng quản trị công ty mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, tôi xin được gửi lời tri ân sâu sắc tới các quý vị cổ đông, quý vị khách hàng và đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty về sự tin tưởng và đồng hành cùng với BVSC. Xin kính chúc các quý vị sức khỏe và thành công!

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch
Nguyễn Hồng Tuấn

“BVSC TIẾP TỤC THEO ĐUỔI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỚI PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG “LINH HOẠT”, “CHỦ ĐỘNG”, “MINH BẠCH” VÀ “SÁNG SUỐT” TRONG VIỆC TRIỂN KHAI CÁC MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ CÔNG TY MANG LẠI GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO CỔ ĐÔNG.”



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“**BVSC**”) được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

BVSC là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999
Vốn điều lệ:	722.339.370.000 đồng
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022:	2.180.939.806.045 đồng
Địa chỉ:	Tầng 1, 4 và 7, tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84-24) 3.928.8080
Fax:	(84-24) 3.928.9888
Website:	www.bvsc.com.vn
Mã cổ phiếu:	BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”)



SỨ MỆNH

Trao “**Niềm tin vững chắc**” cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng “**Cam kết vững bền**”.



TẦM NHÌN

Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số để mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, và sự hài lòng nhất cho cổ đông.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty.
Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên.
Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1999

- Chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài chính.

2000

- Thành lập Chi nhánh và khai trương Phòng Giao dịch (“PGD”) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2006

- Tăng vốn điều lệ từ 49,45 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Cổ phiếu BVSC (Mã CK: BVS) chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2008

- Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng. Khai trương Trụ sở chính và sàn giao dịch mới tại số 8, Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm – Hà Nội. Khai trương Phòng Giao dịch (“PGD”) số 1 tại 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2009

- Tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 722,3 tỷ đồng. Khai trương PGD số 146 Nguyễn Văn Cừ, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

2010

- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới. Chuyển trụ sở Chi nhánh về địa chỉ 233 Đồng Khởi, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Thành lập PGD 11 Nguyễn Công Trứ tại số 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

2011

- Khai trương PGD Mỹ Đình tại số 8 Nguyễn Cơ Thạch, quận Từ Liêm, Hà Nội.

2015

- Thành lập PGD Láng Hạ tại số 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội. Thành lập PGD 233 Đồng Khởi tại số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chuyển PGD Mỹ Đình về địa chỉ số 519 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành PGD Kim Mã.

2016

- Chuyển PGD 146 Nguyễn Văn Cừ về số 90 Cao Thắng và đổi tên thành PGD Cao Thắng trực thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2017

- Chuyển trụ sở chính từ số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm sang tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Thành lập PGD số 174 Lê Hồng Phong trực thuộc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2019

- Chuyển PGD Kim Mã về Tòa nhà Văn phòng Hapulico số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội và đổi tên thành PGD Thanh Xuân.

2021

- Chuyển trụ sở chính từ tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm sang số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2022

- Chuyển PGD Láng Hạ về địa chỉ Tầng 10, tòa nhà Sky City 88 Láng Hạ Q. Đống Đa, TP Hà Nội và đổi tên thành PGD Thành Công. Chuyển PGD Cao Thắng về địa chỉ 81 Cao Thắng, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



Môi giới chứng khoán

Môi giới khách hàng cá nhân

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 23 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có xấp xỉ 79 ngàn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC.

Môi giới khách hàng tổ chức

Trong nhiều năm qua BVSC là đối tác tin cậy của các tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước như Merrill Lynch, UBS, Templeton, Trowe, JP Morgan, Manulife, Vina Capital, East Spring, Dragon Capital....

Với cam kết "Lấy khách hàng làm trọng tâm" trong chiến lược phát triển của mình, BVSC đã và đang thực hiện đầu tư đồng bộ về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm với mục tiêu hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm trên nền tảng số để đáp ứng nhu cầu đầu tư của các tổ chức.



Lưu ký

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho khách hàng bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán, các giao dịch chứng khoán lô lẻ, đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD").



Tự doanh

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.



Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp ("M&A") và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác.

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm "Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả" và mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích của khách hàng", các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.



Phân tích và Tư vấn đầu tư

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích, mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp. Các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo. Kể từ năm 2022, BVSC cung cấp các sản phẩm ủy thác đầu tư dựa trên ứng dụng công nghệ như BVS - Value; BVS - Active ...giúp gia tăng sự lựa chọn linh hoạt cho khách hàng.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Hiện nay, BVSC có mạng lưới hoạt động tại 02 thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP. HCM với 01 Chi nhánh và 08 phòng giao dịch. BVSC luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán. Cụ thể mạng lưới hoạt động BVSC như sau:



HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 1, 4 và 7 Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3.928.8080

Fax: (84-24) 3.928.9888

Email: info@bvsc.com.vn

Website: www.bvsc.com.vn

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3.914.6888

Fax: (84-28) 3.914.7999

Email: info@bvsc.com.vn

Website: www.bvsc.com.vn

Phòng giao dịch Hội Sở

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Phòng giao dịch Số 1

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Phòng giao dịch Thanh Xuân

Địa chỉ: Tầng 10 tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phòng giao dịch Thành Công

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Sky City 88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.

Hotline các PGD tại Hội sở: (84-24) 3.928.8080
Fax: (84-24) 3.928.9888

Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Phòng giao dịch Cao Thắng

Địa chỉ: 81 Cao Thắng, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi

Địa chỉ: Lầu G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Phòng giao dịch 174 Lê Hồng Phong

Địa chỉ: 174 Lê Hồng Phong, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Hotline các PGD tại Chi nhánh TP HCM:
(84-28) 3.914.6888
Fax: (84-28) 3.914.7999

GIẢI THƯỞNG



Kể từ khi thành lập (năm 1999) đến nay, BVSC đã liên tục được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong nước và nước ngoài, và của các Cơ quan quản lý trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Trong phạm vi báo cáo này, chúng tôi xin được tóm lược những thành tích tiêu biểu gần nhất.

Giải thưởng do các Cơ quan Quản lý vinh danh

Thủ tướng chính phủ

- Cờ thi đua Chính Phủ 2019.



Bộ Tài chính

- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014.
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển Hiệp hội kinh doanh Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018.
- Cờ thi đua khen thưởng về Thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Tài chính năm 2017.
- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 2016 – 2017 – 2021 – 2022.



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012.
- Bằng khen về thành tích trong xây dựng và phát triển Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung giai đoạn 2018 – 2020.



Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

- Thành viên tiêu biểu trong 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 – 2016.



Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015.
- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2016.
- Công ty Chứng khoán Thành viên Tiêu biểu Giai đoạn 2018 – 2019.



Trung tâm lưu ký chứng khoán

- Top 10 Thành Viên Tiêu Biểu Trong Hoạt Động Thanh Toán Tiền Chứng Khoán Năm 2017.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở 3 năm liên tiếp 2018 – 2020.

GIẢI THƯỞNG

Giải thưởng khác



Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam

- Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam.



Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam

- Top 200 Sao vàng đất Việt 2015.
- Top 100 Sao vàng đất Việt 2018.



Cuộc Bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Anphabe phối hợp với VCCI tiến hành

- Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam 05 năm liên tiếp 2018 – 2022.
- Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021 – 2022



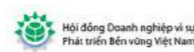
Diễn đàn M&A thường niên

- Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất – hạng mục tư vấn cổ phần hóa /thoái vốn/M&A 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- Công ty Chứng khoán Tư vấn M&A tiêu biểu thập kỉ 2009 – 2018.



Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu

- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa 05 năm liên tiếp 2017–2021.



Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững

- Top 100 các Doanh nghiệp bền vững 05 năm liên tiếp 2018 – 2022.



Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam

- Top 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021



Giải thưởng Vietnam Profit 500

- Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam – năm 2022

GIẢI THƯỞNG

Giải thưởng Quốc tế



Global Banking and Finance Review (Anh Quốc)

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 03 năm liên tiếp 2015 – 2017.
- Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017.
- Công ty chứng khoán chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2021.
- Nền tảng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2022
- Giải thưởng Top 100 doanh nghiệp toàn cầu 2022 – Nền tảng giao dịch



International Finance Magazine (Anh Quốc)

- Tổ chức Tư vấn Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018 – 2019.
- Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018.



International Business Magazine (UAE)

- Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2020.



Global Business Outlook Awards

- Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2021.



World Economic Magazine Award

- Tổ chức môi giới chứng khoán có hoạt động bền vững nhất 2021



Finance Derivative Magazine

- Công ty tư vấn chứng khoán bền vững nhất Việt Nam năm 2022



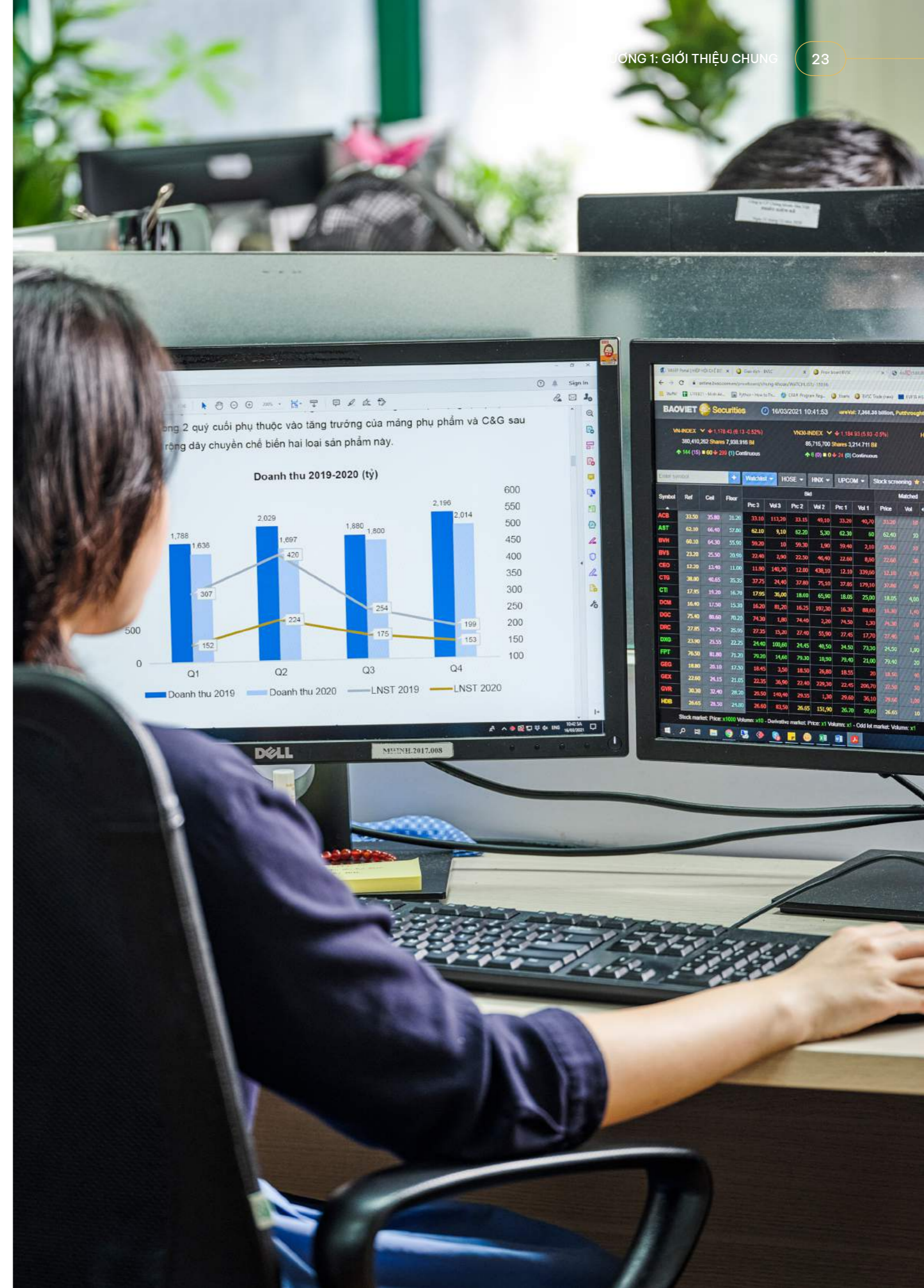
The Global Economics

- Nền tảng giao dịch chứng khoán tiên phong nhất – Bwise

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN (KPIs)

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2018	2019	2020	2021	2022
I. CHỈ TIÊU CƠ BẢN					
Tổng Doanh thu	547,58	563,65	594,15	1.147,11	921,54
• Lãi từ đầu tư các tài sản tài chính	167,05	192,83	212,91	255,98	163,21
• Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	168,79	193,70	174,09	361,77	325,81
• Doanh thu hoạt động môi giới CK	171,59	135,86	151,39	467,67	320,15
• Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành CK, ủy thác đầu giá	0,28	0,06	14,62	28,33	23,48
• Doanh thu hoạt động tư vấn	7,33	11,02	6,85	12,70	8,97
• Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6,52	5,85	5,68	9,23	9,50
• Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác	26,02	24,34	28,61	11,44	70,41
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	122,74	151,29	154,37	351,59	179,25
Lợi nhuận khác	(0,26)	(0,13)	(0,04)	(0,56)	1,75
Lợi nhuận trước thuế	122,48	151,16	154,33	351,03	181,00
Lợi nhuận sau thuế	103,53	135,51	132,38	282,94	146,89
Lợi nhuận thực hiện sau thuế	131,65	127,93	105,03	232,20	213,69
Tổng tài sản	2.927,16	2.397,85	3.412,99	5.719,30	3.857,65
Vốn chủ sở hữu	1.692,15	1.806,63	1.874,74	2.144,45	2.180,94
II. CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ					
• Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	738%	714%	518%	489%	654%
• Hệ số thanh toán tổng quát: <i>Tổng tài sản / Tổng nợ</i>	2,37	4,06	2,22	1,60	2,30
• Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	2,79	12,26	2,15	1,60	2,20
• Hệ số thanh toán nhanh <i>((Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn)</i>	2,75	12,02	2,13	1,54	2,11
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.741	1.693	1.389	3.042	2.782



Với **BIẾN ĐỘNG**
cần **LINH HOẠT**



02

Báo cáo tình hình hoạt động 2022

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Chiến lược phát triển giai đoạn 2021- 2025 của BVSC được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua ngày 21/04/2022, cụ thể như sau:



Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu tổng thể:

BVSC giữ vững vị thế công ty chứng khoán (“CTCK”) hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số.

Mục tiêu cụ thể:

- Top 10 CTCK thị phần giao dịch cổ phiếu & chứng chỉ quỹ.
- Top 05 CTCK có thị phần giao dịch trái phiếu chính phủ.
- Nhà tư vấn tiêu biểu trên thị trường chứng khoán (“TTCK”) Việt Nam trong lĩnh vực cổ phần hóa, M&A, thoái vốn.
- Đến năm 2025, phấn đấu đủ năng lực cung cấp 100% giao dịch online cho khách hàng, và cung cấp được dịch vụ tài chính tích hợp đa dạng trên nền tảng số cho hệ sinh thái Bảo Việt.

Mục tiêu tài chính

Doanh thu thực hiện tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025

10-15%/năm

Lợi nhuận sau thuế thực hiện tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025

6,5%/năm



Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025

7%-8,5%/năm

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 2021-2025

6,4%/năm

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ bình quân giai đoạn 2021-2025 (trên quy mô vốn điều lệ 722 tỷ đồng)

18%/năm



Định hướng triển khai chiến lược giai đoạn 2021-2025:

Để thực thi chiến lược kinh doanh giai đoạn 2021-2025 hướng tới mục tiêu chiến lược nêu trên, BVSC hoạch định các giải pháp triển khai như sau:

Định hướng sản phẩm

Tập trung phát triển sản phẩm tài chính trên nền tảng công nghệ. Phát triển các sản phẩm tài chính tích hợp dựa trên lợi thế về hệ sinh thái sản phẩm (bảo hiểm – ngân hàng – tài chính) trong Tập đoàn Bảo Việt.

Định hướng khách hàng

Hướng tới khai thác tệp khách hàng trong hệ sinh thái toàn Tập đoàn Bảo Việt, cung cấp dịch vụ quản lý tài sản cho tầng lớp trung lưu.

Định hướng về công nghệ thông tin

Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin để có APP giao dịch thân thiện, nhiều tiện ích. Xây dựng sản phẩm tài chính trên nền công nghệ, áp dụng công nghệ e-KYC để mở được tài khoản online, tăng cường quản trị rủi ro khi hệ thống kết nối với các nhà cung cấp nền tảng số liệu, đặt lệnh độc lập (OPEN APIs); kết nối với các kênh thanh toán trực tuyến.

Định hướng về phát triển nguồn nhân lực

Hình thành & phát triển nhóm dự án với đội ngũ có kiến thức, kinh nghiệm về quản lý danh mục, quản lý tài sản cá nhân. Tuyển dụng, xây dựng đội ngũ thiết kế sản phẩm giao dịch theo Robot, thuật toán. Xây dựng đội ngũ SALE, PR chuyên tiếp cận và mở rộng tệp khách hàng trẻ, thế hệ GEN Y & Z. Đầu tư mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo và huấn luyện phát triển con người ở cấp độ quản lý lãnh đạo và nhân viên.

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2022



Tổng quan nền kinh tế

Thuận lợi

Nền kinh tế mở cửa hoàn toàn và Chương trình phục hồi kinh tế sau đại dịch

Chính phủ tiếp tục quan tâm tới hỗ trợ tăng trưởng, tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và đưa ra thêm các gói hỗ trợ kinh tế mới. Việc mở cửa hoàn toàn nền kinh tế cùng các gói hỗ trợ đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng của nhiều khu vực khác nhau trong nền kinh tế.

GDP của Việt Nam hồi phục mạnh mẽ trong năm 2022, tăng 8,02% so với năm 2021

Đây là mức tăng trưởng mạnh nhất kể từ năm 1997 cho tới nay. Cầu tiêu dùng trong nước và đầu tư công đều ghi nhận sự hồi phục tích cực, tăng lần lượt 19,8% và 18,8% so với năm 2021.

Lạm phát được giữ ở mức thấp

Năm 2022, trong bối cảnh áp lực lạm phát ở nhiều quốc gia vẫn còn rất cao, việc kiểm soát giá cả cũng những sự hỗ trợ giảm giá như bình ổn giá thực phẩm, giảm thuế VAT, hoãn việc tăng học phí tới cuối năm, giảm một số loại phí, thuế đối với mặt hàng xăng dầu, ... đã giúp cho lạm phát cả năm chỉ ở mức 3,15%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% đề ra từ đầu năm.

Thu ngân sách nhà nước tăng mạnh

Theo đó, thu ngân sách nhà nước trong năm 2022 tăng 15% so với năm 2021 và tăng tới 27,8% so với dự toán ban đầu. Sự tích cực trong thu ngân sách nhà nước tạo tiền đề và nguồn lực cho đẩy mạnh đầu tư phát triển trong năm 2022 cũng như các năm sau đó.



GDP của Việt Nam hồi phục mạnh mẽ

↑ 8,02% so với năm 2021



Thu ngân sách nhà nước tăng mạnh

↑ 15% so với năm 2021



Khó khăn

Xung đột địa chính trị giữa Nga - Ukraine và diễn biến dịch Covid-19 vẫn phức tạp tại Trung Quốc làm tăng áp lực lạm phát trên thế giới và tác động tiêu cực đối với xuất khẩu của Việt Nam.

Tỷ giá biến động mạnh: NHTW các nước lớn tăng mạnh lãi suất, đặc biệt là Fed với 7 lần tăng lãi suất, đã khiến chỉ số DXY tăng mạnh, lên mức cao nhất 20 năm, qua đó khiến đồng VND có thời điểm mất giá lên tới hơn 9%. Trước áp lực mất giá đồng nội tệ, NHNN đã phải can thiệp vào thị trường ngoại hối thông qua việc bán ngoại tệ. Tới tháng 11, dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã giảm xuống 83,5 tỷ USD, giảm xấp xỉ 24% từ mức 109 tỷ USD thời điểm đầu năm.

Lãi suất tăng mạnh trước áp lực tỷ giá và và căng thẳng thanh khoản trong hệ thống ngân hàng: Tới cuối năm 2022, lãi suất huy động trung bình kỳ hạn 12 tháng đã ở mức 8,43%, tăng tới 260 điểm cơ bản so với cuối năm 2021 và cao hơn mặt bằng trước dịch Covid-19.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gặp khó khăn: Bối cảnh lãi suất tăng cao và chính sách tiền tệ thắt chặt đã khiến cho tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2022 đạt 27,72 tỷ USD, giảm tới 11% so với năm 2021 và là mức thấp nhất kể từ năm 2017 cho tới nay.



TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2022 (tiếp theo)



Thị trường chứng khoán

Cơ hội

Tăng trưởng GDP tích cực từ nền thấp, KQKD của các doanh nghiệp duy trì đà tăng trưởng. Với việc mở cửa nền kinh tế cùng các chính sách hỗ trợ phục hồi nền kinh tế được ban hành như đầu tư công, gói hỗ trợ lãi suất..., giúp lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp vẫn duy trì được đà tăng trưởng tốt, và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sau đại dịch.

Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới tiếp tục duy trì ở mức cao. Năm 2022, số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư tiếp tục tăng mạnh. Tính chung cả năm 2022, số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư đạt 2.586.860 tài khoản, cao hơn nhiều so với các năm trước. Kết thúc năm 2022, số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt 6,9 triệu tài khoản, tăng 60% so với cuối năm 2021.

Rút ngắn thời gian thanh toán giao dịch chứng khoán xuống T+2. Việc này tạo điều kiện thuận lợi cho vòng quay vốn nhanh hơn, qua đó tạo điều kiện giúp cải thiện thanh khoản thị trường.

Dòng tiền chảy vào thị trường thông qua các quỹ ETF liên tục gia tăng. Lũy kế cả năm 2022, các quỹ ETF đã hút thêm được lượng vốn đầu tư hơn 27 nghìn tỷ đồng. Tương tự như các năm gần đây, trong năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng đã đón nhận thêm 4 quỹ ETF mới là KIM Growth VN30 ETF, KIM Growth VNFINSELECT ETF, DCVFM VMMIDCAP ETF, CSOP FTSE Vietnam 30 ETF.



Thách thức

Mặt bằng lãi suất tăng cao tác động tiêu cực đến TTCK. Áp lực lạm phát tăng cao khiến các nền kinh tế lớn buộc phải tăng lãi suất và thắt chặt chính sách tiền tệ. Việc FED tăng lãi suất 7 lần trong năm 2022 khiến cho đồng USD mạnh lên, qua đó tạo áp lực lên tỷ giá và mặt bằng lãi suất trong nước. Môi trường lãi suất trong nước tăng lên làm cho sức hấp dẫn của kênh đầu tư chứng khoán giảm đi và khiến cho một bộ phận dòng tiền trên thị trường bị phân tán sang các kênh đầu tư khác.

Việc các cơ quan quản lý thực thi các biện pháp mạnh nhằm loại bỏ sai phạm, làm trong sạch, lành mạnh các thị trường bất động sản, thị trường cổ phiếu và thị trường trái phiếu DN... mặc dù được kỳ vọng là sẽ góp phần làm cho TTCK phát triển lành mạnh và bền vững trong dài hạn, tuy nhiên trong ngắn hạn đã tạo nên những cú sốc tâm lý của nhà đầu tư.

Thị trường TPDN đối diện rủi ro với nhiều trái phiếu đáo hạn những không hoàn thành được nghĩa vụ tài chính. Sau sự kiện Tập đoàn Tân Hoàng Minh và Vạn Thịnh Phát, tâm lý nhà đầu tư bị ảnh hưởng lớn, đồng thời chính sách thắt chặt tiền tệ khiến cho giá trị phát hành trái phiếu trong năm 2022 giảm mạnh so với năm trước. Việc thị trường TPDN gặp vấn đề về thanh khoản đã khiến các doanh nghiệp phải bán cổ phiếu cầm cố tại các CTCK, qua đó tạo tác động tiêu cực đến diễn biến thị trường.

Diễn biến thị trường chứng khoán năm 2022

- Thị trường chứng khoán có sự suy giảm mạnh bắt đầu từ đầu quý 2 cả về giá trị giao dịch lẫn điểm số trong bối cảnh NHTW tăng lãi suất và thu hẹp chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát. Năm 2022 TTCK Việt Nam thuộc top các thị trường có mức giảm mạnh nhất.
- Chỉ số VnIndex đóng cửa năm tại 1.007,09 điểm, giảm 491 điểm tương đương 32,78% so với năm trước đó; Tương tự, chỉ số HnxIndex đóng cửa tại 205,31 điểm, giảm 268 điểm tương đương 56,68%; chỉ số UpcomIndex đóng cửa tại 71,65 điểm, giảm 41 điểm tương đương giảm 36,41%. Trong khi đó thanh khoản thị trường cũng có mức giảm đáng kể, trung bình cả năm 2022 giá trị giao dịch bình quân phiên trên cả 3 sàn đạt 20.187 tỷ đồng, giảm 24,3% so với năm 2021.

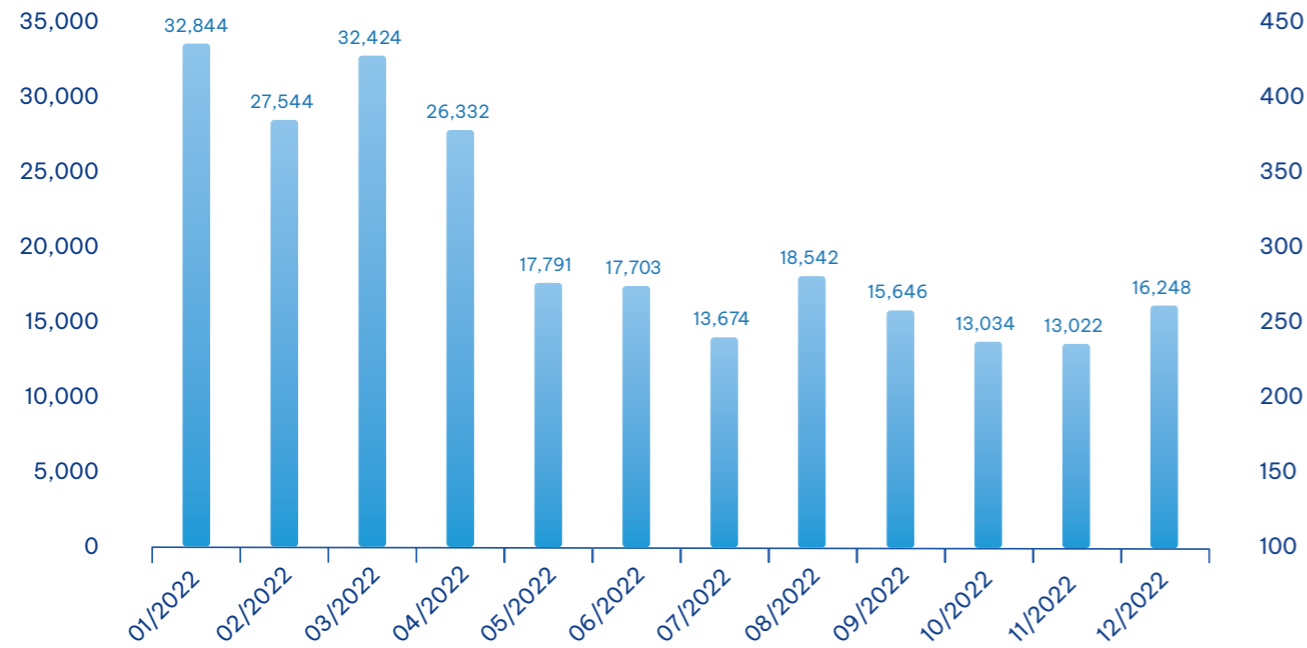


Diễn biến của VNINDEX và HNX-Index trong năm 2022



TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2022 (tiếp theo)

GTGD bình quân toàn thị trường 2022 (tỷ đồng/phiên)



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá của HĐQT về kết quả hoạt động của công ty 2022

Về triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022

Triển khai nhiệm vụ kinh doanh

Trước bối cảnh TTCK không thuận lợi, hoạt động kinh doanh của các CTCK đều bị ảnh hưởng lớn, đồng thời thực hiện sự ủy quyền của ĐHCĐ thường niên 2022, HĐQT đã rà soát đánh giá và ban hành Nghị quyết số: 32/2022/NQ-HĐQT ngày 18/11/2022 điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh (“KHKD”) năm 2022 đối với BVSC, theo đó chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế thực hiện 2022 lần lượt là 900 tỷ đồng và 210 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 16,7% và 11% so với Kế hoạch kinh doanh ban đầu được ĐHCĐ 2022 giao.

Để triển khai kế hoạch kinh doanh 2022, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến tình hình thị trường để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, công nghệ, quản trị rủi ro và đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số toàn diện trên toàn Công ty với quyết tâm cao hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2022, kết quả kinh doanh năm 2022 của BVSC đã đạt được như sau:

- Tổng doanh thu 2022 đạt 923,8 tỷ đồng hoàn thành 99,9% KH (925 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu thực hiện là 898,4 tỷ đồng hoàn thành 99,8% KH (900 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022 đạt 213,7 tỷ đồng hoàn thành 101,8% KH (210 tỷ đồng).

Năm 2022 có thể nói là một năm khó khăn với ngành Chứng khoán, theo đó nhiều CTCK không hoàn thành kế hoạch kinh doanh và giảm mạnh so với kết quả năm 2021. Ước tính đối với toàn ngành chứng khoán, lợi nhuận sau thuế thực hiện giảm khoảng 27% so với năm 2021. Với BVSC, lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022 chỉ giảm 08% so với năm 2021, mức giảm thấp hơn nhiều so với mức sụt giảm toàn ngành. HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc hoàn thành xuất sắc triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2022.



Tổng doanh thu 2022

923,8 tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế TH 2022

213,7 tỷ đồng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Triển khai nhiệm vụ khác

Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, HĐQT phối hợp BKS, Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2021-2025. Kết thúc năm 2021, HĐQT tiến hành đánh giá, rà soát việc thực hiện Chiến lược phát triển 2021-2025, thấy rằng cơ bản các hoạt động của Công ty vẫn diễn ra theo đúng mục tiêu trong Chiến lược phát triển 2021-2025 đề ra.
- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm thanh toán cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 08% trên mệnh giá cổ phần, trích lập các quỹ dự phòng, quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban quản trị;
- Thực hiện lưu hành Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 13.
- Triển khai đầu tư Dự án cải tạo văn phòng trụ sở Công ty theo như phê duyệt của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, do những yếu tố khách quan nên hiện nay Dự án vẫn chưa hoàn thành và sẽ tiếp tục được triển khai vào năm 2023.



Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty

Thông qua việc chỉ đạo, Công ty tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó ưu tiên hàng đầu cho công tác quản trị rủi ro, chuyển đổi số & kiện toàn các chức danh quản lý cấp cao cũng như công tác quy hoạch phát triển nhân sự kế cận phù hợp với chiến lược 2021-2025.

Năm 2022 do diễn biến bất lợi của biến động tỷ giá VND/USD, cũng như sau khi đánh giá tính hiệu quả từ nguồn tiền 100 tỷ đồng thu được từ Trái phiếu BVSH2123001 & thực hiện theo đề nghị của Tokai Tokyo Securitie, BVSC thực hiện mua lại 100 tỷ đồng Trái phiếu BVSH2123001 vào ngày 30/11/2022. Hiện nay, BVSC không còn bất kỳ khoản nợ phát sinh từ việc phát hành trái phiếu.



Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua cơ chế báo cáo định kỳ, thông qua các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT, & vai trò của các ủy ban trực thuộc HĐQT và cơ quan Kiểm toán nội bộ cũng như phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

Thông qua các cơ chế kiểm tra & giám sát nêu trên, HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc trong năm 2022: (i) đã luôn chủ động bám sát diễn biến thị trường nhằm đề ra giải pháp linh hoạt, đồng bộ về sản phẩm dịch vụ, nguồn vốn, con người và công nghệ để Công ty thực hiện hoàn thành KHKD năm 2022; (ii) BVSC phát triển được những sản phẩm, dịch vụ mới & các hoạt động chuyển đổi số toàn diện bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021-2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua; (iii) BVSC đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao luôn cẩn trọng, trung thực, hiệu quả và công khai các lợi ích liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bên cạnh những mục tiêu kinh tế, HĐQT nhận thức mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm cộng đồng, xã hội chính là các yếu tố nền tảng cho sự thành công lâu dài, bền vững của BVSC. Do đó năm 2022 HĐQT chỉ đạo Công ty tích cực triển khai: các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng và an sinh xã hội; ứng dụng công nghệ để giảm thiểu các tác động đến môi trường; trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản ưu tiên mua sắm các thiết bị tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường; tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

(Thông tin chi tiết về nội dung thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường vui lòng xem thêm tại Chương V Phát triển bền vững, từ trang 146 đến trang 205 Báo cáo này).



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2023

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2023 (vui lòng tham khảo tại Chương III, từ trang 72 đến trang 79 của Báo cáo này), HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 như sau:

Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty hoàn thành KHKD năm 2023 với các chỉ tiêu sau

- Tổng doanh thu: 768,5 tỷ đồng; trong đó Doanh thu thực hiện đạt 720 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“Lợi nhuận sau thuế”): 155,7 tỷ đồng; trong đó Lợi nhuận sau thuế thực hiện: 145 tỷ đồng.

Định hướng kinh doanh trong năm 2023, BVSC tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh, tăng cường quản trị rủi ro; đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ.

(KHKD năm 2023 này gắn với dự báo tăng trưởng kinh tế vĩ mô và diễn biến TTCK như được trình bày tại Chương IV của Báo cáo này; và có thể được điều chỉnh để sát với tình hình thực tế tăng trưởng kinh tế và TTCK năm 2023)

Tổng doanh thu

768,5 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

155,7 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế TH

145 tỷ đồng

Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty

Năm 2023, dự báo TTCK vẫn gặp nhiều thách thức và những diễn biến khó lường do đó HĐQT tiếp tục bám sát diễn biến thị trường để có các định hướng & chỉ đạo sát sao Công ty tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy Hoạt động môi giới, Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành & Hoạt động tự doanh. Nhằm gia tăng nguồn vốn kinh doanh, HĐQT sẽ xem xét đánh giá thực tế diễn biến của thị trường và nhu cầu của Công ty để có chỉ đạo xây dựng phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp cũng như giải pháp huy động vốn khác.

Bên cạnh đó, nhằm phát huy lợi thế trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt, HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án hợp lực giữa Tập đoàn Bảo Việt, và các đơn vị thành viên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thuận lợi và khó khăn đối với BVSC

Với những phân tích về bối cảnh kinh tế vĩ mô và TTCK trong năm 2022 tại Phần I của Chương này, có thể thấy năm 2022 các doanh nghiệp niêm yết nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng phải đối mặt với nhiều thách thức hơn là cơ hội.

Với BVSC, thách thức lớn nhất trong nhiều năm gần đây là về nguồn vốn kinh doanh, một mặt Công ty chưa thực hiện được kế hoạch tăng vốn, mặt khác khả năng tiếp cận vốn vay từ các ngân hàng ngày càng bị hạn chế trong bối cảnh chính phủ siết chặt nguồn vốn vay đối với nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực đầu tư chứng khoán bắt đầu từ quý II.2022, tuy nhiên với đội ngũ nhân lực giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, có khả năng thích ứng cao Công ty đã không ngừng có sự chuyển đổi linh hoạt và đồng bộ trên nhiều phương diện gồm công nghệ thông tin, phát triển nguồn nhân lực, phát triển sản phẩm, quản trị rủi ro để hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh năm 2022 cũng như tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.



Đánh giá chung về kết quả kinh doanh của BVSC năm 2022

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TH 2021	TH 2022	KH 2022	TH 2022 so với KH 2022	TH 2022 so với cùng kỳ
Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.147,19	923,84	925	99,88%	80,53%
Doanh thu và thu nhập khác đã thực hiện	1.052,83	898,45	900	99,83%	85,34%
Tổng chi phí	796,16	742,84	711,45	104,41%	93,30%
Chi phí đã thực hiện	761,86	640,18	637,5	100,42%	84,03%
LN trước thuế	351,03	181	213,55	84,76%	51,56%
LN trước thuế đã thực hiện	290,97	258,26	262,5	98,39%	88,76%
LN sau thuế	282,94	146,89	166,4	88,27%	51,91%
LN sau thuế đã thực hiện	232,2	213,69	210	101,76%	92,03%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tổng doanh thu và thu nhập khác 2022 của Công ty đạt 923,84 tỷ đồng, trong đó doanh thu thực hiện là 898,45 tỷ đồng bằng 99,83% so với kế hoạch và bằng 85,34% so với cùng kỳ năm trước. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty vẫn là 3 mảng hoạt động chính bao gồm môi giới, thu lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và doanh thu từ hoạt động tự doanh chiếm tới 87,81% cơ cấu tổng doanh thu của Công ty.
- Lợi nhuận trước thuế cả năm là 181 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 258,26 tỷ đồng bằng 98,39% so với kế hoạch và bằng 88,76% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 146,89 tỷ đồng trong đó, lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 213,69 tỷ đồng, bằng 101,76% kế hoạch và bằng 92,03% so với cùng kỳ năm trước. Đây được coi là nỗ lực đáng ghi nhận của Công ty khi mà Lợi nhuận sau thuế thực hiện chỉ giảm 8% so với mức giảm ước tính chung toàn ngành là 27%.

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	So sánh %	
				Tỷ lệ TH 2022 so với KH 2022	TH 2022 so với kỳ trước
I. Tổng Doanh thu, trong đó:	1147,11	921,54	925,00	99,63%	80,34%
1. Doanh thu hoạt động	1138,32	855,27	874,00	97,86%	75,13%
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	467,67	320,15	335,00	95,57%	68,46%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	361,77	325,81	325,50	100,10%	90,06%
- Lãi cho vay margin	273,61	265,86	260,00	102,25%	97,17%
- Lãi cho vay ứng trước	88,16	59,95	65,50	91,53%	68,00%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính (hoạt động đầu tư tự doanh)	255,98	163,21	170,50	95,72%	63,76%
Trong đó: Lãi tài sản tài chính đã thực hiện	161,62	137,81	145,50	94,72%	-14,73%
Lãi tài sản tài chính chưa thực hiện	94,37	25,40	25,00	101,59%	26,91%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28,33	23,48	23,50	99,90%	82,88%
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	12,70	8,97	9,50	94,47%	70,69%
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9,23	9,50	8,00	118,77%	102,91%
1.7. Doanh thu hoạt động khác	2,65	4,14	2,00	206,84%	156,36%

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	So sánh %	
				Tỷ lệ TH 2022 so với KH 2022	TH 2022 so với kỳ trước
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8,79	66,28	51,00	129,96%	753,81%
II. Tổng chi phí	(795,52)	(742,30)	(711,45)	104,34%	93,31%
1. Chi phí hoạt động	(509,53)	(483,29)	(437,24)	110,53%	94,85%
Trong đó: chi phí thực hiện	(475,22)	(380,63)	(363,29)	104,78%	80,10%
chi phí chưa thực hiện	(34,30)	(102,66)	(73,95)	138,82%	299,25%
2. Chi phí hoạt động tài chính	(108,58)	(143,70)	(132,54)	108,42%	132,34%
3. Chi phí quản lý	(177,41)	(115,30)	(141,67)	81,39%	64,99%
III. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	351,59	179,25	213,55	83,94%	50,98%
IV. Lợi nhuận/ Lỗ khác	(0,56)	1,75	-	-	-312,93%
Trong đó: Thu nhập khác	0,08	2,30	-	-	2860,38%
Chi phí khác	(0,64)	(0,55)	-	-	85,08%
V. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	351,03	181,00	213,55	84,76%	51,56%
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện trước thuế	290,97	258,26	262,50	98,39%	88,76%
VIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	(68,08)	(34,12)	(47,15)	72,36%	50,11%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(58,76)	(44,57)	(52,50)	84,90%	75,85%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(9,32)	10,45	5,35	195,40%	-112,17%
IX. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	282,94	146,89	166,40	88,27%	51,91%
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện sau thuế	232,20	213,69	210,00	101,76%	92,03%
X. Thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN	50,20	(38,86)	-	-	-77,42%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	3.042	2.782	-	-	91,45%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Về doanh thu:

- **Doanh thu hoạt động môi giới:** đạt 320,15 tỷ đồng, bằng 95,57% so với kế hoạch, bằng 68,46% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do những diễn biến tiêu cực của thị trường chứng khoán trong gần cả năm 2022 khi mà cả điểm số Vnindex và giá trị giao dịch toàn thị trường giảm lần lượt 32,8% và 24,3% ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu hoạt động môi giới.
- **Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu** đạt 325,81 tỷ đồng, hoàn thành 100,10% so với kế hoạch và bằng 90,06% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến không tích cực của thị trường chứng khoán đã ảnh hưởng mạnh đến tâm lý của nhà đầu tư, nhu cầu vay vốn margin và ứng trước cũng giảm mạnh. Tuy nhiên với nỗ lực trong việc quản trị nguồn vốn linh hoạt với mức dư nợ cho vay ở mức phù hợp với nhu cầu của khách hàng và mức lãi suất ổn định đã đem lại hiệu quả tối ưu cho hoạt động này trong năm vừa qua.
- **Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính** (bao gồm lãi từ đầu tư chứng khoán tự doanh và tiền gửi có kỳ hạn) đạt 163,21 tỷ đồng, trong đó doanh thu thực hiện là 137,81 tỷ đồng, bằng 94,72% kế hoạch và bằng 85,27% so với cùng kỳ năm trước. Nhận định thị trường chứng khoán có biến động lớn và tiêu cực, Công ty đã chủ động giảm tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ để giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của hoạt động Tự doanh đối với kết quả kinh doanh toàn Công ty. Ngoài ra, riêng hoạt động đầu tư tiền gửi vẫn giữ mức dư nợ cao trong ba quý đầu năm, và được đầu tư đúng thời điểm có mức lãi suất cao, vì vậy Doanh thu đầu tư tiền gửi năm 2022 đạt 50,64 tỷ đồng, bằng 129,85% so với kế hoạch năm và bằng 195,76% so với cùng kỳ năm trước.

Do vậy, mặc dù thị trường chứng khoán chung giảm mạnh, kết thúc năm 2022, VN-Index giảm 32,8% so với cuối năm 2021, nhưng doanh thu thực hiện của hoạt động đầu tư tài sản tài chính của BVSC chỉ giảm 14,73% so với cùng kỳ năm trước.

- **Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán** đạt 32,45 tỷ đồng, bằng 98,34% so với kế hoạch và bằng 79,10% so với cùng kỳ năm trước. Trước những động thái siết chặt của cơ quan quản lý đối với hoạt động phát hành,

đầu tư, cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, Công ty đã linh hoạt có những điều chỉnh phù hợp, trong đó các hoạt động tư vấn huy động vốn thông qua trái phiếu được thực hiện một cách thận trọng hơn, tập trung hoàn tất thanh lý các hợp đồng đã ký kết từ năm 2021, đồng thời tập trung đẩy mạnh các hoạt động tư vấn phát hành cổ phiếu, niêm yết, thoái vốn, M&A... Do vậy, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và đại lý phát hành của Công ty đã giảm so với năm 2021 nhưng vẫn bám sát được kế hoạch đề ra.

- **Doanh thu hoạt động lưu ký** đạt 9,50 tỷ đồng, bằng 118,77% so với kế hoạch và bằng 102,91% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu này đến từ việc tiếp tục thực hiện các hợp đồng quản lý trái phiếu do các hoạt động tư vấn mang lại và thu từ quản lý tài sản đảm bảo của khách hàng. Bên cạnh đó, phí lưu ký thu từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết cũng tăng đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu của hoạt động lưu ký trong năm 2022.
- **Doanh thu khác** đạt 4,15 tỷ đồng, đạt 206,84% so với kế hoạch và bằng 156,36% so với cùng kỳ năm trước.
- **Doanh thu từ hoạt động tài chính** đạt 66,28 tỷ đồng, bằng 129,96% so với kế hoạch và bằng 753,81% so với cùng kỳ năm trước. Do mức lãi suất được hưởng cao hơn năm trước nên các khoản lãi từ tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản của Công ty tại các Ngân hàng thương mại cũng tăng cao.



Về Chi phí:

Tổng chi phí năm 2022 là 742,30 tỷ đồng bằng 104,34% so với kế hoạch và bằng 93,31% so với năm trước, chi phí tăng so với kế hoạch chủ yếu đến từ chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí tài chính.

- **Chi phí hoạt động kinh doanh** là 483,29 tỷ đồng bằng 110,53% so với kế hoạch và bằng 94,85% so với cùng kỳ năm trước. Do thị trường chứng khoán sụt giảm, các chi phí liên quan đến hoạt động môi giới, lưu ký, tư vấn đều giảm tương ứng. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán giảm sâu cũng làm cho khoản lỗ bán tài sản tài chính và chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính tăng lên đáng kể làm cho tổng chi phí kinh doanh tăng so với kế hoạch.
- **Chi phí hoạt động tài chính** trong kỳ đạt 143,70 tỷ đồng bằng 108,45% kế hoạch và bằng 132,34% so với cùng kỳ năm trước. Khoản này chủ yếu là phần tăng chi phí lãi vay trả cho các tổ chức tín dụng và các đối tượng khác trong bối cảnh lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại và các đối tượng khác trong năm tăng so với năm 2021.
- **Chi phí quản lý** phát sinh trong năm 2022 là 115,30 tỷ đồng, bằng 81,39% so với số kế hoạch và bằng 64,99% với cùng kỳ năm trước. Chi phí này giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu giảm từ tiền lương và chi phí cho nhân viên, do tiền lương hiệu quả giảm theo doanh thu và hiệu quả kinh doanh trong năm của Công ty. Ngoài ra các khoản chi phí quản lý khác cũng được rà soát và giảm thiểu để phù hợp với tình hình kinh doanh chung của Công ty.

Doanh thu hoạt động môi giới đạt
320,15 tỷ đồng

Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu
325,81 tỷ đồng

Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính
163,21 tỷ đồng

Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán
32,45 tỷ đồng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Lợi nhuận:

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 với sự sụt giảm mạnh cả về điểm số lẫn thanh khoản đã có ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết doanh thu của các hoạt động kinh doanh của Công ty, trong khi đó nhiều khoản chi phí cố định không thay đổi và 1 số khoản chi phí tăng lên như chi phí lãi vay, chi phí trích lập dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và khoản chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính (là khoản chi phí chưa thực hiện) tăng mạnh đã khiến lợi nhuận của Công ty năm 2022 có phần sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 181,0 tỷ đồng bằng 84,75% so với kế hoạch và bằng 51,56% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Lợi nhuận thực hiện trước thuế đạt 258,26 tỷ đồng bằng 98,39% so với kế hoạch và bằng 88,76% so với cùng kỳ năm trước; và Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 146,89 tỷ đồng bằng 88,27% so với kế hoạch và bằng 51,91% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 213,69 tỷ đồng bằng 101,76% so với kế hoạch và bằng 92,03% so với cùng kỳ năm trước.



Lợi nhuận sau thuế

146,89 tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế thực hiện

213,69 tỷ đồng

Năm 2022 có thể nói là một năm khó khăn với ngành Chứng khoán, theo đó nhiều công ty chứng khoán không hoàn thành kế hoạch kinh doanh và giảm so với kết quả năm 2021. Theo số liệu thu thập, các công ty chứng khoán có cùng tính chất sở hữu (VCB, BSI, CTS, AGR, PSI, ACBS...), LNST thực hiện và doanh thu giảm lần lượt 32% và 17%. Ước tính đối với toàn ngành chứng khoán, LNST thực hiện giảm khoảng 27% và doanh thu giảm khoảng 8%. Với BVSC, LNST thực hiện năm 2022 chỉ giảm 8% so với năm 2021, mức giảm thấp hơn nhiều so với mức sụt giảm toàn ngành và các CTCK cùng tính chất sở hữu. Kết quả này cũng cao hơn khá nhiều so với kết quả kinh doanh của năm trước đại dịch Covid (2019 đạt LNST thực hiện là 127,9 tỷ đồng).

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng doanh thu:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu Doanh thu	Thực hiện 2021	Tỷ trọng	Thực hiện 2022	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Doanh thu hoạt động	1138,32	99,23%	855,27	92,81%	-24,87%
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	467,67	40,77%	320,15	34,74%	-31,54%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	361,77	31,54%	325,81	35,36%	-9,94%

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu Doanh thu	Thực hiện 2021	Tỷ trọng	Thực hiện 2022	Tỷ trọng	% thay đổi
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính	255,98	22,32%	163,21	17,71%	-36,24%
Trong đó: doanh thu thực hiện	161,62	14,09%	137,81	14,95%	-14,73%
doanh thu chưa thực hiện	94,37	8,23%	25,40	2,76%	-73,09%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28,33	2,47%	23,48	2,55%	-17,12%
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	12,70	1,11%	8,97	0,97%	-29,31%
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9,23	0,80%	9,50	1,03%	2,91%
1.7. Doanh thu hoạt động khác	2,65	0,23%	4,14	0,45%	56,36%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8,79	0,77%	66,28	7,19%	653,81%
Tổng Doanh thu (1) + (2)	1147,11	100,00%	921,54	100%	-19,66%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022

Doanh thu của Công ty đến từ các hoạt động nghiệp vụ chính như môi giới, cho vay và phải thu, đầu tư tài sản tài chính (tự doanh), lưu ký, tư vấn và doanh thu khác, trong đó chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu là doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lãi các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng chi phí:

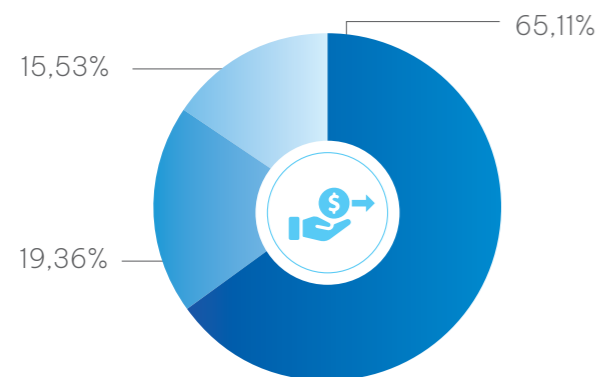
Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu chi phí	Thực hiện 2021	Tỷ trọng	Thực hiện 2022	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	(509,53)	64,05%	(483,29)	65,11%	-5,15%
Trong đó: chi phí thực hiện	(475,22)	59,74%	(380,63)	51,48%	-19,90%
chi phí chưa thực hiện	(34,30)	4,31%	(102,66)	13,83%	199,25%
2. Chi phí tài chính	(108,58)	13,65%	(143,70)	19,36%	32,34%
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(177,41)	22,30%	(115,30)	15,53%	-35,01%
Tổng chi phí	(795,52)	100%	(742,30)	100%	-6,69%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Biểu đồ chi phí của Công ty



- Chi phí hoạt động kinh doanh
- Chi phí tài chính
- Chi phí quản lý

Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là chi phí hoạt động kinh doanh (chiếm 65,11% tổng chi phí).

Chi phí hoạt động kinh doanh là những chi phí phát sinh trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của Công ty bao gồm phí giao dịch trả các Sở giao dịch chứng khoán, phí lưu ký trả Trung tâm lưu ký chứng khoán, chi phí từ đầu tư tài sản tài chính, và chi phí hoạt động cho khối kinh doanh như chi phí thuê nhà, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài.

Chi phí tài chính (chủ yếu là lãi vay phải trả) chiếm 19,36% và chi phí quản lý chiếm 15,53% tổng chi phí.

Cơ cấu chi phí được phân bổ hợp lý, chủ yếu tập trung cho các mảng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chính của Công ty như môi giới, dịch vụ tài chính cho khách hàng, tự doanh. Việc phân bổ, kiểm soát chi phí hợp lý đã góp phần vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Đánh giá các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong năm 2022

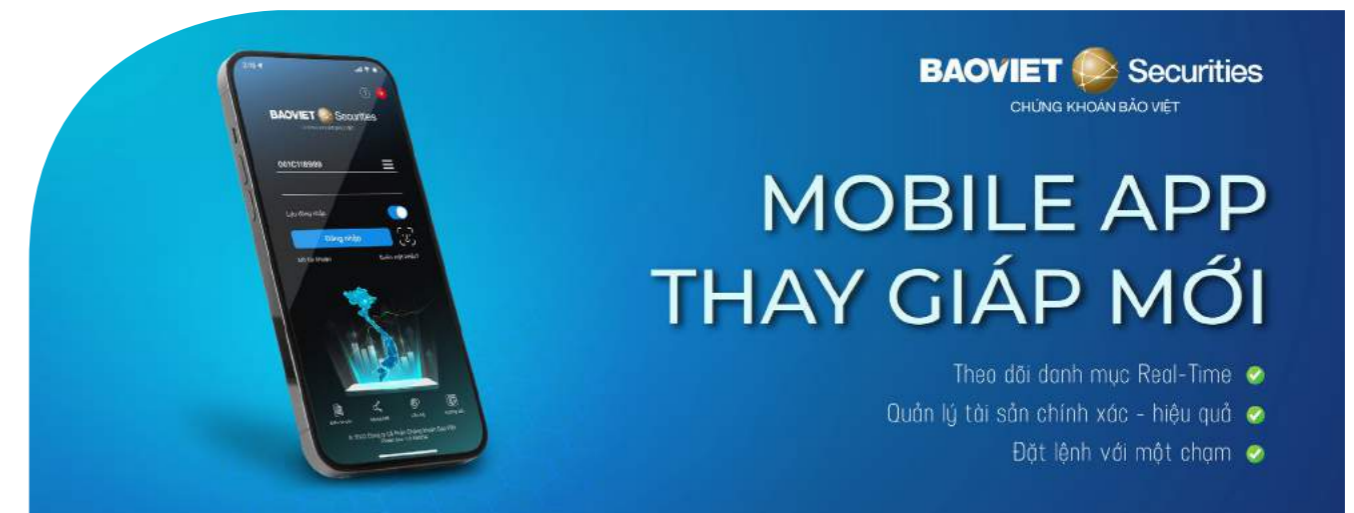
Môi giới

Kết quả hoạt động Môi giới năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TH 2021	KH năm 2022	Năm 2022	% TH so với cùng kỳ	% TH so với KH 2022
Doanh thu (Tỷ Đồng)	467,67	335,0	320,15	68,46%	95,57%
Thị phần giao dịch (%)	2,37%	2,21%	2,13%	89,87%	96,38%
Số lượng tài khoản	75 842	78 974	78 928	104,06%	99,9%

Ghi chú: Số liệu thị phần là số liệu theo tính toán của BVSC tại cả 3 sàn giao dịch



Môi giới vẫn là hoạt động cốt lõi và là một trong những hoạt động chiếm tỷ trọng chi phối trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Năm 2022 trước những diễn biến tiêu cực của thị trường, công ty việc duy trì triển khai đa dạng các sản phẩm đầu tư và các chính sách lãi suất, phí giao dịch hấp dẫn cũng như tập trung phát triển công nghệ, con người nhằm thúc đẩy hoạt động môi giới. Cụ thể như sau:

Giải pháp về sản phẩm & dịch vụ:

- Chính thức triển khai sản phẩm ủy thác quản lý tài khoản GDCK – BVS Value kể từ 04/01/2022 và BVS Active kể từ 01/03/2022.
- Liên tục triển khai các chương trình ưu đãi phí giao dịch, chính sách lãi suất hấp dẫn và cạnh tranh như “Tặng voucher giảm phí giao dịch”, “Ưu đãi lãi suất chỉ 6.8%/năm”; điều chỉnh tăng mức lãi suất iDeposit, iBond nhằm nâng cao khả năng cạnh và sự hấp dẫn của sản phẩm.

Giải pháp về CNTT: nâng cấp toàn diện ứng dụng BVS@Mobile, hoàn tất hệ thống thu hộ định danh với BIDV, liên tục nâng cấp hoàn thiện và củng cố nền tảng giao dịch trực tuyến Bwise.

Giải pháp về nguồn nhân lực: Đẩy mạnh tuyển dụng & tăng cường đào tạo, trong đó tăng cường đào tạo nghiệp vụ, sản phẩm mới và các kỹ năng phân tích nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng của Công ty. BVSC tiếp tục phát động các chương trình thi đua nội bộ với nhiều phần thưởng hấp dẫn nhằm khuyến khích, tạo động lực cho CBNV như: Chương trình “Chương trình Thi đua môi giới”; “Chương trình dự đoán chỉ số VN Index”; “Sao tháng 8”.

Giải pháp về nguồn vốn: Chủ động tìm kiếm các nguồn huy động vốn thông qua các sản phẩm thu hút tiền nhàn rỗi (iBond, iDeposit), vay ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại để đáp ứng tối đa nhu cầu vay margin của khách hàng. Tuy nhiên việc các ngân hàng thương mại bắt đầu siết chặt cho vay chứng khoán bắt đầu từ quý 2.2022 khiến cho việc đáp ứng nhu cầu huy động vốn của BVSC gặp nhiều khó khăn.

Hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi

Hoạt động cho vay margin và ứng trước có phần sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ trong bối cảnh thị trường diễn biến kém thuận lợi. Công ty đã chủ động tìm kiếm nguồn vốn thông qua vay ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu vay margin của khách hàng. Tuy nhiên việc các ngân hàng thương mại bắt đầu siết chặt cho vay chứng khoán bắt đầu từ quý 2.2022 khiến cho việc đáp ứng nhu cầu huy động vốn của BVSC gặp nhiều khó khăn. Tổng doanh thu từ hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi đạt 415,5 tỷ đồng (đóng góp 49% tổng doanh thu thực hiện năm 2022).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tự doanh

Thị trường diễn biến tiêu cực đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động tự doanh. Định hướng ưu tiên nguồn lực đáp ứng nhu cầu dịch vụ khách hàng, cùng với chủ trương thận trọng trong hoạt động đầu tư, do đó trong năm 2022 BVSC cũng không mở rộng quy mô đầu tư tự doanh. Việc chủ động điều chỉnh tỷ trọng đầu tư thấp giúp giảm thiểu được mức độ ảnh hưởng của hoạt động Tự doanh đối với hoạt động kinh doanh toàn Công ty. Công ty liên tục bám sát diễn biến thị trường để đưa ra các giải pháp và quyết sách kịp thời nhằm tối ưu hóa danh mục đầu tư, đặc biệt trong giai đoạn quý IV khi mà mặt bằng lãi suất tăng cao và nhiều rủi ro bất ổn xuất hiện trong thị trường tài chính khiến thị trường chứng khoán tiếp tục sụt giảm mạnh.

Lưu ký chứng khoán

Luôn tuân thủ chặt chẽ quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán, đảm bảo sự chuẩn mực, cẩn trọng trong quá trình triển khai nghiệp vụ. Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 9,5 tỷ đồng, đạt 119% so với kế hoạch, tương đương 103% so với cùng kỳ. Trong năm 2022, Công ty đã tiếp nhận lưu ký chứng khoán cho các công ty mới niêm yết và đã niêm yết trên HSX, HNX, UPCOM với số lượng trên 696 triệu cổ phần. Thực hiện chốt 4.000 danh sách lưu ký cổ phiếu và trái phiếu để tiến hành trả cổ tức, phát hành thêm cổ phiếu, lấy ý kiến cổ đông, đại hội cổ đông.

Công tác quản lý và hỗ trợ

Công nghệ thông tin

Bám sát chiến lược chuyển đổi số đã được ĐHCĐ 2022 thông qua, trong năm 2022 một số dự án Công nghệ thông tin tiêu biểu được triển khai như sau:

- **Nâng cấp App Mobile** với giao diện mới, nâng cấp eKYC dành cho nhà đầu tư nước ngoài; nâng cấp chỉnh sửa phân hệ quản lý môi giới trên hệ thống Flex...
- **Dự án kết nối xuất hóa đơn điện tử với TS24**; dự án chuyển hệ thống email Lotus Note sang Outlook, đồng thời trang bị bản quyền Office 365; phần mềm quản lý và phê duyệt công văn online, website công ty...
- **Chuẩn bị sẵn sàng cơ sở hạ tầng, thiết bị, phương án triển khai...** để thực hiện test kết nối với phần mềm KRX của các Sở và VSD.

Tư vấn và bảo lãnh phát hành

Trước bối cảnh Cơ quan quản lý nhà nước có những động thái mạnh tay trong việc quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động phát hành, đầu tư, cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, cùng với những cú sốc của nhà đầu tư dẫn đến thị trường trái phiếu riêng lẻ bị ảnh hưởng mạnh. Do đó, năm 2022 hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành của BVSC đã có những điều chỉnh để phù hợp tình hình thực tiễn của thị trường: tăng cường kiểm soát chặt chẽ hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu, tập trung hoàn tất thanh lý các hợp đồng đã ký kết từ năm 2021; chuyển định hướng tập trung đẩy mạnh các hoạt động tư vấn phát hành cổ phiếu, niêm yết, thoái vốn, M&A... Doanh thu 32,5 tỷ đồng, hoàn thành 98,3% kế hoạch và bằng 79,1% so với cùng kỳ.



Doanh thu hoạt động lưu ký

9,5 tỷ đồng



DT hoạt động lưu ký so với KH

119%

Các nỗ lực trên đã giúp BVSC được vinh danh liên tiếp 03 giải thưởng quốc tế gồm:



Most Innovative Online Trading Platform – Bwise (Nền tảng giao dịch chứng khoán tiên phong nhất – Bwise) do The Global Economics bình chọn

Excellence in Innovation – New Trading System Vietnam 2022 (Công ty tư vấn chứng khoán bền vững nhất Việt Nam năm 2022)

The Next 100 Global Awards 2022 – Trading Platform (Giải thưởng Top 100 doanh nghiệp toàn cầu 2022 – Nền tảng giao dịch) do tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm

Bên cạnh việc đảm bảo hệ thống giao dịch thông suốt, an toàn, trong năm 2022 Công ty tiếp tục bám sát định hướng tập trung phát triển sản phẩm trên nền tảng số của Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tập trung nghiên cứu và cho ra mắt nhiều sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm của khách hàng như Ủy thác đầu tư BVS – Value, BVS – Active, thu hộ định danh với BIDV, mở tài khoản trực tuyến eKYC dành cho nhà đầu tư nước ngoài, Golive chức năng giao dịch lô lẻ theo cơ chế của HSX & chức năng thanh toán bù trừ theo quy chế mới của VSD...

Nghiên cứu phân tích

Nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư và bám sát nhu cầu của nhà đầu tư với hơn 935 báo cáo phân tích (tăng gần 30% so với năm 2021) theo các dòng sản phẩm khác nhau bao gồm báo cáo ngành và công ty, báo cáo vĩ mô và thị trường, báo cáo định kỳ hàng ngày, tháng, quý... Mức độ bao phủ của các báo cáo phân tích trên tổng vốn hóa thị trường là 46% tại HNX và 90% tại HSX.

TT	Tên sản phẩm	Số lượng
1	Báo cáo phân tích ngành và công ty định kỳ hàng quý và hàng tháng	475
2	Báo cáo vĩ mô, phân tích kỹ thuật và thị trường hàng ngày, tháng, quý	460
3	Báo cáo thăm doanh nghiệp (Company visit notes)	140

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đội ngũ chuyên gia phân tích của BVSC đã chính thức đưa vào vận hành và quản lý sản phẩm ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán – BVS Value và BVS – Active theo hợp đồng đã ký với khách hàng. Song song, đảm bảo triển khai các hoạt động tư vấn thường xuyên trong phiên kết hợp với phân tích kỹ thuật nhằm gia tăng mức độ cụ thể và nâng cao hiệu quả danh mục của nhà đầu tư.

Pháp chế, kiểm soát nội bộ

- Thực hiện rà soát và xây dựng Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 13 trình ĐHCĐ thông qua, cũng như sửa đổi, bổ sung các quy trình nghiệp vụ phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và các quy định của các sở giao dịch như Quy trình xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; Quy trình nghiệp vụ Lưu ký và Quản lý chuyển nhượng TPDN riêng lẻ; Quy trình xử lý sự cố giao dịch chứng khoán; Quy trình kiểm soát và lưu trữ hồ sơ khách hàng.
- Triển khai các đợt kiểm soát nội bộ định kỳ tập trung vào các mảng hoạt động kinh doanh trọng yếu của Công ty như đầu tư tự doanh, tư vấn phát hành TPDN, thực hiện tra soát tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ và quy trình mua sắm, quản lý tài sản 06 tháng đầu năm 2022. Kết quả của các đợt kiểm soát tuân thủ định kỳ năm 2022 cho thấy các Phòng ban trong Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy trình nội bộ của Công ty. Tiền và tài sản của khách hàng được quản lý tách bạch với tiền và tài sản của Công ty. Tài sản và các nguồn lực của Công ty được quản lý tốt, hướng tới mục tiêu an toàn và hiệu quả. Thông tin tài chính, thông tin quản lý, dữ liệu hoạt động kinh doanh đảm bảo tính tin cậy, chính xác, trung thực và được bảo mật.
- Bên cạnh đó, KSNB thực hiện Soát xét các báo cáo và hồ sơ giao dịch chứng khoán, bao gồm các báo cáo gửi tới các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan tới các nghiệp vụ kinh doanh, báo cáo tỷ lệ an toàn vốn khả dụng, báo cáo số dư tiền của nhà đầu tư, báo cáo giám sát hàng tháng. Đồng thời tiếp nhận, kiểm tra và lưu trữ hơn 22 nghìn lượt hồ sơ và phiếu lệnh giao dịch của khách hàng đảm bảo tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của các tài liệu lưu trữ.
- Trong bối cảnh thị trường sụt giảm mạnh trong năm 2022, bên cạnh các biện pháp quản trị vẫn được thực hiện thường xuyên và liên tục, Công ty chú trọng quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ thông qua việc theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, điều chỉnh danh mục chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ, theo dõi và xử lý tài sản đảm bảo nhằm kiểm soát tốt hoạt động môi giới. Đồng thời quản trị rủi ro đối với sản phẩm ủy thác đầu tư theo đúng quy định của Công ty.

Truyền thông và phát triển thương hiệu

Cùng với sự ra mắt của nhiều sản phẩm, BVSC đẩy mạnh Digital Marketing qua đó giúp tăng trưởng về doanh thu & tăng độ nhận diện với các khách hàng và nhà đầu tư mới. Bên cạnh đó BVSC đẩy mạnh truyền thông ra công chúng & triển khai nhiều hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu trên đồng đều cả 3 phương diện: Công ty chứng khoán uy tín, DNNY tiêu biểu và thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn. Trong năm 2022 BVSC tiếp tục được vinh danh “TOP 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững”, “TOP 10 DNNY Nhóm vốn hóa vừa có Báo cáo thường niên tốt nhất”, “Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn và Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, giải thưởng quốc tế như “Most Sustainable Securities Advisory Company Vietnam 2022” do Tạp chí Finance Derivative bình chọn...

Bản tin IR được ra mắt đều đặn hàng quý cung cấp thông tin toàn diện và cập nhật cho nhà đầu tư về tình hình hoạt động củ công ty, giúp tăng cường hơn nữa sự minh bạch thông tin và tính chủ động trong hoạt động quan hệ cổ đông.



Phát triển nguồn nhân lực

Tổng số nhân sự: **698** người. Trong đó, Trụ sở chính: **421** người, Chi nhánh tại TP. HCM: **277** người.

Tuyển dụng:

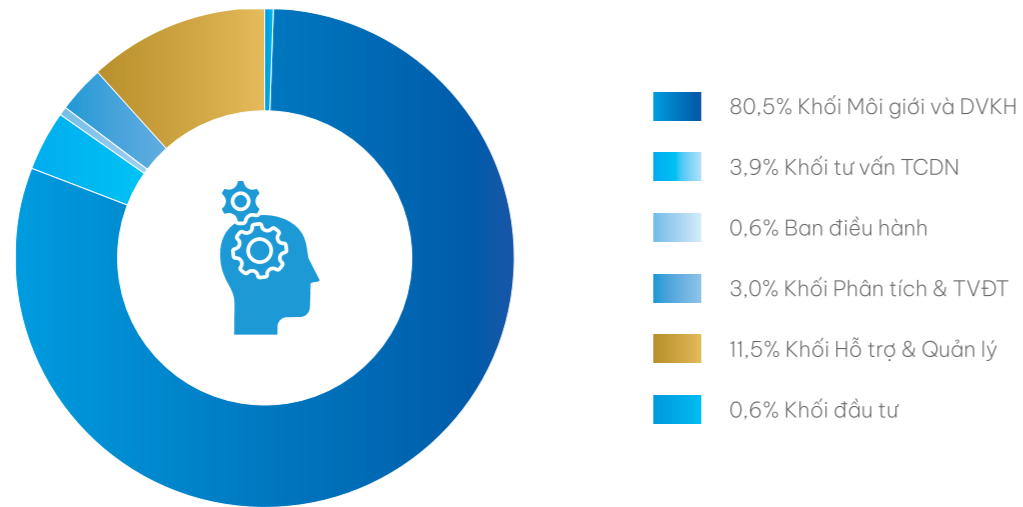
Tỷ lệ tuyển dụng năm 2022 đạt 12,46%, trong đó tỷ trọng tuyển mới đội ngũ môi giới chiếm 86%, phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty. Bằng các phương pháp và các kênh tiếp cận ứng viên mới, sáng tạo, Công ty đã tìm kiếm và tuyển chọn được các ứng viên phù hợp cho các vị trí cần tuyển. BVSC đã tổ chức nhiều các hoạt động kết nối để xây dựng và phát triển thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn như tổ chức các webinar, tài trợ “Ngày hội việc làm – Job Fair 2022” & Ký kết MoU với ĐH Tôn Đức Thắng, workshop với chủ đề “Finance Door Open: Visa tới cánh cửa ngành chứng khoán” chia sẻ tầm nhìn thị trường trong những năm tới và cơ hội nghề nghiệp; tài trợ & tham gia hỗ trợ chuyên môn cuộc thi “Bản lĩnh nhà đầu tư” do Học viên ngân hàng tổ chức, tham gia chương trình khảo sát “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam”...

Thông qua các hoạt động phát triển thương hiệu tuyển dụng nói trên, trong cuộc bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Anphabe phối hợp với VCCI tổ chức, kết quả khảo sát cho thấy chỉ số sức hấp dẫn thương hiệu nhà tuyển dụng (EBA) đạt 13.2 %, cao hơn 23% so với chỉ số chung toàn ngành (theo báo cáo khảo sát do Alphabe thực hiện) năm 2022. Với kết quả này, BVSC tiếp tục được ghi danh năm trong TOP 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Top 3 ngành Dịch vụ tài chính, TOP 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam.

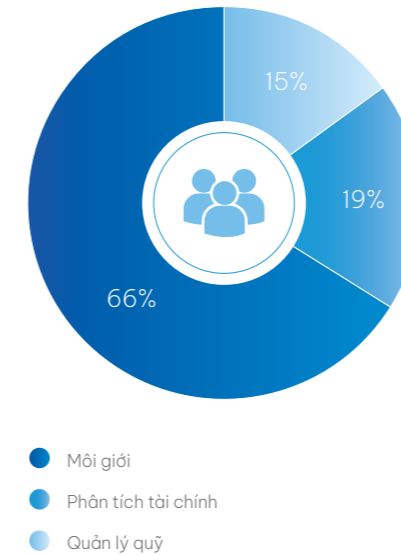


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

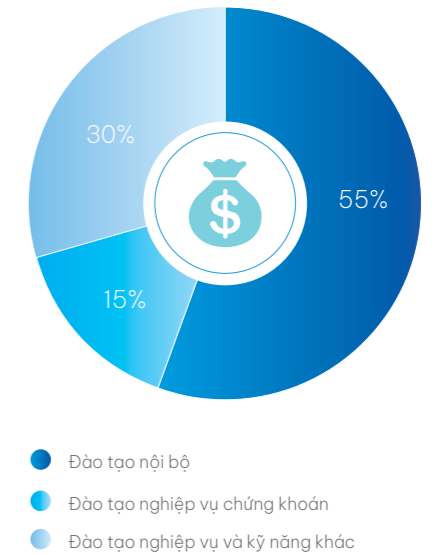
Cơ cấu lao động phân theo chức năng



Biểu đồ cơ cấu lao động có CCHNCK



Cơ cấu chi phí đào tạo năm 2022



Đào tạo:

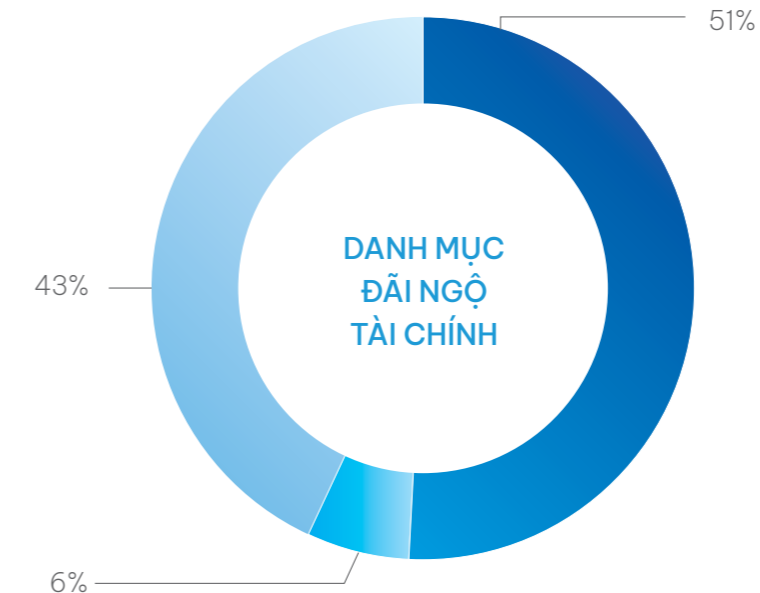
Tổng số lượt tham gia đào tạo là 526 lượt với 16.958 giờ đào tạo (tăng 9% so với năm 2021), bao gồm đào tạo nội bộ, đào tạo nghiệp vụ chứng khoán, đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng khác trong đó đào tạo nội bộ chiếm tỷ trọng lớn nhất 55%. Một số chương trình tiêu biểu như Future Broker 2022 và Next Gen 2022, chuyên đề Quỹ mở và sản phẩm Quỹ mở của BVF, Ủy thác đầu tư BVS- Value, BVS- Active.... Các chương trình đào tạo kỹ năng và chuyên môn khác được triển khai như Kiểm toán nội bộ ứng dụng, Phân tích mô hình định giá, Trả lương theo hiệu suất công việc, chính sách thưởng KPIs...

Trong năm 2022 BVSC cử 133 lượt cán bộ tham gia đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ chứng khoán của UBCKNN, tăng 115% so với năm 2021. Số cán bộ có CCHN tính đến ngày 31/12/2022 tại Công ty là 122 người.



Đãi ngộ:

Tại BVSC, các chính sách đãi ngộ dành cho người lao động đều hướng tới mục tiêu gia tăng mức độ hài lòng của người lao động, đồng thời tạo nên môi trường làm việc an toàn, hạnh phúc. Bằng chính sách lương thưởng công bằng, minh bạch được xây dựng dựa theo phương pháp 3P, thu nhập của người lao động luôn được đảm bảo ổn định và cạnh tranh trên thị trường.



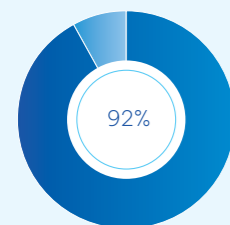
- TIỀN THƯỞNG**
- Thưởng HQLV (áp dụng đối với khối quản lý và hỗ trợ)
 - Thưởng kinh doanh (áp dụng đối với khối kinh doanh)
 - Thưởng theo các chương trình thi đua tháng, quý, năm
- PHÚC LỢI VÀ PHỤ CẤP**
- Phúc lợi bằng tiền
 - Ăn trưa
 - Viễn thông
 - Đi lại
 - Công việc đặc thù
- TIỀN LƯƠNG**
- Lương theo công việc
 - Lương tháng thứ 13
 - Lương làm thêm giờ lên đến 350%
 - Lương cho những ngày chưa nhận nghỉ phép hàng năm

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

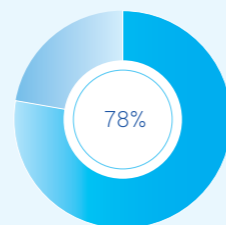
Danh mục chính sách phúc lợi của Công ty dành cho người lao động trong năm 2022

Các gói phúc lợi có tính chất bảo vệ và chăm sóc sức khỏe	Phúc lợi bằng tiền	Phúc lợi khác
BHXH, BHYT, BHTN	Chi phúc lợi nhân dịp kỷ niệm 23 năm thành lập Công ty	Chế độ nghỉ phép từ 12 – 16 ngày
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện	Phúc lợi bằng tiền nhân dịp sinh nhật, ngày 8/3 và 20/10, ngày 30/4 và ngày quốc khánh, các dịp Tết, các sự kiện đặc biệt của Công ty...	Chế độ nghỉ ngày sinh nhật được hưởng nguyên lương
Bảo hiểm các bệnh ung thư K – Care		Chế độ công tác phí, phương tiện di chuyển đi công tác
Bảo hiểm Nhân thọ		
Chính sách ưu đãi phí mua bảo hiểm sức khỏe dành cho người nhà		
Khám sức khỏe định kỳ		

PHÚC LỢI CỦA CÔNG TY - Đánh giá bởi nhân viên



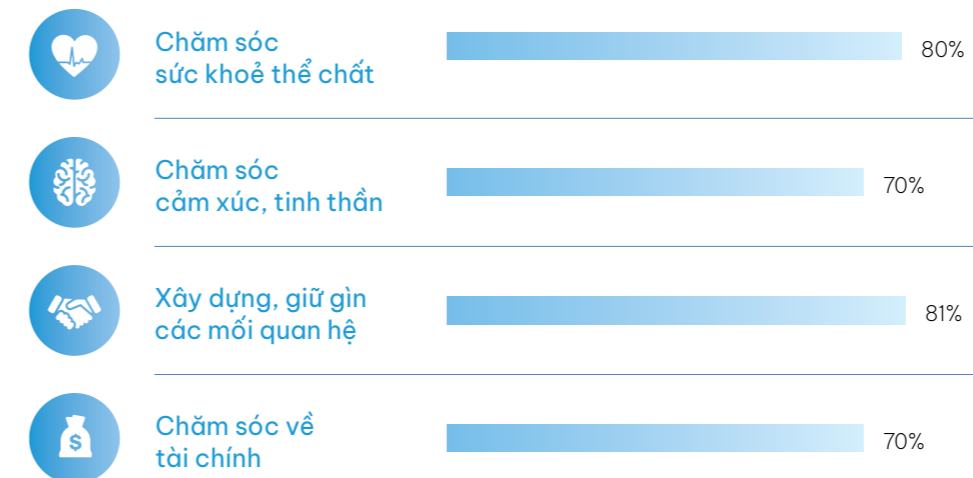
Nhân viên hài lòng với các phúc lợi Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đang cung cấp



Nhân viên cho rằng phúc lợi họ nhận được có tính cạnh tranh so với các nơi làm việc tương tự

“ Theo báo cáo kết quả khảo sát nguồn nhân lực hạnh phúc do Anphabe tổ chức, 92% cán bộ tại BVSC hài lòng về các chính sách phúc lợi mà BVSC đang cung cấp và 78% cán bộ cho rằng phúc lợi mà họ đang nhận được có tính cạnh tranh so với các nơi làm việc tương tự.

Kết quả khảo sát sự hài lòng về các chính sách phúc lợi tại BVSC



Những thay đổi về quy định, chính sách liên quan đến nhân sự:

- Ban hành Quy định tạm thời về chế độ làm việc trong giai đoạn Covid-19
- Hoàn tất xây dựng và ban hành thang bảng lương cơ bản mới phù hợp với quy định của Nghị định số 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng.
- Xây dựng và triển khai áp dụng bộ chỉ tiêu đánh giá KPIs đối với Môi giới & Trưởng nhóm Môi giới;
- Nâng cấp gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho cán bộ năm 2022

Chương trình Health care năm nay được thiết kế với 5 gói sản phẩm:

- Platinum: Hiệu lực từ 1.6.2022
- Diamond: Áp dụng chính sách bảo hiểm cho Covid-19
- Gold
- Silver
- Standard: Nâng cao các quyền lợi phổ biến thường dùng như điều trị nội trú, ngoại trú...



(Thông tin chi tiết về nội dung phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương V Phát triển bền vững, từ trang 146 đến trang 205 của Báo cáo này).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phân tích tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/Giảm	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng				
Tổng giá trị tài sản	5 719,30	3 857,65	(1 861,65)	-32,55%
Doanh thu thuần	1 147,11	921,54	(225,57)	-19,66%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	351,59	179,25	(172,34)	-49,02%
Lợi nhuận khác	(0,56)	1,75	2,32	-412,93%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	351,03	181,00	(170,02)	-48,44%
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện trước thuế	290,97	258,26	(32,70)	-11,24%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	282,94	146,89	(136,06)	-48,09%
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện sau thuế	232,20	213,69	(18,51)	-7,97%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – EPS (VNĐ)	3 042	2 782	(260)	-8,55%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Cổ tức/Thu nhập ròng) (tính theo mức chi trả dự kiến 10%/mệnh giá cổ phần)	24,87%	33,79%	8,91	35,83%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022

Tổng tài sản năm 2022 đạt 3,857.65 tỷ đồng, giảm 1,861.65 tỷ đồng, tương đương mức giảm 32.55 % so với cùng kỳ năm trước. Các khoản mục tài sản của Công ty giảm chủ yếu từ tài sản ngắn hạn, cụ thể là giảm các khoản đầu tư tài sản tài chính và các khoản phục vụ cho hoạt động cho vay margin - ứng trước phù hợp với tình hình của thị trường chứng khoán và chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua.

Do ảnh hưởng từ thị trường, Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty giảm so với cùng kỳ năm trước nhưng lợi nhuận thực hiện vẫn bám sát và hoàn thành kế hoạch của năm. Các chỉ tiêu này đã được phân tích cụ thể trong Mục 4.3 nêu trên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS): do Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty đạt 146,89 tỷ đồng, giảm 48,09% trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 213,69 tỷ đồng giảm 7,97% so với cùng kỳ năm trước

nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm 8,55%, đạt mức 2.782 đồng/cổ phiếu, giảm 260 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Theo Nghị quyết 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ được thông qua tại ĐHCĐ ngày 21/04/2022, mức kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 dự kiến là 10%/mệnh giá cổ phần cho cổ đông hiện hữu (năm 2021 là 8%). Nếu tính theo mức kế hoạch này, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2022 là 33,79%, tăng 35,83% so với cùng kỳ năm trước. Mức chi trả cổ tức 2022 cụ thể sẽ được ĐHCĐ thường niên năm 2023 quyết định. Trong bối cảnh giai đoạn TTCK có nhiều yếu tố tiêu cực và quy mô vốn của Công ty còn hạn chế như hiện nay, nhưng Công ty vẫn đảm bảo chính sách chi trả cổ tức bằng tiền ổn định; đồng thời giữ vững định hướng sử dụng nguồn lợi nhuận để tái đầu tư vào hoạt động kinh doanh, nhằm gia tăng lợi ích bền vững cho cổ đông.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/ giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ thanh khoản				
+ Khả năng thanh toán chung (tổng quát) (Tổng tài sản / Tổng nợ phải trả)	lần	1,60	2,30	43,81%
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	1,60	2,20	37,52%
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn	lần	1,54	2,11	37,09%
2. Chỉ tiêu về vốn				
2.1. Quy mô vốn				
+ Vốn điều lệ	Triệu đồng	722,34	722,34	0,00%
+ Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2 144,45	2 180,94	1,70%
+ Tổng tài sản có	Triệu đồng	5 719,30	3 857,65	-32,55%
+ Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	%	489%	654%	33,74%
2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	lần	0,63	0,43	-30,46%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,67	0,77	-53,88%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân)	Lần	9,75	5,09	-47,83%
+ Vòng quay Vốn lưu động (Doanh thu thuần/Vốn Lưu động bình quân)	Lần	0,62	0,45	-26,74%
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	0,25	0,19	-23,39%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	24,67%	15,94%	-35,38%
+ LNTH sau thuế / DT thuần	%	20,24%	23,19%	14,55%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ROE	%	14,08%	6,79%	-51,76%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế thực hiện/Vốn chủ sở hữu	%	11,55%	9,88%	-14,49%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	%	6,20%	3,07%	-50,50%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế thực hiện/ Tổng tài sản	%	5,09%	4,46%	-12,24%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	30,65%	19,45%	-36,54%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Phân tích các chỉ tiêu tài chính của Công ty:

Về khả năng thanh toán:

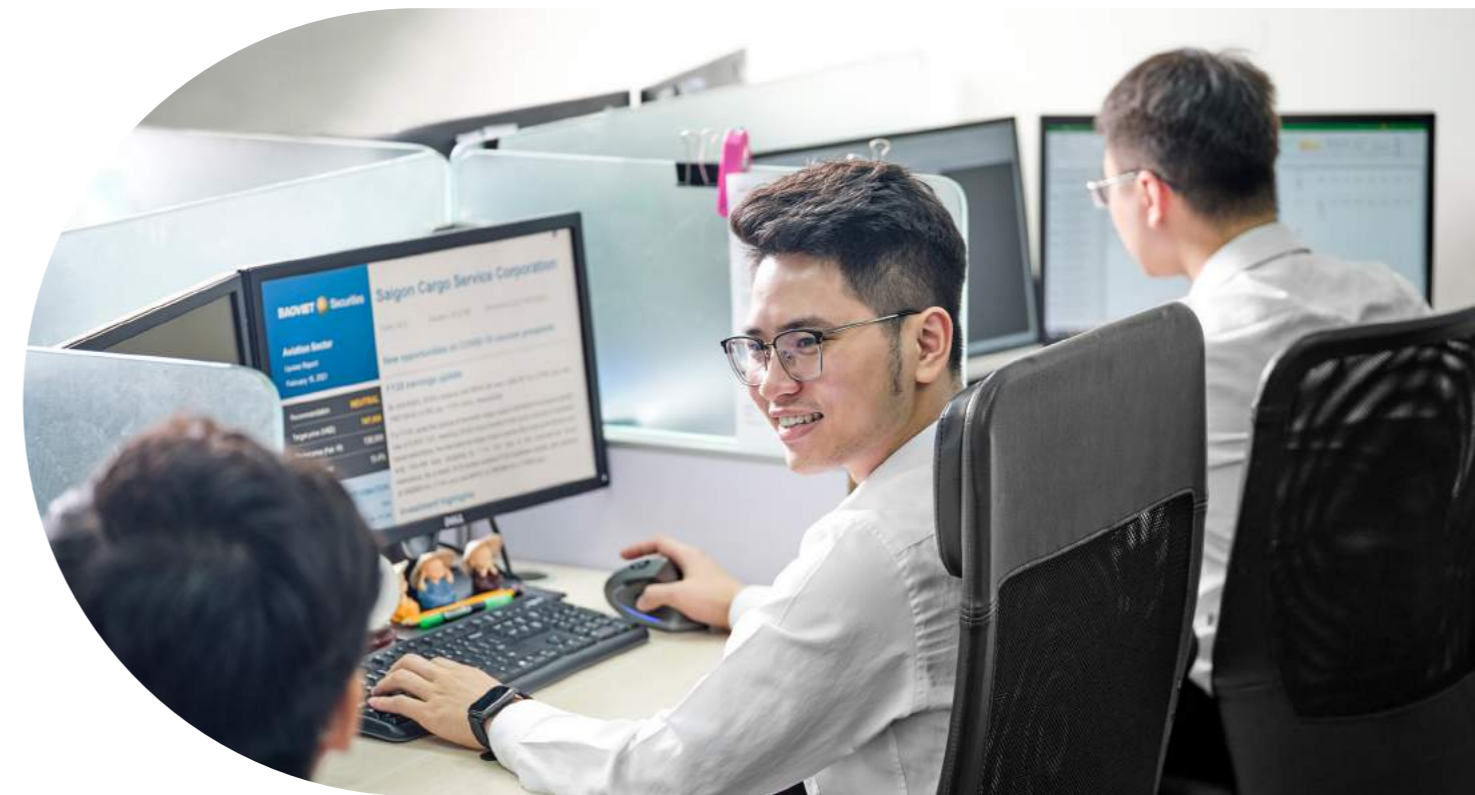
Năm 2022 do thị trường chứng khoán sụt giảm, nhu cầu về vốn kinh doanh giảm so với năm trước, Công ty đã điều chỉnh giảm khoản vay ngắn hạn xuống còn 980 tỷ đồng để phù hợp với nhu cầu cho vay margin, ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng, từ đó các chỉ tiêu thanh toán của Công ty đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: hệ số khả năng thanh toán tổng quát là 2,3 tăng hơn 0,7 lần (tương đương 43,81%) so với cùng kỳ năm trước (năm 2021 là 1,6 lần); hệ số thanh toán ngắn hạn là 2,2 lần tăng hơn 0,6 lần (tương đương 37,52%) so với cùng kỳ năm trước (năm 2021 là 1,6 lần); hệ số thanh toán nhanh là 2,11 lần tăng 0,57 lần (tương đương 37,09%) so với cùng kỳ năm trước (năm 2021 là 1,54 lần).

Các chỉ tiêu thanh toán của BVSC ở mức cao, gấp hơn 2 lần so với hệ số thanh toán an toàn là 1 lần, thể hiện khả năng thanh toán các nghĩa vụ phải trả nợ của Công ty luôn được đảm bảo. Trong năm không phát sinh khoản nợ xấu, nợ quá hạn phải trả, không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Các nghĩa vụ thanh toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và đối tác/ khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như quy định cũng như cam kết giữa các bên.



Các chỉ tiêu về quy mô và cơ cấu vốn:

- Năm 2022 Vốn điều lệ của Công ty không đổi ở mức 722,34 tỷ đồng do các yếu tố khách quan và chủ quan mà Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ; nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 2.180,94 tỷ đồng tăng 36,49 tỷ đồng tăng 1,70% so với cùng kỳ năm trước do khoản lợi nhuận gia tăng của năm 2022 để lại.
- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCKNN. Năm 2022, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 654% tăng 33,74% so với cùng kỳ năm trước bằng 3,63 lần so với mức tỷ lệ an toàn cho phép và ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện nguồn vốn của Công ty được vận hành an toàn, lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.
- Về cơ cấu vốn: Năm 2022, do thị trường diễn biến tiêu cực, nhu cầu về vốn vay và sử dụng đòn bẩy cho giao dịch chứng khoán của khách hàng giảm, Công ty chủ động giảm huy động vốn vay để phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh chính. Theo đó, cơ cấu vốn của Công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể, các khoản Nợ phải trả giảm làm cho các hệ số nợ đều giảm, cụ thể Hệ số Nợ/Tổng Tài sản đạt 0,43 lần giảm 30,46% so với cùng kỳ năm trước, Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 0,77 lần giảm 53,88% so với cùng kỳ năm trước. Sự điều chỉnh linh hoạt này vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh, vừa đảm bảo an toàn vốn và giảm thiểu tác động rủi ro từ thị trường.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Gồm các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản cho biết khả năng "vận động" Công ty trong năm tài chính 2022, cụ thể:

- Hệ số vòng quay các khoản phải thu của Công ty năm 2022 đạt 5,09 lần, giảm 4,67 lần (tương đương 47,83%) so với năm trước. Chỉ tiêu này được tính dựa trên doanh thu và các khoản phải thu bình quân, trong năm qua, doanh thu hoạt động giảm, trong khi đó các khoản phải thu bình quân tăng nhẹ do các khoản phải thu phát sinh chủ yếu vào thời điểm cuối năm. Tuy nhiên các khoản này sẽ được tất toán vào đầu năm kế tiếp, do đó mặc dù hệ số này có giảm nhưng Công ty vẫn đảm bảo việc theo dõi và thu hồi công nợ phát sinh trong năm được kiểm soát tốt, đúng hạn, không có rủi ro.
- Vòng quay vốn lưu động đạt 0,45 lần, giảm 0,17 lần (tương đương 26,74%) so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này được tính dựa trên doanh thu thuần và tài sản lưu động bình quân. Trong năm 2022, do thị trường chứng khoán sụt giảm, doanh thu và các khoản đầu tư tài sản tài chính, các khoản cho vay margin, ứng trước cũng giảm làm cho vòng quay vốn lưu động bị giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Công ty cũng đã tập trung sử dụng nguồn vốn linh hoạt, đảm bảo bám sát theo kế hoạch kinh doanh và bảo toàn được nguồn vốn.
- Vòng quay Tổng tài sản của Công ty đạt 0,19 lần, giảm 0,06 lần (tương đương 23,39%) so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu của Công ty. Mặc dù tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 có phần sụt giảm do việc điều chỉnh giảm từ tài sản ngắn hạn để phù hợp với thực tế diễn biến của thị trường, tuy nhiên tổng tài sản duy trì ở mức cao giai đoạn đầu năm dẫn đến bình quân tổng tài sản trong năm 2022 vẫn tăng nhẹ 4,6%. Trong khi đó dưới bối cảnh thị trường diễn biến tiêu cực, doanh thu giảm 19,66%, dẫn đến vòng quay tổng tài sản có phần sụt giảm so với cùng kỳ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Năm 2022 là một năm khó khăn với ngành Chứng khoán, nhiều CTCK không hoàn thành kế KHKD và giảm mạnh so với kết quả năm 2021. Ước tính đối với toàn ngành chứng khoán, lợi nhuận sau thuế thực hiện giảm khoảng 27% so với năm 2021. Tuy nhiên BVSC hoàn thành 101,76% kế hoạch lợi nhuận thực hiện sau thuế, chỉ giảm 08% so với năm 2021 mức giảm thấp hơn nhiều so với mức sụt giảm toàn ngành, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần của Công ty đạt 15,94% giảm 35,38% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên Lợi nhuận thực hiện sau thuế/Doanh thu thuần đạt 23,19% tăng 14,55% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức lợi nhuận khá cao so với các công ty cùng ngành.

- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 6,79% giảm 51,76% so với cùng kỳ năm trước (Trong đó, lợi nhuận ròng thực hiện/vốn chủ sở hữu đạt 9,88%, giảm 14,49% so với cùng kỳ do LNST thực hiện của Công ty giảm 8% so với kỳ trước).
- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản ROA đạt 3,07% giảm 50,50% so với cùng kỳ năm trước (Trong đó, lợi nhuận ròng thực hiện/ tổng tài sản đạt 4,46%, giảm 12,24% so với kỳ trước do LNST thực hiện của Công ty giảm 8% so với cùng kỳ năm trước).

Tình hình tài sản

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Số tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Tài sản ngắn hạn	5.502,63	96,21%	3.652,01	94,67%	(1.850,62)	-33,63%
I. Tài sản tài chính	5.495,08	96,08%	3.647,81	94,56%	(1.847,27)	-33,62%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	66,56	1,16%	149,53	3,88%	82,97	124,65%
2. Đầu tư tài sản tài chính	1.843,35	32,23%	1.091,86	28,30%	(751,49)	-40,77%
3. Các khoản cho vay	3.374,60	59,00%	2.254,80	58,45%	(1.119,80)	-33,18%
4. Các khoản phải thu ngắn hạn	210,57	3,68%	151,62	3,93%	(58,95)	-28,00%
II. Tài sản ngắn hạn khác	7,55	0,13%	4,20	0,11%	(3,35)	-44,33%
B. Tài sản dài hạn	216,67	3,79%	205,64	5,33%	(11,03)	-5,09%
I. Tài sản tài chính dài hạn	176,36	3,08%	158,92	4,12%	(17,44)	-9,89%
II. Tài sản cố định	15,27	0,27%	17,10	0,44%	1,83	12,00%
V. Tài sản dài hạn khác	25,04	0,44%	29,63	0,77%	4,59	18,31%
Tổng cộng tài sản:	5.719,30	100%	3.857,65	100%	(1.861,65)	-32,55%

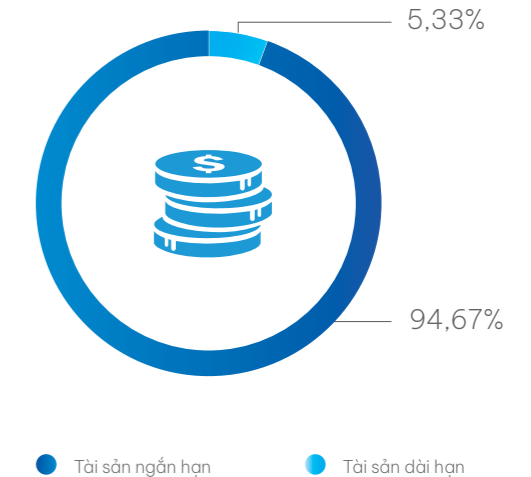
Cơ cấu tài sản:

Tài sản năm 2022 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 94,67% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 5,33% tổng tài sản.

- Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản cho vay ngắn hạn chiếm 58,45% và đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn chiếm 28,30% trong tổng tài sản.
- Các khoản còn lại bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền chiếm 3,88% trong tổng tài sản, các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác: chiếm 4,04% trong tổng tài sản.

Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 4,12% và tài sản cố định, các khoản tài sản dài hạn khác chiếm 1,21% trong tổng tài sản.

Biểu đồ tài sản năm 2022 của Công ty



Biến động của Tài sản:

- Tổng tài sản năm 2022 của Công ty đạt 3.857,65 tỷ đồng, giảm 1.861,65 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 32,55% chủ yếu giảm từ tài sản ngắn hạn 1.850,62 tỷ đồng và tài sản dài hạn giảm 11,03 tỷ đồng, cụ thể:
 - Tài sản ngắn hạn chủ yếu giảm từ các khoản tài sản tài chính ngắn hạn 1.847,27 tỷ đồng tương ứng mức giảm 33,62% so với cùng kỳ năm trước; trong đó chủ yếu giảm từ khoản cho vay ngắn hạn 1.119,8 tỷ đồng tương ứng mức giảm 33,18% so với cùng kỳ năm trước; giảm từ khoản đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn 751,49 tỷ đồng tương ứng mức giảm 40,77% so với cùng kỳ năm trước.
 - Các khoản tiền và tương đương tiền tăng 82,97 tỷ đồng tương ứng mức tăng 124,65% nhưng đây chỉ là số dư trong ngắn hạn và được tái đầu tư trong kỳ tiếp theo.
- Tài sản dài hạn giảm 11,03 tỷ đồng tương ứng mức giảm 5,09% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do khoản đầu tư chứng khoán dài hạn giảm 17,44 tỷ đồng tương ứng mức giảm 9,89% do Công ty chuyển dịch sang đầu tư ngắn hạn một cách linh hoạt và hiệu quả.
- Việc Công ty điều chỉnh giảm các tài sản ngắn hạn, dài hạn để phù hợp diễn biến không thuận lợi của thị trường khi chứng khoán giảm giá kéo theo giá trị giao dịch sụt giảm, đầu tư trái phiếu gặp nhiều rủi ro.

Phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nguồn vốn, tình hình nợ phải trả

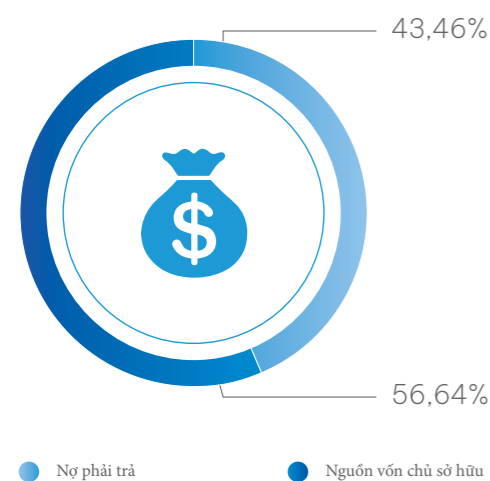
Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Số tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/ giảm
A. Nợ phải trả	3.574,85	62,50%	1.676,71	43,46%	(1.898,13)	-53,10%
I. Nợ ngắn hạn	3.436,05	60,08%	1.658,28	42,99%	(1.777,77)	-51,74%
II. Nợ dài hạn	138,80	2,43%	18,43	0,48%	(120,36)	-86,72%
B. Vốn chủ sở hữu	2.144,45	37,50%	2.180,94	56,54%	36,49	1,70%
I. Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư)	1.332,10	23,29%	1.332,10	34,53%	-	
I. Các quỹ và LN chưa phân phối	812,36	14,20%	848,84	22,00%	36,49	4,49%
Tổng cộng nguồn vốn	5.719,30	100%	3.857,65	100%	1.861,65	-32,55%

Cơ cấu Nguồn vốn:

Nguồn vốn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 56,64% gồm vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối và Nợ phải trả gồm các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn phải trả chiếm 43,46%.

Biểu đồ cơ cấu Nguồn vốn của Công ty



Biến động Nguồn vốn:

Nợ phải trả: năm 2022 nợ phải trả của Công ty là 1.676,71 tỷ đồng giảm 1.898,13 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức giảm 53,10%, cụ thể:

- Nợ ngắn hạn giảm 1.777,77 tỷ đồng tương ứng mức giảm 51,74% do giảm từ các khoản vay ngắn hạn 1.525,70 tỷ đồng, các khoản phải trả còn lại giảm 252,10 tỷ đồng do giảm các khoản phải trả mua bán lại trái phiếu, thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước, phải trả người lao động và khoản phải trả khác.
- Nợ dài hạn giảm 120,36 tỷ đồng tương ứng mức giảm 86,72% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu giảm từ khoản mua lại trước hạn trái phiếu do BVSC phát hành và giảm từ khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả.



Công ty nắm bắt được xu hướng và những rủi ro của thị trường chứng khoán; nhu cầu vay vốn của khách hàng giảm, đầu tư tài chính gặp nhiều rủi ro, vì vậy các khoản nợ vay ngắn hạn, dài hạn được chủ động giảm xuống để phù hợp với tình hình kinh doanh. Đồng thời, Công ty luôn tăng cường kiểm soát nguồn vốn, đảm bảo khả năng thanh toán nợ đúng hạn, do đó trong năm 2022 Công ty không phát sinh khoản nợ xấu và nợ quá hạn phải trả.

Vốn chủ sở hữu năm 2022 đạt 2.180,94 tỷ đồng tăng 36,49 tỷ đồng tương ứng mức tăng 1,70% so với cùng kỳ năm trước. Vốn chủ sở hữu tăng do được bổ sung chủ yếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2022, sau khi trừ phần giảm do đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý, trả cổ tức cho cổ đông và trích lập các quỹ theo quy định.

“ Qua phân tích tình hình tài chính năm 2022 cho thấy dù thị trường chứng khoán nói chung gặp rất nhiều bất lợi, tuy nhiên Công ty đã hoàn thành mục tiêu lợi nhuận đề ra, và chỉ giảm 8% so với cùng kỳ - mức giảm thấp hơn so với mức giảm ước tính của toàn ngành là 27%, đồng thời Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn. Các báo cáo tài chính của BVSC luôn thể hiện tính minh bạch, hữu ích cho nhà đầu tư, các cơ quản lý và các đối tượng liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp theo Quy chế Camel

Khi đánh giá tình hình tài chính, Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một số tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn - Chất lượng tài sản - Quản lý - Doanh thu - Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán). Năm 2022, nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt 90/100 điểm, tăng điểm so với năm 2021 (năm 2021 đạt 85/100 điểm). Sự cải thiện đến từ các yếu tố C (Mức độ đủ vốn) và L (Chất lượng thanh khoản) cho thấy năng lực tài chính ổn định, vững vàng của BVSC trong bối cảnh thị trường tài chính trải qua nhiều biến động trong năm 2022.

(Tham khảo Phụ lục II Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL tại trang 208 của Báo cáo này)



Những tiến bộ trong năm

Năm 2022, không chỉ vượt qua những thách thức của thị trường để hoàn thành mục tiêu về mặt tài chính, Công ty đã có những bước chuyển mình linh hoạt quan trọng trong công tác vận hành và quản lý để sẵn sàng ứng phó và đón đầu những biến động khó lường trong tương lai.



Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2022 với mức sụt giảm thấp hơn nhiều so với mức sụt giảm chung của ngành chứng khoán: Mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam sụt giảm mạnh và được đánh giá có mức giảm mạnh thứ 2 trong một năm (mức giảm mạnh nhất trong một năm là năm 2008) trong lịch sử hơn 20 năm của thị trường chứng khoán Việt Nam và trong bối cảnh mức sụt giảm LNST thực hiện của khối CTCK nói chung ước giảm tới 27%, BVSC là một trong số rất ít CTCK đã hoàn thành KH LNST thực hiện với kết quả đạt 101,8% kế hoạch, giảm chỉ 8% so với cùng kỳ, mức giảm thấp hơn nhiều so với ước tính của toàn ngành và vẫn cao hơn khá nhiều so với kết quả kinh doanh của năm trước đại dịch Covid (năm 2019 đạt LNST thực hiện là 127,9 tỷ đồng).



Chính thức đưa vào vận hành sản phẩm Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán - BVS Value và BVS - Active: Sản phẩm được xây dựng và quản lý trực tiếp bởi đội ngũ chuyên gia phân tích uy tín và giàu kinh nghiệm nhằm đáp ứng nhu cầu của những nhóm nhà đầu tư có dòng tiền nhàn rỗi nhưng không có thời gian theo dõi & bám sát thị trường với kỳ vọng gia tăng giá trị tài sản ròng..



Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành của Công ty: Trong năm 2022, bám sát định hướng về công nghệ thông tin trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, các bước tiến của sản phẩm, dịch vụ và các phần mềm quản lý vận hành dựa trên nền tảng số đã được trở nên nhanh chóng và mạnh mẽ hơn với rất nhiều các thành tựu nổi bật như

01

Nâng cấp toàn diện ứng dụng BVS@ Mobile với phiên bản giao diện mới

02

Golive dịch vụ thu hộ định danh hợp tác với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

03

Số hóa trong hoạt động quản lý và vận hành nhằm nâng cao hiệu quả làm việc (*)

(*): như chuyển đổi thành công hệ thống Office truyền thống sang hệ thống Office 365-tích hợp công nghệ điện toán đám mây, chuyển đổi hệ thống Email Lotus Note sang Microsoft Outlook, hệ thống ứng dụng văn phòng được quản lý tập trung trên nền tảng online; hoàn tất việc xây dựng hệ thống quản lý và phê duyệt công văn online tại cả Trụ sở và Chi nhánh; ...

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc khách hàng toàn diện: Trong năm 2022, Công ty đã tăng cường các hoạt động chăm sóc khách hàng, ghi nhận và giải quyết nhanh chóng những yêu cầu, mong muốn của khách hàng thông qua các kênh digital của Công ty (Website, Email, Zalo Official Account, Facebook page, Workplace...) song song với các hoạt động chăm sóc khách hàng truyền thống từ nhân viên môi giới, hotline chăm sóc khách hàng...nhằm nâng cao chất lượng và trải nghiệm khách hàng khi sử dụng sản phẩm và dịch vụ của BVSC.

Để đáp ứng với xu thế dịch chuyển của việc chăm sóc khách hàng trong thời đại công nghệ số, đồng thời gia tăng tính tương tác và đảm bảo khách hàng được nhận đầy đủ các quyền lợi và chăm sóc mọi lúc mọi nơi trong suốt quá trình sử dụng sản phẩm và dịch vụ, Công ty đã và đang triển khai đề án Trung tâm chăm sóc khách hàng online, dự kiến ra mắt trong năm 2023.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý trong năm



Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số: Để triển khai chiến lược chuyển đổi số toàn diện, trong năm 2022 HĐQT chỉ đạo Công ty thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số nhằm đảm bảo các hoạt động chuyển đổi số bám sát Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 đề ra; đồng thời nhằm tăng cường việc kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện chuyển đổi số được triển khai thông suốt trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Xây dựng, nâng cấp và áp dụng các chính sách mới liên quan đến người lao động:

Trong năm 2022, Công ty đẩy mạnh xây dựng và áp dụng nhiều chính sách liên quan đến người lao động từ các chính sách phúc lợi đến công tác đánh giá, lương thưởng mang đến cho người lao động những giá trị tốt nhất khi làm việc tại Công ty gồm:

01

Nâng cấp gói nâng cấp gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho cán bộ (Bảo hiểm Healthcare)

02

Xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương mới

03

Triển khai áp dụng công cụ đánh giá theo bộ chỉ tiêu KPIs đối với đội ngũ Môi giới và Trưởng nhóm môi giới

Chi tiết nội dung đã được trình bày trong phần 4.5.6 Phát triển nguồn nhân lực.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:



Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó, không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.

Với **BẤT ĐỊNH**
cần **CHỦ ĐỘNG**



03

Kế hoạch 2023

DỰ BÁO NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023



Dự báo nền kinh tế

Cơ hội 2023

Đầu tư công được đẩy mạnh. Năm 2023 là năm thứ 3 thực hiện kế hoạch giải ngân đầu tư công giai đoạn 2021-2025, do đó, nhiều dự án đầu tư công đã có 2 năm chuẩn bị hồ sơ và giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện giải ngân trong năm nay. Ngoài ra, nguồn vốn phân bổ cho giải ngân đầu tư công trong năm 2023 cũng là rất lớn khi vừa bao gồm nguồn vốn của kế hoạch đầu tư công 2021-2025, vừa bao gồm nguồn vốn từ Chương trình phục hồi kinh tế sau đại dịch cho 2 năm 2022-2023. Tổng kế hoạch vốn cho năm 2023 chưa bao gồm vốn còn lại từ năm 2022 chuyển sang là hơn 760 nghìn tỷ, để lại dư địa lớn cho giải ngân đầu tư công trong cả năm 2023 này. Đây sẽ là động lực tăng trưởng chính đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm nay.

Trung Quốc mở cửa trở lại, hỗ trợ phục hồi du lịch và xuất khẩu của một số mặt hàng. Trung Quốc là quốc gia có lượng khách du lịch quốc tế tới Việt Nam lớn nhất trước đại dịch Covid-19, đồng thời cũng là đối tác thương mại hàng đầu với nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, như nông sản, rau củ quả. Việc Trung Quốc mở cửa trở lại ngay từ đầu năm 2023, kéo theo nhiều nhu cầu tiêu dùng tăng cao kỳ vọng sẽ hỗ trợ cho du lịch và một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam được hưởng lợi.

Tỷ giá ổn định hơn, chính sách tiền tệ kỳ vọng có thể nới lỏng hơn từ nửa sau của năm 2023. Với việc Fed không còn phải nâng lãi suất mạnh tay và nhiều lần như trong năm 2022, trong khi nền kinh tế Mỹ đối diện triển vọng tăng trưởng kém tích cực, chỉ số DXY đo lường sức mạnh đồng USD nhiều khả năng sẽ không tăng được mạnh như năm ngoái, qua đó giúp giảm áp lực lên tỷ giá. Dự báo đồng VND năm 2023 sẽ biến động trong khoảng $\pm 2-3\%$. Sự ổn định trở lại của tỷ giá cùng áp lực hỗ trợ cho tăng trưởng kỳ vọng sẽ giúp cho chính sách tiền tệ có thể đảo chiều theo hướng nới lỏng, với lãi suất giảm trở lại. Việc giảm trở lại lãi suất nhiều khả năng sẽ diễn ra trong nửa sau của năm 2023 khi Fed dừng tăng lãi suất và lạm phát của Việt Nam ổn định hơn, về dưới mục tiêu 4,5%.

Thách thức

Xuất khẩu gặp khó khăn do các đối tác xuất khẩu chính của Việt Nam là Mỹ và Châu u có triển vọng tăng trưởng kém tích cực, trong bối cảnh lạm phát và lãi suất vẫn ở mức cao. Tăng trưởng xuất khẩu nhiều khả năng sẽ chững lại trong năm 2023.

Tăng trưởng tiêu dùng cũng chậm lại trong năm 2023. Năm 2023 đối diện với nhiều khó khăn như lạm phát cao, lãi suất cũng đang ở mức cao, và các gói hỗ trợ kích thích tiêu dùng như giảm thuế VAT không còn được thực hiện như năm 2022 nữa. Những yếu tố này sẽ có tác động kém tích cực đối với tiêu dùng, khiến tăng trưởng chậm lại, dự báo ở khoảng 8-9% cho cả năm 2023 - thấp hơn mức tăng trưởng trung bình giai đoạn trước dịch (11-12%).

Khó khăn trong thu ngân sách nhà nước: thu ngân sách nhà nước năm 2023 sẽ gặp nhiều khó khăn do kinh tế thế giới tăng chậm lại và các khoản thu đột biến như truy thu thuế từ các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài sẽ không còn. Thêm vào đó, thu hút FDI và xuất khẩu gặp khó khăn cũng sẽ phần nào làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước trong năm nay.

Lạm phát chịu áp lực khi giá của nhiều mặt hàng từ cuối năm 2022 tới nay đã tăng cao so với cùng kỳ - như học phí, dịch vụ ăn uống, giải trí, giáo dục, giá thuê nhà, và một số vật liệu xây dựng, trong khi năm 2023, những hỗ trợ để giảm giá không còn lớn như năm 2022. Ngoài ra, từ đầu năm, khung giá của mức bán lẻ điện bình quân đã được điều chỉnh tăng sau hơn 5 năm, tạo tiền đề để điều chỉnh tăng giá điện bán lẻ sau này. Do đó, trong năm 2023, chỉ số CPI sẽ cao hơn so với năm 2023, dự báo ở mức 4-4,5%.

Vốn đầu tư FDI kém tích cực trong môi trường tài chính thắt chặt và lãi suất cao. Trong năm 2022, tổng vốn FDI đăng ký đã giảm hơn 11%, điều này sẽ ảnh hưởng tới vốn FDI thực hiện trong năm 2023 này.

BVSC dự báo các chỉ tiêu vĩ mô năm 2023

Các chỉ tiêu chính	2022	2023	
		Mục tiêu của Chính phủ	BVSC dự báo
Tăng trưởng GDP (%)	8,02	6,5	6-6,5
Lạm phát bình quân (%)	3,15	4,5	4-4,5
Tăng trưởng tín dụng (%)	14,18	14-15	13-14
Biến động tỷ giá USD/VND (%)	3,54	N/A	$\pm 2-3$

DỰ BÁO NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023 (tiếp theo)

Thị trường chứng khoán năm 2023

Cơ hội Áp lực đồng USD tăng giá giảm bớt, từ đó giảm áp lực lên tỷ giá và mặt bằng lãi suất trong nước đồng thời tiến tới có dư địa để xem xét về room tín dụng cho các doanh nghiệp.

Kỳ vọng Việt Nam sẽ được hưởng lợi ở nhiều ngành nghề và lĩnh vực từ việc Trung Quốc dỡ bỏ chính sách zero covid-19 và mở cửa trở lại các hoạt động của nền kinh tế.

Định giá thị trường Việt Nam đang ở mức hấp dẫn để đầu tư trung dài hạn. Mức định giá P/E của VnIndex đã về mức thấp 10-11.x lần. Đây là mức định giá thấp so với nội tại và mặt bằng chung các nước trong khu vực. Theo quan sát trong quá khứ, các vùng tạo đáy của các chu kỳ tăng trưởng lớn của VnIndex trong quá khứ thường rơi vào khoảng PE quanh 10.x lần. Như vậy, có thể xem đây là vùng định giá tương đối hấp dẫn cho dòng tiền đầu tư trung và dài hạn giải ngân.

Hệ thống công nghệ thông tin mới. Trong năm 2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến sẽ đưa vào sử dụng hệ thống công nghệ thông tin mới. Đây sẽ là nền tảng để triển khai các sản phẩm mới trên thị trường, T-0. Đồng thời, đây cũng là một trong các tiêu chí để thị trường chứng khoán Việt Nam có thể được các tổ chức xếp hạng đánh giá nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi trong tương lai gần.

Dòng vốn ngoại vào thị trường qua kênh ETF được kỳ vọng sẽ tiếp tục là điểm sáng trong năm 2023. Hệ thống công nghệ thông tin mới của Sở HOSE được đưa vào vận hành sẽ giúp triển vọng nâng hạng thị trường vào FTSE trong năm 2023 trở nên thực tế hơn và đây là cơ sở để kỳ vọng hút thêm dòng tiền ngoại vào thị trường Việt Nam trong thời gian tới.

Thách thức Lo ngại về việc Ngân hàng trung ương các nước lớn tiếp tục tăng lãi suất và đẩy nhanh quá trình thu hẹp bảng cân đối kế toán. Nếu Fed tiếp tục đẩy nhanh lộ trình tăng lãi suất vượt mức lãi suất mục tiêu có thể tạo áp lực trở lại lên tỷ giá và mặt bằng lãi suất trong nước.

Dòng vốn trong thị trường chứng khoán bị cạnh tranh bởi các kênh đầu tư khác. Lãi suất huy động, cho vay, lợi suất trái phiếu tăng cao ảnh hưởng tới sự phân bổ tài sản và chi phí vốn của nhà đầu tư. Điều này có thể khiến cho dòng tiền sẽ chảy ngược từ thị trường chứng khoán sang các kênh đầu tư khác. Thêm vào đó, khi tỷ lệ discount rate thay đổi, mức định giá của doanh nghiệp sẽ giảm, khiến cho thị trường cổ phiếu giảm sức hấp dẫn.

Rủi ro thanh toán đối với trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục diễn ra. Thị trường TPDN cần thêm thời gian để tái cơ cấu, một số doanh nghiệp bị khó khăn về dòng tiền cũng sẽ ảnh hưởng không tích cực tới thị trường cổ phiếu.

KQKD của các doanh nghiệp niêm yết dự báo sẽ kém khả quan. Trong năm 2023, lợi nhuận sau thuế của nhiều doanh nghiệp niêm yết được dự báo sẽ có mức tăng trưởng thấp. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp giảm đáng kể cho thấy thị trường sẽ có sự phân hóa mạnh trong năm 2023. Các cơ hội đầu tư lớn sẽ chỉ tập trung ở một số ít nhóm cổ phiếu.

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2023

Thuận lợi và khó khăn với BVSC trong năm 2023

Thuận lợi: Là công ty chứng khoán uy tín, hoạt động ổn định và bền vững trên thị trường chứng khoán. BVSC có nguồn nhân lực lâu năm, giàu kinh nghiệm & am hiểu thị trường là những yếu tố thuận lợi.

Khó khăn: Quy mô vốn vẫn ở mức trung bình thấp trong khi phương án tăng vốn vẫn chưa được thực hiện cùng với khả năng tiếp cận nguồn vốn vay ngày càng bị hạn chế, khiến cho việc đáp ứng nhu cầu dịch vụ khách hàng, cụ thể là hoạt động cho vay margin và ứng trước của công ty gặp nhiều khó khăn làm giảm lợi thế cạnh tranh của Công ty là những thách thức trong mục tiêu duy trì thị phần & mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh trong năm 2023.

Các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến 2023

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam trong năm 2023, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của BVSC, Công ty dự kiến các chỉ tiêu kinh doanh trình ĐHCĐ thường niên 2023 thông qua như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% KH 2023 so với TH 2022
A	TỔNG DOANH THU	923,8	768,5	83%
I	Doanh thu thực hiện	898,4	720	80%
1	Môi giới	320,2	215,8	67%
2	Lãi từ các khoản cho vay, phải thu và lãi tiền gửi	442,7	370,3	84%
3	Tự doanh	87,2	106,4	122%
4	Tư vấn, BLPH	32,5	19	59%
5	Lưu ký	9,5	7	74%
6	Doanh thu khác	6,4	1,5	24%
II	Doanh thu chưa thực hiện	25,4	48,5	191%
B	TỔNG CHI PHÍ	742,8	574,6	77%
I	Chi phí thực hiện	640,2	538,7	84%
II	Chi phí chưa thực hiện	102,7	36	35%
C	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	181,0	194	107%
	Trong đó: LN trước thuế thực hiện	258,3	181	70%
D	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	146,9	156	106%
	Trong đó: LN sau thuế thực hiện	213,7	145	68%

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2023

(tiếp theo)



“ Đẩy mạnh công nghệ chuyển đổi số trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như chất lượng trải nghiệm dịch vụ của khách hàng.

Kế hoạch kinh doanh (“KHKD”) 2023: Được lập trên cơ sở một số dự báo và giả định về thị trường chứng khoán năm 2023 như sau:



Chỉ số VNIndex bình quân dao động

1.125 – 1.175 điểm



Giá trị giao dịch bình quân/phiên

14.000 tỷ đồng/ phiên



Vốn chủ sở hữu bình quân

2.300 tỷ đồng

Kế hoạch kinh doanh năm 2023 có sự giảm so với thực hiện năm 2022 là do ảnh hưởng trực tiếp bởi thị trường, cụ thể dự báo về thanh khoản thị trường dự kiến giảm 30% tác động trực tiếp tới doanh thu môi giới & dịch vụ tài chính (margin, ứng trước) trong khi 2 mảng kinh doanh này chiếm tỷ trọng chi phối (trên 80%) trong cơ cấu tổng doanh thu. Các thay đổi về quy định pháp lý siết chặt hoạt động phát hành Trái phiếu riêng lẻ cũng như cú sốc về niềm tin của NĐT trên thị trường, chính sách tiền tệ thắt chặt ảnh hưởng đến khả năng thành công của các đợt phát hành huy động vốn ảnh hưởng lớn đến doanh thu tư vấn & Bảo lãnh, đại lý phát hành. Bên cạnh đó, với việc chạy đua lãi suất huy động của các Ngân hàng TMCP từ những tháng cuối năm 2022 sẽ làm giảm tính hấp dẫn của các sản phẩm ibond, ideposite của BVSC và khả năng thu hút nguồn vốn sẽ bị hạn chế. Trong khi đó chi phí dự kiến tăng lên so với cùng kỳ do Công ty thực hiện đầu tư cho văn phòng Trụ sở chính cũng như chi phí lãi vay tăng do môi trường lãi suất hiện nay ở mức cao.

Các giải pháp triển khai

Hoạt động môi giới – dịch vụ tài chính

Để triển khai kế hoạch năm 2023, Công ty sẽ bám sát diễn biến tình hình thị trường để triển khai đồng bộ & linh hoạt các giải pháp, cụ thể:

Về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng:

- Đẩy mạnh công nghệ chuyển đổi số trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như chất lượng trải nghiệm dịch vụ của khách hàng gồm nâng cấp dịch vụ mở tài khoản trực tuyến eKYC dành cho nhà đầu tư nước ngoài, tiếp tục mở rộng hệ thống thu hộ định danh với Sacombank, Vietcombank... Chính sách lãi suất, chính sách phí... có sự điều chỉnh thường xuyên và linh hoạt bám sát thị trường đảm bảo tính cạnh tranh cao dành cho khách hàng.
- Tiếp tục phát triển và triển khai vận hành sản phẩm ủy thác đầu tư BVS- Value và BVS- Active, đồng thời tiếp tục cung cấp các sản phẩm ldeposit... nhằm giúp khách hàng có thể linh hoạt lựa chọn các kênh đầu tư phù hợp, từ đó thu hút phát triển khách hàng mới.

Kênh phân phối:

- Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn, chú trọng khai thác khách hàng trong hệ sinh thái Bảo Việt.
- Tăng cường tiếp xúc giới thiệu cơ hội đầu tư với các quỹ như BVF, SSIAM, các tổ chức PTI...; đồng thời đẩy mạnh khai thác khách hàng thông qua môi giới quốc tế nhằm mở rộng mạng lưới khách hàng nước ngoài.

Nguồn nhân lực:

- Hoàn tất thành lập Trung tâm chăm sóc và phát triển khách hàng online.
- Đẩy mạnh tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm & triển khai chương trình Next Gen 2023 tại cả Hà Nội và TP. HCM nhằm xây dựng nguồn lực trung và dài hạn tại tất cả các vị trí trong Công ty.
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ về nghiệp vụ và đào tạo kỹ năng nâng cao trình độ và khả năng phát triển khách hàng cho đội ngũ môi giới.
- Phát động các chương trình thi đua môi giới định kỳ và các chương trình thúc đẩy bán hàng đối với các sản phẩm mới.

Nguồn vốn:

- Căn cứ thực tế diễn biến của thị trường và hoạt động kinh doanh, Công ty dự kiến sẽ phát hành trái phiếu doanh nghiệp nhằm gia tăng năng lực tài chính của Công ty; đồng thời chủ động huy động nguồn vốn thông qua vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại để đảm bảo nguồn vốn ổn định phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tập trung nguồn lực tài chính để cung cấp các dịch vụ tài chính kèm theo gồm cho vay margin và ứng trước nhằm thúc đẩy hoạt động môi giới trên cơ sở quản lý rủi ro chặt chẽ.

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2023 (tiếp theo)

Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành

Công ty tăng cường tiếp xúc với các doanh nghiệp để tìm hiểu về nhu cầu huy động vốn, nhu cầu tư vấn tài chính... để có cơ hội cung cấp dịch vụ tư vấn đa dạng như tư vấn đăng ký công ty đại chúng, tư vấn IPO và niêm yết, tư vấn M&A, tư vấn thoái vốn và các hoạt động tư vấn tài chính khác...

Tập trung rà soát và làm chuẩn hóa quy trình tư vấn theo quy định mới và tăng cường kiểm soát rủi ro trong hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Tăng cường đầu tư cho công tác huấn luyện, đào tạo để nâng cao năng lực, chất lượng tư vấn cũng như áp dụng số hóa vào các quy trình nghiệp vụ giúp nâng cao hiệu quả thực hiện.

Hoạt động tự doanh

Trong năm 2023, Công ty tiếp tục sử dụng chiến lược đầu tư linh hoạt, tập trung đánh giá các cơ hội đầu tư dựa trên KQKD của các doanh nghiệp sau khi cập nhật KQKD năm 2022, đồng thời bám sát diễn biến của thị trường và biến động của các khoản đầu tư để có các quyết định điều chỉnh phù hợp.

Hoạt động lưu ký

Triển khai dịch vụ lưu ký tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, dịch vụ chuyên nghiệp

Tiếp tục triển khai các hợp đồng quản lý sổ cổ đông đã ký kết.

Công nghệ thông tin (“CNTT”) & Phát triển sản phẩm

Bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021-2025 về CNTT, với mục tiêu đầu tư hệ thống công nghệ thông tin để có App giao dịch thân thiện, nhiều tiện ích cũng như tiếp tục đẩy mạnh số hóa trong hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành. BVSC xây dựng kế hoạch triển khai một số nội dung trọng tâm như sau:

- Nâng cấp hệ thống flex cũng như chuẩn bị sẵn sàng cho hệ thống Core giao dịch chứng khoán Việt Nam (hệ thống KRX) đi vào hoạt động.
- Hoàn tất dự án nâng cấp toàn diện App Mobile.
- Triển khai các giải pháp hỗ trợ công tác quản lý tại các phòng backoffice.
- Hoàn thiện cho ra mắt website mới của Công ty.
- Golive dịch vụ mở tài khoản trực tuyến eKYC dành cho nhà đầu tư nước ngoài.
- Xây dựng hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mở cho khách hàng tích hợp trên Bwise.

Nghiên cứu Phân tích

Trong năm 2023, song song với việc duy trì các sản phẩm báo cáo tuần/tháng/bán niên và thường niên cũng như các hoạt động chăm sóc khách hàng tổ chức, một số nhiệm vụ trọng tâm được triển khai bao gồm:

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư, tăng cường khuyến nghị qua zoom kết hợp với phân tích kỹ thuật để lựa chọn thời điểm giao dịch, gia tăng mức độ cụ thể trong các khuyến nghị đầu tư, nhằm hỗ trợ môi giới trong việc tư vấn cho khách hàng
- Triển khai và đẩy mạnh phát triển sản phẩm ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán – **BVS Value, BVS Active...**
- Nâng cao chất lượng từng loại báo cáo, tăng tần suất các báo cáo chuyên đề chuyên sâu, tập trung và đồng thời nâng cao mức độ bao phủ của các báo cáo phân tích trên tổng vốn hóa thị trường.

Công tác tổ chức nhân sự và chính sách tiền lương:

Thành lập Trung tâm chăm sóc và phát triển khách hàng online

Triển khai chương trình Next Gen 2023 tại cả 2 miền nhằm xây dựng nguồn lực trung và dài hạn tại tất cả các vị trí trong Công ty.



Đẩy mạnh công tác đào tạo & quy hoạch, bồi dưỡng phát triển nhân sự quản lý.

Nghiên cứu xây dựng các gói chính sách đãi ngộ với từng cấp nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả và đảm bảo sự cạnh tranh để giữ chân nhân sự giỏi.

Truyền thông & phát triển thương hiệu

Tiếp tục đẩy mạnh các chiến dịch Digital Marketing quảng bá sản phẩm mới tới khách hàng, nhà đầu tư, tương tác đa kênh nhằm lắng nghe và hoàn thiện hệ sinh thái chăm sóc khách hàng..

Duy trì đa dạng các kênh cung cấp thông tin cũng như đẩy mạnh kết nối, tương tác với cổ đông thông qua nền tảng trực tuyến như fanpage, website, zalo, email...

Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ

Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ và công tác quản trị rủi ro đối với các mảng hoạt động của Công ty, mở rộng phạm vi các đợt tra soát đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Cập nhật và nghiên cứu các văn bản quy định mới của pháp luật đảm bảo thích ứng kịp thời với các thay đổi của các quy định pháp luật & nhu cầu quản trị của công ty.

Với **PHỨC TẠP**
cần **MINH BẠCH**



04

Quản trị Công ty

CƠ CẤU TỔ CHỨC



(*) Phòng Quản lý Hoạt động thực hiện các chức năng quản trị nhân sự (HR), quan hệ nhà đầu tư (IR), truyền thông (PR), Kế hoạch tổng hợp và công tác hành chính.

*** Các công ty con, công ty liên kết: không có

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)



Ông NGUYỄN HỒNG TUẤN

Chủ tịch HĐQT

(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.

Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 31/03/1969.

Học vấn: Cử nhân chuyên ngành tín dụng, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Luật, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

11/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT BVSC.

06/2017 – 11/2018: Thành viên HĐQT BVSC.

03/2021 – nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

05/2014 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

12/2011 – 9/2017: Quyền TGD, TGD Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

01/2009 – 12/2011: Phó TGD kiêm GD Sở GD, Giám đốc khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

12/2006 – 12/2008: Trưởng ban Dự án Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Thành viên ban trụ bị thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

01/2006 – 11/2006: Phó trưởng ban phụ trách Ban đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

4/1998 – 11/2005: Phó trưởng phòng Phòng Đầu tư vốn, Phó GD Trung tâm Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

12/1994 – 4/1998: Cán bộ phòng Đầu tư vốn Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.



Ông NGUYỄN QUANG HƯNG

Thành viên HĐQT

(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.

Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 02/04/1974.

Học vấn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.

01/2015 – nay: Phó TGD Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

03/2014 – 12/2014: Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

03/2009 – 03/2014: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

04/2004 – 03/2009: Phó Phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

09/2001 – 05/2003: Chuyên viên Công ty môi giới tái bảo hiểm Aon Re Singapore.

08/1995 – 09/2001: Chuyên viên Phòng tái bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó TGD Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.



Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên HĐQT

(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 12/05/2016.

Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 05/09/1977.

Học vấn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

05/2016 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.

11/2016 – 03/2020: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

5/2016 – 11/2016: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

04/2015 – 5/2016: Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

09/2014 – 04/2015: Phó Trưởng ban – Ban Thư ký – Tổng hợp – Khối Quản lý hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

12/2012 – 09/2014: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư Dự án – Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

04/2011 – 12/2012: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư chiến lược – Khối đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

01/2006 – 04/2011: Chuyên viên chính Quản lý và thẩm định dự án đầu tư – Ban đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.

11/2001 – 01/2006: Chuyên viên Quản lý dự án – Phòng Quản lý Dự án – Trung tâm Đầu tư Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có



Ông LÊ XUÂN NAM

Thành viên HĐQT

(TV độc lập HĐQT)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1982.

Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

06/2020 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.

2019 – nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

2016–2019: Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

2011 – 2016: Phó phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

2016 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.

2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn – Phú Quốc.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn – Phú Quốc.



Ông NHỮ ĐÌNH HÒA

Thành viên HĐQT

(Điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 03/04/2010.

Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 20/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 12/04/1972.

Học vấn: Thạc sĩ kế toán ĐH Tổng hợp Hawaii (Hoa Kỳ), Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2010 đến nay: Thành viên HĐQT BVSC.

02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.

Năm 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

Năm 2000 – 2005: Trưởng Phòng Giao dịch, Trưởng Phòng tư vấn và tự doanh chứng khoán – BVSC.

1995 – 1999: Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có.

***** Tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2020, BVSC đã bầu HĐQT mới nhiệm kỳ 2020–2025 trong đó bầu ông Lê Xuân Nam là Thành viên độc lập HĐQT.**

Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 22/03/2022.

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn: Chủ tịch HĐQT, đại diện quản lý và nắm giữ 35% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10,14% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,14%).
- Ông Nguyễn Anh Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ.
- Ông Nguyễn Quang Hưng: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần.
- Ông Lê Xuân Nam: Thành viên độc lập HĐQT, sở hữu 0% cổ phần.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Ban Kiểm soát (“BKS”)



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.

Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC : 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 11/03/1977.

Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh thương mại.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC.

01/2008 – nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban – Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khố Quản lý Tài chính; Kế Toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính – Tập đoàn Bảo Việt.

11/2001 – 01/2008: Kế toán viên, Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở – Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

08/1999 – 10/2001: Phụ trách Kế toán – Công ty Tin học Duy Hùng.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Kế Toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính Tập đoàn Bảo Việt.

Thành viên HĐQT – Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Chủ tịch HĐQT – Công ty Bảo Việt Âu Lạc.



Ông HOÀNG GIANG BÌNH
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.

Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC : 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 14/12/1986.

Học vấn: Thạc sỹ Kế toán – Tài chính.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.

09/2015 – nay: Chuyên viên Ban Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.

08/2012 – 09/2015: Chuyên viên Ban Đầu tư Dự án – Tập đoàn Bảo Việt.

12/2011 – 05/2012: Chuyên viên Chi nhánh Hoàn Kiếm – Ngân hàng TMCP Quân đội.

03/2009 – 09/2009: Chuyên viên Phòng Kế toán – Đai TH Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Chuyên viên – Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.



Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.

Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC : 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 16/07/1982.

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.

01/2005 – nay: Kế toán viên, Phó Giám đốc phụ trách Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó Giám đốc phụ trách Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.

Ban điều hành



Ông NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm lần đầu: 02/2010.

Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 13 năm.

Học vấn: Thạc sỹ kế toán, Cử nhân quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.

Từ 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

Từ 2000 – 2005: Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn và tự doanh chứng khoán BVSC.

Từ 1995 – 1999: Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có.



Bà NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010.

Thời gian giữ chức vụ Phó tổng giám đốc: 12 năm 07 tháng.

Học vấn: Thạc sỹ Kinh tế

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

Từ 07/2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

Từ 09/2009 – 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn.

Từ 09/2006 – 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch.

Từ 10/2003 – 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có.



Bà NGUYỄN HỒNG THỦY
Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 26/04/2022.

Thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng: 1 năm.

Học vấn: Cử nhân tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

04/2022 – nay: Kế toán trưởng

Từ 01/2012 – 04/2022:

Trưởng phòng Tài chính – Kế toán

Từ 12/2009 – 01/2012:

Phó Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán

Từ 05/2009 – 11/2009:

Phó Trưởng Phòng Pháp chế, Kiểm soát nội bộ & quản trị rủi ro

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Không có.

Thành phần BKS và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 22/03/2022

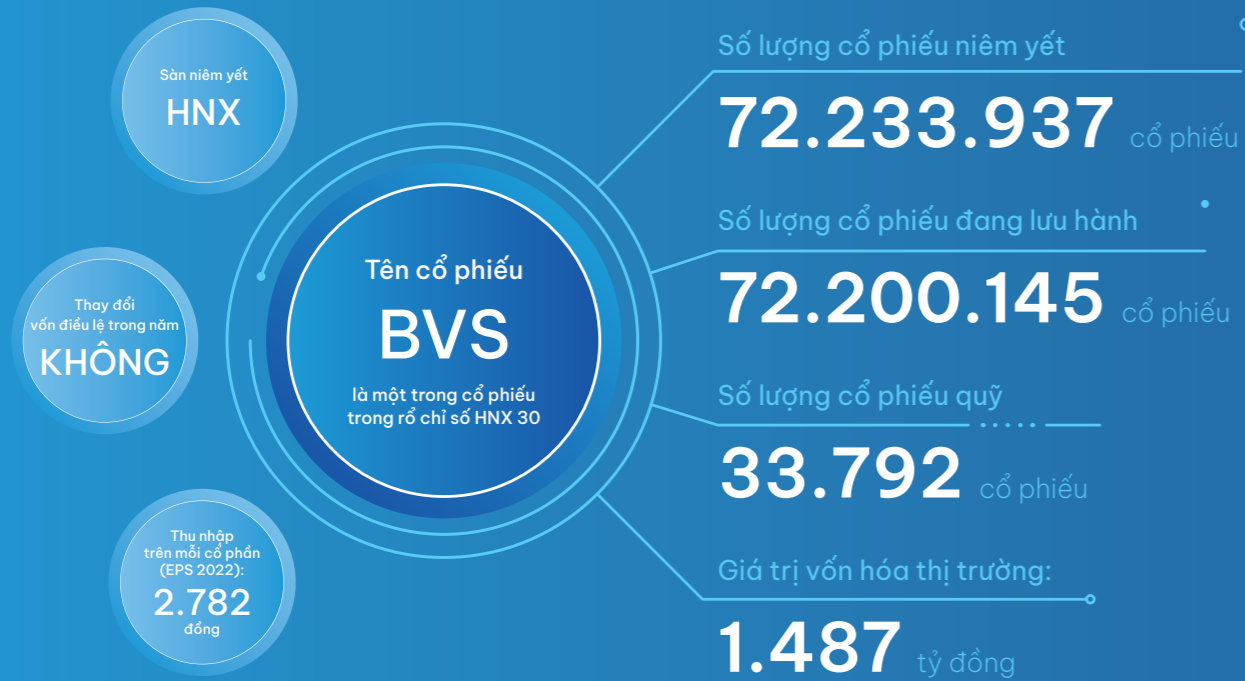
- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 4,92% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Hoàng Giang Bình: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 22/03/2022

- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty – đại diện quản lý và nắm giữ 10,14% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,14% Vốn Điều lệ).
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty – nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu BVS tại ngày 31/12/2022



Cổ tức 2022:	Thanh toán cổ tức 08% trên mệnh giá cổ phần từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2021 vào ngày 20/10/2022 theo Nghị quyết số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):	30.207 đồng
Giá thị trường tại ngày 31/12/2022:	20.600 đồng/cổ phiếu
Giá cao nhất năm 2022:	41.800 đồng/cổ phiếu
Giá thấp nhất năm 2022:	11.600 đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng giao dịch năm 2022:	62.011.860 cổ phiếu
Tổng giá trị giao dịch năm 2022:	1.648.767.423.500 đồng
Khối lượng giao dịch bình quân năm 2022:	249.043 cổ phiếu/ngày
P/B:	0,68 lần
P/E:	7,40 lần

Nguồn: Finpro – Dữ liệu giao dịch doanh nghiệp

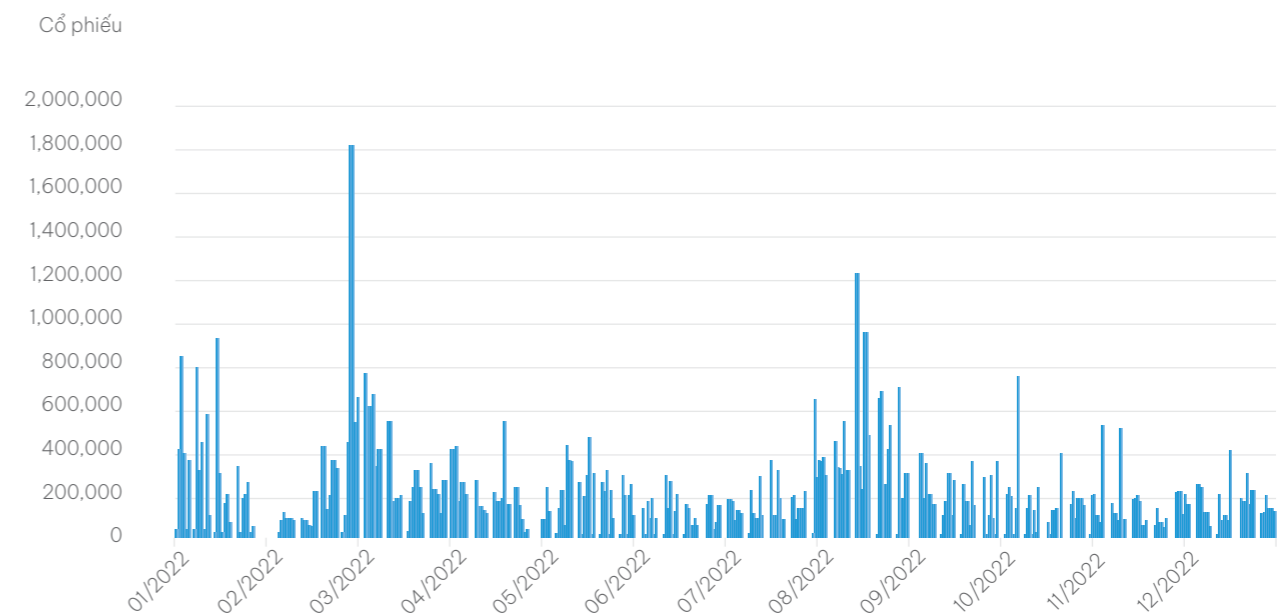
Trong năm 2022, do ảnh hưởng của nhiều thông tin tiêu cực, thị trường chứng khoán Việt Nam đã giảm điểm khá mạnh, nằm trong top những thị trường có mức giảm mạnh nhất năm 2022. Nằm trong bối cảnh chung đó, ngành chứng khoán nói chung và BVSC nói riêng đã bị ảnh hưởng khá nhiều vì điều này. Giá cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán BVS) đã sụt giảm mạnh với mức giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 là 20.600 đồng, giảm 48% so với mức giá đóng cửa năm 2021. Tuy nhiên, so với mức giảm chung của ngành lên tới 63%, BVS vẫn là 1 trong những cổ phiếu có mức giảm giá thấp.

Diễn biến giao dịch cổ phiếu BVS trên Thị trường chứng khoán (“TTCK”) trong năm 2022 thể hiện qua các biểu đồ như sau:

Biểu đồ 01: Giá đóng cửa của cổ phiếu BVS so với HNXIndex từ ngày 01/01/2022 - 31/12/2022

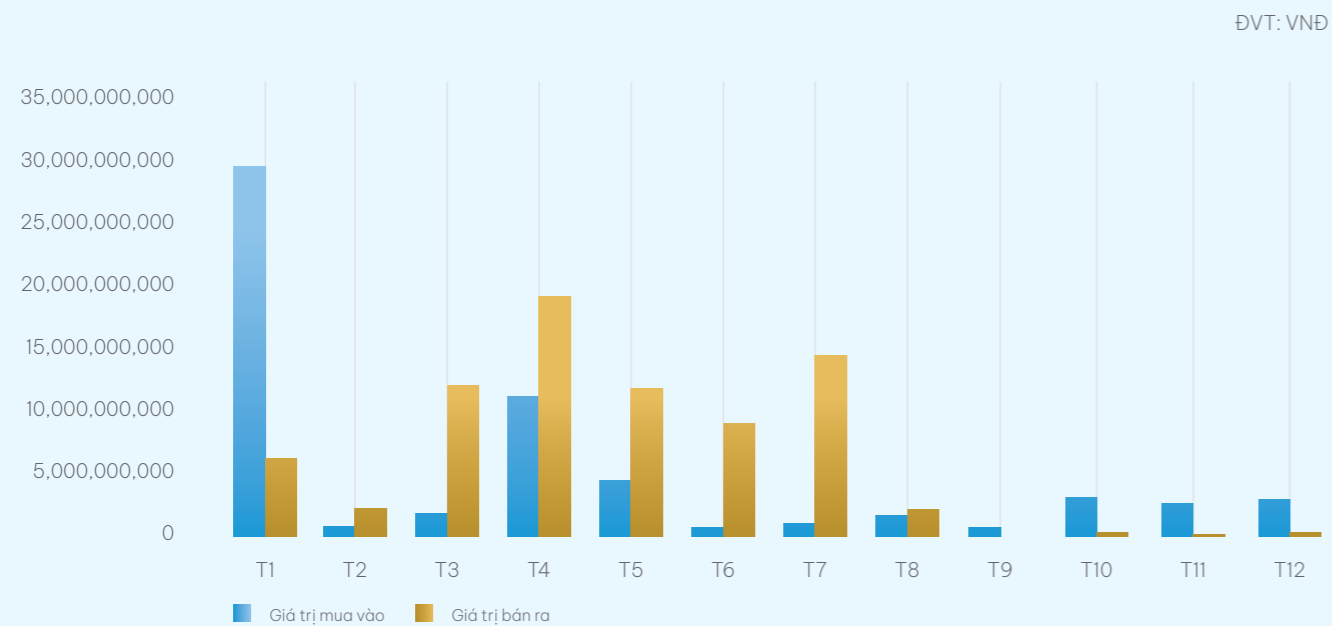


Biểu đồ 02: Khối lượng giao dịch của cổ phiếu BVS từ ngày 01/01/2022 - 31/12/2022

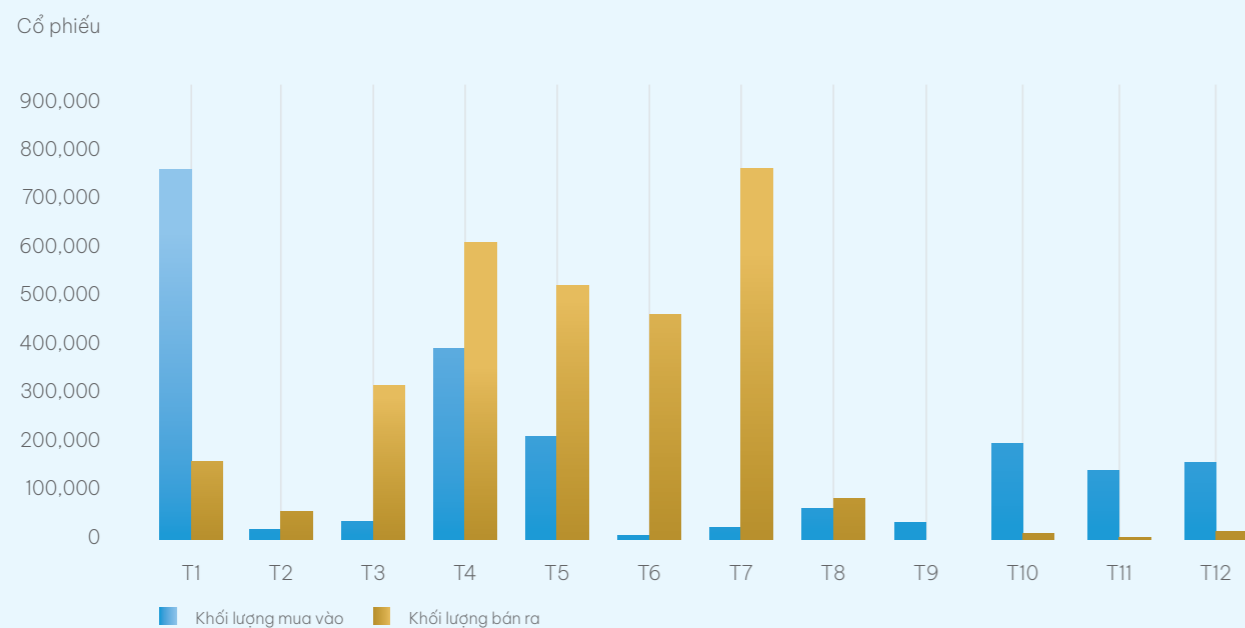


THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Biểu đồ 03: Giá trị giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài

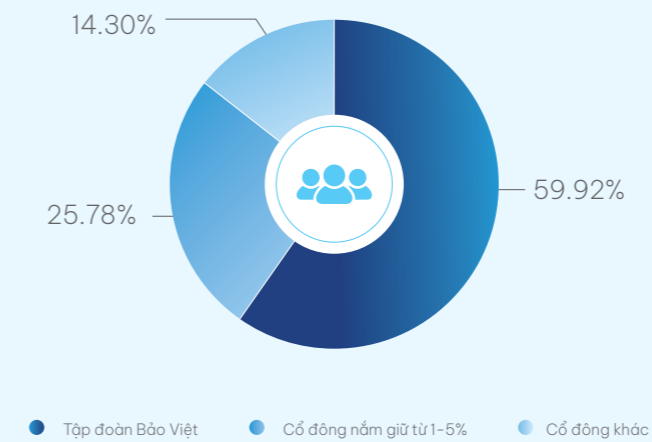


Biểu đồ 04: Khối lượng giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài



Danh sách cổ đông chốt ngày 22/03/2023

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ



Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2022: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2022: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông theo địa lý

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Trong nước				92.59%
Cá nhân	3463	23,181,885	231,818,850,000	32.09%
Tổ chức	24	43,699,712	436,997,120,000	60.50%
Ngoài nước				7.41%
Cá nhân	148	956,200	9,562,000,000	1.32%
Tổ chức	18	4,396,140	43,961,400,000	6.09%
Tổng cộng	3,653	72,233,937	722,339,370,000	100%

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ%
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	3,643	10,332,844	14.30%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%	9	18,619,900	25.78%
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	43,281,193	59.92%
Tổng cộng	3,653	72,233,937	100%

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông (IR) năm 2022

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông

Là Công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, một doanh nghiệp niêm yết, và đặc biệt BVSC cũng là nhà tư vấn hàng đầu về tư vấn tài chính doanh nghiệp, do đó BVSC đặc biệt chú trọng việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông của Công ty. Trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi này, BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng, công bằng và minh bạch.

Quyền của cổ đông được Công ty quy định cụ thể tại Điều 19 của Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 13. Trong đó quyền của cổ đông quy định cụ thể theo từng loại cổ phần sở hữu, gồm có: quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (gọi là cổ đông phổ thông), quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Hiện nay, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2022 thông qua hoạt động IR và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022 và các công bố thông tin của BVSC tới các nhà đầu tư, các cổ đông.

ĐHĐCĐ thường niên 2022

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Ngày 21/04/2022, BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông qua đường thư có bảo đảm và công bố trên website Công ty 21 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Thư mời họp ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2022, Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết Đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc Đại hội và được công bố thông tin trên website Công ty.

Thành phần tham gia Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 có sự tham dự của: các cổ đông sở hữu 45.642.330 cổ phần chiếm 63,22% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc tham dự đầy đủ. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự Đại hội để trả lời các chất vấn của cổ đông (nếu có).



Hiện nay, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2022 thông qua hoạt động IR và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022 và các công bố thông tin của BVSC tới các nhà đầu tư, các cổ đông.

Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ 2022, cổ đông đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch có 03 Thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và 01 Thành viên HĐQT khác. Cũng tại Đại hội, cổ đông đã trực tiếp chất vấn Đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng như: Tình hình kết quả kinh doanh Quý I năm 2022 và khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2022 của Công ty; kế hoạch điều chỉnh tăng lãi suất margin trong bối cảnh các ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất; Tình hình tăng vốn điều lệ của Công ty. Các nội dung chất vấn trực tiếp tại Đại hội đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản Đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

Biểu quyết tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Nội dung	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 BVSC đã biểu quyết thông qua
Hoạt động kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022. Thông qua Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2021-2025
Các báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 của HĐQT. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
Phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2021, kế hoạch sử dụng lợi nhuận năm 2022. Thông qua chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2021 và kế hoạch trả thù lao năm 2022.
Sửa đổi các văn bản quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 13
Các nội dung khác.	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua thay đổi Trụ sở chính của Công ty

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội; cũng như công bố thông tin trong vòng 24h và lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

“ Năm 2022, Công ty được vinh danh trong Top 15 doanh nghiệp niêm yết – nhóm vốn hóa vừa đạt chuẩn công bố thông tin trong khuôn khổ chương trình IR AWARD 2022 do Vietstock, Hiệp hội VAFE và báo FILI đồng tổ chức.

Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR)

Liên tiếp những thông tin tiêu cực trong năm 2022 trên thị trường cổ phiếu và trái phiếu đã có tác động mạnh mẽ đến thị trường chứng khoán nói chung và các doanh nghiệp niêm yết nói riêng. Trong bối cảnh phức tạp của thị trường, việc chủ động công khai, minh bạch trong thông tin và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trở thành chìa khóa để doanh nghiệp tạo dựng niềm tin đối với cổ đông và nhà đầu tư. Đối với BVSC, việc nhận diện tầm quan trọng và thực thi những nhiệm vụ này đã và đang được hoàn thiện và ngày một chú trọng nâng cao trong những năm trở lại đây. Một số hoạt động cụ thể như sau:

Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các quy định về CBTT theo quy định pháp luật:

Công ty đã xây dựng quy chế công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin áp dụng đối với công ty niêm yết và Quy chế công bố thông tin của các Sở giao dịch. Trang thông tin điện tử của Công ty là phương tiện công bố thông tin chính thống và hiệu quả, hỗ trợ đắc lực trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty. Để tạo điều kiện cho các cổ đông trong và ngoài nước tiếp cận các thông tin quan trọng của Công ty, BVSC xây dựng một chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông trên trang tin điện tử và được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tại chuyên mục Quan hệ cổ đông, bên cạnh những thông tin và tài liệu căn bản như Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế công bố thông tin, các báo cáo thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán, thông tin về cổ đông và cổ phiếu... Công ty còn thiết kế chuyên mục “Công bố thông tin” để cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty. Thư mời, các tài liệu liên quan tới họp ĐHĐCĐ, thông báo để cử ứng cử, dự thảo nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ.... đều được Công ty cập nhật lên chuyên mục Thông tin họp ĐHĐCĐ trước mỗi kỳ họp đảm bảo theo đúng thời hạn quy định về công bố thông tin họp ĐHĐCĐ của công ty niêm yết. Với những nỗ lực trong vai trò là một công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, một doanh nghiệp niêm yết, và đặc biệt là chú trọng việc đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông, năm 2022, Công ty được vinh danh trong Top 15 doanh nghiệp niêm yết – nhóm vốn hóa vừa đạt chuẩn công bố thông tin trong khuôn khổ chương trình IR AWARD 2022 do Vietstock, Hiệp hội VAFE và báo FILI đồng tổ chức.

Đa dạng các kênh thông tin kết nối đến cổ đông và nhà đầu tư:

Ngoài việc thiết lập hotline và hòm thư điện tử riêng để trả lời tất cả các thắc mắc từ cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm, năm 2022, Bộ phận IR đẩy mạnh thực hiện trao đổi thông tin qua fanpage, zalo Công ty. Mọi thắc mắc, yêu cầu thông tin về tình hình kinh doanh

của công ty gửi về đều được bộ phận IR cập nhật ngay lập tức và phối hợp với các Bộ phận liên quan xử lý và phản hồi sau muộn nhất là 48h.

Chủ động hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

Phát hành đều đặn Bản tin Quan hệ nhà đầu tư định kỳ hàng quý nhằm giúp cổ đông cập nhật thông tin toàn diện về tình hình hoạt động kinh doanh cũng như diễn biến giao dịch của cổ phiếu BVS, và những hoạt động nổi bật khác của Công ty.

Lập báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo thường niên tại cả phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài.

Lịch công bố thông tin (“CBTT”) định kỳ trong năm 2022

Ngày	Nội dung
19/01/2022	Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2021
25/01/2022	Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 31.12.2021
28/01/2022	Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2021
30/03/2022	Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2021
19/04/2022	Báo cáo Tài chính quý 1 năm 2022
19/04/2022	Báo cáo thường niên năm 2021
19/07/2022	Báo cáo Tài chính quý 2 năm 2022
28/07/2022	Báo cáo quản trị Công ty niêm yết 06 tháng đầu năm 2022
28/07/2022	Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 30.06.2022
12/08/2022	Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo Tỷ lệ ATTC bán niên 2022 (đã soát xét)
19/10/2022	Báo cáo Tài chính quý 3 năm 2022

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Lịch CBTT khác trong năm 2022

Ngày	Nội dung
10/01/2022	CBTT về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty
24/01/2022	CBTT NQ HĐQT về việc phê duyệt chuyển địa điểm PGD Cao Thắng
11/02/2022	CBTT thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
25/02/2022	CBTT NQ HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
31/03/2022	CBTT NQ HĐQT về thời gian, địa điểm, chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
31/03/2022	CBTT tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
14/04/2022	CBTT về việc sửa đổi quyết định thành lập PGD Cao Thắng
19/04/2022	Kế hoạch kinh doanh năm 2022
22/04/2022	CBTT Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022
22/04/2022	CBTT Điều lệ sửa đổi lần thứ 13
27/04/2022	CBTT NQ HĐQT về việc bổ nhiệm lại TGD Công ty
27/04/2022	CBTT NQ HĐQT về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
29/04/2022	CBTT quyết định chấp thuận là thành viên giao dịch tại VNX
06/05/2022	CBTT tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại BVSC
12/07/2022	CBTT NQ HĐQT về việc bổ nhiệm lại Phó TGD Công ty
20/07/2022	CBTT quyết định chấp thuận cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán
20/07/2022	CBTT trở thành cổ đông lớn của cổ phiếu TIP
21/09/2022	CBTT Nghị quyết của HĐQT về việc thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2021
21/09/2022	CBTT ngày ĐKCC để thực hiện quyền chi trả cổ tức cho năm tài chính 2021
26/10/2022	CBTT thay đổi Người đứng đầu chi nhánh
18/11/2022	CBTT NQ HĐQT về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2022
18/11/2022	CBTT NQ HĐQT về việc thông qua mua lại trước hạn trái phiếu BVSH2123001
25/11/2022	CBTT NQ HĐQT về việc phê duyệt chuyển địa điểm PGD Láng Hạ
05/12/2022	CBTT NQ HĐQT về việc phê duyệt đổi tên PGD Láng Hạ
29/12/2022	CBTT QĐ sửa đổi QĐ chấp thuận lập PGD Thành Công

***Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty; và qua các hệ thống CBTT tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Một số định hướng đối với hoạt động IR năm 2023

Trong năm 2023 BVSC đẩy mạnh hơn nữa tính chuyên nghiệp trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư với một số hoạt động chính cụ thể như sau:

- Tuân thủ việc công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“TTCK”). Các nội dung thông tin công bố sẽ được thực hiện song song bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.
- Chủ động đẩy mạnh truyền thông kết nối cổ đông & nhà đầu tư, nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư: thông qua tiếp xúc trực tiếp tại ĐHĐCĐ thường niên, toàn văn tài liệu ĐHĐCĐ thường niên công bố song ngữ Anh – Việt, tăng cường hợp tác để đẩy mạnh các cơ hội xúc tiến đầu tư vào TTCK Việt Nam và BVSC

- Chủ động khai thác đa dạng và hiệu quả các kênh tiếp cận cổ đông nhằm kịp thời cung cấp thông tin giúp đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Điển hình trong năm 2023, Công ty đã thực hiện gửi thư mời họp ĐHĐCĐ thông qua email song song với hình thức gửi thư truyền thống qua bưu điện và đăng tải trên website chính thức của Công ty nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin được nhanh nhất và chính xác đến cổ đông.
- Hoàn thiện website Công ty mới với giao diện thân thiện, dễ sử dụng và dễ tìm kiếm thông tin, đồng thời thường xuyên cập nhật, nâng cao công cụ tìm kiếm thông tin và khả năng tương tác trên chuyên mục quan hệ cổ đông tại website & fanpage Công ty.
- Phát hành bản tin IR đều đặn hàng quý (được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh); và duy trì các hoạt động truyền thông ra công chúng một cách chủ động để tăng tính minh bạch thông tin tới công chúng...

Để biết thêm thông tin, Quý cổ đông/ Nhà đầu tư vui lòng liên hệ:

Địa chỉ: Trụ sở chính Công ty tầng 7 Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hotline: (84-24)3.928 8080 (máy lẻ: 604)

Email: info@bvsc.com.vn

Website: www.bvsc.com.vn



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của BVSC bao gồm 05 thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Lý do miễn nhiệm/bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	Kể từ ngày 27/06/2017 là thành viên HĐQT Kể từ ngày 29/11/2018 – ngày 22/06/2020 là Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kỳ 2015-2020 Kể từ ngày 22/06/2020 đến nay tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kỳ 2021-2025	
2	Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên HĐQT điều hành	Kể từ ngày 03/04/2010	
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 12/05/2016	
4	Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 27/6/2017	
5	Ông Lê Xuân Nam	Thành viên độc lập HĐQT	Kể từ ngày 22/06/2020	

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về Hội đồng Quản trị Công ty tại Chương IV Mục 2 phần "Nhân sự chủ chốt – Hội đồng Quản trị" từ trang 86 tới trang 89 của Báo cáo này.

HĐQT đã ban hành Nghị quyết phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong việc thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Chủ tịch HĐQT

Phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách lĩnh vực chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; phụ trách lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý tài chính; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị công ty, Bổ nhiệm và Thù lao.

Ông Nhữ Đình Hòa

Thành viên HĐQT kiêm TGD

Trực tiếp và là người đứng đầu phụ trách hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Thành viên HĐQT không điều hành

Phụ trách lĩnh vực đầu tư mua sắm tài sản cố định, công nghệ thông tin, truyền thông và thương hiệu của Công ty; hỗ trợ việc phối hợp giữa Công ty với Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ông Nguyễn Quang Hưng

Thành viên HĐQT không điều hành

Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty; quản lý rủi ro; pháp chế; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco.

Ông Lê Xuân Nam

Thành viên độc lập HĐQT

Phụ trách lĩnh vực kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán.



“ Cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 có 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT; đồng thời thông qua việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng lĩnh vực hoạt động đối với mỗi thành viên, đã giúp các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tối đa quyền và lợi ích của cổ đông; và sự phát triển bền vững của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Thư ký Công ty:

Để giúp việc cho HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Ban thư ký Công ty bao gồm các nhân sự sau:

Họ và tên	Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề	Kinh nghiệm tại BVSC	Ngày được bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Cử nhân Luật Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/QLQ do UBCKNN cấp Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229 / QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013	18 năm làm việc tại BVSC	26/09/2013
Ông Vũ Duy Vương	Cử nhân Luật kinh doanh. Chứng chỉ tốt nghiệp Đào tạo nghiệp vụ luật sư số: 15814/2012/LS ngày 25/04/2013. Chứng chỉ quản trị Công ty số 40/QTCT 159/ QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 03/06/2022	12 năm làm việc tại BVSC	10/09/2018

Người phụ trách quản trị công ty

Để hỗ trợ công tác quản trị công ty, HĐQT bổ nhiệm ông Vũ Duy Vương Thư ký công ty, đồng thời là Người phụ trách quản trị công ty.

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Để hỗ trợ HĐQT thực hiện quản trị Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích; vận dụng thông lệ tốt và các chuẩn mực tiên tiến về quản trị công ty như Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD mới nhất và Thẻ điểm Quản trị Công ty của ASEAN, HĐQT BVSC đã thành lập 03 Ủy ban trực thuộc, cụ thể:

Ủy ban Quản trị công ty, bổ nhiệm & thù lao (“QTCT, BN&TL”)

Là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT về tính hiệu quả của khung quản trị và chính sách về quản trị công ty cũng như giám sát các vấn đề quản trị công ty tại BVSC; hỗ trợ cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao, mô hình tổ chức bộ máy đáp ứng chuẩn mực về Quản trị Công ty cũng như bắt kịp những thông lệ tốt trên thị trường.

Thành phần của Ủy ban gồm: 04 Thành viên:

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn, Chủ tịch HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban.
- Ông Nhữ Đình Hòa, TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Ông Nguyễn Anh Tuấn, TV.HĐQT không điều hành – Thành viên.
- Bà Bùi Thị Mai Hiền, Giám đốc Quản lý Hoạt động – Thành viên.

Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco (“QTRR&ALCO”)

Là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, chính sách và hạn mức rủi ro, thực hiện đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro cũng như kiểm tra và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc và giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính, quản lý và phát triển vốn và tài sản của Công ty.

Thành phần của Ủy ban gồm: 05 Thành viên:

- Ông Nguyễn Quang Hưng, TV.HĐQT không điều hành – Chủ nhiệm Ủy ban.
- Ông Nguyễn Hồng Tuấn, Chủ tịch HĐQT – Thành viên.
- Ông Nhữ Đình Hòa, TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, Phó Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Ông Lê Thịnh Vượng, Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ủy ban Kiểm toán

Là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT khi thực hiện đánh giá về tính tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, chính sách và quy định nội bộ của Công ty; Ủy ban có chức năng giám sát tính trung thực trong báo cáo tài chính & công bố chính thức liên quan đến tình hình tài chính của Công ty cũng như quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Thành phần của Ủy ban: gồm 05 Thành viên:

- Ông Lê Xuân Nam, Thành viên độc lập HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban.
- Ông Nguyễn Hồng Tuấn, Chủ tịch HĐQT – Thành viên.
- Ông Nhữ Đình Hòa, TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Ông Lê Thịnh Vượng, Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Hằng, Chuyên viên Kiểm toán nội bộ – Thành viên.

Đào tạo về Quản trị Công ty

Từ ngày 17/05/2022 – 18/05/2022, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty đã hoàn thành Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các công ty cổ phần đại chúng do Trung tâm nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức tại Hà Nội, đồng thời thường xuyên cập nhật nghiên cứu quy định mới của pháp luật về quản trị công ty như Luật doanh nghiệp & các Nghị định hướng dẫn thi hành; các quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và công ty chứng khoán, tham gia các diễn đàn, hội thảo liên quan đến quản trị công ty như Hội thảo chuyên sâu nâng cao năng lực quản trị công ty tại các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam do HNX và HSX với sự hỗ trợ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) và Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) tổ chức...

Danh sách thành viên có Chứng chỉ quản trị công ty:

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Anh Nguyễn Hồng Tuấn – Chủ tịch HĐQT: Chứng chỉ quản trị công ty số 11QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022 • Anh Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ quản trị công ty số 23QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022 • Anh Nguyễn Quang Hưng – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ quản trị công ty số 21QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022 • Anh Lê Xuân Nam – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ quản trị công ty số 22QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022 | <ul style="list-style-type: none"> • Anh Nguyễn Xuân Hòa – Trưởng ban kiểm soát: Chứng chỉ quản trị công ty số 13QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022 • Chị Nguyễn Thị Thanh Vân – Kiểm soát viên: Chứng chỉ quản trị công ty số 24QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022 • Anh Hoàng Giang Bình – Kiểm soát viên: Chứng chỉ quản trị công ty số 25QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022 • Ông Nhữ Đình Hòa – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Chứng chỉ quản trị công ty số: 10/QĐ193-TTNC do UBCKNN ngày 31/07/2013. |
|---|--|

- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Phó Tổng Giám đốc: Chứng chỉ quản trị công ty số: 35 QTCT 216/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 26/10/2015.
- Ông Vũ Duy Vương – Thư ký công ty kiêm Người quản trị Công ty: Chứng chỉ quản trị công ty số: 40/QTCT 159/QĐ-TTNC cấp ngày 03/06/2022.
- Bà Bùi Thị Mai Hiền – Thư ký công ty: Chứng chỉ quản trị công ty số: 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013.

Hoạt động của HĐQT năm 2022

Năm 2022, căn cứ vào Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025; đồng thời thực hiện những nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, cũng như được ĐHĐCĐ giao, HĐQT Công ty đã thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để có những chỉ đạo và quyết sách kịp thời, căn cơ và toàn diện đối với các mảng hoạt động của Công ty. Các hoạt động của HĐQT diễn ra trong năm như sau:

Tổ chức họp ĐHĐCĐ

HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 21/04/2022. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thông qua các vấn đề quan trọng do HĐQT trình như: Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch kinh doanh năm 2022, thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021, thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022... Tại Đại hội lần này, ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ công ty sửa đổi bổ sung lần thứ 13, thông qua thay đổi Trụ sở chính của Công ty.

(Chi tiết các vấn đề được thông qua xem thêm tại mục ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 tại trang 94 của Báo cáo này).

Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền

Căn cứ vào quy định của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty, HĐQT thông qua các chính sách và các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Để xem xét quyết định các vấn đề một cách cẩn trọng và hiệu quả, HĐQT thực hiện thông qua các phương thức sau:

- **Tổ chức các cuộc họp của HĐQT để thảo luận thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT:** năm 2022, HĐQT đã tổ chức (04) cuộc họp định kỳ mỗi quý 01 cuộc họp. Tất cả các cuộc họp này đều mời các Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc tham dự. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên HĐQT tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 1 ngày 22/03/2022	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả kinh doanh năm 2021 sau kiểm toán Thảo luận Kế hoạch kinh doanh năm 2022 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua. Ước kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quý 2 năm 2022. Thảo luận và thông qua các vấn đề (i) Kế hoạch tiền lương năm 2022; (ii) Kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022; (iii) Kế hoạch đầu tư năm 2022 của Công ty. Thảo luận về các nội dung gồm công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2022, đánh giá công tác phòng chống dịch Covid-19, triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng trụ sở chính của Công ty & tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ & các Nghị quyết của HĐQT Quý I/2022. 	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 2 ngày 23/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> Ước kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2022. Thảo luận và đánh giá công tác triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng trụ sở chính của Công ty, tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 & triển khai các Nghị quyết của HĐQT 06 tháng đầu năm 2022. Báo cáo việc phát hành trái phiếu NSVCSH 2125001 & tiến độ thực hiện bảo lãnh phát hành cổ phiếu TIP. 	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 3 ngày 21/09/2022	<ul style="list-style-type: none"> Ước kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm & Kế hoạch Quý 4 năm 2022. Thảo luận và đánh giá công tác triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng trụ sở chính của Công ty, Dự án di dời Phòng Giao dịch Láng & tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 & các Nghị quyết của HĐQT 09 tháng đầu năm 2022. Thông qua triển khai thanh toán cổ tức năm 2021. Thông qua Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty của BVSC sửa đổi; 	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 4 ngày 23/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> Ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2022. Thảo luận xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2023 & đánh giá về tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 & triển khai các Nghị quyết của HĐQT năm 2022. Thông qua kết quả đánh giá giá xếp loại Thành viên Ban Tổng Giám đốc. 	05/05	100%



- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định giải quyết các đề xuất, các nội dung thuộc thẩm quyền: Trong năm, HĐQT tiến hành 32 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các vấn đề Ban Tổng Giám đốc Công ty đề xuất như: tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2022 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua; bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, và bổ nhiệm mới Kế toán trưởng công ty; Thông qua mua lại trước hạn Trái phiếu BVSH2123001 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Năm 2022, HĐQT ban hành 37 Nghị quyết tập trung vào giải quyết và chỉ đạo các nội dung quan trọng liên quan hoạt động kinh doanh của Công ty như: phê duyệt Kế hoạch kinh doanh 2022 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua; phê duyệt kế hoạch đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản, kế hoạch tiền lương, kế hoạch tự doanh năm 2022; việc chi trả cổ tức năm 2021; phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2022; thông qua việc mua lại trước hạn Trái phiếu BVSH2123001 ... cũng như các nội dung khác liên quan việc quản trị công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Ngoài thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo phân công thông qua các kỳ họp HĐQT, cho ý kiến trả lời đối với các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT, các thành viên HĐQT còn là thành viên các ủy ban trực thuộc HĐQT, đồng thời tham gia các cuộc họp nội bộ của Công ty như: cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản lý rủi ro; cuộc họp liên quan bổ nhiệm các lãnh đạo cấp trung của Công ty; hay cuộc họp của hội đồng đầu tư. Ngoài ra, các thành viên HĐQT còn trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trên thị trường, cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Năm 2022, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã triển khai các hoạt động sau đây để hỗ trợ và tham mưu cho HĐQT quản lý Công ty một cách hiệu quả:

Ủy ban QTCT, BN & TL

- **Hoạt động trong năm 2022:** trong năm Ủy ban QTCT, BN&TL đã triển khai các công việc: (i) Đánh giá cho ý kiến đối với đề xuất quyết toán quỹ lương năm 2021 & Kế hoạch quỹ lương năm 2022, đề xuất thưởng ban quản trị theo Nghị quyết ĐHCĐ, Hệ thống thang bảng lương mới áp dụng tại BVSC; (ii) Triển khai các thủ tục và tham mưu cho HĐQT về công tác bổ nhiệm các nhân sự cao cấp của Công ty như bổ nhiệm lại các Thành viên Ban Tổng Giám đốc và bổ nhiệm mới Kế toán trưởng; (iii) Cho ý kiến đánh giá đối với việc bổ nhiệm các vị trí Trưởng Phòng theo đề nghị của Công ty; (iv) Thẩm định & tham mưu cho HĐQT đối với Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế 2021; (v) Kiến nghị HĐQT và đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; (vi) Tham mưu, tư vấn cho HĐQT những vấn đề mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị công ty, chính sách quản lý lao động, chính sách lương & đãi ngộ của Công ty; (vii) xây dựng định hướng hoạt động của Ủy ban năm 2023.
- **Định hướng hoạt động năm 2023:** Ủy ban QTCT, BN&TL sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: (i) Triển khai các thủ tục và tham mưu cho HĐQT về công tác quy hoạch, bổ nhiệm các nhân sự cao cấp và lãnh đạo cấp trung của Công ty; (ii) Kiến nghị HĐQT và đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; (iii) tiếp tục tham mưu, tư vấn cho HĐQT những vấn đề mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị công ty, hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương & đãi ngộ của Công ty; (iv) Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của công ty và (v) thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ủy ban QTRR & ALCO

- **Hoạt động của Ủy ban trong năm 2022:** Ủy ban QTRR&ALCO đã triển khai các công việc: (i) Thẩm định Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2022 báo cáo HĐQT phê chuẩn, (ii) tham dự và cho ý kiến tại 04 cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro của Công ty; (iii) Đánh giá cho ý kiến đối với Kế hoạch mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022; (iv) Thực hiện kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc; (v) Thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của HĐQT liên quan đến các vấn đề quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty; (vi) xây dựng định hướng hoạt động của Ủy ban năm 2023.
- **Định hướng hoạt động năm 2023:** Ủy ban QTRR&ALCO sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: (i) Xem xét đánh giá các hoạt động của Công ty về việc tuân thủ Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2023; (ii) Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên bảng cân đối kế toán đảm bảo phù hợp thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh bền vững của Công ty;

(iii) Chỉ đạo Bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty xây dựng Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2024 trình HĐQT phê duyệt và (v) thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ủy ban Kiểm toán

- **Hoạt động của Ủy ban trong năm 2022:** Ủy ban Kiểm toán đã triển khai các công việc: (i) Thẩm định Báo cáo Kiểm toán năm 2021 và Kế hoạch Kiểm toán năm 2022 do Bộ phận KTNB trình để báo cáo HĐQT phê duyệt; (ii) Thẩm định Dự thảo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán để trình HĐQT phê duyệt; (iii) Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Bộ phận KTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022; (iv) Chỉ đạo Bộ phận KTNB lập Báo cáo Kiểm toán năm 2022 và Kế hoạch Kiểm toán năm 2023 trình HĐQT ban hành; (v) Thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của HĐQT liên quan đến việc đánh giá về các hoạt động của Công ty đối với việc tuân thủ các chính sách và quy định nội bộ của Công ty; và (vi) xây dựng định hướng hoạt động của Ủy ban năm 2023..
- **Định hướng hoạt động năm 2023:** Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động: (i) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Bộ phận KTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2023 đã được HĐQT phê duyệt; (ii) Giám sát tính trung thực BCTC của Công ty và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty; (iii) Tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2023 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Ủy ban kiểm toán trong việc tư vấn đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2023 của Công ty.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2022

Kết thúc năm 2022, Thành viên độc lập HĐQT gửi Báo cáo đánh giá về HĐQT với nội dung như sau:

- Mức độ tuân thủ và hiệu quả trong cơ cấu quản trị Công ty: Với cơ cấu 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có một thành viên độc lập, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, cơ cấu HĐQT BVSC đáp ứng tốt các tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Ngoài việc, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động của Công ty đối với từng thành viên HĐQT; HĐQT đã thành lập 03 ủy ban UBQTCT, BN&TL; UBKT; UBQTRR&ALCO nên các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông.
 - HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý để rà soát và nắm bắt và ra quyết định kịp thời đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Các phiên họp định kỳ do Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì đều có sự tham gia của các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết của HĐQT được thông qua trên cơ sở tỷ lệ đồng thuận cao nhất, đều đạt tỷ lệ 100% các Thành viên HĐQT thông qua.
 - Bên cạnh việc tổ chức họp định kỳ, để giải quyết kịp thời các kiến nghị và đề xuất của Công ty giữa các kỳ họp, HĐQT tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Đồng thời các nội dung lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đều được cung cấp đầy đủ tới BKS. Qua đó, BKS thường xuyên có ý kiến kịp thời tới HĐQT về các nội dung được cung cấp. Thông qua những hoạt động này, BKS đã phát huy tốt vai trò giám sát của mình để đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT
- trong năm đều được thực hiện cẩn trọng trên nguyên tắc đảm bảo tối đa lợi ích của Công ty và cổ đông.
- Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ; bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như diễn biến của thị trường chứng khoán với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của Công ty.
 - Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng giữa Công ty với Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của Công ty; giữa Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan của họ đều được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; đồng thời đảm bảo theo đúng các quy định tại Điều 52 của Điều lệ Công ty và Điều 167. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Luật doanh nghiệp.
 - Các thành viên HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành như không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty. Trong quá trình làm việc, thành viên HĐQT luôn thực hiện công việc một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên được bầu từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2015; và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2020-2025 với các thành viên như sau:

STT	Kiểm soát viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Lý do miễn nhiệm/bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	Kể từ ngày 15/04/2015	
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	
3	Ông Hoàng Giang Bình	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	

Thông tin về các thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2025 vui lòng xem tại Chương IV Mục 2 phần "Nhân sự chủ chốt - Hội đồng Quản trị" từ trang 86 tới trang 89 của Báo cáo này.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022

Cuộc họp của Ban Kiểm soát.

Năm 2022, Ban Kiểm soát tổ chức (04) cuộc họp. Trong các cuộc họp, các Kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và cẩn trọng. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Cụ thể như sau:

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên HĐQT tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 1 năm 2022 ngày 21/03/2022	<ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2021 sau kiểm toán và ước thực hiện kết quả kinh doanh Quý I/2021 của BVSC Thông qua nội dung Thông báo của BKS về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2021 của BVSC Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 để trình ĐHĐCĐ Thảo luận Kế hoạch công tác Quý II năm 2022 của BKS 	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 2 năm 2022 ngày 22/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh 05 tháng và ước thực hiện kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 của BVSC Ghi nhận báo cáo của BVSC về nội dung liên quan đến trái phiếu NSVCSH 2125001 Thảo luận Kế hoạch công tác Quý III năm 2022 của BKS 	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 3 năm 2022 ngày 26/09/2022	<ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh 08 tháng ước thực hiện kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2022 của BVSC Thảo luận Kế hoạch công tác Quý IV năm 2021 của BKS 	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 4 năm 2022 ngày 22/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2022 của BVSC Thảo luận Kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS 	03/03	100%

BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Kết quả hoạt động của BKS

Năm 2022, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và triển khai kế hoạch hoạt động của BKS năm 2022, kết quả giám sát như sau:

Giám sát tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty

Trong bối cảnh Thị trường chứng khoán (“TTCK”) Việt Nam năm 2022 với những cú sốc lớn, sụt giảm mạnh cả về điểm số lẫn thanh khoản. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán (“CTCK”) trên thị trường, đặc biệt cạnh tranh về phí môi giới & lãi suất đối với dịch vụ margin & ứng trước, trong khi đó BVSC với những điểm hạn chế về quy mô vốn và thiếu các sản phẩm phái sinh dẫn đến năng lực cạnh tranh so với các CTCK trên thị trường suy giảm. BKS đánh giá cao về việc Công ty đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để xây dựng những mục tiêu chiến lược, đề ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, đúng đắn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững và hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu và thu nhập khác 2022 đạt 923,8 tỷ đồng hoàn thành 99,9% Kế hoạch (925 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu thực hiện là 898,4 tỷ đồng hoàn thành 99,8% Kế hoạch (900 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022 đạt 213,7 tỷ đồng hoàn thành 101,8% Kế hoạch (210 tỷ đồng).

Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

- Các BCTC quý, bán niên và cả năm 2022 đã được Công ty trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính theo đúng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam nói chung và đối với các công ty chứng khoán nói riêng. Các BCTC bán niên, cả năm 2022 đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (“E&Y Việt Nam”) và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán độc lập.
- BKS thống nhất ý kiến với E&Y Việt Nam là các BCTC năm 2022 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022; cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Giám sát công tác quản trị của HĐQT

- Để tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2022, HĐQT đã luôn chủ động bám sát diễn biến thị trường chứng khoán trong nước cũng như thế giới và thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết, quyết sách mang tính chiến lược, định hướng cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc với mục tiêu cao nhất hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2022 đã được ĐHCĐ giao.



- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời phê duyệt, ra quyết sách chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty bám sát với diễn biến khó lường của thị trường chứng khoán năm 2022, thực tiễn kinh doanh nhằm phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, với phương châm tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty nhằm đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời phục vụ hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.
- Các Nghị quyết và các quyết sách của HĐQT đã đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của Công ty; đồng thời tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; quy định của Pháp luật có liên quan.

“ Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy HĐQT đã hoạt động đúng thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật; HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý Công ty. BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong hoạt động quản trị, quản lý của HĐQT nói chung và các thành viên HĐQT nói riêng.

BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

- Các Thành viên Ban Tổng Giám đốc đều là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập, là những người tâm huyết và luôn nỗ lực tối đa với quyết tâm cao nhất trong việc triển khai thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT; đồng thời luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty và văn bản nội bộ trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty.
- Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, định kỳ hàng tháng, hàng quý Ban Tổng Giám đốc đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng, trong quý và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng, của quý tiếp theo báo cáo HĐQT và BKS;
- Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện cung cấp kịp thời, đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

“ Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy: Năm 2022 với những diễn biến khó lường và tiêu cực của thị trường chứng khoán, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm, định hướng khách hàng, quản trị rủi ro với mục tiêu cao nhất hoàn thành Kế hoạch kinh doanh 2022. Kết quả BVSC đã hoàn thành KHKD năm 2022; qua đó góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và bền vững. BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong quá trình điều hành Công ty của Ban Tổng Giám đốc.



Giám sát Quá trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Qua giám sát, BKS thấy rằng việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 và thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của BVSC.

Giám sát tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Qua giám sát, BKS nhận thấy trong năm 2022, hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin áp dụng đối với công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty đã triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, cụ thể: Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025; Triển khai hoạt động kinh doanh hoàn thành KHKD 2022; Hoàn thành việc phân phối lợi nhuận năm 2021 và thanh toán cổ tức bằng tiền với 08% mệnh giá cổ phần; Hoàn thành việc chi thù lao

cho các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022; Thực hiện lưu hành Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 13.

Do những yếu tố khách quan dẫn đến việc triển khai đầu tư Dự án cải tạo văn phòng trụ sở Công ty tại khối B Tòa nhà số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội vẫn chưa hoàn tất. Do đó, việc chuyển Trụ sở chính của Công ty theo như phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 sẽ được thực hiện vào năm 2023.

Hoạt động khác của BKS

Trong năm, ngoài việc triển khai các hoạt động nêu trên BKS triển khai nhiều các hoạt động khác như: phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc giám sát tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; Tham gia soạn thảo và góp ý kiến đối với Quy chế quản lý tài chính của Công ty; Tham dự và thực hiện giám sát quá trình tổ chức các phiên họp HĐQT; BKS báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về kết quả giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2021 của Công ty...

BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Trong quá trình thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình, BKS luôn phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông với mục tiêu vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Cụ thể công tác phối hợp giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc đạt được như sau:

Phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc hoạt động độc lập, song luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động, đảm bảo thực thi quyền và nghĩa vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khẩn cấp, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, cũng như tuân thủ các quy định tại Điều lệ, các văn bản nội bộ khác của Công ty đã ban hành và các quy định của Pháp luật.
- Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS còn thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: các Ủy ban và Bộ phận kiểm toán trực thuộc của HĐQT; cũng như các phòng ban trong Công ty để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Trong quá trình thực thi các quyền hạn của mình, BKS đảm bảo không cản trở các hoạt động quản trị của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và không gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với cổ đông

Năm 2022, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.



Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

Đánh giá kết quả Hoạt động của BKS

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ của BVSC và Quy chế hoạt động của BKS, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đối với công tác quản trị, điều hành Công ty;
- BKS đã hoạt động đúng quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các văn bản của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

- Các Kiểm soát viên đã tham gia đầy đủ các phiên họp BKS, tham gia giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022 và các phiên họp HĐQT; đồng thời đã hoạt động tích cực trong công tác giám sát hoạt động của Công ty cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề: Kế hoạch hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2022-2023; Giám sát quá trình kiểm toán các BCTC năm 2022 của BVSC; Việc soạn Quy chế quản lý tài chính của Công ty. Đồng thời, các Kiểm soát viên phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Kiểm soát viên luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2023-2024

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của Pháp luật, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2023 - 2024 như sau:

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định liên quan đến hoạt động của BKS.
- Giám sát tình hình tài chính của công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác.
- Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và công tác lập và kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; việc thực hiện kiến nghị tại Thư quản lý năm 2022 đối với Công ty của đơn vị Kiểm toán độc lập (nếu có);
- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, và các phiên họp khác do Công ty tổ chức để nắm bắt tình hình và thực hiện việc giám sát công tác quản trị và điều hành Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật các cơ chế chính sách mới ban hành; giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp tại Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của Pháp luật.
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các Ủy ban trực thuộc và các Phòng ban của Công ty để kịp thời nắm bắt thông tin, tham gia ý kiến nhằm phục vụ tốt hơn nữa công tác quản trị điều hành của Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Lương, Thưởng, Thù lao của HĐQT, Ban TGD, BKS

Nguyên tắc chi trả lương, thưởng, thù lao

Đối với HĐQT và Ban Kiểm soát:

- Chế độ lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số: 02/2019/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/02/2019.
- Việc chi trả thù lao, các chi phí hoạt động và chế độ thưởng đối với các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua vào ngày 21/04/2022; Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty và Quy chế chi tiêu của Công ty.

Đối với Ban Tổng Giám đốc:

Việc chi trả lương thưởng được thực hiện theo quy chế tiền lương hiện hành của Công ty và dựa trên kết quả kinh doanh hàng năm cũng như đánh giá hiệu quả làm việc của từng cán bộ trong năm.

Mức lương, thưởng, thù lao đã thực hiện trong năm 2022

Đối với HĐQT và BKS:

- Mức chi trả thù lao của HĐQT và BKS: Thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Điều 8 của Nghị quyết số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ, mức chi cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Mức thù lao
1	Thành viên HĐQT	8.000.000đ/người/tháng
2	Trưởng Ban kiểm soát	8.000.000đ/người/tháng
3	Thành viên Ban kiểm soát	6.000.000đ/người/tháng

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách không thực hiện chi trả thù lao, mà thực hiện chế độ lương từ Quỹ tiền lương theo phê duyệt tại Nghị quyết số: 02/2019/NQ - HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/02/2019.
- Tổng lương và thù lao của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát là **1.778.128.482** đồng.

Đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Tổng lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2022: **2.038.912.750** đồng.

Các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban TGD và BKS

Chế độ bảo hiểm:

- Các thành viên HĐQT không điều hành và Kiểm soát viên: Hiện nay, các thành viên này đều là lãnh đạo, chuyên viên làm việc chuyên trách tại các doanh nghiệp khác nên hưởng các chế độ bảo hiểm tại các doanh nghiệp này.
- Chủ tịch HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc: được tham gia các chế độ bảo hiểm theo chính sách của Công ty bao gồm:

Danh mục	Chủ tịch HĐQT/Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo mức lương quy định tại thang bảng lương của Công ty.
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (HeathCare)	Áp dụng theo chương trình Platinum là chương trình cao nhất của gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện dành cho người lao động tại BVSC có mức bồi thường tối đa là 5,25 tỷ đồng/người, được bảo lãnh toàn bộ chi phí khám chữa bệnh phát sinh trên phạm vi toàn cầu.
Bảo hiểm Nhân thọ	Được mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An hưởng diễn viên với mức phí 48 triệu đồng/người/ năm.
Bảo hiểm các bệnh ung thư (K - care)	Áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 1,17 tỷ đồng/ người.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm:

- Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty: được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và được chi trả theo phát sinh thực tế tại bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao tại Việt Nam.
- Thành viên Ban kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ theo chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm dành cho người lao động của Công ty.

Chế độ đối với phương tiện đi lại:

- Đối với chức danh Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc Công ty: Công ty áp dụng chế độ khoán phụ cấp phương tiện đi lại thay thế chế độ xe đưa đón riêng theo mức từ 10.000.000 đồng/người/tháng đến 15.000.000 đồng/người/tháng.
- Trong trường hợp đi công tác ngoại tỉnh, các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được bố trí xe ô tô theo kế hoạch công tác hoặc sử dụng thẻ taxi và/ hoặc taxi công nghệ.

Chế độ sử dụng điện thoại:

- Trang bị máy điện thoại: HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trang bị điện thoại di động theo mức từ 15.000.000 đồng/người đến 30.000.000 đồng/ người trong khoảng thời gian 2 năm/lần.
- Thanh toán cước phí viễn thông: Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc Công ty được áp dụng chế độ khoán phụ cấp cước viễn thông theo mức từ 4.000.000 đồng/người đến 5.000.000 đồng/người. Đối với các chức danh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chi phí cước viễn thông được thanh toán thực tế theo hóa đơn nhưng không vượt quá hạn mức quy định của Công ty.

Chế độ công tác phí:

- Công tác phí trong nước: Áp dụng theo định mức quy định tại Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty; điều kiện và định mức áp dụng khác biệt giữa các cấp bậc, bao gồm chi phí vé máy bay, khách sạn, phụ cấp lưu trú và thanh toán dựa trên hóa đơn chứng từ.
- Công tác phí nước ngoài: Được thực hiện tham chiếu theo quy định của Bộ Tài chính.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2022 các cổ đông nội bộ của Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu BVS.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm, ngoại trừ việc thu phí giao dịch chứng khoán của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc mở tài khoản giao dịch chứng khoán theo quy định của Công ty, Công ty không ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch đối với những người này.

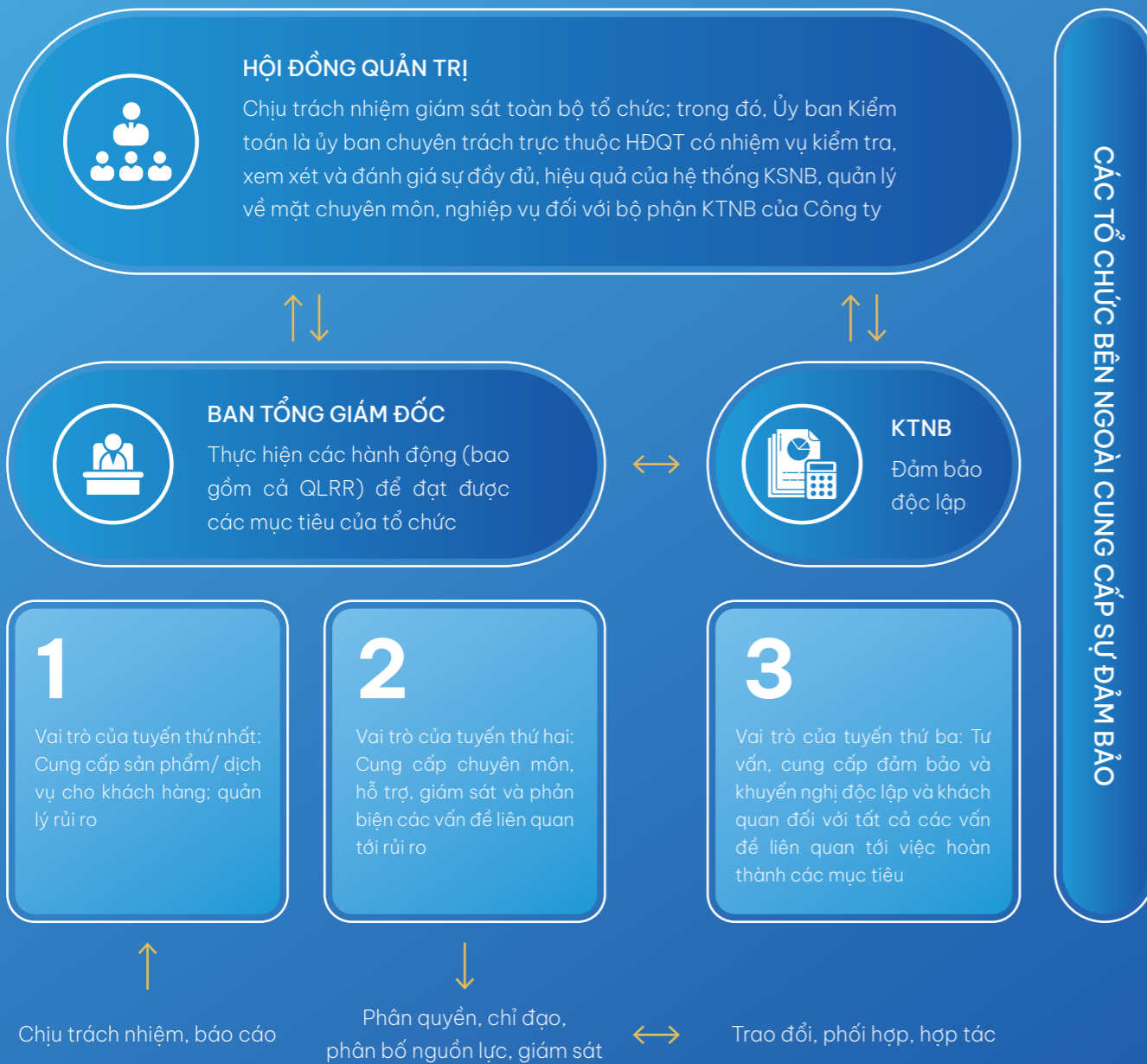
Đối với việc ký kết, thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch với những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc; với công ty trong đó thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: trong năm 2022, Công ty có ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch với Tập đoàn Bảo Việt, các công ty thành viên của Tập đoàn Bảo Việt với tổng giá trị giao dịch là: 68.513.771.200 đồng (trong đó có 34.624.954.400 đồng là số tiền cổ tức năm 2021 BVSC thanh toán cho Tập đoàn Bảo Việt theo như Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022). Các hợp đồng, giao dịch này đều có giá trị nhỏ hơn 10% Tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, do đó theo Điều 52.3 của Điều lệ Công ty hiện hành và Điều 167. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Luật doanh nghiệp 2020, các giao dịch này đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Công ty. Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch này đều được Công ty thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT tại của các Nghị quyết HĐQT; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

(Chi tiết các giao dịch này, vui lòng tham khảo tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính và xem tại Mục 2, Tiểu mục 4.1. Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây, Phần VII của Báo cáo tình hình quản trị công ty số 01/2023/BVSC-HĐQT ngày 27/01/2023 đã được BVSC công bố thông tin trên website của Công ty theo đường dẫn: <https://bvsc.com.vn/News/2023127/1047423/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2022.aspx>

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Mô hình ba tuyến trong quản trị rủi ro

BVSC áp dụng Mô hình Ba tuyến trong quản trị và quản lý rủi ro, trong đó, HĐQT và các tuyến thứ nhất, tuyến thứ hai, tuyến thứ ba thực hiện các vai trò khác nhau, đảm bảo cho công tác quản trị rủi ro được chú trọng và thực hiện xuyên suốt trong toàn bộ Công ty. BVSC hướng tới việc quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý, không chỉ đơn thuần là giảm thiểu rủi ro, phòng vệ lại các rủi ro. Tất cả các Phòng ban làm việc cùng nhau, phối hợp công việc để đảm bảo tính tin cậy, chặt chẽ và minh bạch của thông tin cần thiết cho quá trình đưa ra quyết định trên cơ sở rủi ro.



Tuyến thứ nhất



Có các vai trò gắn trực tiếp với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng là các Phòng ban chức năng/bộ phận kinh doanh trực tiếp, và bao gồm cả các vai trò có chức năng hỗ trợ như nhân sự, hành chính, công nghệ thông tin... Nhiệm vụ chính của tuyến thứ nhất là tác nghiệp, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng; đồng thời, xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của các biện pháp quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ tại các Phòng ban, bộ phận.

Tuyến thứ hai



Có các vai trò đặt trọng tâm vào những mục tiêu cụ thể của quản lý rủi ro: đảm bảo tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, kiểm soát nội bộ, an toàn công nghệ và thông tin, tính bền vững và đảm bảo chất lượng. Nhiệm vụ của tuyến này là kiểm soát tuân thủ; hỗ trợ, giám sát và cung cấp tư vấn, phản biện cho Tuyến thứ nhất.

Tuyến thứ ba

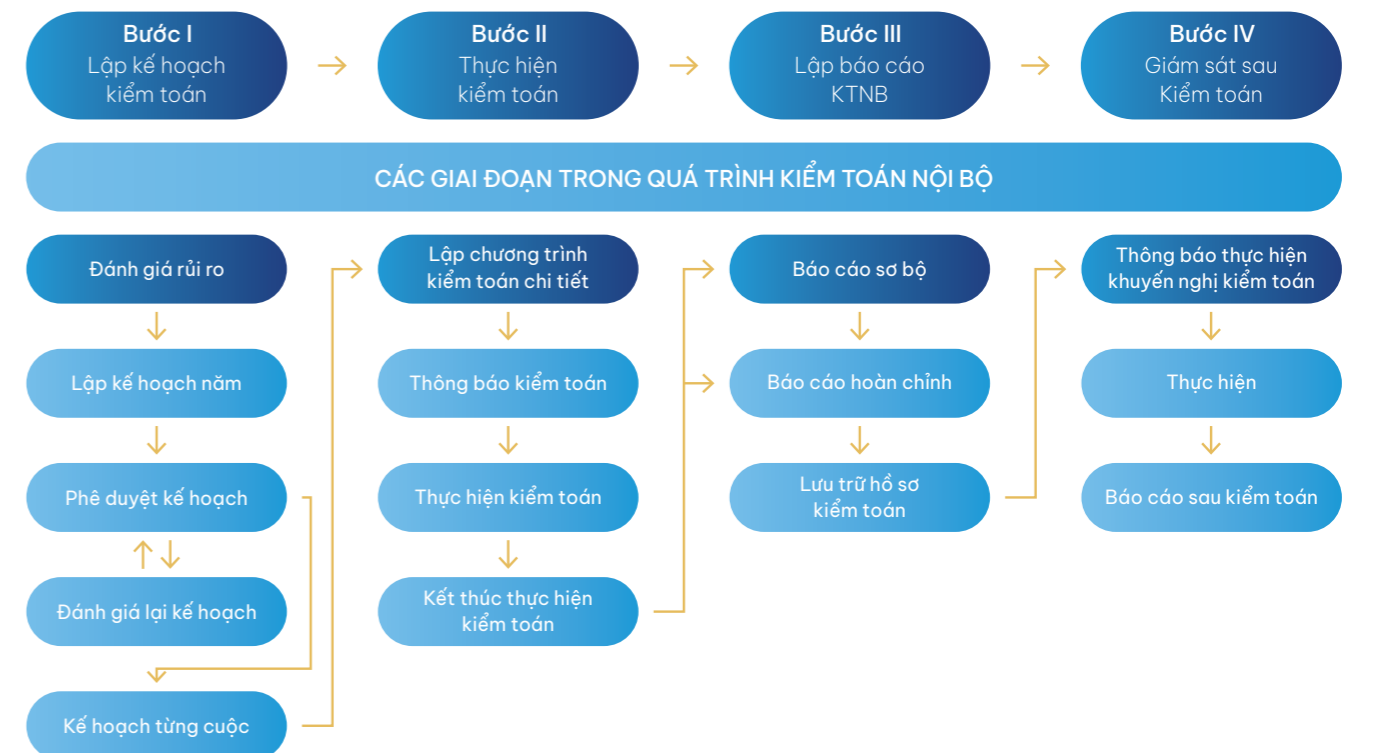


Là bộ phận Kiểm toán nội bộ. Bộ phận có nhiệm vụ cung cấp các tư vấn và đảm bảo độc lập và khách quan về sự đầy đủ và hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro. Kiểm toán nội bộ báo cáo tất cả các vấn đề liên quan tới việc hoàn thành các mục tiêu cho Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và HĐQT để thúc đẩy việc cải thiện liên tục, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Chức năng, nhiệm vụ

Bộ phận KTNB thuộc tuyến thứ ba trong hệ thống quản trị rủi ro. Bộ phận Kiểm toán nội bộ cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc BVSC đảm bảo sự phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, các quy trình, quy định nội bộ tại BVSC.

Quy trình kiểm toán nội bộ



KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

Tóm lược 4 bước của quy trình kiểm toán nội bộ tại BVSC

Lập kế hoạch kiểm toán: Trước 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB lập và gửi kế hoạch kiểm toán năm cho Ủy ban Kiểm toán có ý kiến xem xét trước khi trình HĐQT phê duyệt ban hành. Kế hoạch kiểm toán gồm các nội dung: *Khái quát về tình hình thị trường chứng khoán năm trước, mục tiêu định hướng trong năm của bộ phận, đánh giá rủi ro, kế hoạch kiểm toán, thời gian kiểm toán, các công việc khác dự kiến trong năm, kiến nghị và đề xuất khác (nếu có).*

Thực hiện kiểm toán: Bộ phận KTNB lập chương trình kế hoạch chi tiết cuộc kiểm toán và thông báo tới đối tượng được kiểm toán về thời gian thực hiện, căn cứ thực hiện, phạm vi thực hiện, phương pháp thực hiện, nhân sự tham gia, các yêu cầu cung cấp hồ sơ... Trên cơ sở đó, bộ phận KTNB triển khai thực hiện kiểm toán bao gồm các công việc: *chọn mẫu kiểm toán; soát xét chứng từ và xác định các phát hiện trong quá trình kiểm toán; kết thúc cuộc kiểm toán (thảo luận và thống nhất các nội dung phát hiện với đơn vị được kiểm toán, hoàn tất các hồ sơ, tài liệu của cuộc kiểm toán).*

Lập báo cáo kiểm toán nội bộ: *Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo kiểm toán từng cuộc kiểm toán:* Báo cáo trình bày đầy đủ nội dung và kết quả kiểm toán theo mục tiêu, yêu cầu đã đề ra cho từng cuộc kiểm toán; đề xuất các khuyến nghị, các biện pháp xử lý các sai sót, các giải pháp cần thiết để hoàn thiện hệ thống KSNB, cải tiến quy trình nghiệp vụ... từ đó nâng cao tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo KTNB hàng năm: Trước ngày 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB gửi báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm trước lên HĐQT và gửi đồng thời đến Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc.

Bộ phận KTNB thực hiện báo cáo khác theo yêu cầu từ Ủy ban Kiểm toán và HĐQT phát sinh trong năm.

Giám sát sau kiểm toán: Đây là bước cuối cùng của quy trình KTNB tại BVSC nhằm đảm bảo đối tượng được kiểm toán thực hiện các hành động khắc phục hoặc cải thiện theo những khuyến nghị tại báo cáo kiểm toán. Trong trường hợp đối tượng kiểm toán không đưa ra các biện pháp chỉnh sửa, hoàn thiện, bộ phận KTNB yêu cầu làm rõ và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2022

Trong năm 2022, bộ phận KTNB tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB Công ty thực hiện các kỳ kiểm toán định kỳ đối với một số hoạt động, nghiệp vụ trọng yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự phối hợp giữa 02 bộ phận giúp tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tránh trùng lặp về nội dung và phạm vi công việc giữa các cuộc KTNB và KSNB, tiết kiệm thời gian làm việc của các phòng nghiệp vụ trong Công ty; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng giữa 02 bộ phận.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm toán và HĐQT, trong năm 2022, bộ phận KTNB BVSC đã hoàn thành các cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

TT	Đối tượng kiểm toán	Nội dung
1	Phòng Đầu tư	Kiểm toán tuân thủ hoạt động đầu tư tự doanh năm 2021
2	Phòng Tư vấn Trụ sở	Kiểm toán hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2021 tại Trụ sở
3	Phòng Tư vấn Chi nhánh	Kiểm toán hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2021 tại Chi nhánh
4	Các Phòng ban liên quan tại Trụ sở và Chi nhánh	Kiểm toán thực trạng tình hình thực hiện khuyến nghị tại các báo cáo KTNB năm 2021
5	Phòng TCKT và Phòng QLHD	Kiểm toán tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ và quy trình mua sắm, quản lý tài sản
6	Các PGD và Phòng KHTC tại Trụ sở và Chi nhánh	Kiểm toán tuân thủ đối với các tài khoản khách hàng có đăng ký chuyển khoản tiền ra ngoài khác chủ tài khoản
7	Các PGD và Phòng KHTC tại Trụ sở và Chi nhánh	Kiểm soát tuân thủ hoạt động ủy quyền giao dịch chứng khoán của khách hàng
8	Các báo cáo khác: <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm 2022 và kế hoạch KTNB cho năm 2023. Báo cáo phòng chống rửa tiền năm 2022. 	

Kết quả kiểm toán cho thấy: tổng quan chung, công tác tuân thủ theo pháp luật, quy trình, quy định nội bộ của Công ty được cán bộ nhân viên Công ty thực hiện tốt. Các sai sót trong quá trình tác nghiệp đều được các phòng nghiệp vụ chỉnh sửa sau khi có ý kiến của bộ phận KTNB, giúp cải thiện và nâng cao hơn chất lượng công việc sau các kỳ tra soát.

Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023

Ghi nhận từ kết quả các cuộc kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong năm 2022; tham khảo báo cáo rủi ro hàng tháng cùng báo cáo quý tại các cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro BVSC, bộ phận KTNB nhận thấy các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của BVSC *được đánh giá ở mức độ thấp và trung bình.* Từ đánh giá này, bộ phận KTNB xây dựng kế hoạch KTNB năm 2023 là tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB triển khai các hoạt động kiểm toán định kỳ, tập trung vào các rủi ro hoạt động trong quá trình tác nghiệp của các phòng nghiệp vụ để đảm bảo nâng cao tính tuân thủ, hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro tại các quy trình, hoạt động kinh doanh của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO



Các rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro BVSC, đánh giá hoạt động QTRR trong năm 2022 và định hướng năm 2023

Với các vai trò nằm trong tuyến thứ hai của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, bộ phận QTRR là nơi quản lý những rủi ro tổng thể, rủi ro tích tụ, đồng thời cũng là nơi hệ thống lại những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty để nhận diện rủi ro nhằm đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp. Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm tổng hợp các báo cáo, thông tin về rủi ro từ các phòng chức năng và bộ phận KSNB nhằm nhận diện, đánh giá, tổng hợp ý kiến và đưa ra đề xuất về những giải pháp cho các vấn đề liên quan để Ban Tổng Giám đốc quyết định, xử lý. Định kỳ, Công ty tiến hành nhóm họp nhằm đánh giá lại các vấn đề phát sinh trong kỳ, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động QTRR; từ đó, đưa ra những

giải pháp, cũng như kế hoạch hành động liên quan đến QTRR của toàn Công ty.

Để quản trị rủi ro tại BVSC, BVSC đã xây dựng chính sách rủi ro hàng năm phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. BVSC đã xác định khẩu vị rủi ro của Công ty là chấp nhận rủi ro ở mức thấp và trung bình. Mức trung bình mà BVSC chấp nhận là do hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động bởi tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán. Các loại rủi ro BVSC nhận diện và chủ động quản trị gồm 6 rủi ro chính là: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý và rủi ro danh tiếng.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Tại BVSC, rủi ro thị trường chủ yếu liên quan đến biến động về giá cổ phiếu và rủi ro lãi suất.

Rủi ro biến động về giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động từ rủi ro hệ thống của thị trường như các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng như những yếu tố nội tại của doanh nghiệp. Khi thực hiện các quyết định đầu tư, bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức rủi ro áp dụng với hoạt động đầu tư do HĐQT phê duyệt, Công ty chú trọng thực hiện phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế cũng như các yếu tố cơ bản và kỹ thuật của cổ phiếu được lựa chọn đầu tư.

Danh mục đầu tư sau giải ngân được BVSC theo dõi chặt chẽ và thường xuyên thông qua các công cụ đánh giá rủi ro như phân tích kịch bản (scenario analysis) và tính toán giá trị tổn thất chịu rủi ro (VAR – Value at risk). Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường, theo những mức độ rủi ro thị trường khác nhau, những tác động tới danh mục đầu tư cổ phiếu cũng như kết quả kinh doanh của Công ty được đánh giá, lượng hóa một cách thường xuyên và chủ động.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức độ thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình lãi suất trên thị trường, cạnh tranh giữa các ngân hàng để có được các mức lãi suất có lợi, đem lại hiệu quả kinh doanh tốt. Kết quả là năm 2022, Công ty không gặp phải bất cứ sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch kinh doanh cũng như kết quả đầu tư.

RỦI RO TÍN DỤNG

Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây thiệt hại/tổn thất trong các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ. Để phòng ngừa, BVSC đã nhận diện, đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro đối với các hoạt động tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Cụ thể:

Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn

BVSC tuân thủ theo Hạn mức tiền gửi được HĐQT phê duyệt hàng năm. Bên cạnh đó, BVSC cũng lựa chọn các ngân hàng đối tác được xếp hạng tín dụng tốt theo đánh giá xếp hạng của Tập đoàn Bảo Việt. BVSC luôn chủ động thường xuyên đánh giá, phân tích ngân hàng, tình hình thị trường, mục tiêu cân bằng giữa rủi ro và hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn trước khi thiết lập hợp đồng đầu tư tiền gửi.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu

Đối với cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do HĐQT phê duyệt. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau quá trình thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của tổ chức phát hành. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, trái phiếu doanh nghiệp cần được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và BVSC đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro tín dụng của tổ chức phát hành.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ

Công ty tiếp tục duy trì các biện pháp quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- Ban hành Hạn mức rủi ro hàng năm, trong đó có các chỉ tiêu liên quan đến giao dịch ký quỹ: tổng dư nợ gốc cho vay giao dịch ký quỹ, dư nợ tối đa trên 01 khách hàng, tổng giá trị giải ngân/1 mã cổ phiếu và số lượng cho vay ký quỹ/tổng số chứng khoán niêm yết. Phòng KSNB & QTRR giám sát đảm bảo việc tuân thủ theo đúng hạn mức rủi ro đã ban hành.
- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát các tài khoản có dấu hiệu rủi ro tích tụ là các tài khoản có dư nợ ký quỹ lớn và tài sản bảo đảm tập trung vào một hoặc một vài mã chứng khoán.
- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 87/2017/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của UBCKNN về giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của các Sở Giao dịch chứng khoán. Định kỳ rà soát Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ căn cứ trên các tiêu chí như thanh khoản của cổ phiếu, biến động giá cổ phiếu, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Thường xuyên cập nhật diễn biến giá và thông tin cổ phiếu để sớm nhận diện và đưa ra biện pháp xử lý sớm đối với các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài; các mã bị hai Sở loại khỏi danh mục cho vay ký quỹ.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, tuân thủ công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và thực hiện công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho Công ty trong quá trình cho vay ký quỹ.

Trong năm 2022, các hoạt động đầu tư tiền gửi, đầu tư trái phiếu và cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ của Công ty không phát sinh sự kiện rủi ro tín dụng.

RỦI RO THANH KHOẢN

Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền và tài sản của nhà đầu tư với tiền và tài sản của Công ty để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ đối với khách hàng. Đối với dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày thông qua việc cân đối dòng tiền thu chi, duy trì kênh tương tác và phối hợp chặt chẽ trong công tác báo nguồn, đăng ký kế hoạch sử dụng nguồn cũng như gửi các cảnh báo thị trường để cân đối dòng tiền đạt hiệu quả nhất, giảm thiểu nguy cơ mất thanh khoản.

Đồng thời, Công ty luôn duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đảm bảo đáp ứng đủ cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về dòng tiền. Các đệm

thanh khoản được củng cố thông qua việc đầu tư vào các tài sản tài chính có tính thanh khoản tốt và việc không ngừng tìm kiếm các nguồn tài trợ vốn từ bên thứ ba để gia tăng khả năng đối phó với các tình huống căng thẳng thanh khoản.

Trong năm 2022, BVSC luôn thực hiện đầy đủ chính xác các nghĩa vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, các Sở Giao dịch, các đối tác và khách hàng giao dịch chứng khoán. Nếu tiêu chí tỷ lệ An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của công ty chứng khoán thì tại BVSC, trong năm 2022, tỷ lệ này hàng tháng luôn ở quanh mức 500%, vượt xa tỷ lệ quy định 180% của UBCKNN.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 04 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.

Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo Công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là một công ty niêm yết, BVSC có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.

Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong bốn công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức kiểm tra, kiểm toán nội bộ công tác tài chính kế toán, đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán tại BVSC. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán, phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

Rủi ro con người

Rủi ro này được BVSC kiểm soát tốt do Công ty đã có một quá trình hoạt động lâu dài và xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn - đào tạo - huấn luyện đến kiểm soát và đánh giá chất lượng công việc. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định tại Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Đối với cán bộ làm việc tại BVSC, ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp luôn là một ưu tiên hàng đầu.

Rủi ro quy trình/thủ tục

Rủi ro quy trình/thủ tục là một trong những rủi ro mà Công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình



hoạt động. Nhận diện được mức độ trọng yếu của rủi ro này nên khi bắt đầu triển khai bất kỳ một hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành các quy trình, hướng dẫn tác nghiệp cụ thể, chi tiết, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành theo đúng quy trình để ra. Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, bộ phận KTNB phối hợp với bộ phận KSNB của Công ty định kỳ tổ chức các đợt rà soát, kiểm tra tuân thủ nhằm đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình so với thực tiễn công việc, từ đó có thể hoàn thiện, cải tiến quy trình, nâng cao hiệu quả trong quá trình tác nghiệp.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Tại BVSC, rủi ro này được đánh giá ở mức độ trung bình thấp bởi rủi ro đã được quản trị qua những chính sách cụ thể như quy trình vận hành hệ thống và xử lý sự cố. Ở cấp độ người sử dụng phần mềm nghiệp vụ, Công ty ban hành các chính sách phân quyền sử dụng để đảm bảo sự phù hợp với nhiệm vụ, phạm vi công việc của từng phòng, cá nhân sử dụng. Định kỳ hàng năm, Công ty thực hiện kiểm tra, rà soát tuân thủ đối với hoạt động công nghệ thông tin nhằm hạn

chế các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành và sử dụng hệ thống.

Thêm vào đó, BVSC còn xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính liên tục và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống. Hệ thống máy chủ và cơ sở dữ liệu của BVSC được đặt tại Trung tâm dữ liệu CMC Tower đạt chuẩn TIER 3 của quốc tế. Ngoài ra, định kỳ Công ty thực hiện đánh giá các sự kiện đã xảy ra để phân tích, dự đoán các rủi ro tiềm ẩn, từ đó, có phương án quản trị những rủi ro được nhận diện.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. Công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí từ lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên. Công ty đã thành lập Phòng Pháp chế với nhân sự có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong Công ty hay các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong Công ty để mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về trách nhiệm tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.

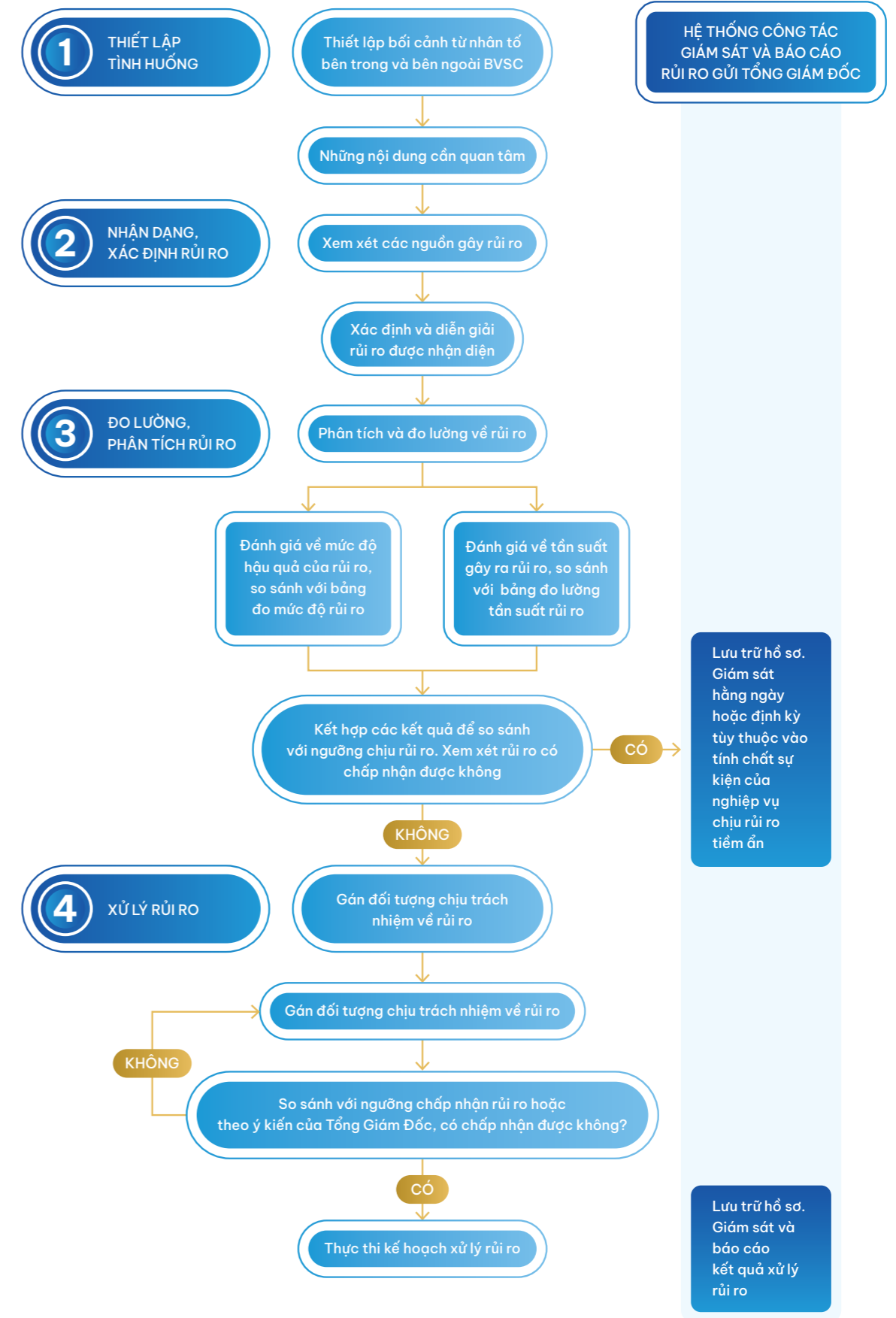


RỦI RO DANH TIẾNG

Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác. Các phản hồi từ khách hàng, cổ đông và đối tác luôn là nguồn

thông tin quý báu để BVSC tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, thắt chặt hơn mối quan hệ với cổ đông, đối tác để giữ vững vị trí là một công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, năng động và chuyên nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng luôn chú trọng xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Tóm lược 4 bước của Quy trình quản trị rủi ro:

- **Thiết lập tình huống:** Được xây dựng nhằm xác định các thông số cơ bản cho việc quản trị rủi ro, thiết lập phạm vi cũng như tiêu chuẩn phục vụ cho quá trình đánh giá, đo lường rủi ro. Các tình huống được thiết lập thông qua các nguồn dữ liệu khác nhau, ví dụ như: khi có thay đổi chiến lược kinh doanh, thay đổi chính sách của cơ quan quản lý, khi xây dựng nghiệp vụ/sản phẩm dịch vụ mới hoặc dựa trên các khuyến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ hay các cơ quan quản lý nhà nước...
- **Nhận diện, xác định rủi ro:** Là hoạt động nhận diện và ghi lại rủi ro, trong đó phải nêu được tối thiểu 03 nội dung chính: Nguồn gốc rủi ro; Diễn giải rủi ro và Đối tượng bị tác động bởi rủi ro.
- **Đo lường, phân tích rủi ro:** Được thực hiện thông qua các phương pháp định tính hoặc định lượng, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ ảnh hưởng của rủi ro. Tần suất và mức độ ảnh hưởng của rủi ro là cơ sở để xác định cấp độ của rủi ro. Hạn mức rủi ro được HĐQT phê duyệt hàng năm là một tiêu chí để kết hợp đánh giá về cấp độ rủi ro của sự kiện.
- **Xử lý rủi ro:** Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo các phương án chính gồm: Chấp nhận rủi ro; Tránh rủi ro; Giảm thiểu rủi ro hoặc Chia sẻ rủi ro. Việc áp dụng biện pháp nào phụ thuộc vào mức độ của sự kiện rủi ro đã được đo lường ở bước trên cũng như cân nhắc giữa chi phí và hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro đó.

Công tác giám sát hạn mức rủi ro và báo cáo rủi ro được thực hiện hàng ngày hoặc định kỳ tháng, quý tùy thuộc vào tính chất của mỗi loại sự kiện rủi ro. Mục tiêu của giám sát và báo cáo nhằm đảm bảo trạng thái của rủi ro luôn nằm trong ngưỡng chấp nhận. Nếu như có sự kiện rơi vào ngưỡng cảnh báo, bộ phận QTRR sẽ phối hợp với phòng nghiệp vụ hoặc chủ sở hữu rủi ro đưa ra kế hoạch hành động để đưa trạng thái rủi ro về ngưỡng an toàn.

HOẠT ĐỘNG QTRR TRONG NĂM 2022

Với nền tảng hệ thống chính sách, quy trình QTRR đã được chuẩn hóa và cập nhật lại hàng năm, công tác QTRR tại BVSC trong năm 2022 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả tốt trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro tại các Phòng ban chức năng của Công ty. Kết quả nhận diện, đánh giá đo lường, biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro được thông báo đến các trưởng bộ phận có liên quan để xử lý kịp thời, nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Các hoạt động được triển khai bao gồm:

Quản trị rủi ro tín dụng của hoạt động cho vay ký quỹ trong điều kiện thị trường chứng khoán diễn biến tiêu cực

Trong các đợt sụt giảm của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022, bên cạnh các biện pháp quản trị vẫn được thực hiện thường xuyên và liên tục, rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ký quỹ được BVSC tăng cường quản trị thông qua các biện pháp:

- Bộ phận QTRR cập nhật thường xuyên và liên tục rủi ro tích tụ đối với các mã chứng khoán: các mã chứng khoán có giá trị giải ngân lớn, mã chứng khoán chiếm tỷ trọng cao trong giá trị TSĐB của khoản khách hàng vay ký quỹ.
- Các Phòng ban liên quan (Phòng Đầu tư, Bộ phận QTRR, các Phòng Giao dịch) theo dõi hàng ngày diễn biến thị trường và cập nhật các tin tức để tiến hành rà soát và cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu rủi ro; từ đó, trao đổi và thảo luận giữa các Phòng ban có liên quan để có phương án giải quyết phù hợp. Phòng Giao dịch liên

hệ và làm việc với khách hàng để đưa ra phương án phù hợp gọi ký quỹ bổ sung/xử lý tài sản nhằm đảm bảo tỷ lệ ký quỹ an toàn đối với tài khoản khách hàng.

- Phương án xử lý đối với các trường hợp mã chứng khoán có rủi ro cao (giảm sàn liên tục nhiều phiên, mất thanh khoản, có tin tức xấu...) được trình lên Ban Tổng Giám đốc để được xem xét và phê duyệt đảm bảo việc xử lý được thực hiện nhanh chóng, kịp thời.

Tổ chức các cuộc họp Hội đồng QLRR

Định kỳ các quý, Công ty tổ chức họp Hội đồng QLRR của BVSC gồm có Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Chi nhánh, các Lãnh đạo Phòng, Bộ phận QTRR và có sự tham gia tư vấn, phản biện đến từ Ủy ban QLRR & ALCO của BVSC. Các cuộc họp nhằm mục đích rà soát, đánh giá hiệu quả toàn bộ hoạt động QLRR đang được tiến hành tại Công ty, đưa ra các khuôn khổ, hành động, biện pháp cần được thực hiện để đảm bảo quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý. Nội dung các kỳ họp Hội đồng QLRR cụ thể như sau:

Kỳ họp lần 1 (25/01/2022)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 4 năm 2021.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý IV/2021 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý I/2022.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý I/2022.

Kỳ họp lần 2 (27/04/2022)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 1 năm 2022.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý I/2022 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý II/2022.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý II/2022.

Kỳ họp lần 3 (23/08/2022)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 2 năm 2022.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý II/2022 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý III/2022.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý III/2022.
- Lập kế hoạch thực hiện Nhận diện và đăng ký rủi ro tại các phòng nghiệp vụ trong Công ty trong quý III/2022.

Kỳ họp lần 4 (25/11/2022)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 3 năm 2022.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý III/2022 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý IV/2022.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý IV/2022.
- Báo cáo kết quả Nhận diện và đăng ký rủi ro năm 2022 tại các phòng nghiệp vụ của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Thực hiện các báo cáo QTRR

Hoạt động	Mô tả
Báo cáo Tháng	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo rủi ro hàng tháng được gửi tới Ban Tổng Giám đốc để báo cáo về 06 loại rủi ro được nhận diện, đo lường, đánh giá trong tháng. Đồng thời báo cáo còn cập nhật tiến độ thực hiện các biện pháp quản trị đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp trước đó, đảm bảo các rủi ro được theo dõi, xử lý phù hợp và kịp thời. Báo cáo chuyên biệt hàng tháng về rủi ro tích tụ trong dịch vụ ký quỹ. Báo cáo đưa ra các thông tin đánh giá về tính chất tập trung của những khách hàng có số dư nợ cho vay ký quỹ cao và tài sản đảm bảo tập trung vào chỉ một hoặc một vài mã chứng khoán. Đây cũng là một cơ sở, dữ liệu đầu vào phục vụ cho việc đánh giá và điều chỉnh danh mục cho vay ký quỹ tháng tiếp theo.
Báo cáo Quý	Báo cáo hàng quý phản ánh toàn diện về các rủi ro trọng yếu diễn ra trong quý. Báo cáo Quý được trình bày trước Hội đồng QLRR của BVSC để trao đổi, phân tích và đưa ra các biện pháp quản trị kịp thời và hiệu quả.
Báo cáo Bán niên	Báo cáo QTRR 6 tháng đầu và 6 tháng cuối năm 2022 được gửi tới UBCKNN. Báo cáo nêu chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro tại BVSC Văn bản, quy trình, quy chế về quản trị rủi ro của BVSC Công tác kiểm tra, giám sát của BVSC về quản trị rủi ro Đánh giá về tính độc lập, tránh các xung đột lợi ích trong hoạt động của Công ty
Báo cáo năm	Công ty đã tiến hành rà soát hoạt động quản trị rủi ro trong năm 2022 để ban hành chính sách rủi ro năm 2023 và gửi báo cáo tới UBCKNN. Chính sách rủi ro của BVSC tóm lược các định hướng triển khai của BVSC trong công tác quản trị rủi ro, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu của chính sách rủi ro, khẩu vị rủi ro của BVSC Cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị rủi ro Chính sách quản trị các loại rủi ro được BVSC nhận diện và theo dõi

Xây dựng văn hóa QTRR

Hoạt động	Mô tả
Đào tạo văn hóa tuân thủ và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC	Để phát huy văn hóa tuân thủ trong Công ty cũng như ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ nhân sự kế cận, Công ty đã xây dựng chuyên đề về văn hóa tuân thủ, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC và thực hiện đào tạo cho toàn bộ học viên Future Broker và Next Gen.

Nhận diện, đánh giá và rà soát rủi ro

Hoạt động	Mô tả
Đăng ký rủi ro và cập nhật hồ sơ rủi ro	Các phòng nghiệp vụ phối hợp với bộ phận QTRR thực hiện rà soát, đánh giá mức độ rủi ro và cập nhật sự kiện rủi ro định kỳ; từ đó, cập nhật hồ sơ rủi ro và đưa ra các biện pháp quản trị cũng như phương án xử lý rủi ro. Công tác đăng ký và rà soát rủi ro được thực hiện định kỳ hàng năm giúp BVSC nhận diện và giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Rà soát, cập nhật hạn mức rủi ro và Kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp

Hoạt động	Mô tả
Cập nhật hạn mức rủi ro năm 2023 và Kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp	<p>Hạn mức rủi ro năm 2023 được cập nhật phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam, những thực tế phát sinh của năm 2022 và những thay đổi trong định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023.</p> <p>Kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp được xây dựng và cập nhật để tóm lược các hành động, phản ứng của BVSC nhằm bảo vệ an toàn cho cán bộ nhân viên và bảo vệ tài sản của khách hàng, của Công ty; đánh giá các tác động về tài chính và hoạt động; nhanh chóng khôi phục và tiếp tục hoạt động; cho phép khách hàng thực hiện giao dịch cũng như cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng.</p>



BVSC không xảy ra sự kiện rủi ro trọng yếu trong năm 2022

Năm 2022, trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều đợt biến động lớn do chiến tranh Nga Ukraina, FED tăng lãi suất, lạm phát cao trên toàn cầu, rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong nước, hoạt động quản trị rủi ro của BVSC vẫn được thực hiện một cách hiệu quả. Kết quả cụ thể như sau:

- Mặc dù thị trường trải qua những đợt sụt giảm lớn trong năm 2022, nhiều mã chứng khoán bị mất thanh khoản trong thời gian dài, hoạt động cung cấp dịch vụ cho vay ký quỹ tại BVSC không phát sinh sự kiện rủi ro. Diễn biến thị trường của các mã chứng khoán được cho vay ký quỹ, tình trạng tài khoản khách hàng được theo dõi chặt chẽ, từ đó, công tác gọi bổ sung và xử lý tài sản đảm bảo được thực hiện kịp thời. Không phát sinh trường hợp

khách hàng có dư nợ cho vay ký quỹ không được thu hồi đầy đủ trong năm 2022.

- Rủi ro thanh khoản của Công ty được giám sát chặt chẽ, đảm bảo không để xảy ra sự kiện rủi ro về thanh khoản. Các hạn mức rủi ro được đảm bảo tuân thủ. Văn hóa quản trị rủi ro tiếp tục được duy trì và phát huy, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.
- Các sản phẩm và dịch vụ mới triển khai trong những năm gần đây như giao dịch chứng khoán lẻ trên hệ thống trực tuyến, mở tài khoản trực tuyến eKYC, sản phẩm nhận ủy thác cho nhà đầu tư cá nhân đảm bảo việc triển khai thông suốt, hiệu quả, không phát sinh rủi ro trong quá trình vận hành, đem tới cho khách hàng dịch vụ với chất lượng cao.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2023

Năm 2023, dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục chịu tác động bởi những yếu tố tiêu cực từ bên trong cũng như bên ngoài như chiến tranh, tăng trưởng chậm lại của kinh tế toàn cầu, lạm phát tại Việt Nam, rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp... Đồng thời, sự thay đổi của môi trường pháp lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán cũng sẽ yếu tố tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVSC. Theo đó, công tác quản trị rủi ro cần tiếp tục được chú trọng thực hiện trên cơ sở một số định hướng như sau:

- Thực hiện rà soát, sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo phù hợp với các quy định mới của pháp luật về chứng khoán liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Triển khai đào tạo, phổ biến cho các Phòng ban các quy định mới của pháp luật, các quy trình, sản phẩm, dịch vụ mới do Công ty ban hành để nâng cao tính tuân thủ, nhận thức về rủi ro pháp lý cũng như góp phần củng cố văn hóa quản trị rủi ro của Công ty.
- Theo dõi và quản lý thường xuyên, liên tục các loại rủi ro để đưa ra nhận định, đánh giá về xu hướng rủi ro và kịp thời có những biện pháp quản trị rủi ro cũng như có những điều chỉnh trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh có thể phát sinh những cú sốc từ bên trong cũng như bên ngoài. Đối với rủi ro danh tiếng liên quan đến hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu, xuất phát từ việc các tổ chức phát hành trả gốc, lãi không kịp thời, BVSC chuẩn bị các kịch bản ứng phó, xây dựng các phương án để cùng với các bên liên quan phối hợp xử lý. Trong trường hợp xảy ra sự kiện rủi ro, chuẩn bị phương án truyền thông trong nội bộ cũng như qua các phương tiện truyền thông để thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời tới khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông và bảo vệ danh tiếng cho Công ty.
- Tăng cường quản trị rủi ro và kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ mới ngay từ khâu xây dựng, phát triển sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt đối với các sản phẩm, dịch vụ được triển khai và vận hành trên

nền tảng số, để đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Chuẩn hóa quy trình và tổ chức đào tạo nhân sự khi triển khai sản phẩm, dịch vụ mới để giảm thiểu các rủi ro, sai sót phát sinh trong quá trình vận hành.

- Cập nhật và mở rộng các chương trình đào tạo về quy trình, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho đối tượng nhân sự mới tuyển dụng tại các chương trình Next Gen để nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân sự mới tuyển dụng của BVSC, phát triển văn hóa tuân thủ và quản trị rủi ro trong Công ty.

Triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2023. Thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị của Ủy ban QTRR & ALCO và Hội đồng quản trị.



THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2022 TẠI BVSC

Năm 2022 trong môi trường kinh doanh diễn biến phức tạp với nhiều biến động lớn, BVSC chủ động nâng cao tính minh bạch và nâng cao chất lượng quản trị công ty nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do đó việc thực hiện các quy định về quản trị công ty luôn được BVSC chú trọng thực hiện nghiêm túc và đầy đủ, cụ thể như sau:

- Tuân thủ nghiêm túc quy định trình tự, thủ tục về triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 (“Nghị định 155/2020/NĐ-CP”), Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ đã được BVSC trình bày theo đúng các nội dung quy định tại Điều 280 và Điều 290 của Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP;
- Cơ cấu HĐQT luôn đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và không điều hành: BVSC luôn duy trì tỷ lệ 4/5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành (cao hơn so với tỷ lệ quy định tại Khoản 2, Điều 276 của Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP); có 01 Thành viên là thành viên độc lập HĐQT. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc. Các thành viên không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty
- Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 02 Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh quản lý hay kiêm nhiệm các công việc khác tại BVSC;
- Để hỗ trợ cho HĐQT thực hiện quản trị Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích, năm 2020 HĐQT thành lập 03 Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban QTCT, BM&TL; Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán.

- BVSC thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng; cũng như tuân thủ tốt quy định về lập báo cáo Báo cáo thường niên đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 196/2020/TT-BTC và Quy chế công bố thông tin của Công ty. Báo cáo thường niên của Công ty được bình chọn trong; TOP 10 doanh nghiệp niêm yết Nhóm vốn hóa vừa có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2022.
- Xây dựng khung pháp lý liên quan đến quản trị Công ty: Để Điều lệ công ty tuân thủ quy định Luật sửa đổi Luật doanh nghiệp 2020, BVSC rà soát, sửa đổi Điều lệ công ty trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ban hành và thực hiện lưu hành Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 13.
- Các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật. Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; công khai các lợi ích liên quan; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các cổ đông nội bộ, hoặc với các bên liên quan đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của Công ty.

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

Một số điểm cần phải tiếp tục cải thiện để nâng cao việc thực hiện quản trị công ty tại BVSC

Là một công ty niêm yết hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng, BVSC luôn ý thức rằng xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả là xây dựng khuôn khổ quản trị tốt dựa trên bốn trụ cột là công bằng, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình và minh bạch. Để hệ thống quản trị công ty của từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới BVSC cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến quản trị công ty như sau:

- Tiếp tục duy trì việc tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2015/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng, Quy chế công bố thông tin của Công ty và các chuẩn mực tại Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và Nguyên tắc 8 tăng cường hoạt động công bố thông tin của Công ty quy định tại Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Đổi mới website của Công ty với giao diện và tính năng thân thiện hơn để cập nhật, công bố đầy đủ các thông tin cho các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận.
- Xây dựng cơ chế có ít nhất một cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành Công ty.
- Nghiên cứu xây dựng/quy định một số chính sách liên quan đến phê duyệt của HĐQT đối với giao dịch với người có liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty, cụ thể: Quy định về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu; Quy định yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.
- Tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ trong khung quản trị nội bộ của Công ty với mục tiêu (i) đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác, (ii) góp phần quan trọng trong nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp và (iii) là các tuyến phòng thủ bảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo các giá trị bền vững cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.



Năm 2022 trong môi trường kinh doanh diễn biến phức tạp với nhiều biến động lớn, BVSC chủ động nâng cao tính minh bạch và nâng cao chất lượng quản trị công ty nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

*** Đánh giá hoạt động quản trị doanh nghiệp theo quy chế CAMEL

Khi thực hiện phân tích các tiêu chí dưới góc độ quản trị Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán).

Theo hệ thống đánh giá này, trong năm 2022, BVSC đạt tổng điểm về quản trị là 84,9/100 điểm. Quản trị doanh nghiệp hiệu quả là một trong những yếu tố giúp Công ty được xếp loại A theo quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các công ty chứng khoán của Ủy ban chứng khoán.

(Tham khảo Phụ lục 1 – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL tại trang 206 của Báo cáo này)

Theo hệ thống đánh giá này, trong năm 2022, BVSC đạt tổng điểm về quản trị là 84,9/100 điểm. Quản trị doanh nghiệp hiệu quả là một trong những yếu tố giúp Công ty được xếp loại A theo quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các công ty chứng khoán của Ủy ban chứng khoán.

*** Đánh giá theo thẻ điểm Quản trị công ty Asean và theo Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam do UB-CKNN phối hợp với IFC ban hành tháng 08/2019

BVSC luôn vững tin rằng việc thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho Công ty, giúp mang lại niềm tin và lợi ích tốt nhất của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác. Do đó song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về quản trị công ty, công tác quản trị tại BVSC được từng bước hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực như “Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean”, hay “Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam” do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành tháng 8/2019.

Kể từ năm 2016, với mong muốn hoàn thiện hệ thống quản trị công ty theo chuẩn mực thị trường khu vực và quốc tế, BVSC đã thực hiện tự đánh giá về hệ thống quản trị của mình tham chiếu theo các tiêu chí tại Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean với 5 nhóm chuẩn mực đạt được như sau: Quyền của cổ đông đạt 21/21 tiêu chí cấp 1; Đối xử bình đẳng với cổ đông đạt 15/15 tiêu chí cấp 1; Vai trò với các bên liên quan đạt 12/13 tiêu chí cấp 1; Công bố thông tin minh bạch đạt 31/32 tiêu chí cấp 1; và Trách nhiệm của HĐQT đạt 58/65 tiêu chí cấp 1.

Tham chiếu Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam, hệ thống quản trị của BVSC đạt được: Trách nhiệm của HĐQT đạt 22/22 tiêu chí của 6 nguyên tắc; Môi trường kiểm soát đạt 6/6 tiêu chí của Nguyên tắc 7; Công bố thông tin minh bạch đạt 4/4 tiêu chí của Nguyên tắc 8; Các quyền của cổ đông đạt 5/5 tiêu chí của Nguyên tắc 9; Quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan đạt 2/2 tiêu chí của Nguyên tắc 10.

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

Một điểm nổi bật, từ năm 2020 để mô hình quản trị của BVSC tiệm cận theo những thông lệ tốt nhất trên thị trường, góp phần hiệu quả trong việc gia tăng giá trị công ty cho cổ đông, BVSC thành lập 03 ủy ban trực thuộc HĐQT trên cơ sở hướng dẫn và khuyến nghị của Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam; việc thành lập 03 ủy ban này thể hiện BVSC cải thiện thực hiện chuẩn mực trách nhiệm của HĐQT theo quy định Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean. Cụ thể các Ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm Ủy ban QTCT, BN&TL (tiêu chí E 2.8 và E.2.13 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean); Ủy ban QTRR&ALCO (tiêu chí E 6.1 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean) và Ủy ban Kiểm toán (tiêu chí E 2.18 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean); đồng thời thực hiện bầu 01 Thành viên độc lập có chuyên môn về kế toán là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán (tiêu chí E 2.20 và 2.22 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean)...



Ngoài ra để bảo đảm đối xử công bằng với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và nước ngoài trong việc thực quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, từ năm 2021 BVSC thực hiện sửa đổi Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công bổ sung thêm quy định về: Trình tự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức hội nghị trực tuyến; quy định cổ đông tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ thông qua bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử theo như khuyến nghị tại tiêu chí 9.2 của Nguyên tắc 9 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam và Tiêu chí A.3.9 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean.



Với **MƠ HỒ**
cần **SÁNG SUỐT**



05

Phát triển bền vững

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý cổ đông, Khách hàng và các đối tác,

Năm 2022 là một năm biến động lớn đối với toàn ngành chứng khoán và là một trong những năm có mức giảm mạnh trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam. Nếu như thách thức của năm trước đó đối với mỗi tổ chức là vừa ưu tiên chống dịch Covid - 19 vừa đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, thì bước sang năm 2022 những đợt lao dốc mạnh trên thị trường do chịu ảnh hưởng từ những cú sốc lớn về niềm tin của nhà đầu tư trước những biến động tiêu cực trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp là phép thử về năng lực thích ứng và khả năng chống chịu của mỗi công ty chứng khoán.

Trong bối cảnh đó, sự linh hoạt trước những biến động, sự chủ động trước những thử thách có tính bất định là phương châm hành động của BVSC. Tập trung kiện toàn nhân sự, chú trọng nâng cao trải nghiệm khách hàng, đầu tư có chiều sâu vào các chương trình đào tạo hỗ trợ nâng cao kỹ năng cho người lao động để tăng khả năng thích ứng với những thay đổi là những định hướng giải pháp được triển khai đã giúp BVSC kịp chạm đích, hoàn thành các chỉ tiêu Doanh thu, lợi nhuận sau thuế thực hiện được ĐHCĐ giao.

Là công ty chứng khoán uy tín lâu năm đồng thời là doanh nghiệp niêm yết trên TTCK, chúng tôi ý thức được tầm quan trọng của sự minh bạch như một cách thức xây dựng giá trị và tạo dựng niềm tin đối với các cổ đông của Công ty nói riêng và đối với các nhà đầu tư nói chung trên thị trường. Trong bối cảnh ngày nay, một thế giới có tên gọi VUCA (Volatility (biến động) - Uncertainty (không chắc chắn) - Complexity (phức tạp) - Ambiguity (mơ hồ)) đặt ra thách thức cho mỗi doanh nghiệp trong mục tiêu ngắn hạn cần duy trì ổn định đồng thời với việc hoạch định hướng phát triển trung và dài hạn. Chiến lược phát triển bền vững của BVSC đã được đặt ra trong nhiều năm qua và chúng tôi kiên định con đường phát triển dựa trên 3 trụ cột là kinh tế, xã hội và môi trường.

Trước biến động cần linh hoạt, trước sự bất định cần chủ động, trước sự phức tạp cần chú trọng hơn nữa tính minh bạch và trước sự mơ hồ cần sáng suốt trong việc chọn lựa con đường phát triển. BVSC đã và đang thực hiện những cam kết với khách hàng, với cổ đông, với người lao động và các bên liên quan khác trong việc thực thi chiến lược phát triển bền vững.

Trân trọng.

Tổng giám đốc
Nhữ Đình Hòa

TRƯỚC BIẾN ĐỘNG CẦN LINH HOẠT, TRƯỚC SỰ BẤT ĐỊNH CẦN CHỦ ĐỘNG, TRƯỚC SỰ PHỨC TẠP CẦN CHÚ TRỌNG HƠN NỮA TÍNH MINH BẠCH VÀ TRƯỚC SỰ MƠ HỒ CẦN SÁNG SUỐT TRONG VIỆC CHỌN LỰA CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN. BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN NHỮNG CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG, VỚI CỔ ĐÔNG, VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC TRONG VIỆC THỰC THI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.”




GẮN KẾT MỤC TIÊU TOÀN CẦU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDGS) VÀ GRI STANDARDS TRONG QUẢN TRỊ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals – SDGs), còn được gọi là Mục tiêu toàn cầu, là mục tiêu phổ quát được thiết kế nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mỗi quốc gia thành viên Liên hiệp quốc (LHQ). 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) dựa trên sáu chủ đề bao gồm: nhân phẩm, con người, hành tinh, quan hệ đối tác, công lý và thịnh vượng.



BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trên cơ sở đối chiếu các chỉ tiêu GRI Standards với các Mục tiêu Phát triển bền vững toàn cầu (SDGs), BVSC đã tiến hành xác định các vấn đề trọng yếu, đồng thời xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động dựa trên quá trình đánh giá, phân tích chiến lược phát triển chung của công ty. Từ đó, tiến hành lựa chọn các mục tiêu đưa vào định hướng hành động nhằm đảm bảo phát triển bền vững là một trong những chiến lược cốt lõi của doanh nghiệp, cụ thể:




KINH TẾ

08
Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế

SDGs

Chỉ số GRI	Định hướng hành động	Thành tựu đạt được
<div style="background-color: #800080; color: white; padding: 10px; border-radius: 10px; width: 60px; margin: 0 auto;"> <small>HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</small> <b style="font-size: 1.5em;">GRI 201 </div>	<p>Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định gắn liền với lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.</p>	<p>Công ty giữ vững ổn định tạo ra hiệu quả kinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổng doanh thu năm 2022: 923,84 tỷ đồng Lợi nhuận thực hiện năm 2022: 213,69 tỷ đồng <p>Trong năm 2022, Công ty cũng tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm mang lại nhiều giá trị sử dụng cho khách hàng, đồng thời cũng chú trọng xây dựng các chính sách phúc lợi, chế độ lương dành cho người lao động tạo ra môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc.</p>



MÔI TRƯỜNG

03
Sức khỏe và có cuộc sống tốt

07
Năng lượng sạch với giá thành hợp lý

12
Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm

SDGs

Chỉ số GRI	Định hướng hành động	Thành tựu đạt được
<div style="background-color: #0070C0; color: white; padding: 10px; border-radius: 10px; width: 60px; margin: 0 auto;"> <small>NĂNG LƯỢNG</small> <b style="font-size: 1.5em;">GRI 302 </div>	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động công ty luôn gắn liền với bảo vệ môi trường. Sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm trong quá trình hoạt động thường ngày. Phát huy sáng kiến cải tiến, tiết kiệm hiệu quả, chống lãng phí. Thực hiện mua sắm, nâng cấp thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng hiệu quả, chống lãng phí. 	<ul style="list-style-type: none"> Tổng lượng điện tiêu thụ trong cả năm 2022 giảm 10% so với năm 2021. Tổng lượng giấy sử dụng giảm 2% so với năm 2021. Không ghi nhận trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường. Mua và lắp đặt mới hệ thống máy tính có khả năng tiết kiệm điện cao trong quá trình sử dụng.
<div style="background-color: #0070C0; color: white; padding: 10px; border-radius: 10px; width: 60px; margin: 0 auto;"> <small>PHÁT THẢI</small> <b style="font-size: 1.5em;">GRI 305 </div>	<p>Kiểm soát tối đa lượng khí thải ra ngoài Môi trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> BVSC luôn trang bị, sử dụng những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp đúng lịch trình các thiết bị theo hướng dẫn của nhà cung cấp, để đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng. Luôn khuyến khích các CBNV sử dụng các phương tiện công cộng để di chuyển, nhằm giảm tải lượng khí CO2 ra ngoài môi trường. Thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

XÃ HỘI

SDGs

01

Xoá nghèo

02

Không còn nạn đói

03

Sức khỏe và có cuộc sống tốt

04

Giáo dục có chất lượng tốt

05

Bình đẳng giới

08

Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế

10

Giảm bất bình đẳng

16

Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ

Chỉ số GRI	Định hướng hành động	Thành tựu đạt được
<p>GRI 413</p> <p>CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức các chương trình từ thiện đến các địa bàn, các hộ gia đình nghèo, gặp khó khăn, hoặc các tỉnh gặp thiên tai, bão lũ... Thực hiện quyên góp các nhu yếu phẩm cần thiết đến các các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách trên toàn quốc. 	<p>Năm 2022, BVSC đã thực hiện ủng hộ, kêu gọi quyên góp cho cộng đồng qua các chương trình từ thiện, chương trình đền ơn đáp nghĩa, chung tay kêu gọi ủng hộ đồng bào vùng thiên tai lũ lụt... gần 480 triệu đồng</p>
<p>GRI 401</p> <p>VIỆC LÀM</p>	<p>Giảm quy mô việc làm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ tuyển dụng mới trong năm: 12,46% Thu nhập bình quân của người lao động: 31,4 triệu đồng/người/tháng 100% cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành
<p>GRI 403</p> <p>AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP</p>	<p>Đảm bảo cán bộ được làm việc trong môi trường tốt, an toàn; sức khỏe của người lao động được bảo vệ và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra liên quan đến sức khỏe.</p>	<ul style="list-style-type: none"> 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động: <ul style="list-style-type: none"> Bảo hiểm sức khỏe toàn diện: 2 tỷ đồng Bảo hiểm các bệnh ung thư: 270,3 triệu đồng Bảo hiểm nhân thọ: 2,88 tỷ đồng Tổ chức khám sức khỏe định kì cho người lao động.
<p>GRI 404</p> <p>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</p>	<p>Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn tốt, kỹ năng và có khả năng thích nghi với sự thay đổi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tổng số giờ đào tạo: 16.958 giờ Tổng số lượt cán bộ tham gia đào tạo: 526 lượt Tổng chi phí đào tạo: 2,1 tỷ đồng
<p>GRI 405</p> <p>SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG</p>	<p>Xây dựng môi trường làm việc đa dạng và bình đẳng, người lao động được tôn trọng, được phát huy tối đa năng lực của bản thân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số trong tất cả các chính sách nhân sự của Công ty Lao động nữ chiếm 48% trên tổng số nhân sự 44% lãnh đạo quản lý là nữ Dân tộc thiểu số: 05 người

BVSC_Report 2021

Organization Name: Baoviet Securities
Sector: Financial Services

CÔNG BỐ THÔNG TIN
THEO TIÊU CHUẨN CHUNG

**GRI
102**

GRI 102

(Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016)

Hồ sơ tổ chức

102-1 Tên tổ chức

102-2 Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ

102-3 Địa điểm của trụ sở chính

102-4 Các địa điểm hoạt động

102-5 Quyền sở hữu và hình thức pháp lý

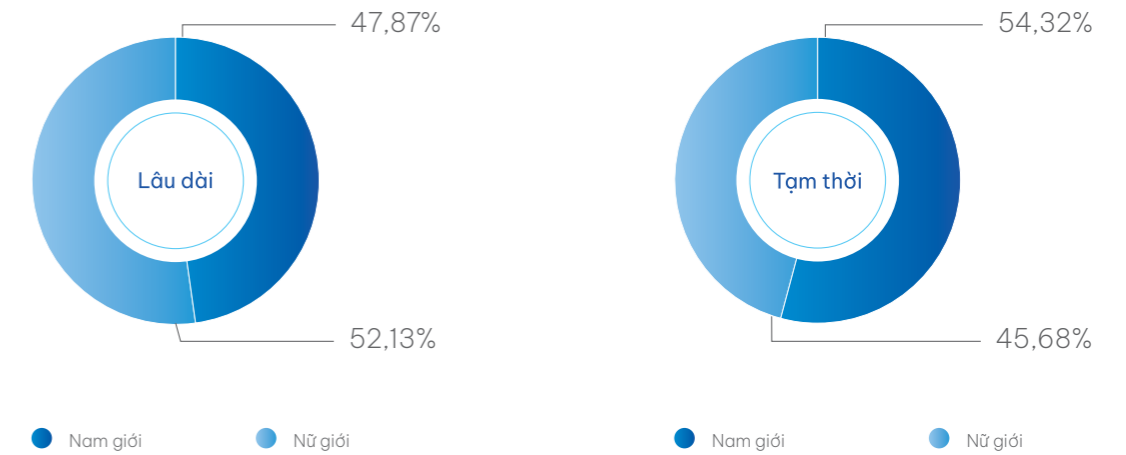
102-6 Các thị trường phục vụ

(Chi tiết xem tại xem Chương I từ trang 06-22 của Báo cáo này)

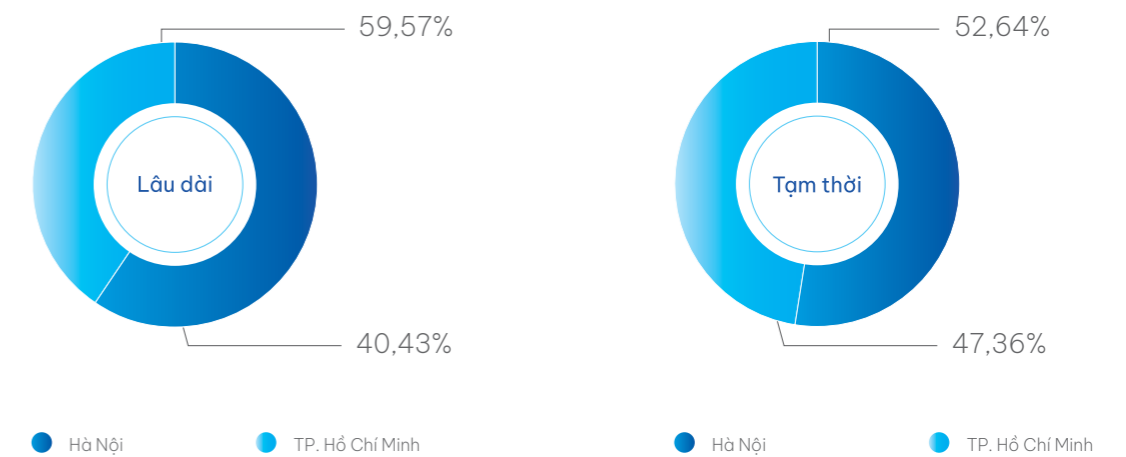


102-8 Thông tin về nhân viên và người lao động khác

Theo giới tính



Theo khu vực



102-13 Quyền hội viên trong các hiệp hội

BVSC là hội viên của Hiệp hội kinh doanh chứng khoán; Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính và Hiệp hội kinh doanh trái phiếu.

QUẢN TRỊ

102-18 Cơ cấu quản trị:

Chi tiết xem tại Chương IV, Quản trị Công ty từ trang 84 đến trang 141 của Báo cáo này.

102-40 Danh sách các nhóm liên quan



102-41 Thỏa ước thương lượng tập thể

Tỷ lệ phần trăm tổng nhân viên tham gia các thỏa ước thương lượng tập thể:

100%

102-42 Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của BVSC đến họ hoặc những cá nhân/tổ chức có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của BVSC. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; Mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp. Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của BVSC, đặc biệt là các vấn đề về quản trị công ty, phát triển nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.



102-43 Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan

Công ty nhận diện các bên liên quan và thực hiện phương pháp tiếp cận để biết các vấn đề được các bên liên quan như sau:

Đối với cổ đông/ Nhà đầu tư:

- Đại hội cổ đông.
- Bộ phận quan hệ cổ đông (email/ hotline).
- Gặp gỡ trực tiếp/ trực tuyến nhà đầu tư.
- Sàn giao dịch và các xuất bản báo chí.
- Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư.
- Website, Fanpage, Zalo công ty.

Đối với cơ quan báo chí:

- Tổ chức họp báo (trực tiếp/trực tuyến)
- Các chương trình gặp mặt phóng viên báo chí thường niên.
- Tiếp xúc trực tiếp qua phỏng vấn/ giao lưu kết nối.

Đối với Khách hàng:

- Đội ngũ nhân viên môi giới/ tư vấn.
- Tiếp xúc trực tiếp/ trực tuyến từ sàn giao dịch.
- Hội nghị tri ân khách hàng.
- Tổng đài chăm sóc KH/ Email/ Fanpage/ Zalo.
- Hội thảo phân tích và khuyến nghị đầu tư.
- Các kênh liên lạc khác (Website, email, điện thoại, mạng xã hội).

Đối với người lao động

- Đối thoại định kỳ hàng quý và Hội nghị người lao động định kỳ hàng năm.
- Các hội nghị sơ kết/ tổng kết.
- Thông qua vai trò của người quản lý trực tiếp.
- Thông qua vai trò của Công đoàn và Bộ phận nhân sự.
- Chương trình tập huấn văn hóa doanh nghiệp.
- Tọa đàm và các chương trình đào tạo nội bộ.
- Thông qua kênh truyền thông nội bộ Workplace, Email, Fanpage, Zalo.

Đối với các cơ quan quản lý

- Thông qua hội nghị, Hội thảo, đào tạo do các cơ quan quản lý tổ chức.
- Tiếp xúc trực tiếp/ trực tuyến.
- Các kênh liên lạc khác (Website, email, điện thoại).

Cộng đồng đại chúng

- Thông qua chính quyền địa phương/ cơ quan sở tại.
- Các ấn phẩm, sản phẩm mới ra mắt của Công ty
- Thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội (Website, Fanpage, Zalo..)

Đối với các Hiệp hội

- Sinh hoạt thường kỳ.
- Thông qua các hội thảo, diễn đàn, sự kiện.
- Thông qua các thảo luận, đóng góp ý kiến trong các chương trình sinh hoạt định kỳ.

QUẢN TRỊ (tiếp theo)

102-44 Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên

Nhóm/ bên quan tâm	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của BVSC
Cổ đông Nhà đầu tư..	<ul style="list-style-type: none"> Hiệu quả hoạt động của công ty. Minh bạch thông tin. Nâng cao năng lực quản trị Công ty, giá trị Công ty tăng trưởng. Chính sách chi trả cổ tức. 	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ động công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư. Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động IR. Duy trì chính sách chi trả cổ tức đều đặn. Đẩy mạnh đa dạng các kênh kết nối với các Nhà đầu tư tiềm năng.
Cơ quan quản lý	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước. Tích cực đóng góp xây dựng phát triển TTCK Việt Nam. Tuân thủ chặt chẽ các Điều luật, Quy định, Ban hành được đề ra bởi các cơ quan chức năng 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ tốt các quy định pháp luật. Đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước Tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường. Trở thành thành viên tích cực của các Sở giao dịch. Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng hạn.
Các Hiệp hội	<ul style="list-style-type: none"> Trở thành viên của các Hiệp hội và tích cực tham gia vào hoạt động của hiệp hội. Đóng góp nghĩa vụ tài chính cho các Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> Là thành viên và tích cực tham gia vào hoạt động của các Hiệp hội bao gồm Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam. Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính theo quy định của Hiệp hội.
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Chất lượng dịch vụ tốt và giá thành cạnh tranh. Địa điểm giao dịch thuận lợi. Giao dịch thuận tiện, an toàn và bảo mật. Nhân viên thân thiện, cởi mở và tận tâm. Sản phẩm đa dạng để mở rộng cơ hội đầu tư cho khách hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự và chất lượng báo cáo, khuyến nghị đầu tư. Chính sách phí giao dịch, lãi suất margin và ứng trước cạnh tranh và linh hoạt. Đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới giao dịch. Đầu tư xây dựng nâng cấp toàn diện nền tảng giao dịch trực tuyến Bwise và App mobile với nhiều tiện ích đi kèm. Ra mắt các sản phẩm dịch vụ mới phục vụ nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng như sản phẩm Ủy thác đầu tư BVS-Value và BVS- Active, thu hộ định danh.... Triển khai nhiều chương trình khuyến mại và sự kiện tri ân nhằm tăng cường sự gắn kết với khách hàng.
Cơ quan báo chí	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty kịp thời và thuận lợi Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông về thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ động gửi thông cáo báo chí về kết quả kinh doanh định kỳ mỗi quý/bán niên/thường niên cho cơ quan báo chí. Thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện/hoạt động phát sinh trong năm. Cung cấp các phân tích, đánh giá, xu hướng thị trường để giúp báo chí có những thông tin giá trị, khách quan. Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, giải đáp những câu hỏi, thắc mắc của báo chí một cách kịp thời, nhanh chóng.

Nhóm/ bên quan tâm	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của BVSC
Người lao động.	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo việc làm, ổn định và phát triển đội ngũ nhân sự. Chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động, đảm bảo điều kiện làm việc tốt, an toàn vệ sinh lao động. Cơ hội được đào tạo, phát triển bản thân. Tạo cơ hội phát triển bình đẳng, công bằng, những đóng góp thành tích được ghi nhận. Thu nhập ổn định và có tính cạnh tranh. Môi trường làm việc công bằng và chuyên nghiệp. Nâng cấp gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho cán bộ (Bảo hiểm Healthcare) 	<ul style="list-style-type: none"> Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động. Kinh doanh hiệu quả đảm bảo chi trả thu nhập ổn định cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống vật chất của người lao động. Xây dựng các chính sách lương thưởng cạnh tranh, phù hợp với xu hướng thị trường và đảm bảo công bằng, gắn với hiệu quả làm việc. Chế độ phúc lợi được đảm bảo, trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư... bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước. Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với từng vị trí nghiệp vụ. Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để công đoàn, đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở. Các chính sách liên quan đến người lao động hướng tới mục tiêu công bằng trong nội bộ và có tính cạnh tranh với bên ngoài. Triển khai chương trình tuyển dụng, đào tạo bài bản các học viên nhằm tạo nguồn cung nhân lực chủ động và kiểm soát được chất lượng nhân sự. Xây dựng môi trường làm việc an toàn và hiệu quả sau đại dịch Covid-19.
Cộng đồng xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo. Đầu tư cho giáo dục, thể hệ tương lai. Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả. Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn cần được động viên và chia sẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai các chương trình an sinh xã hội thường niên, đầu tư cho thế hệ trẻ, tri ân người có công và xóa đói giảm nghèo. Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa. Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bảo Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động. Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường. Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước. Trực tiếp chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn tại các bệnh viện và cơ sở y tế khám chữa bệnh.
Đối tác, nhà cung cấp.	<ul style="list-style-type: none"> Quy trình đánh giá xét chọn đảm bảo công bằng. Việc ký kết và triển khai hợp đồng tuân thủ pháp luật, đảm bảo tiến độ thanh toán. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp. Hợp đồng được Phòng pháp chế rà soát đảm bảo tuân thủ pháp luật trước khi ký kết. Tiến hành kiểm soát nội bộ về quy trình thực hiện Hợp đồng với các nhà cung cấp. Thường xuyên đánh giá lại khả năng của Đối tác trong việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu của Công ty.

THÔNG LỆ BÁO CÁO

102-45 Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Tất cả các đơn vị của Công ty CP Chứng Khoán Bảo Việt đều được đề cập trong Báo cáo tài chính của công ty và Báo cáo phát triển bền vững này.

102-46 Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề

Công ty xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề của Báo cáo sau khi được Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu đào tạo về việc lập báo cáo theo chuẩn GRI phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ liên quan trong công ty.

Báo cáo Phát triển bền vững của BVSC xác định nội dung báo cáo bằng việc tuân thủ các nguyên tắc báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:



1. Nguyên tắc để xác định nội dung báo cáo:

Bối cảnh phát triển bền vững:

Các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam đang đối mặt với nhiều khó khăn hơn bao giờ hết trong tiến trình hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững trước năm 2030 của Liên Hiệp Quốc. Hiện nay, bối cảnh thế giới diễn biến khó lường, xung đột địa chính trị diễn ra gay gắt, dịch COVID-19 để lại những hậu quả nghiêm trọng, nguy cơ về biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường còn lớn, phát triển kinh tế xã hội trong nước còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế. Nhận thức và đánh giá được những thách thức đó, trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc phát triển hài hòa và cân đối giữa ba trụ cột là kinh tế, xã hội và môi trường cần phải được chú trọng và tích cực hơn nữa. Tại BVSC, bằng sự cam kết mạnh mẽ, bền bỉ và kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững trong nhiều năm qua, Công ty luôn nỗ lực duy trì ổn định và tăng trưởng trong kinh doanh theo hướng xanh, vừa đảm bảo phát triển doanh nghiệp, tạo nền tảng cho việc đóng góp các giải pháp cho an sinh xã hội nhưng đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tính trọng yếu:

Để xác định nội dung báo cáo, Công ty tuân thủ nguyên tắc về tính trọng yếu. Từ đó, Công ty lập ma trận để xác định các bên liên quan trọng yếu chịu tác động trực tiếp (tác động tích cực hoặc tiêu cực) từ các hoạt động của Công ty; và xác định các vấn đề trọng yếu được các bên liên quan quan tâm để trình bày trong báo cáo.

Tính đầy đủ:

Thông tin đưa ra trong báo cáo được sử dụng số liệu đầy đủ với phạm vi chủ đề rõ ràng và phạm vi thời gian rõ ràng.



2. Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo:

Tính chính xác: Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này.

Tính cân đối: Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có).

Tính rõ ràng: Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.

Khả năng so sánh: Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.

Tính kịp thời: Báo cáo được lập vào tháng 3/2023 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2022 đến 31/12/2022 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

102-48 Trình bày lại thông tin: Không có

102-50 Kỳ báo cáo:

Các thông tin trong báo cáo này được lập dựa trên các dữ liệu từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

102-51 Ngày của báo cáo gần nhất

Ngày báo cáo gần nhất: ngày 19/04/2022.

Ngày phát hành Báo cáo phát triển bền vững tích hợp cùng Báo cáo thường niên.

102-52 Chu kỳ báo cáo: Thường niên

102-53 Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo

Họ và tên: Bùi Thị Mai Hiền.

E-mail: hienbtm@bvsc.com.vn

Chức vụ: Giám đốc Hoạt động, Thư ký công ty.

Điện thoại: 0243 928 8080 - 600



102-54 Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI

Báo cáo này đã được thực hiện theo Tiêu chuẩn GRI:

Core Option (Lựa chọn báo cáo các vấn đề cốt lõi)

102-55 Mục lục GRI

Thông tin tham khảo

Báo cáo này công bố các thông tin liên quan đến GRI 102: Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016, GRI 103: Phương pháp Quản trị 2016, GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016, GRI 302: Năng lượng 2016, GRI 305: Phát thải 2016, GRI 401: Việc làm 2016, GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2016, GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016, GRI 413: Cộng đồng địa phương.

Phần đã loại trừ: Không có



Công bố thông tin theo tiêu chuẩn Chung 2016



Chiến lược
Trang số: 146



Hồ sơ tổ chức
Trang số: 154



Sự tham gia của các bên liên quan
Trang số: 156



Quản trị
Trang số: 158



Nhóm tiêu chuẩn từng chủ đề
Trang số: 158



Thông lệ báo cáo
Trang số: 160



Kinh tế



Phương pháp quản trị
Trang số: 164



Hiệu quả hoạt động kinh tế
Trang số: 166



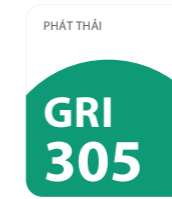
Môi trường



Phương pháp Quản trị
Trang số: 169



Năng lượng 2016
Trang số: 172



Phát thải 2016
Trang số: 172



Xã hội



Phương pháp Quản trị
Trang số: 174



Việc làm
Trang số: 180



Phương pháp Quản trị
Trang số: 183



An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
Trang số: 188



Phương pháp Quản trị
Trang số: 189



Giáo dục và Đào tạo
Trang số: 193

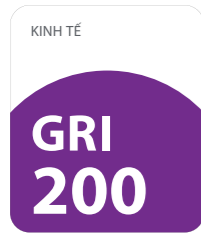


Phương pháp Quản trị
Trang số: 195



Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016
Trang số: 197

CHỦ ĐỀ KINH TẾ



KINH TẾ
GRI 200



Hiệu quả Hoạt động Kinh tế

GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

BVSC là một công ty niêm yết, vì vậy, chúng tôi xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi khi xây dựng được nguồn lực tài chính vững chắc cho doanh nghiệp, chúng tôi mới có thể đem lại lợi ích và thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của mình cho các bên liên quan.

i. Nơi phát sinh tác động

BVSC xác định hiệu quả kinh tế thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản. Việc đạt mức tăng trưởng tốt qua các năm chính là điều kiện để BVSC tiếp tục phát triển và triển khai các hoạt động của mình đối với các bên liên quan.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó

Công ty liên quan trực tiếp đến các tác động vì sự tăng trưởng lợi nhuận của công ty mang lại lợi ích và đảm bảo các quyền lợi tài chính cho cổ đông/ nhà đầu tư, gia tăng dịch vụ và lợi ích cho khách hàng, gia tăng chế độ lương và phúc lợi cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

BVSC quản trị các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế dựa trên các chỉ tiêu tài chính & phi tài chính:

- Các chỉ tiêu tài chính: Tổng tài sản, tỉ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm, tăng trưởng EPS, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng...
- Các chỉ tiêu phi tài chính: thị phần, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ quản lý...

Đảm bảo công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.



ii. Cam kết

Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua. Chính sách hiệu quả kinh tế.

iii. Mục tiêu và chỉ tiêu

Kế hoạch hiệu quả kinh tế trong năm 2022:

Doanh thu thực hiện

898,45 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế thực hiện

213,69 tỷ đồng

iv. Trách nhiệm

Người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc quản trị các vấn đề về chỉ tiêu Hiệu quả kinh tế của Công ty là Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

v. Nguồn lực

Công ty có nguồn lực thực hiện phát triển kinh doanh trực tiếp là các bộ phận kinh doanh như: Khối Môi giới, Khối Tư vấn, Khối Đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn có nguồn lực hỗ trợ kinh doanh để thực hiện các công việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho công ty là các phòng ban liên quan khác.

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành của Công ty: bám sát định hướng về công nghệ thông tin trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số. Công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực hoạt động cũng như là vận hành của Công ty gồm (1) Nâng cấp toàn diện ứng dụng BVS@ Mobile; (2) Mở rộng liên kết thu hộ định danh với ngân hàng BIDV; (3) Triển khai số hóa hoạt động vận hàng và quản lý; (4) Chính thức đưa vào vận hành sản phẩm Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán BVS Value và BVS Active hoàn toàn trên nền tảng số.
- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc khách hàng toàn diện trên các nền tảng digital như fanpage, zalo, website... nhằm nâng cao chất lượng và trải nghiệm khách hàng khi sử dụng sản phẩm và dịch vụ của BVSC. Đồng thời triển khai đề án Trung tâm chăm sóc khách hàng online, dự kiến ra mắt trong năm 2023.
- Triển khai chương trình đào tạo Next Gen 2022 tại Hà Nội và TP. HCM – xây dựng nền tảng nhân sự thế hệ mới cho tương lai.
- Chú trọng xây dựng các chính sách liên quan đến người lao động nhằm đảm bảo những giá trị tốt nhất khi làm việc tại Công ty: (1) nâng cấp gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho cán bộ – Bảo hiểm Healthcare; (2) xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương mới; (3) triển khai áp dụng công cụ đánh giá theo bộ chỉ tiêu KPIs đối với đội ngũ Môi giới và Trưởng nhóm môi giới.

(Chi tiết vui lòng xem tại Chương II từ trang 28 đến trang 67 của Báo cáo này)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (tiếp theo)



103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

Đánh giá hàng tháng/ hàng quý đối với các chỉ tiêu đã đặt ra.

Các phòng/ ban kinh doanh chịu trách nhiệm về việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của mình và lập báo cáo để ban điều hành kiểm soát. Trong các cuộc họp giữa các phòng/ ban kinh doanh với ban điều hành đều có sự tham gia của các bộ phận kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Thực hiện phương pháp quản trị đạt hiệu quả giúp công ty kiểm soát được các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có điều chỉnh nào trong kỳ báo cáo.



GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế

201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra: Tổng doanh thu:

923,844,242,134 VNĐ

Chi phí hoạt động: Tổng chi phí:

209,142,378,861 VNĐ

Lương và phúc lợi của nhân viên:

276,957,053,068 VNĐ

Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn và cổ đông:

192,467,755,269 VNĐ



Tổng số phải nộp cho chính phủ:

217,471,695,220 VNĐ

Đầu tư cho cộng đồng:

479,441,250 VNĐ

Giá trị kinh tế chưa phân phối: 'Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra' trừ đi 'Giá trị kinh tế được phân bổ':

27,325,918,466 VNĐ

2022 là một năm khó khăn với toàn ngành Chứng khoán, trong đó BVSC không là ngoại lệ. Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra từ hoạt động kinh doanh giảm 19,5% so với năm 2021. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo duy trì giá trị lợi ích phân bổ cho các bên liên quan gồm người lao động, nộp cho chính phủ với tỷ lệ tương đương với năm 2021 trên giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra, đồng thời có mức giảm lần lượt là 17% và 11% - thấp hơn mức giảm của giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra; đồng thời đảm bảo các khoản thanh toán cho nhà cung cấp và lợi ích của cổ đông trong đó đảm bảo thanh toán cổ tức bằng tiền đúng theo quy định cho nhà đầu tư.

Giải thích, bao gồm phân tích các khoản phải nộp cho chính phủ theo quốc gia (nếu có)

BVSC luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2022, tuy tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, BVSC vẫn duy trì mức nộp ngân sách nhà nước đạt hơn 217 tỷ đồng (bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác).

201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng: Có

Giá trị ước tính:

14.000.139.334 VNĐ

Bao gồm chi phí các loại bảo hiểm: BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm các bệnh ung thư.

Có quỹ riêng không? Không

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (tiếp theo)

HIỆU QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

**GRI
201**

GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế (tiếp theo)

Tỷ lệ đóng bảo hiểm của người lao động và Công ty: Công ty thực hiện tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

Người lao động đóng

10.5%

Người sử dụng lao động đóng

21.5%

Bên cạnh đó, Công ty duy trì gói phúc lợi bảo hiểm ưu việt dành cho toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty bao gồm: bảo hiểm sức khỏe toàn diện Healthcare, bảo hiểm các bệnh ung thư K-care và bảo hiểm nhân thọ. Việc triển khai và duy trì gói phúc lợi bảo hiểm ưu việt trong những năm qua đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban lãnh đạo Công ty dành cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, an tâm về tài chính trước những rủi ro không mong muốn xảy ra cũng như gia tăng tài chính khi nghỉ hưu.

CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG



GRI 300

Năng lượng – Nước – Điện – Vật liệu

GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Với đặc thù là doanh nghiệp trong ngành cung cấp dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của BVSC không gây tác động trực tiếp và đáng kể đến môi trường, tuy nhiên BVSC luôn cố gắng gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động của công ty, đặc biệt là các hoạt động nội bộ bằng việc nâng cao nhận thức của CBNV về bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng để ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

i. Nơi phát sinh tác động

Số năng lượng, nước, điện và vật liệu công ty sử dụng trong quá trình hoạt động cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó.

Việc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải sử dụng các năng lượng: điện, nước, giấy và có xả ra một lượng rác thải sinh hoạt ra môi trường. Vì vậy đây là tác động trực tiếp từ doanh nghiệp.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Doanh nghiệp quản lý số năng lượng tiêu hao thông qua hóa đơn hàng tháng, trên hóa đơn có chỉ số năng lượng tiêu hao và số chi phí phải trả cho điện năng, nước, giấy tiêu thụ.

Trong quá trình hoạt động, Công ty nhận thức việc doanh nghiệp quản trị để điều chỉnh và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và hợp lý sẽ góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

i. Trách nhiệm

Các vấn đề liên quan đến việc sử dụng năng lượng trong Công ty được người đứng đầu bộ phận hành chính – kế hoạch ghi nhận và báo cáo lên Ban điều hành Công ty.

NĂNG LƯỢNG – NƯỚC – ĐIỆN – VẬT LIỆU (tiếp theo)



GRI 103: Phương pháp Quản trị (tiếp theo)

i. Trách nhiệm

Các vấn đề liên quan đến việc sử dụng năng lượng trong Công ty được người đứng đầu bộ phận hành chính – kế hoạch ghi nhận và báo cáo lên Ban điều hành Công ty.

v. Nguồn lực

Bộ phận hành chính – kế hoạch

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Công ty thực hiện đẩy mạnh phong trào “BVSC – Chung tay tiết kiệm” để từ những hành động nhỏ nhất, mỗi CBNV cùng nhau nâng cao ý thức tiết kiệm, giảm thiểu các chi phí không cần thiết cho Công ty.

Nhiều biện pháp cụ thể đã được Công ty thường xuyên áp dụng để góp phần giảm tải việc sử dụng năng lượng như:

Đối với điện:

- Tăng cường công tác truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng của mỗi CBNV. Tắt đèn và các thiết bị dùng điện không cần thiết khi ra khỏi văn phòng hoặc khi không sử dụng.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, mua mới và nâng cấp các thiết bị có khả năng tiết kiệm điện cao trong quá trình sử dụng. Thường xuyên kiểm tra tình hình bố trí và sử dụng các trang thiết bị điện trong quá trình vận hành.
- Kiểm tra, lắp đặt hệ thống chiếu sáng chung một cách hợp lý, tận dụng ánh sáng và không khí mát tự nhiên. Tắt bớt các bóng đèn ở khu vực hành lang hoặc khu vực không có người sử dụng; đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...)
- Đẩy mạnh phong trào sáng kiến/ý tưởng về tiết kiệm điện trong toàn thể CBNV.
- Duy trì nhiệt độ của hệ thống điều hòa trên 26 độ trong những ngày mùa hè, độ ẩm trung bình và luôn đảm bảo sự lưu thông không khí để hạn chế sự tồn tại của virus trong môi trường.
- Cài đặt chế độ tự động tắt toàn bộ hệ thống điều hòa và chiếu sáng sau 17:30 hàng ngày.

Đối với nước:

- Tuyên truyền và tăng cường nâng cao nhận thức của nhân viên về việc tiết kiệm nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.
- Chủ động lắp đặt các bình uống nước chung tại phòng làm việc và phòng họp, khuyến khích các nhân viên sử dụng cốc cá nhân để uống nước giúp giảm thiểu chai nhựa.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra rò rỉ nước, tránh thất thoát nước đối với cả nước vệ sinh; tái sử dụng nước sạch cho mục đích tưới cây, không sử dụng nước bồn cầu vào mục đích xả rác.



Đối với Giấy:

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in.
- Sử dụng các phần mềm để lưu trữ văn bản, tiết kiệm lượng giấy in cũng như không gian để lưu trữ giấy.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

Bộ phận hành chính/ kế hoạch của Công ty là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng năng lượng. Việc đánh giá được diễn ra thường niên trong nội bộ doanh nghiệp và tổ chức các kỳ họp khi có những biến động lớn.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Việc thực hiện quản trị/ đánh giá của bộ phận hành chính/ kế hoạch vẫn được tiến hành dưới sự kiểm soát của Ban Tổng Giám đốc công ty và thực hiện tốt, góp phần quản lý tốt việc tiêu thụ năng lượng của công ty.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

NĂNG LƯỢNG – NƯỚC – ĐIỆN – VẬT LIỆU (tiếp theo)



GRI 302: Năng lượng

302-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Dưới tác động của con người, môi trường thế giới đang ngày càng trở nên khắc nghiệt. Nhận thức được điều đó, nhiều năm liền Công ty duy trì các quy định tại Nội quy lao động của Công ty đồng thời đẩy mạnh truyền thông 2 chương trình tiết kiệm năng lượng là: “**Tiết kiệm điện năng – Tăng thêm thu nhập**” và “**BVSC – Chung tay tiết kiệm**” trong nội bộ. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng, thực hiện các gói thầu mua sắm máy móc thiết bị, nâng cấp công nghệ mới có khả năng tiết kiệm năng lượng hiệu quả, chống lãng phí.

Điện và nước:

BVSC tiến hành theo dõi và kiểm soát chặt chẽ việc tiêu thụ điện năng định kỳ hàng tháng. Sau 1 loạt các giải pháp tiết kiệm điện được thực hiện xuyên suốt trong năm, năm 2022 ghi nhận tổng số điện năng mà Công ty sử dụng cho toàn Trụ sở, chi nhánh và 8 Phòng giao dịch là giảm 10% so với năm 2021 (Tổng lượng điện tiêu thụ: 398.038 kwh)

Mặc dù công ty không cần chi trả chi phí sử dụng nước hàng năm do đã bao gồm trong chi phí thuê văn phòng nhưng việc tiết kiệm nước vẫn được truyền thông tích cực trong công ty.

Giấy:

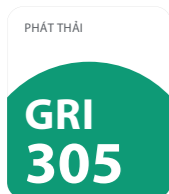
Nhờ việc tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành, nên việc tiết kiệm nguồn tài nguyên giấy trở nên rất có hiệu quả. Các CBNV Công ty tại Hội sở, Chi nhánh và các Phòng giao dịch đều đồng nhất tích cực chuyển đổi mô hình trao đổi công việc sang hình thức họp và trình chiếu trực tuyến giúp hạn chế tối đa lượng giấy và mực in. Năm 2022, tổng lượng giấy tiêu thụ là 1424gr giấy cho cả 2 miền, giảm 2% so với năm 2021.

Tổng số điện năng sử dụng

↓ **10%** so với 2021

Tổng lượng giấy tiêu thụ

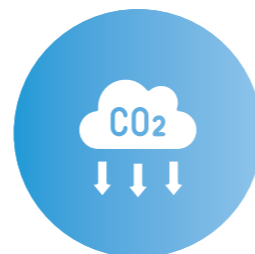
↓ **2%** so với 2021



GRI 305: Phát thải

Khí nhà kính là những khí có khả năng hấp thụ các bức xạ sóng dài (hồng ngoại) được phản xạ từ bề mặt Trái Đất khi được chiếu sáng bằng ánh sáng mặt trời, sau đó phân tán nhiệt lại cho Trái Đất, gây nên hiệu ứng nhà kính. Các khí nhà kính chủ yếu bao gồm: hơi nước, CO₂, CH₄, N₂O, O₃, các khí CFC... Theo đó, sự gia tăng tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch của con người đang làm cho nồng độ khí CO₂ của khí quyển tăng lên.

Phương pháp quản trị: BVSC giảm thiểu tác động đối với môi trường thông qua truyền thông nâng cao nhận thức về việc giảm phát thải của nhân viên Công ty trên toàn hệ thống.



Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, BVSC không sản sinh nhiều lượng khí thải nhà kính cũng như gây ra các tác động đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện kiểm soát chặt chẽ lượng khí thải, chất thải, nước thải,... ra ngoài môi trường. Tăng cường quản lý, tuyên truyền các chính sách tiết kiệm đến cán bộ nhân viên.

Đối với phương tiện vận chuyển:

- BVSC luôn trang bị những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, công ty luôn tiến hành thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu.
- Công ty luôn khuyến khích, vận động các CBNV sử dụng phương tiện công cộng, giúp giảm thiểu lượng khí CO₂ ra ngoài môi trường.
- Duy trì, áp dụng các cuộc họp trực tuyến, trao đổi công việc trên nền tảng sử dụng hệ thống công nghệ thông tin, nhằm giảm việc di chuyển, giảm phát thải ra môi trường.

Đối với khí thải từ hệ thống điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng:

- Công ty luôn lựa chọn những trang thiết bị hiện đại, thân thiện môi trường và đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về khí thải và tiếng ồn. Thực hiện bảo dưỡng theo đúng lịch trình và kỹ thuật của nhà cung cấp để đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát sinh khí thải và kịp thời sửa chữa, thay thế khi thiết bị cũ, hư hỏng.
- Dựa theo công thức thống kê từ Giao thức báo cáo Khí nhà kính (GHG Protocol) – công cụ kiểm đếm được sử dụng rộng rãi trên thế giới để định lượng, nắm bắt và quản lý phát thải Khí nhà kính do Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp thế giới về phát triển bền vững (WBCSD), ghi nhận khối lượng khí CO₂ BVSC thải ra ngoài môi trường trong năm 2022 chỉ xấp xỉ 205 tấn. Số liệu này tính trên tổng lượng xăng (lít) và điện (kwh) mà BVSC đã tiêu thụ trong năm 2022.
- Để giảm thiểu lượng khí CO₂ thải ra ngoài không khí trong quá trình hoạt động, trong từng tòa nhà, tùy điều kiện cho phép khi bố trí mặt bằng, Công ty đều bố trí xen kẽ các không gian xanh để tạo không khí trong lành. Ngoài ra, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động trồng cây, gây rừng được tổ chức hàng năm cùng Tập đoàn Bảo Việt giúp phủ xanh bề mặt trái đất.
- Trong năm 2022, BVSC không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường.

“ Mặc dù không kinh doanh trong lĩnh vực trực tiếp tác động tới môi trường, tuy nhiên, BVSC hiểu rằng trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi công dân đều phải chung tay gìn giữ và bảo vệ môi trường như một sự chuyển giao các giá trị bền vững cho thế hệ tương lai. Trong phạm vi hoạt động của mình, BVSC nỗ lực lồng ghép các chương trình hành động nhằm tiết kiệm tài nguyên và năng lượng như một cách tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tuy nhiên điều quan trọng hơn là thông qua đó nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên cho đất nước.

CHỦ ĐỀ XÃ HỘI



GRI 400



Việc làm

GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng mang lại giá trị sản phẩm dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng của Công ty, tạo nên sự thành công và giữ vững uy tín để từ đó giúp công ty phát triển bền vững.

Việc tăng trưởng và phát triển trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ giúp tăng quy mô việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.

i. Nơi phát sinh tác động

Xác định việc làm là một yếu tố quan trọng tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty, BVSC luôn chú trọng trong việc xây dựng môi trường làm việc tốt, đảm bảo chế độ lương thưởng phúc lợi tốt, có lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng để từ đó tạo sự an tâm cho người lao động nhằm duy trì ổn định nhân sự, giữ chân lao động giỏi, cũng như thu hút đội ngũ lao động có chất lượng trên thị trường.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty, Công ty thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm bao gồm chính sách tuyển dụng, đào tạo và chính sách lương thưởng, phúc lợi của người lao động nhằm xây dựng môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề trong báo cáo này.



103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

- Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty và kế hoạch kinh doanh hàng năm, BVSC xây dựng kế hoạch về quy mô việc làm cũng như kế hoạch tuyển dụng lao động chi tiết; phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng kịp thời và hiệu quả về nguồn lực lao động cho các phòng ban nghiệp vụ cũng như tối ưu hóa về nguồn nhân lực của Công ty.
- BVSC xây dựng các chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh để có thể hỗ trợ cho việc thu hút nhân sự tốt, giữ chân người giỏi và ổn định nhân sự công ty.

i. Mục đích của Phương pháp quản trị

- Tối ưu hóa nguồn nhân sự, đảm bảo lực lượng nhân sự phù hợp và hiệu quả, hạn chế việc dư thừa lao động.
- Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trong việc thu hút nhân sự giỏi trên thị trường thông qua các gói chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp cho từng nhóm lao động.

ii. Chính sách

Chính sách tuyển dụng

Căn cứ kế hoạch nhân sự năm, Công ty xây dựng các tiêu chí lựa chọn ứng viên cụ thể, rõ ràng gắn với mô tả công việc của vị trí đó. Việc đánh giá lựa chọn ứng viên phải đảm bảo sự công bằng, chính xác, phù hợp qua các vòng thi tuyển và phỏng vấn của Hội đồng tuyển dụng.

Chính sách lương thưởng

- Lương của người lao động được xác định dựa trên tổng hợp đánh giá các tiêu chí thuộc 3 nhóm yếu tố: năng lực, khả năng giải quyết vấn đề, trách nhiệm trên bản mô tả công việc chi tiết của từng vị trí cụ thể, đồng thời xem xét các yếu tố bổ sung khác như mức độ khan hiếm của các vị trí, mức độ cạnh tranh trên thị trường và đảm bảo tính công bằng trong nội bộ.
- Chính sách thưởng được xây dựng cho các vị trí khác nhau nhưng đều được dựa trên đánh giá hiệu quả làm việc. Đối với các bộ phận kinh doanh, thưởng hiệu quả làm việc được xác định theo doanh thu/ hiệu quả kinh doanh mang lại. Đối với các bộ phận hỗ trợ và quản lý, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của từng cá nhân theo phương pháp đánh giá mục tiêu.

Chính sách phúc lợi:

- Chính sách phúc lợi được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của người lao động, đảm bảo tính bền vững và phù hợp với định hướng lâu dài của công ty, giúp người lao động cảm thấy hạnh phúc, thể hiện sự quan tâm của công ty tới người lao động.
- Chính sách phúc lợi được quy định rõ ràng theo nhóm lao động và cấp bậc, kết hợp với chính sách lương thưởng tạo nên các gói đãi ngộ cho người lao động, từ đó khuyến khích động viên và giữ chân người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Chính sách phúc lợi được thực hiện thông qua các hình thức như chi tiền mặt, các sản phẩm bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ phép, nghỉ ngày sinh nhật có hưởng lương, chế độ công tác, và các chế độ phúc lợi khác....

VIỆC LÀM (tiếp theo)



103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

iii. Cam kết

BVSC cam kết luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật lao động tại Việt Nam và gia tăng thêm các quyền lợi bổ sung khác cho người lao động.

iv. Mục tiêu và chỉ tiêu

Tỷ lệ tuyển dụng mới, trong đó tỷ trọng tuyển dụng môi giới chiếm 85%

↑ 12%–18%

Cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành

100%



103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

v. Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt kế hoạch, định hướng về các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận nhân sự	Trực tiếp thực hiện và/ hoặc phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Thực hiện công tác kiểm soát và đánh giá rủi ro nhân sự.
Ban chấp hành công đoàn	Thực hiện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động.



vi. Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Chi phí tuyển dụng: 172 triệu đồng. Chi phí chi trả lương thưởng và phụ cấp cho người lao động: 252 tỷ đồng. Chi phí phúc lợi cho người lao động: 24,9 tỷ đồng.
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác nhân sự để đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến công tác tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động.
Nguồn lực về công nghệ	Phần mềm nhân sự được dùng để tập trung dữ liệu và hỗ trợ Bộ phận nhân sự trong công tác liên quan đến tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động.
Nguồn lực khác	Uy tín và thương hiệu nhà tuyển dụng của Công ty trên thị trường.

vi. Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận Nhân sự là đơn vị trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại trong các vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động tại Công ty

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Đối với chính sách tuyển dụng:

Bên cạnh việc triển khai tìm kiếm các ứng viên phù hợp với yêu cầu tuyển dụng đối với từng vị trí cụ thể theo nhu cầu bổ sung nhân sự hàng năm, năm 2022, Công ty đã tổ chức triển khai chương trình Future Broker tại Hà Nội và chương trình Next Gen tại TP. HCM. 02 chương trình này được thiết kế để tuyển dụng và đào tạo dành riêng cho các bạn sinh viên sắp ra trường vào học việc tại BVSC để trở thành nhân viên chính thức của Công ty, trong đó chương trình Future Broker tập trung tuyển dụng đội ngũ môi giới, còn chương trình Next Gen mở rộng tuyển dụng nhiều vị trí khác trong công ty. Đây là chương trình kết hợp giữa tuyển dụng và đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa có chất lượng tốt trong tương lai.

Quá trình tuyển dụng của Công ty luôn được đảm bảo công bằng và minh bạch. Kế hoạch tuyển dụng được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, website của Công ty với các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng. Công ty áp dụng những công cụ đánh giá như phỏng vấn trực tiếp, bài kiểm tra nghiệp vụ, bài tập thực hành ... đánh giá chính xác năng lực và sự phù hợp của ứng viên.

VIỆC LÀM (tiếp theo)



Đối với chính sách trả lương, thưởng:

Công ty đảm bảo việc chi trả đầy đủ lương hàng tháng, lương tháng 13, thưởng hiệu quả làm việc cho người lao động. Đối với khối kinh doanh, thưởng hiệu quả làm việc được xác định theo các chính sách thưởng kinh doanh đã ban hành. Các chính sách thưởng kinh doanh được thường xuyên rà soát điều chỉnh để phù hợp với xu hướng và đảm bảo cạnh tranh với thị trường. Đặc biệt, trong năm 2022, Công ty đã triển khai áp dụng công cụ đánh giá theo bộ chỉ tiêu KPIs đối với đội ngũ Môi giới và Trưởng nhóm môi giới giúp kiện toàn công tác đánh giá và chi thưởng hiệu quả làm việc của đối tượng này một cách công bằng hơn. Đối với khối hỗ trợ và quản lý, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ theo phương pháp đánh giá mục tiêu. Năm 2022, Công ty tham gia khảo sát lương của Mercer để có những đánh giá chính xác về mức độ cạnh tranh đãi ngộ của Công ty thông qua chính sách lương thưởng hiện nay so với các đối thủ trên thị trường.



Đối với chính sách phúc lợi:

Năm 2022, Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của nhà nước, tái tục 03 chương trình bảo hiểm bổ sung dành cho người lao động bao gồm: bảo hiểm sức khỏe toàn diện với 5 gói bảo hiểm gồm: Platinum, Diamond, Gold, Silver & Standard tương ứng với 5 nhóm nhân sự ở các cấp bậc & mức độ đảm nhiệm chức năng - nhiệm vụ khác nhau; bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ. Năm 2022, Công ty đã xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương mới phù hợp với quy định của Nghị định số 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động nhằm đảm bảo quyền lợi theo đúng quy định của Luật và gia tăng phúc lợi cho người lao động. Tổng chi phí của các loại bảo hiểm dành cho người lao động của BVSC năm 2022 lên đến hơn 14 tỷ đồng. Công ty cũng đã triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các bệnh viện có chất lượng dịch vụ tốt tại Hà Nội và TP.HCM, trong đó có bổ sung thêm danh mục khám tầm soát một số bệnh ung thư. Công ty đảm bảo chế độ nghỉ phép cho người lao động theo đúng quy định của Luật và đồng thời tiếp tục triển khai chế độ nghỉ ngày sinh nhật My Birthday - My Choice; theo đó, cán bộ có thể lựa chọn nghỉ 01 ngày bất kỳ trong tháng sinh nhật của mình mà vẫn được hưởng nguyên lương. Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện chi các khoản phúc lợi bằng tiền cho người lao động trong các dịp đặc biệt, cũng như triển khai các chế độ phúc lợi khác...

(Chi tiết tham khảo tại Chương II từ trang 28 đến 67 của Báo cáo này)



Tổng chi phí các loại
bảo hiểm dành cho NLD

14 tỷ đồng

Công ty đảm bảo chi trả lương
hàng tháng, lương tháng 13

Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ
bảo hiểm xã hội theo quy định của nhà nước

Chế độ nghỉ ngày sinh nhật hưởng nguyên
lương My Birthday - My Choice



103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

- Hàng năm, bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro thường xuyên thực hiện công tác rà soát đánh giá về các chỉ số biến động nhân sự để kiểm tra và cảnh báo các ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
- Bộ phận nhân sự thường xuyên trao đổi, tìm hiểu, lấy ý kiến phản hồi từ các phòng ban nghiệp vụ và Ban chấp hành Công đoàn về tình hình nhân sự của phòng, cũng như những ý kiến về các chính sách lương, thưởng, phúc lợi dành cho người lao động và đánh giá những tác động của chính sách tới hiệu quả công việc để từ đó xem xét có những điều chỉnh kịp thời những điểm còn hạn chế, tháo gỡ những khúc mắc của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Với phương pháp quản trị này, Công ty có thể kiểm soát tốt yếu tố con người giúp ổn định nguồn lực nhân sự, thu hút được các ứng viên phù hợp trên thị trường, đảm bảo sự cạnh tranh, giữ chân được những nhân sự giỏi.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Công ty thường xuyên thực hiện rà soát lại các chính sách nhân sự đang áp dụng để kịp thời cập nhật, sửa đổi phù hợp theo quy định của pháp luật cũng như xu hướng của thị trường, đảm bảo theo đúng mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.



VIỆC LÀM (tiếp theo)



GRI 401: Việc làm

401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

Tổng số lượng và tỷ lệ nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.

	Tuyển mới						Tỷ lệ					
	Nam giới			Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50
Hà Nội	19	9		16	4	2	2.72%	1.29%		2.29%	0.57%	0.29%
Hồ Chí Minh	11	4	2	14	5	1	1.58%	0.57%	0.29%	2.01%	0.72%	0.14%
Tổng theo độ tuổi	30	13	2	30	9	3	4.30%	1.86%	0.29%	4.30%	1.29%	0.43%
Tổng theo giới tính	45			42			6.45%			6.02%		
Tổng cộng	87						12.46%					

Tổng số lượng và tỷ lệ thôi việc trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực

	Nghỉ việc						Tỷ lệ					
	Nam giới			Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50
Hà Nội	6	22		6	7		0.86%	3.15%		0.86%	1.00%	
Hồ Chí Minh	2	13		9	4		0.29%	1.86%		1.29%	0.57%	
Tổng theo độ tuổi	8	35		15	11		1.15%	5.01%		2.15%	1.58%	
Tổng theo giới tính	43			26			6.16%			3.72%		
Tổng cộng	69						9.89%					



Năm 2022, tỷ lệ tuyển dụng của BVSC là 12.46%, trong đó chủ yếu tập trung tuyển dụng đội ngũ môi giới với tỷ trọng chiếm hơn 86%. Đồng thời theo số liệu thống kê, nhân sự tuyển mới tập trung chủ yếu ở độ tuổi dưới 30 tuổi với tỷ lệ chiếm gần 70%. Công tác tuyển dụng trong năm 2022 là phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Công ty khi tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới. Hơn thế nữa, Công ty tiếp tục có xu hướng đẩy mạnh tuyển dụng đội ngũ nhân sự trẻ tuổi, có động lực, và năng động để xây dựng đội ngũ kế thừa trong tương lai, cũng như phát huy khả năng thích nghi với những thay đổi của nhân sự trẻ.

Lao động nghỉ việc cũng tập trung chủ yếu ở đội ngũ môi giới và hợp tác phát triển kinh doanh có kết quả kinh doanh không hiệu quả. Hàng tháng, Công ty sẽ tiến hành rà soát đánh giá định kỳ, các trường hợp có kết quả kinh doanh không đạt yêu cầu sẽ xem xét dừng hợp đồng để đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý. Và lượng nhân sự nghỉ việc này sẽ được thay thế tuyển mới để đảm bảo sự cân bằng và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ tuyển dụng của BVSC năm 2022

12.46%

Đội ngũ môi giới chiếm tỷ trọng

86%

VIỆC LÀM (tiếp theo)



401-2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian

	Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh
Bảo hiểm nhân thọ	Có	Có
Chăm sóc sức khỏe	Có	Có
Bảo hiểm các bệnh ung thư	Có	Có
Nghỉ thai sản	Có	Có
Trợ cấp hưu trí	Có	Có
Quyền sở hữu cổ phiếu	Không	Không
Các phúc lợi khác	Có	Có
Giải thích các phần khác	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền

Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nơi có kinh tế phát triển, đông dân, tập trung nhiều lực lượng lao động có chất lượng.

401-3 Nghỉ thai sản

	Nam giới	Nữ giới
Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	135	147
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	3	12
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	3	9
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng sau khi quay lại làm việc	3	9

Tỷ lệ quay lại làm việc của nhân viên đã nghỉ thai sản

100%

Tỷ lệ giữ chân nhân viên đã nghỉ thai sản

100%

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

- An toàn và sức khỏe là một trong những vấn đề quan trọng không chỉ để đảm bảo sức khỏe cho người lao động mà còn đóng góp tích cực vào nâng cao hiệu quả công việc, cải thiện chất lượng cuộc sống của người lao động, giúp người lao động an tâm công tác cũng như gia tăng giá trị thương hiệu nhà tuyển dụng trên thị trường.
- Chính sách phúc lợi tập trung vào vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo đối với người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh thu hút nhân sự trên thị trường lao động cũng như gia tăng sự gắn kết của người lao động với Công ty.

i. Nơi phát sinh tác động

Là một công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, các nguy cơ về tai nạn lao động hoặc các bệnh nghề nghiệp liên quan đến môi trường làm việc là gần như không có phát sinh. Tuy nhiên, người lao động vẫn có thể sẽ gặp phải các tác động tiềm ẩn đến sức khỏe và tinh thần như căng thẳng tâm lý, stress công việc, các bệnh thường gặp của nhân viên văn phòng như đau lưng, mắt, cổ, những ảnh hưởng sức khỏe do đại dịch covid - 19... và các vấn đề sức khỏe tinh thần khác. Do đó, Công ty vẫn thường xuyên chú trọng đến việc xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, hạnh phúc và đưa ra những biện pháp hỗ trợ sức khỏe tinh thần cho người lao động.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó.

Chính sách về an toàn và sức khỏe là một phần trong gói chính sách phúc lợi dành cho người lao động, tạo nên sự an tâm, quyền lợi thiết thực cho người lao động, qua đó tăng động lực làm việc và sự gắn bó của người lao động với Công ty.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề này tại Công ty

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động được Công ty xây dựng cụ thể, rõ ràng phân theo từng nhóm lao động và theo cấp bậc, giúp cho người lao động cảm thấy sự an tâm, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Mục đích của phương pháp quản trị:

- Đảm bảo sự rõ ràng minh bạch để người lao động có thể an tâm về các quyền lợi mà người lao động được hưởng.
- Hạn chế tối đa những thông tin sai lệch về chính sách của Công ty.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)



103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

i. Chính sách

Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:

Công ty thực hiện xây dựng thang bảng lương theo từng chức danh công việc cụ thể và được dùng làm căn cứ để đóng các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.

Chính sách bảo hiểm bổ sung khác:

Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước, Công ty đã thực hiện xây dựng và triển khai áp dụng các chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện (áp dụng từ năm 2010), chính sách bảo hiểm nhân thọ (áp dụng từ năm 2015), chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư (áp dụng từ năm 2017) dành cho toàn bộ người lao động tại Công ty, được xây dựng cụ thể cho từng loại đối tượng và từng cấp bậc nhân viên, do Tổng Giám đốc ban hành. Đây là những chính sách bảo hiểm bổ sung cho người lao động, thực hiện gia tăng quyền lợi cho người lao động ngoài quy định của Pháp luật.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ:

Hàng năm, Công ty thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các Bệnh viện/ Phòng khám quốc tế lớn, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật.

Triển khai chương trình BVSC – Môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc:

Đây là chương trình được xây dựng chủ yếu tập trung triển khai công tác phòng chống dịch covid – 19 tại BVSC với tổng kinh phí hơn 3 tỷ đồng từ năm 2021. Đến đầu năm 2022, khi đại dịch covid – 19 vẫn còn ảnh hưởng, Công ty tiếp tục triển khai chương trình này thông qua việc cung cấp đầy đủ các thiết bị phòng chống dịch, đảm bảo tuân thủ quy trình biện pháp phòng chống dịch theo hướng dẫn của Bộ Y tế, cũng như xây dựng các phương pháp làm việc tại nhà phù hợp nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động. Sau đại dịch, công ty chú trọng đến sức khỏe của người lao động thông qua việc truyền thông các thông tin về sức khỏe hậu covid, cũng như thiết kế danh mục khám sức khỏe định kỳ năm 2022 bao gồm nhiều hạng mục để tầm soát những ảnh hưởng do hậu covid gây ra.

Tổ chức các phong trào, hoạt động thể thao, văn nghệ...:

Thông qua vai trò công đoàn, đoàn thanh niên Công ty tổ chức các phong trào, hoạt động thể thao, văn nghệ, các buổi hội thảo chia sẻ về cách thức chăm sóc sức khỏe... để cán bộ có thể tham gia nâng cao sức khỏe, tinh thần. Công ty đã thành lập các câu lạc bộ bao gồm: CLB chạy bộ BVSC RUN, CLB Yoga, CLB bóng đá để người lao động có thể tham gia duy trì hoạt động tập luyện thường xuyên.



Các văn bản ban hành chính thức bao gồm:

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Theo đúng của quy định của Pháp luật hiện hành.
- Bảo hiểm sức khỏe toàn diện: Quy chế về chính sách bảo hiểm sức khỏe ban hành kèm theo Quyết định số: 61/2016/QĐ – BVSC ngày 27/05/2016 của Tổng Giám đốc Công ty.
- Bảo hiểm nhân thọ: Quy chế về chính sách bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo Quyết định số: 161/2015/QĐ – BVSC ngày 31/12/2015 của Tổng Giám đốc Công ty và Quy định về chính sách bảo hiểm nhân thọ cho các cán bộ quản lý tại Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 51A/2021/QĐ-BVSC ngày 20/07/2021 của Tổng Giám đốc Công ty.
- Bảo hiểm các bệnh ung thư: Quy định về chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư được Tổng Giám đốc ký phê duyệt tại Tờ trình ngày 17/08/2017.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ: Quy định tại Thỏa ước lao động tập thể của Công ty với Đại diện người lao động.
- Nghị quyết số 13/2021/NQ- HĐQT của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt triển khai Chương trình “BVSC – Môi trường làm việc An toàn & Hạnh phúc”
- Quy định về việc chi trả lương làm việc tại nhà trong giai đoạn giãn cách xã hội: ban hành kèm theo QĐ số 06/2022/QĐ-BVSC ngày 23/02/2022.

ii. Cam kết

- Cán bộ được làm việc trong môi trường tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.
- Cán bộ được bảo vệ sức khỏe và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra về sức khỏe.

iii. Mục tiêu và chỉ tiêu

- 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động mà Công ty đã xây dựng.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/ năm.



Cán bộ tham gia BHXH, BHYT, BHTN

100%

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)



103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

iv. Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành.	Thực hiện phê duyệt các chính sách và ngân sách bảo hiểm dành cho người lao động, phê duyệt ban hành quy định về phòng chống dịch covid.
Bộ phận nhân sự.	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu xây dựng chính sách đề xuất Ban điều hành cho áp dụng triển khai. Trực tiếp thực hiện triển khai các chính sách bảo hiểm cho người lao động. Triển khai các công việc phát sinh có liên quan đến bảo vệ người lao động trong giai đoạn dịch covid - 19.
Ban chấp hành công đoàn.	<p>Đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động và theo dõi giám sát việc thực hiện để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động.</p> <p>Tổ chức, duy trì các hoạt động thể thao để nâng cao rèn luyện sức khỏe cho người lao động.</p>

v. Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: 8,11 tỷ đồng. Chi phí mua bảo hiểm bổ sung bao gồm bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ: 5,15 tỷ đồng. Chi phí khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động: 742 triệu đồng. Chi phí thiết bị, vật tư phục vụ công tác phòng dịch covid. Chi phí duy trì hoạt động của các CLB duy trì hoạt động thể thao thường xuyên của Công ty.
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ phụ trách về công tác nhân sự, đội ngũ cán bộ cán bộ công đoàn, đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến chính sách bảo hiểm cho người lao động.

vi. Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối tiếp nhận các thông tin, khiếu nại về nội dung của các chương trình bảo hiểm, đồng thời cũng là đầu mối hỗ trợ kết nối giữa người lao động và các đơn vị bảo hiểm khi giải quyết các vụ việc thanh toán bảo hiểm liên quan.

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- Năm 2022, Công ty đã xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương mới phù hợp với quy định của Nghị định số 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và đồng thời phù hợp với mô hình cơ cấu tổ chức mới sau khi hợp nhất các khối phòng ban theo hướng quản trị tập trung, góp phần tạo nên chính sách đãi ngộ tổng thể đối với từng nhóm chức danh. Công ty thực hiện tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước, mọi quyền lợi liên quan đến chế độ bảo hiểm của người lao động được đảm bảo thanh toán đầy đủ, nhanh chóng và kịp thời.
- Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tái tục các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ dành cho người lao động theo chính sách đã ban hành. Năm 2022, Công ty đã thực hiện nâng cấp gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho cán bộ (Bảo hiểm Healthcare) nhằm mang lại cho CBNV những quyền lợi bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt hơn.
- Trong năm, công ty đã triển khai khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hồng Ngọc (Hà Nội) và tại Phòng khám Careplus (TP. HCM), nơi đáp ứng tốt các điều kiện về khám chữa bệnh theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế cũng như chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, Công ty còn bổ sung thêm danh mục khám sức khỏe một số xét nghiệm tầm soát bệnh ung thư phổ biến và tầm soát sức khỏe hậu covid nhằm gia tăng thêm quyền lợi của người lao động.
- Các hoạt động phong trào rèn luyện sức khỏe cho người lao động được tăng cường đẩy mạnh trong năm 2022. Tại chương trình kỷ niệm 23 năm thành lập Công ty, Công ty đã tổ chức thành công giải chạy 23 RACE cùng nhiều hoạt động ý nghĩa khác. Công ty còn tham gia Hội thao "Sống khỏe cùng Bảo Việt" do Tập đoàn Bảo Việt tổ chức. Ngoài việc tham gia các sự kiện thể thao lớn trong năm, BVSC tiếp tục duy trì các phong trào rèn luyện sức khỏe cho người lao động thông qua hoạt động của các CLB bóng đá, Yoga, Chạy bộ.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

- Công ty thực hiện các khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên đối với các chính sách phúc lợi dành cho người lao động, trong đó có các chính sách liên quan đến bảo hiểm.
- Thông qua báo cáo kết quả khảo sát về chính sách phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, Công ty thực hiện so sánh với các chính sách hiện nay đang áp dụng tại BVSC.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Thông qua kết quả khảo sát, Công ty nhận được những phản hồi tích cực từ phía người lao động về các chính sách bảo hiểm mà Công ty đang áp dụng cho người lao động. Ngoài ra, theo kết quả báo cáo khảo sát nguồn nhân lực hạnh phúc do Anphabe tổ chức, 92% cán bộ tại BVSC hài lòng về các chính sách phúc lợi mà BVSC đang cung cấp và 78% cán bộ cho rằng phúc lợi mà họ đang nhận được có tính cạnh tranh so với các nơi làm việc tương tự. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Công ty sẽ nghiên cứu bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm cho người thân của người lao động góp phần gia tăng phúc lợi cho người lao động.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)



GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

403-1 Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động

- Ban chấp hành công đoàn là đại diện của người lao động tham gia vào việc đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động và theo dõi giám sát việc thực hiện để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động. Ngoài ra, Ban chấp hành công đoàn cũng là đơn vị đầu mối, phối hợp với Đoàn thành niên và Bộ phận truyền thông của Công ty để xuất và tổ chức triển khai các hoạt động thể thao, văn nghệ cũng như nhiều chương trình khác giúp nâng cao tinh thần và rèn luyện sức khỏe cho người lao động.
- Mạng lưới an toàn vệ sinh viên được thành lập với các thành viên là cán bộ làm việc tại tất cả các phòng ban trong Công ty, được đào tạo kiến thức về an toàn vệ sinh tại doanh nghiệp theo đúng quy định. Việc thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh hỗ trợ hiệu quả Công ty trong công tác truyền thông, cũng như triển khai các hoạt động liên quan đến an toàn vệ sinh lao động và chính sách bảo hiểm của Công ty.
- Trong thời gian diễn ra dịch bệnh, Ban chỉ đạo phòng chống dịch covid - 19 vẫn tiếp tục thực hiện vai trò trong công tác phòng chống dịch tại nơi làm việc. Các thành viên của Ban chỉ đạo phòng chống dịch covid - 19 là các cán bộ chủ chốt làm việc tại tất cả các phòng ban, nắm vững các quy định liên quan đến phòng chống dịch của nhà nước, các hướng dẫn của Bộ y tế và quy trình triển khai thực hiện tại phương án hoạt động kinh doanh trong giai đoạn dịch covid - 19 để kịp thời có những hướng dẫn tới cán bộ trong phòng ban khi có phát sinh những tình huống dịch bệnh xảy ra.

Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động:

100%

403-4 Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn

Tại BVSC, công tác an toàn và sức khỏe được thực hiện đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

Bên cạnh đó, Công ty có đề cập đến các vấn đề về an toàn sức khỏe tại các văn bản cụ thể bao gồm:

- Thỏa ước lao động tập thể.
- Các văn bản quy định/ hướng dẫn vệ sinh tại nơi làm việc.
- Các quy chế, quy định về bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư.
- Các văn bản quy định hướng dẫn liên quan đến công tác phòng chống dịch Covid - 19 và các chế độ cho người lao động áp dụng trên phạm vi toàn Công ty.

Do các chủ đề về an toàn sức khỏe được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, do đó, khó có thể xác định tỷ lệ phần trăm.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Đào tạo là yếu tố quan trọng giúp người lao động bổ sung kiến thức mới, hoàn thiện các kỹ năng, từ đó cải thiện hiệu quả làm việc của người lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty, mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

i. Nơi phát sinh tác động

Hoạt động đào tạo được thực hiện tại toàn bộ các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty, nơi các cán bộ nhân viên cần được đào tạo và phát triển các kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc, thích nghi với sự thay đổi thông qua các chương trình đào tạo của Công ty bao gồm:

- Đào tạo định hướng: Giúp cán bộ có thể sớm hòa nhập với môi trường làm việc mới, văn hóa công ty khi được tuyển dụng mới.
- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: Giúp cán bộ được cập nhật thường xuyên các quy định, chính sách, các quy trình nghiệp vụ để thực hiện tốt các công việc đang đảm nhiệm; Giúp cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để có thể phát triển bản thân.
- Đào tạo kỹ năng: Giúp cán bộ nâng cao kỹ năng của bản thân, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Công ty xây dựng các khung chương trình đào tạo, các chính sách đào tạo dành cho người lao động giúp nâng cao trình độ, kỹ năng của bản thân.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các khung chương trình đào tạo được xây dựng cho từng nhóm lao động và theo cấp bậc nhân viên khác nhau. Công ty đưa ra các quy định cụ thể gắn việc đào tạo với lộ trình thăng tiến, các chính sách nâng lương, khen thưởng nhằm khuyến khích người lao động đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo theo vị trí công việc của mình.

Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích cán bộ tham gia các khóa đào tạo giúp nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.

Mục đích của phương pháp quản trị:

- Nhằm đảm bảo khả năng thích ứng nhanh với công việc và với sự thay đổi từ môi trường kinh doanh, quy định pháp luật.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đối với từng vị trí cụ thể, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng nguồn lực dự phòng cho các kế hoạch triển khai và mở rộng kinh doanh của Công ty.



GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (tiếp theo)



103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

i. Chính sách

Chương trình đào tạo định hướng: đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tích của Công ty, từ đó hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, giá trị mục tiêu để gắn kết cá nhân người lao động với kế hoạch phát triển của Công ty. Ngoài ra, cán bộ còn được phổ biến các nội quy, quy định, chính sách nội bộ của Công ty, quy tắc đạo đức nghề nghiệp để cán bộ có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc mới, tạo nên sự thành công của sự gắn bó với công ty trong tương lai.

Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: Khung chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được xây dựng cho từng khối nghiệp vụ cụ thể:

- Đối với khối môi giới: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề; Đào tạo nội bộ theo chương trình đào tạo được xây dựng dành riêng cho đội ngũ môi giới;
- Đối với khối hỗ trợ và quản lý: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề (tùy thuộc vào các vị trí theo yêu cầu của Pháp luật); tài trợ chi phí cho cán bộ tham gia đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, CMT, SHRM...; các khóa đào tạo nghiệp vụ khác theo yêu cầu của từng vị trí chuyên môn.
- Bên cạnh chương trình đào tạo dành cho lao động chính thức, Công ty còn triển khai Chương trình Future Broker thiết kế dành riêng để tuyển dụng và đào tạo các bạn sinh viên sắp ra trường cho vị trí môi giới (Broker) và Chương trình Next Gen mở rộng thêm các vị trí khác (Broker & Non-Broker) trong Công ty nhằm xây dựng thế hệ nhân sự mới có chất lượng tốt trong tương lai.

Chương trình đào tạo kỹ năng: Đào tạo các kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc, kỹ năng quản lý & lãnh đạo dành cho cấp quản lý.

ii. Cam kết

Đảm bảo thực hiện theo các chương trình đào tạo và các quy định có liên quan của Công ty đã ban hành.

iii. Mục tiêu và chỉ tiêu

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên kinh doanh:

15-20 giờ/năm

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên quản lý và hỗ trợ:

12-15 giờ/năm



iv. Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành.	Thực hiện phê duyệt các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo.
Bộ phận nhân sự.	<ul style="list-style-type: none"> Chịu trách nhiệm thực hiện/ phối hợp triển khai các chương trình đào tạo theo kế hoạch. Là đầu mối thực hiện đề xuất các chương trình đào tạo phát sinh (nếu có). Trực tiếp xây dựng/ phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ hoặc đối tác để xây dựng & tổ chức các chương trình đào tạo.
Phòng ban nghiệp vụ.	Phối hợp với Bộ phận nhân sự và/ hoặc các đối tác để xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ.
Phòng Quản lý giao dịch.	Tiến hành triển khai và chịu trách nhiệm các hoạt động đào tạo nội bộ liên quan đến nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

v. Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Chi phí đào tạo năm 2022: 2,1 tỷ đồng.
Nguồn lực con người	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng giảng viên nội bộ: 11 người. Số lượng cán bộ phụ trách đào tạo: 07 người.
Nguồn lực công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo từ xa thông qua hệ thống trực tuyến kết nối giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Đào tạo thông qua hệ thống trực tuyến elearn. Hệ thống phần mềm nhân sự để quản lý việc triển khai hoạt động đào tạo đối với từng nhân sự.

vi. Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động liên quan đến vấn đề đào tạo

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- Năm 2022, BVSC tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ. Các chương trình đào tạo quy trình nghiệp vụ, các sản phẩm dịch vụ mới được tập trung chủ yếu triển khai theo hình thức đào tạo trực tuyến trên cổng đào tạo elearn.baoviet.vn giúp cán bộ có thể chủ động bố trí thời gian tham gia phù hợp và hiệu quả, giảng viên cũng dễ dàng kiểm soát thời lượng tham gia đào tạo của học viên mang lại hiệu quả tích cực trong công tác đào tạo nội bộ này.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (tiếp theo)



103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến (tiếp theo)

- Trong năm 2022, Công ty tiếp tục triển khai thành công với khóa đào tạo của Chương trình Future Broker tại Hà Nội và xây dựng triển khai Chương trình Next Gen mới tại TP. HCM. Nội dung đào tạo của 02 chương trình này được các giảng viên nội bộ cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với những thay đổi quy định, quy trình mới và mục tiêu của chương trình. Ngoài ra, chương trình còn được thiết kế riêng 1 chuyên đề về Digital Skill giúp học viên có thể thích ứng nhanh với chuyển đổi số trong doanh nghiệp.
- Năm 2022, Công ty cử 526 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ tùy theo nhu cầu đào tạo của từng vị trí cụ thể. Bên cạnh đó, Công ty đã hỗ trợ cho các cán bộ tham gia học và thi cấp các chứng chỉ quốc tế như CFA, ACCA, CMT... với tổng chi phí hơn 11 triệu đồng. Ngoài ra, trong năm 2022, Công ty cũng tổ chức các khóa đào tạo dành riêng cho cán bộ của BVSC như khóa đào tạo về kỹ năng excel nâng cao, tư duy dịch vụ khách hàng...
- Ngoài ra, Công ty thường xuyên rà soát, theo dõi về việc tham gia các chương trình đào tạo của người lao động để từ đó có những biện pháp tích cực giúp người lao động nâng cao ý thức học tập và phát triển bản thân.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị;

- Thông qua phần mềm quản lý nhân sự, Công ty có thể kiểm soát được các cán bộ chưa tham gia các khóa đào tạo được quy định cho từng vị trí, thực hiện thông báo khuyến nghị cán bộ tham gia, từ đó thúc đẩy cán bộ tham gia công tác đào tạo.
- Thông qua hệ thống Elearn để đánh giá tính chủ động tương tác và tự học của người lao động.
- Việc tham gia đào tạo đảm bảo theo quy định bắt buộc sẽ là một trong những yếu tố xem xét khi đánh giá nhân sự cho công tác bổ nhiệm cán bộ, đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm, từ đó nâng cao ý thức tham gia đào tạo của cán bộ.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị;

Theo kết quả đánh giá việc chủ động tham gia các khóa đào tạo và kết quả kiểm tra cuối khóa, Công ty nhận thấy trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên đạt yêu cầu công việc và có sự cải thiện qua các năm. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

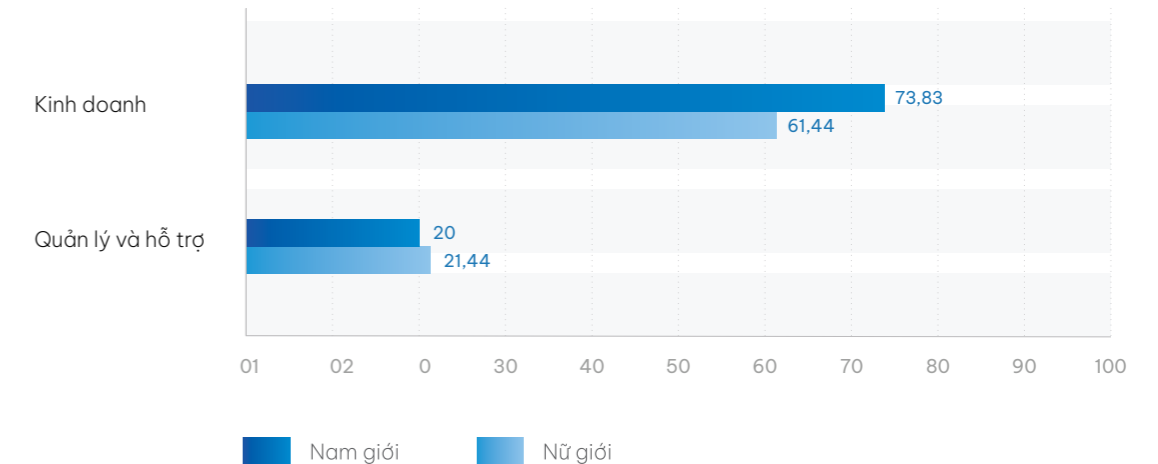
Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các chương trình đào tạo, xây dựng thêm nhiều khung chương trình đào tạo cho nhiều vị trí trong Công ty.



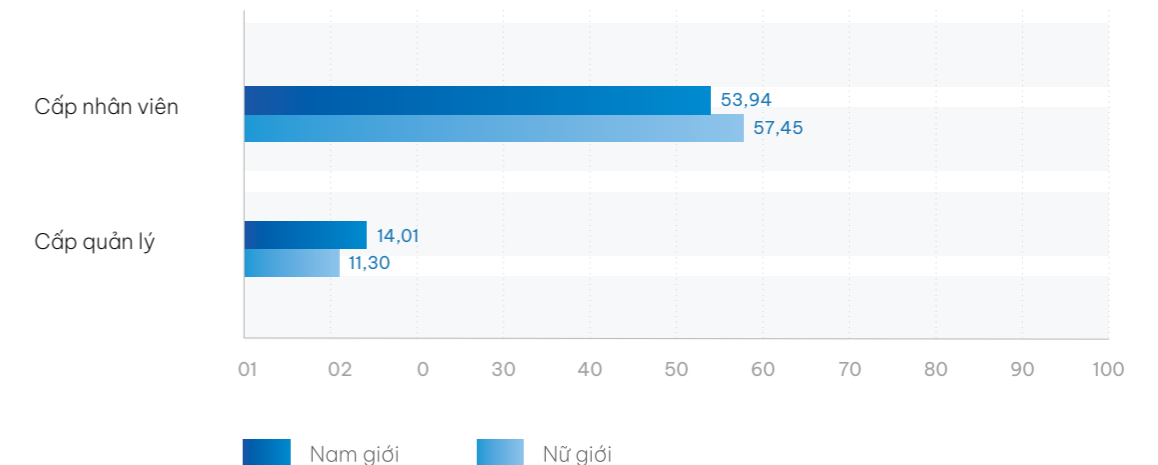
GRI 404: Giáo dục và Đào tạo

404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo chức năng của nhân viên



Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo cấp nhân viên



Năm 2022, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ dành cho cán bộ khối kinh doanh thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến elearn; các khóa đào tạo nghiệp vụ môi giới, đào tạo hướng dẫn các quy định, quy trình mới ban hành, đào tạo về sản phẩm dịch vụ mới được diễn ra thường xuyên. Đồng thời, Công ty cũng đã triển khai 02 khóa của Chương trình Future Broker 2022 tại Hà Nội và chương trình Next Gen tại TP. HCM. Tổng số giờ đào tạo trong năm 2022 là 16.958 giờ, trong đó có 9.869 giờ đào tạo nội bộ và on job training.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (tiếp theo)



404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp

Đối với khối môi giới:

- Đối với lao động mới tuyển, chưa có kinh nghiệm: Đào tạo thông qua Chương trình Future Broker dành cho vị trí môi giới (Broker) và Chương trình Next Gen mở rộng đào tạo cho nhiều vị trí trong Công ty (Broker & Non - Broker) gồm 24 chuyên đề chia làm 3 giai đoạn Đào tạo - Huấn luyện - Thực chiến diễn ra trong 8 tuần, tuân thủ mô hình khung năng lực ASK (Kiến thức - Kỹ năng - Thái độ) kết hợp với hoạt động huấn luyện kèm cặp 1-1 qua công việc. Năm 2022, Công ty đã triển khai thành công khóa đào tạo của chương trình Future Broker tại Hà Nội và chương trình Next Gen tại TP. HCM, tuyển dụng được 15 môi giới có chất lượng ký hợp đồng chính thức với Công ty.
- Đối với lao động đang làm việc: Thực hiện các chuyên đề đào tạo về sản phẩm dịch vụ mới, các quy trình, quy định mới ban hành, hướng dẫn sử dụng hệ thống mới ... Trong năm 2022, Công ty đã triển khai đào tạo các chương trình đào tạo về sản phẩm chứng chỉ quỹ mở, giới thiệu sản phẩm dịch vụ mới Ủy thác đầu tư, giới thiệu tính năng mới của hệ thống đào tạo trực tuyến,...

Đối với các Phòng ban nghiệp vụ khác:

- Công ty khuyến khích, tạo điều kiện cũng như hỗ trợ chi phí để cán bộ tham gia các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ nghề nghiệp phù hợp với lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của mình như CFA, ACCA, CPA, CMT, SHRM...
- Trong năm 2022, Công ty đã tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc của từng vị trí cụ thể như khóa đào tạo phát hiện gian lận báo cáo tài chính; mô hình định giá các dự án Bất động sản; kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng; quản trị rủi ro doanh nghiệp...
- Đối với cấp quản lý: Công ty cử cán bộ tham gia các buổi hội thảo, huấn luyện kỹ năng lãnh đạo, các chương trình đào tạo dành cho cấp quản lý như khóa đào tạo kỹ năng năng đạo - Xây dựng đội ngũ hiệu suất cao, thiết kế cấp bậc nội bộ và xây dựng cấu trúc lương...

404-3 Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp

Phân loại nhân viên	% Nam giới	% Nữ giới
Cấp nhân viên	100	100
Cấp quản lý	100	100

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG



GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

- Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định cụ thể trong các văn bản Pháp luật. BVSC là doanh nghiệp Việt Nam nên việc tuân theo các quy định pháp luật Việt Nam là điều tất yếu.
- Việc tạo ra môi trường làm việc đa dạng và bình đẳng sẽ giúp cho cán bộ nhân viên cảm nhận được sự tôn trọng, được phát huy năng lực của bản thân để đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty; đồng thời cũng giúp cho Công ty tìm kiếm và thu hút nhân sự đa dạng từ các nguồn khác nhau.
- Phạm vi của chủ đề này bao gồm các chính sách, biện pháp để đảm bảo công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá hiệu quả làm việc, đãi ngộ đều dựa trên năng lực, kỹ năng của người lao động.

i. Nơi phát sinh tác động

Chính sách tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá hiệu quả làm việc, chính sách đãi ngộ sẽ tác động đến sự đa dạng và cơ hội bình đẳng tại BVSC.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng tại BVSC được thể hiện trong mọi hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp, được xây dựng và hình thành thành văn hóa doanh nghiệp và trở thành điều tất yếu trong hoạt động kinh doanh.

Không có bất kỳ giới hạn cụ thể về phạm vi chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Trong tất cả các chính sách về nhân sự của Công ty đều được xây dựng không có sự khác biệt, hạn chế theo giới tính, theo dân tộc.

i. Chính sách

- Đối với *chính sách tuyển dụng*: Từ việc xây dựng kế hoạch, quảng bá tuyển dụng đến phỏng vấn lựa chọn ứng viên, BVSC đều tạo cơ hội cho tất cả những người có năng lực phù hợp, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số.
- Đối với *chính sách đào tạo và phát triển nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ*: Tất cả cán bộ đều có cơ hội được tham gia đào tạo và phát triển bản thân phù hợp với vị trí công việc cũng như yêu cầu công việc để có thể nâng cao kiến thức và hoàn thiện các kỹ năng của bản thân. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ đều được thực hiện dựa trên năng lực của cá nhân, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số.

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG (tiếp theo)



103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

- Đối với các chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho người lao động: Việc chi trả lương thưởng, phúc lợi cho người lao động được tuân thủ theo đúng quy định tại chính sách đã ban hành, không có sự phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số.
- Ngoài ra, Công ty luôn xây dựng môi trường làm việc thoải mái, an toàn, nơi người lao động đều được tôn trọng, đối xử bình đẳng.

ii. Cam kết

Đảm bảo duy trì sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho tất cả người lao động trong Công ty.

iii. Mục tiêu và chỉ tiêu

Phấn đấu tăng tỷ lệ nữ trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty.

iv. Trách nhiệm, Nguồn lực, Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết khiếu nại, Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến:

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho người lao động được Ban Lãnh đạo Công ty luôn coi trọng và trở thành văn hóa của doanh nghiệp. Mặc dù hiện nay, BVSC chưa ban hành chính sách riêng cụ thể về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng nhưng quan điểm về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng được thể hiện xuyên suốt trong tất cả các chính sách liên quan đến người lao động trong Công ty.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị:

Thông qua các báo cáo về tỷ lệ nam nữ trong cơ cấu lao động của Công ty dựa trên các báo cáo nhân sự định kỳ hàng năm của Công ty.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị:

Với các số liệu báo cáo về tình hình nhân sự tại Công ty, có thể thấy Công ty đã thực hiện tốt phương pháp quản trị về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng.



iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị:

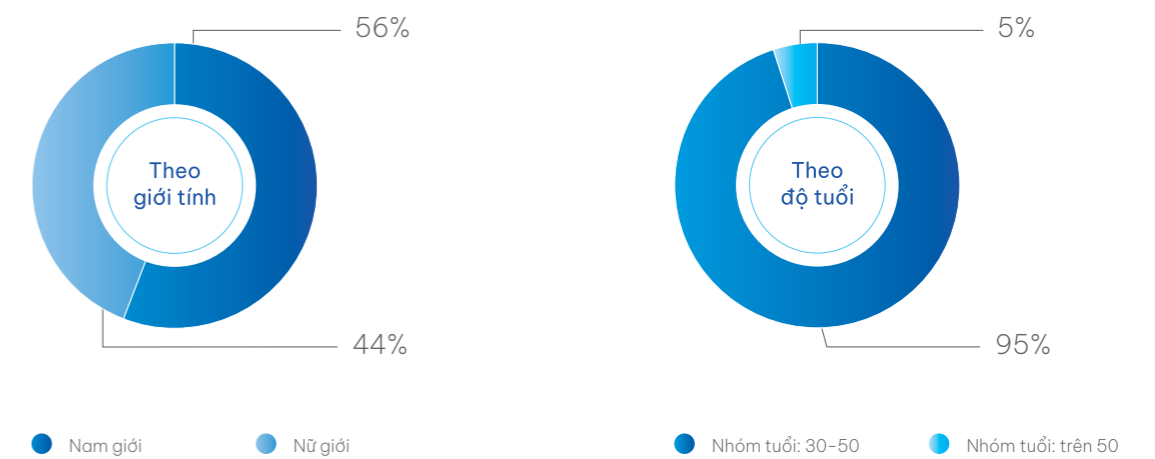
Không có điều chỉnh nào liên quan đến phương pháp quản trị này



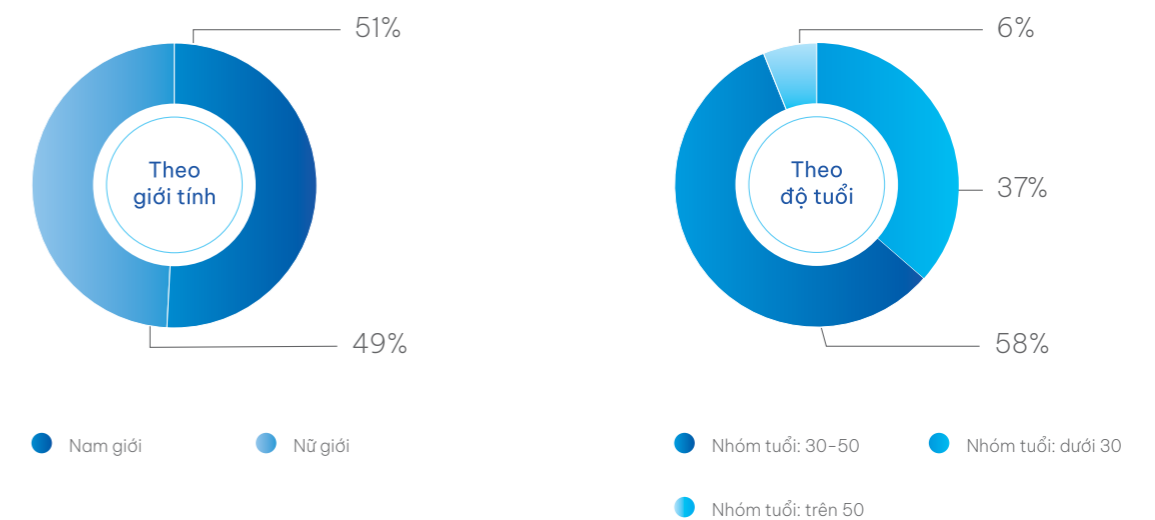
GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng

405-1 Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức



Tỷ lệ phần trăm nhân viên theo phân loại nhân viên

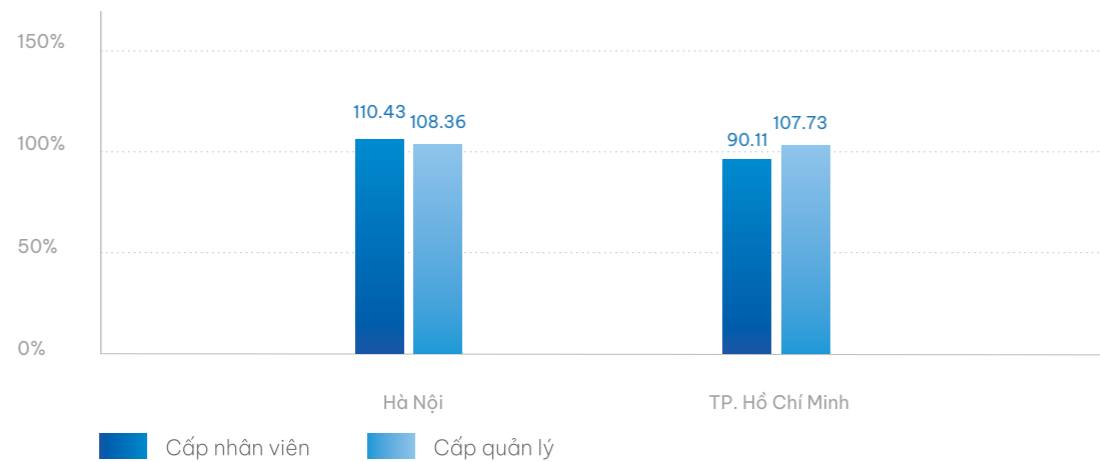


SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG (tiếp theo)

SỰ ĐA DẠNG VÀ
CƠ HỘI BÌNH ĐẲNGGRI
405

GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng (tiếp theo)

405-2 Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới



Tại BVSC, cán bộ quản lý cấp cao và cấp trung chủ yếu nằm ở nhóm tuổi từ 30 – 50 tuổi (chiếm 95%) và nhóm tuổi trên 50 tuổi (chiếm 5%). Điều này giúp Công ty phát huy được những lợi thế về kiến thức, kinh nghiệm và sự tinh tế của đội ngũ cán bộ quản lý gen X, đồng thời kết hợp với sự sáng tạo, năng động và đổi mới của gen Y.

Đối với đội ngũ nhân viên, cơ cấu nhân sự có sự đa dạng hơn về độ tuổi. Theo số liệu thống kê, sự chuyển dịch nhóm tuổi dưới 30 tuổi lên nhóm tuổi từ 30 – 50 tuổi đang diễn ra tại BVSC khi người lao động có xu hướng gắn bó lâu dài tại Công ty. Bên cạnh đó, trong năm, Công ty tiếp tục đẩy mạnh tuyển dụng Gen Z nhằm bổ sung đội ngũ nhân sự trẻ, có khả năng thích nghi và học hỏi nhanh để đảm bảo sự đa dạng và bền vững của lực lượng lao động, cũng xây dựng đội ngũ kế thừa trong tương lai. Ngoài ra, BVSC còn có sự đa dạng về dân tộc (BVSC có 05 cán bộ là dân tộc thiểu số).

Trong cơ cấu lao động tại BVSC cả ở cấp quản lý lẫn nhân viên có tỷ lệ nam nữ khá tương đồng. Về phần thu nhập, BVSC không có sự phân biệt về chính sách chi trả thu nhập giữa phụ nữ và nam giới. Theo số liệu có thể thấy tỷ lệ thu nhập của phụ nữ so với nam giới tại Hà Nội là HCM có sự khác nhau, tuy nhiên mức chênh lệch tỷ lệ thu nhập này là không đáng kể, chủ yếu là do ảnh hưởng bởi thu nhập của đội ngũ mỗi giới được chi trả dựa theo doanh thu tạo ra.

Cán bộ quản lý cấp cao và trung
chủ yếu nằm ở nhóm
30-50 tuổi (95%)

BVSC còn có sự đa dạng
về dân tộc
05 cán bộ DT thiểu số

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

PHƯƠNG PHÁP
QUẢN TRỊGRI
103

GRI 103: Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề



Những năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh, công tác An sinh xã hội luôn được BVSC quan tâm, coi đó là mục tiêu, là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, đồng thời là trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội.

Tại BVSC, vấn đề an sinh xã hội luôn thể hiện tính nhân văn, đảm bảo sự đoàn kết, chia sẻ và tương trợ cộng đồng đối với các hoàn cảnh khó khăn, rủi ro trong cuộc sống, đồng lòng hỗ trợ để cùng phát triển, tạo nên tác dụng thúc đẩy sự đồng thuận, bình đẳng và công bằng xã hội. Với vai trò là người đồng hành, BVSC luôn nỗ lực nâng cao trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội.

i. Nơi phát sinh tác động

Công tác An sinh xã hội được BVSC chia thành 3 nhóm đối tượng chính:

- Đầu tư vào thế hệ tương lai.
- Tri ân gia đình có công với cách mạng.
- Xóa đói giảm nghèo, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ y tế

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó.

Công ty thường trực tiếp tổ chức các hoạt động an sinh xã hội hoặc kết hợp với Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện các hoạt động thiện nguyện ý nghĩa. Không có phạm vi giới hạn trong chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Công ty quản lý việc thực hiện các chương trình An sinh xã hội thông qua Công đoàn của Công ty, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các chương trình được lên kế hoạch thực hiện và dự trù kinh phí, sau khi thực hiện, toàn bộ kết quả chương trình, chi phí thực tế đều được công khai minh bạch trong cuộc họp tổng kết.

Việc thực hiện chương trình theo phương pháp quản trị nhằm mục đích tối ưu hóa các chương trình an sinh xã hội, đảm bảo đúng đối tượng cần được chia sẻ.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)



103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Công ty chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị một cách chính thống. Tuy nhiên, đối với tất cả chương trình An sinh xã hội hàng năm của Công ty đều được lên kế hoạch, thực hiện tổ chức và tổng kết đánh giá sau mỗi chương trình. Ngoài ra công ty ghi nhận tính hiệu quả của các chương trình triển khai thông qua các phản hồi từ các tổ chức đoàn thể cấp trên và thông qua mạng xã hội.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Việc thực hiện rà soát sau tất cả những chương trình An sinh xã hội hàng năm cũng như ghi nhận những phản hồi từ bên ngoài của Công ty đang thực hiện tốt. Tuy nhiên, Công ty sẽ lên kế hoạch để thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị và ban hành trong thời gian tới.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến Phương pháp điều chỉnh trong chủ đề này.

Các chương trình an sinh xã hội

ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THỂ HỆ TRẺ

Trẻ em là tương lai của gia đình và xã hội, là thế hệ xây dựng và bảo vệ đất nước mai sau. Nhận thức được việc đó, tại BVSC chúng tôi đặc biệt quan tâm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho “mầm xanh” tương lai của đất nước, góp phần tạo nên tương lai tươi sáng và trường tồn cho quốc gia. Trong những năm qua, BVSC luôn dành ưu tiên ngân sách cho các hoạt động phát triển giáo dục tài trợ các dụng cụ học tập cho các địa bàn vùng sâu vùng xa, trao quà và học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn.

Phát động chương trình tặng sách giáo khoa, đồ dùng học tập

Sau khi đại dịch Covid 19 cơ bản được khống chế, mọi hoạt động sinh hoạt đã trở lại bình thường, các em học sinh đã được trở lại giảng đường để tiếp tục theo đuổi ước mơ học tập. Nhân dịp đó, BCH Công đoàn và Đoàn Thanh niên BVSC cùng chung tay phát động Chương trình tặng sách giáo khoa và đồ dùng học tập cho 350 cháu là học sinh tại các trường: Trường Tiểu Học Phiêng Mụt, Xã Mường Giôn, Huyện Quỳnh Nhai; Trường THCS Cà Nàng, xã Cà Nàng, Huyện Quỳnh Nhai và TTGD thường xuyên huyện Quỳnh Nhai – Tỉnh Sơn La. Tổng kết chương trình đã kêu gọi được: 558 quyển sách giáo khoa các loại, hơn 3.500 quyển vở viết nhám động viên, hỗ trợ các cháu học tập vượt lên hoàn cảnh khó khăn.



Tặng SGK và đồ dùng học tập

558 quyển sách

3500 quyển vở



Chương trình Mang hơi ấm đến vùng cao 2022 tại xã Nậm Chày, Huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

ĐẦU TƯ CHO XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Chương trình “Mang hơi ấm đến vùng cao 2022”

Năm 2022, BVSC tiếp tục triển khai chương trình thiện nguyện mang tên “Mang hơi ấm tới vùng cao” tại xã Nậm Chày, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Nậm Chày là địa phương nằm ở nơi cao nhất với độ cao 2875m, địa hình trắc trở, hệ thống đường giao thông yếu kém nên các cụm dân cư sinh sống cách xa nhau; do đó việc vận chuyển nhu yếu phẩm, giao thương của người dân trong Huyện đặc biệt khó khăn. Toàn Xã có 535 hộ chủ yếu là đồng bào dân tộc Mông sinh sống với 3285 nhân khẩu, trong đó có 1.196 em thiếu nhi và có tới 1.193 em là người Dân tộc thiểu số. Tỷ lệ hộ nghèo của Xã là 55.1% (295 hộ nghèo), hiện là một trong những xã có tỷ lệ nghèo cao nhất của tỉnh Lào Cai với trình độ dân trí còn nhiều hạn chế.

Với tinh thần tương thân tương ái, mong muốn đóng góp một phần công sức nhỏ bé nhằm nâng cao điều kiện sinh hoạt, học tập cho các em học sinh trường mầm non, trường tiểu học, cũng như phần nào hỗ trợ bà con tại xã Nậm Chày khắc phục khó khăn, kiên cố hóa nhà ở, đường giao thông trong mùa đông lạnh giá đang tới gần. Đoàn từ thiện BVSC đã đi hơn 300 km để đến được xã Nậm Chày, huyện Văn Bàn, Lào Cai, tuy nhiên để tiếp cận được điểm trường sâu nhất tại xã, đoàn đã mất hơn 1 giờ chạy xe máy & cuốc bộ trên đoạn đường núi 8 km nhiều ổ gà lầy lội và trơn trượt. Có thể thấy điều kiện sinh sống & học tập của người dân và các em học sinh ở đây còn nhiều hạn chế & thiếu thốn. BVSC đã tổ chức trao tặng hơn 500 suất quà tổng trị giá gần 400 triệu đồng là quần áo rét, chăn, gạo và bể nước, vật liệu xây dựng... cho các em học sinh và giúp trường mẫu giáo, tiểu học xã vùng 3 Nậm Chày, huyện Văn Bàn xây dựng công trình vệ sinh.

BVSC đã tổ chức trao tặng

500 suất quà

Tổng trị giá suất quà

≈ 400 triệu đồng

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)



Chương trình "Những tấm lòng nhân ái" tại Chi nhánh Hồ Chí Minh

Chương trình: "San sẻ yêu thương, Xuân đầm ấm"

Với tinh thần "Tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách", giúp đỡ các cá nhân, hộ gia đình và sinh viên nghèo nhân dịp Tết đến xuân về, Chi nhánh TP.HCM đã thực hiện chương trình từ thiện ý nghĩa "San sẻ yêu thương, Xuân đầm ấm" tại tỉnh Sóc Trăng. Chương trình đã thực hiện trao tặng 100 phần quà, bao gồm gạo, mì ăn liền, dầu ăn, muối, đường,... tổng giá trị 30tr. Đây là hoạt động thường niên của BVSC với mong muốn đóng góp một phần sức lực cho cộng đồng thông qua các hoạt động thiết thực, ý nghĩa dịp Tết nguyên đán.

Chương trình "Những tấm lòng nhân ái"

Chương trình "Những tấm lòng nhân ái" được tổ chức tại Tỉnh Thất Hạnh Pháp Đường - Khu phố 13, phường 3, Q. Gò Vấp, trao tặng lương thực, thực phẩm cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách trên địa bàn. BVSC đã phối hợp cùng với chính quyền, hội chữ thập đỏ trên địa bàn, tiến hành trao 150 phần quà trị giá hơn 37 triệu đồng, bao gồm các lương thực, thực phẩm thiết thực dành cho các bà con tại đây.

Hỗ trợ trao tặng nhà tình nghĩa cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn

BVSC đã phối hợp cùng Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Điện Biên tiến hành hỗ trợ kinh phí xây dựng 01 căn Nhà tình nghĩa cho các cháu học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

BVSC đã tổ chức trao tặng

150 suất quà



KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI VÀ MÔI TRƯỜNG

Ủng hộ miền Trung khắc phục siêu bão Noru

Cuối tháng 9/2022, siêu bão Noru tràn vào các tỉnh miền Trung nước ta, gây mưa lũ lớn trên diện rộng, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản cho các tỉnh ven biển miền Trung. Đời sống của nhiều hộ dân vùng bị bão lũ đang đối diện với rất nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, để kịp thời cứu trợ đồng bào vùng lũ lụt sớm vượt qua khó khăn, chống chọi với thiên tai, sớm ổn định cuộc sống, Công đoàn BVSC đã chủ động liên hệ và chung tay kêu gọi quyên góp tiền, nhu yếu phẩm cần thiết để cùng với các địa phương, lực lượng chức năng hỗ trợ tốt nhất cho đồng bào vùng lũ miền Trung vượt qua khó khăn.

TRỊ ÂN ANH HÙNG LIỆT SỸ, GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI ĐẤT NƯỚC

Hành trình về nguồn năm 2022 của Chi bộ BVSC

Trong hai ngày 17&18/9/2022, Chi bộ Công ty Chứng khoán Bảo Việt đã có chuyến Hành trình về nguồn tại Tỉnh Quảng Nam với các hoạt động tri ân ý nghĩa. Đoàn đã tổ chức dâng hương tại Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh Hùng (tượng đài mẹ Thứ) trên đỉnh núi Cẩm, thôn Phú Thạnh, xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Đồng thời lắng nghe lịch sử về sự ra đời của công trình Tượng đài mẹ Việt Nam anh Hùng cũng như về cuộc đời mẹ Thứ. Trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ, dân tộc ta đã đánh thắng kẻ thù giành lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc, đã có hàng triệu người phải ngã xuống, trong sự hy sinh lớn lao ấy, có công ơn lớn lao của gần 50 ngàn bà mẹ Việt Nam anh hùng trên khắp đất nước.



CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)

TRI ÂN ANH HÙNG LIỆT SỸ, GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI ĐẤT NƯỚC (tiếp theo)

Đồng thời, đoàn đã đi thăm địa đạo Kỳ Anh, được mệnh danh là huyền thoại trong lòng đất. Địa đạo Kỳ Anh hình thành trong bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh chống Mỹ vào giai đoạn quyết liệt nhất ở chiến trường Quảng Nam những năm 1964 - 1975. Cuộc chiến đấu của quân và dân Kỳ Anh diễn ra vô cùng quyết liệt, anh dũng, sáng tạo trong chiến đấu, bám trụ đánh bại và tiêu diệt nhiều sinh lực kẻ thù.

Ngoài việc viếng thăm di tích lịch sử, Chi bộ BVSC thăm hỏi và trao tặng quà cho mẹ Việt Nam Anh Hùng Hồ Thị Ngô năm nay 99 tuổi cùng 10 mẹ và vợ liệt sỹ trên địa bàn Thôn Thạch Tân, xã Tam Thăng, Thành phố Tam Kỳ Tỉnh Quảng Nam với mỗi suất quà trị giá 2.000.000 VNĐ.

“Hành trình về nguồn là hoạt động hết sức có ý nghĩa, được Chi bộ BVSC tổ chức định kỳ thường niên hàng năm nhằm tăng cường giáo dục về tư tưởng chính trị và lịch sử Cách mạng cho Đảng viên của Chi bộ.



Hành trình Về nguồn 2022 tại tỉnh Quảng Nam do Chi bộ BVSC tổ chức



Thăm hỏi và tặng quà cho các mẹ và vợ liệt sỹ trên địa bàn Thôn Thạch Tân, xã Tam Thăng, Quảng Nam

Trao tặng quà cho các gia đình có công với Cách Mạng tại tỉnh Điện Biên nhân dịp kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ

Để chào mừng kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2022); hưởng ứng lời kêu gọi ủng hộ từ các nhà hảo tâm của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Điện Biên, BVSC đã phối hợp cùng lãnh đạo địa phương tổ chức chương trình thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình chính sách, gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh ủng hộ 01 tấn gạo để làm quà trao tặng các gia đình có công tại huyện Tuần Giáo, của tỉnh Điện Biên.

Thăm hỏi, trao quà tri ân các gia đình có công với Cách mạng tại BVSC

Nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/07/2022, Công ty đã tổ chức các hoạt động ý nghĩa nhằm tri ân các thế hệ cha anh đã cống hiến và hy sinh vì độc lập dân tộc. Ban Lãnh đạo Công ty đã trực tiếp đến thăm hỏi và tặng quà các gia đình cán bộ, nhân viên Công ty thuộc diện gia đình có công với Cách mạng.

PHỤ LỤC I: ĐIỂM YẾU TỔ CHỨC LƯỢNG QUẢN TRỊ THEO CAMEL

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2021	Điểm số 2022	Trọng số
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 5 năm	100	100	4%
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 5 năm	100	100	6%
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 7 năm	100	100	4%
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 7 năm	100	100	6%
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này	Trên 20%	0	0	4%
6	Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế.	100	100	5%
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động	Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế.	100	100	5%
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả.	100	100	5%
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ	100	100	5%
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố	100	100	6%

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2021	Điểm số 2022	Trọng số
11	Số năm hoạt động	Lớn hơn 7 năm	100	100	6%
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở)	Từ 2% đến dưới 5%	80	80	8%
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin	Hệ thống giao dịch trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS	80	80	5%
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung	Nhóm còn lại	50	50	5%
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ)	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng, tính khả thi cao	100	100	4%
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất	Trên 20%	100	0	6%
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	Không sử dụng	100	100	5%
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất	Không có vi phạm	100	100	6%
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của Công ty	4 nghiệp vụ	100	100	5%
Tổng điểm số			90,9	84,9	

PHỤ LỤC II - ĐIỂM YẾU TỔ TÀI CHÍNH THEO CAMEL

STT	Chỉ tiêu Tài chính theo Camel	Tỷ lệ		Áp điểm		Trọng số
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	
1	C1 = VCSH/TTS	37,5%	56,5%	20	80	10%
2	C2 = VCSH/VPĐ	857,8%	872,4%	100	100	10%
3	C3 = TL vốn khả dụng	464,0%	654,0%	100	100	10%
4	A1 = Tỷ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ)	92,25%	91,61%	100	100	5%
5	A2 = Tỷ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu)	1,5%	2,5%	80	80	10%
6	A3 = Tỷ lệ các khoản phải thu/TTS	3,7%	3,9%	100	100	10%
7	E1 = LNST/Tổng doanh thu	24,7%	15,9%	100	70	10%
8	E2 = LNST/VCSH bình quân	14,1%	6,8%	70	70	10%
9	L1 = Tỷ lệ TSNH/Nợ NH	160,1%	220,2%	100	100	15%
10	L2 = Tỷ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	23,4%	33,2%	80	100	10%
Tổng điểm số				85	90	

Điểm xếp loại

Điểm thành phần	Năm 2021	Năm 2022	Trọng số
Điểm cho yếu tố tài chính	85	90	70%
Điểm cho yếu tố quản trị	90,9	84,9	30%
Tổng điểm	86,77	88,47	

Điểm theo các yếu tố của Camel

Điểm các yếu tố	Năm 2021	Năm 2022
C (Mức độ đủ vốn)	73,3	93,3
A (Chất lượng tài sản)	92,0	92,0
M (Quản trị)	90,9	84,9
E (Khả năng sinh lời)	85,0	70,0
L (Chất lượng thanh khoản)	92,0	100,0

Tổng điểm xếp loại của Công ty

88,5 điểm

BVSC được xếp loại A

Kết hợp cả 02 yếu tố tài chính và quản trị, Công ty được **xếp loại A** do tổng điểm xếp loại của Công ty đạt **88,5 điểm**, đáp ứng tiêu chí tổng điểm từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65 điểm.

Ghi chú: XẾP LOẠI A: Tổng điểm xếp loại của Công ty từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65.

06

Báo cáo tài chính

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC” hoặc “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 03/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2022 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1,4 và 7, tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.180.939.806.045 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Xuân Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ Kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60758149/22994378

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 76, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Số tham chiếu: 60758149/22994378

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
2071-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
5040-2019-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.652.011.176.555	5.502.631.015.506
110	I. Tài sản tài chính		3.647.806.810.797	5.495.078.417.628
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	149.529.318.217	66.560.460.232
111.1	1.1. Tiền		149.529.318.217	66.560.460.232
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	400.962.056.427	737.876.271.000
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	628.037.300.819	998.420.757.339
114	4. Các khoản cho vay	7.4	2.254.798.696.008	3.374.602.084.018
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	136.894.154.506	166.980.951.477
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.6	(74.031.210.006)	(59.929.583.989)
117	7. Các khoản phải thu	8	30.999.425.008	28.442.905.266
117.1	7.1 Phải thu bán các sản phẩm tài chính		-	5.228.700.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		30.999.425.008	23.214.205.266
117.4	7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		30.999.425.008	23.214.205.266
118	8. Trả trước cho người bán	8	4.232.401.524	5.854.290.376
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	119.411.739.932	180.823.047.480
122	10. Các khoản phải thu khác	8	13.045.316.061	12.967.497.128
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(16.072.387.699)	(17.520.262.699)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	9	4.204.365.758	7.552.597.878
131	1. Tạm ứng		485.200.000	576.073.980
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		959.561.833	816.271.618
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.731.925.974	1.445.398.955
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	4.714.853.325
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		27.677.951	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		205.639.663.521	216.666.468.119
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		158.916.403.455	176.359.811.937
212	1. Các khoản đầu tư		161.857.787.455	183.499.514.737
212.4	1.1 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	161.857.787.455	183.499.514.737
213	2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	7.6	(2.941.384.000)	(7.139.702.800)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
220	II. Tài sản cố định		17.097.900.297	15.266.410.605
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13.146.335.742	11.490.519.741
222	1.1. Nguyên giá		44.434.192.335	39.087.878.799
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(31.287.856.593)	(27.597.359.058)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.951.564.555	3.775.890.864
228	2.1. Nguyên giá		20.505.031.090	18.688.531.090
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(16.553.466.535)	(14.912.640.226)
250	III. Tài sản dài hạn khác		29.625.359.769	25.040.245.577
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.057.714.330	1.505.962.340
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.701.936.540	2.355.462.127
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	20.865.708.899	21.178.821.110
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.857.650.840.076	5.719.297.483.625
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.676.711.034.031	3.574.845.820.516
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.658.279.740.016	3.436.050.702.885
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		980.000.000.000	2.505.695.690.235
312	1.1 Vay ngắn hạn	14	980.000.000.000	2.505.695.690.235
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	5.908.362.982	7.981.798.248
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	3.376.948.519	6.410.545.384
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		19.531.500.000	17.512.000.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	21.919.359.899	39.562.386.569
323	6. Phải trả người lao động		93.578.140.134	106.035.660.130
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.416.505.119	1.662.975.688
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	14.592.319.837	22.519.184.275
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		359.457.407	-
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	10	491.727.571.277	608.157.437.593
330	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		16.700.000.000	47.000.000.000
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.169.574.842	11.601.441.890
332	13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	21	-	61.911.582.873

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
340	II. Nợ phải trả dài hạn		18.431.294.015	138.795.117.631
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	20	-	100.194.517.884
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	18.431.294.015	38.600.599.747
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.180.939.806.045	2.144.451.663.109
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	2.180.939.806.045	2.144.451.663.109
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		722.339.370.000	722.339.370.000
411.1a	1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	30	59.236.315.172	98.097.052.517
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		59.379.106.210	59.379.106.210
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		59.379.106.210	59.379.106.210
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		670.849.424.233	595.500.543.952
417.1	6.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		681.546.584.393	539.394.596.105
417.2	6.2. Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		(10.697.160.160)	56.105.947.847
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.857.650.840.076	5.719.297.483.625

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		129.328.625.000	10.975.070.000
004	2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		390.400.000	390.400.000
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		72.200.145	72.200.145
007	4. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		33.792	33.792
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK (VND)	23.1	143.089.350.000	150.042.180.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND)	23.2	3.004.290.000	11.236.630.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	23.3	964.000.000	964.000.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	23.4	176.585.180.000	173.722.470.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	23.5	24.449.106.297.000	33.515.146.677.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND)		19.735.655.567.000	30.450.558.426.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND)		137.872.000.000	990.197.190.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND)		4.102.437.630.000	1.373.800.880.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (VND)		91.138.630.000	261.969.860.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND)		382.002.470.000	438.620.321.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	23.6	436.435.060.000	41.561.430.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND)		18.026.560.000	31.339.810.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND)		418.408.500.000	10.221.620.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)		241.299.703.000	384.983.446.000
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND)		1.091.028.300.000	2.436.395.460.000
026	5. Tiền gửi của khách hàng (VND)		1.021.781.924.960	1.520.073.202.821
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.7	455.008.406.883	589.359.627.581
028	b. Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)	23.7	555.024.350.334	926.900.195.324
030	c. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		11.749.167.743	3.813.379.916

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.8	1.010.080.512.903	1.490.314.586.561
031.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		1.000.447.654.521	1.481.492.118.883
031.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		9.632.858.382	8.822.467.678
032	7. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		1.947.662.639	20.114.979.630
035	8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)		9.753.749.418	9.643.636.630



Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập

Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt

Kế Toán Trưởng

Ông Nhĩ Đình Hòa

Người phê duyệt

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		107.752.985.461	223.614.964.605
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	33.301.518.303	82.272.506.281
01.2	1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	25.398.264.472	94.366.484.980
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	24.3	49.053.202.686	46.975.973.344
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	24.3	50.642.025.591	31.105.614.175
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.3	325.812.286.324	361.765.431.577
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	24.3	4.815.207.000	1.262.622.800
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	24.4	320.154.341.569	467.669.525.660
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	24.4	23.476.070.167	28.326.733.881
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		200.000.000	-
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	24.4	9.501.824.770	9.233.492.094
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	24.4	8.774.610.453	12.696.040.438
11	10. Thu nhập hoạt động khác	24.4	4.136.704.167	2.645.622.229
20	Cộng doanh thu hoạt động		855.266.055.502	1.138.320.047.459
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(159.431.264.233)	(94.956.436.467)
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	(56.775.770.359)	(60.652.536.748)
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(102.655.493.874)	(34.303.899.719)
24	2. Hoàn nhập/(Chi phí) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	25	(9.903.307.217)	20.620.452.684
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		(3.552.724.401)	(4.014.518.902)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(263.684.519.800)	(374.212.365.036)
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		(17.550.000)	(765.295.455)
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(17.930.838.586)	(21.876.135.558)
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(14.795.922.712)	(18.379.759.357)
32	8. Chi phí các dịch vụ khác		(13.972.886.366)	(15.942.152.048)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Cộng chi phí hoạt động		(483.289.013.315)	(509.526.210.139)
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		8.968	-
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		66.278.248.752	8.792.447.997
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		66.278.257.720	8.792.447.997
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(8.995.173.322)	-
52	Chi phí lãi vay	26	(134.707.639.269)	(108.584.696.879)
60	Cộng chi phí tài chính		(143.702.812.591)	(108.584.696.879)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	27	(115.303.233.805)	(177.412.970.802)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		179.249.253.511	351.588.617.636
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác	28	2.299.928.912	80.406.311
72	2. Chi phí khác	28	(545.427.150)	(641.069.458)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		1.754.501.762	(560.663.147)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		181.003.755.273	351.027.954.489
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		258.260.984.675	290.965.369.228
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(77.257.229.402)	60.062.585.261
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	29	(34.115.869.042)	(68.083.633.071)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(44.569.990.437)	(58.763.703.478)
100.2	2. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại		10.454.121.395	(9.319.929.593)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		146.887.886.231	282.944.321.418
	Trong đó: Lợi nhuận thực hiện sau thuế		213.690.994.238	232.201.665.750
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	30	(38.860.737.345)	50.195.376.909
301	1. (Lỗ)/lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(38.860.737.345)	50.195.376.909
400	Tổng thu nhập toàn diện		(38.860.737.345)	50.195.376.909

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	32.3	2.782	3.042



Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng

Ông Nhĩ Đình Hòa

Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền chi mua các tài sản tài chính	(113.345.723.733.130)	(162.638.517.876.841)	
02	2. Tiền thu từ bán các tài sản tài chính	115.104.289.115.149	160.914.945.141.392	
04	3. Cổ tức đã nhận	12.017.721.211	12.829.543.897	
05	4. Tiền lãi đã thu	423.915.558.186	411.165.336.074	
06	5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	(97.276.334.001)	(81.050.953.335)	
07	6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	(61.675.103.841)	(90.265.850.888)	
08	7. Tiền chi trả cho người lao động	(266.380.845.889)	(245.565.153.709)	
09	8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	(233.039.482.433)	(220.051.107.984)	
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	7.578.278.520.262	31.933.516.784.039	
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(7.281.774.280.894)	(31.631.080.776.484)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	1.832.631.134.620	(1.634.074.913.839)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	(3.648.437.536)	(3.890.321.120)	
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(3.648.437.536)	(3.890.321.120)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền vay gốc	11.550.161.276.864	13.503.606.787.212	
33.2	1.1. Tiền vay khác	11.550.161.276.864	13.503.606.787.212	
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(13.239.434.299.083)	(11.831.172.096.977)	
34.3	2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	(13.239.434.299.083)	(11.831.172.096.977)	
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(56.740.816.880)	(56.787.476.480)	
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động tài chính	(1.746.013.839.099)	1.615.647.213.755	
50	IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM	82.968.857.985	(22.318.021.204)	
60	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	66.560.460.232	
61	Tiền	66.560.460.232	88.878.481.436	
70	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	149.529.318.217	
71	Tiền	149.529.318.217	66.560.460.232	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		109.959.873.384.658	221.709.371.906.358
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(94.322.729.367.344)	(213.916.025.806.315)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		20.608.784.302.550	40.532.340.826.903
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(4.501.189.900)	(5.684.928.101)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		7.165.571.954.953	10.206.689.960.289
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(7.195.230.471.300)	(10.365.929.664.291)
	7. Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		116.620.590.635.956	184.670.420.942.248
	8. Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		(153.330.650.527.434)	(232.487.162.148.426)
20	(Giảm)/Tăng tiền thuần trong năm		(498.291.277.861)	344.021.088.665
II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG				
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.520.073.202.821	1.176.052.114.156
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.7	589.359.627.581	599.761.947.810
34	- Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng		926.900.195.324	493.104.582.949
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		3.813.379.916	83.185.583.397
III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG				
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.021.781.924.960	1.520.073.202.821
42	- Tiền gửi của đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.7	455.008.406.883	589.359.627.581
43	- Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng	23.7	555.024.350.334	926.900.195.324
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		11.749.167.743	3.813.379.916

Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán



Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng

Ông Nhữ Đình Hòa

Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2021	Ngày 01/01/2022	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31/12/2021	Ngày 31/12/2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220	-	-	-	-	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000	-	-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720	-	-	-	-	610.253.166.720	610.253.166.720
1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)	-	-	-	-	(496.682.500)	(496.682.500)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		47.769.022.922	59.379.106.210	11.610.083.288	-	-	-	59.379.106.210	59.379.106.210
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		47.769.022.922	59.379.106.210	11.610.083.288	-	-	-	59.379.106.210	59.379.106.210
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	30	47.901.675.608	98.097.052.517	71.031.954.496	(20.836.577.587)	6.804.264.620	(45.665.001.965)	98.097.052.517	59.236.315.172
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	8.968	(8.968)	-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối		399.208.093.183	595.500.543.952	282.944.321.418	(86.651.870.649)	213.690.994.238	(138.342.113.957)	595.500.543.952	670.849.424.233
6.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		393.844.801.004	539.394.596.105	232.201.665.750	(86.651.870.649)	213.690.994.238	(71.539.005.950)	539.394.596.105	681.546.584.393
6.2. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		5.363.292.179	56.105.947.847	50.742.655.668	-	-	(66.803.108.007)	56.105.947.847	(10.697.160.160)
TỔNG CỘNG		1.874.743.668.855	2.144.451.663.109	377.196.442.490	(107.488.448.236)	220.495.267.826	(184.007.124.890)	2.144.451.663.109	2.180.939.806.045
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
Lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	30	47.901.675.608	98.097.052.517	71.031.954.496	(20.836.577.587)	6.804.264.620	(45.665.001.965)	98.097.052.517	59.236.315.172
TỔNG CỘNG		47.901.675.608	98.097.052.517	71.031.954.496	(20.836.577.587)	6.804.264.620	(45.665.001.965)	98.097.052.517	59.236.315.172

Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng



Ông Nhữ Đình Hòa

Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 03/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2022 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 4 và 7, tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1. Phòng Giao dịch Trụ sở (Hà Nội)	Tầng 1, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3. Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội)	Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng (85 Vũ Trọng Phụng), Quận Thanh Xuân, Hà Nội
4. Phòng giao dịch Thành Công (Hà Nội)	Tầng 10, Tòa nhà Sky City 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
5. Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
6. Phòng giao dịch 81 Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 2, tòa nhà Đô Thành, số 81 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
7. Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	Tầng G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
8. Phòng giao dịch 174 Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh)	Tầng G & 1, 174 Lê Hồng Phong, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.180.939.806.045 VND, tổng tài sản là 3.857.650.840.076 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c,d,e đã nêu ở trên.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4. Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TU N THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 ngoại trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 114”), theo đó:

- Bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ;
- Việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC

(“Thông tư 48”) ngày 8 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và Thông tư 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48:

- Hướng dẫn xử lý số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ như trình bày tại Thuyết minh số 4.26;
- Thông tư 114 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 và áp dụng từ năm tài chính 2022.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- b. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty;
 - Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4. Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào

nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.6. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý, trừ trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy. Trường hợp này, tài sản tài chính AFS sẽ tiếp tục được hạch toán theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7. Xác định giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch trên hệ thống liền kề gần nhất trước ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 (“Thông tư 24”).

4.8. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.9. Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong kỳ, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.12. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.13. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

4.14. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến năm (5) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

4.16. Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.17. Trái phiếu phát hành

Trái phiếu do Công ty phát hành được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản trái phiếu phát hành được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

4.18. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19. Lợi ích của nhân viên

4.19.1. Trợ cấp nghỉ hưu

- Trợ cấp hưu trí cho các cán bộ, nhân viên của Công ty sau khi nghỉ hưu do cơ quan Bảo hiểm Xã hội chi trả. Theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2017, hàng tháng Công ty đã thực hiện việc đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 14% trên mức lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có) của cán bộ, nhân viên. Công ty cũng trích 3% mức lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có) của cán bộ, nhân viên để tham gia bảo hiểm y tế.

4.19.2. Bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thôi việc và mất việc

- Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, Công ty được giảm mức đóng BHTN từ 1% xuống bằng 0% trong 12 tháng.
- Trợ cấp thôi việc: Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.
- Trợ cấp mất việc làm: Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc làm cho các nhân viên mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Trong trường hợp

này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

4.20. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.21. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.22. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.23. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.24. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch trước để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu.

4.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc có thể thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.26. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.
- Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào loại nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Từ năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

4.27. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.28. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do không có sự kiện tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

4.29. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.30. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền	149.529.318.217	66.560.460.232
Tiền mặt tại quỹ	116.351.818	232.801.687
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	149.412.966.399	66.327.658.545
TỔNG CỘNG	149.529.318.217	66.560.460.232

6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
1. Cửa Công ty		
Cổ phiếu	83.951.199	2.376.175.647.560
Trái phiếu	40.022.883	4.838.186.846.223
Chứng khoán khác	6.142.060	122.332.538.598
TỔNG CỘNG	130.116.142	7.336.695.032.381
2. Cửa nhà đầu tư		
Cổ phiếu	9.420.462.792	214.076.851.361.954
Trái phiếu	198.258.133	21.991.044.958.902
Chứng khoán khác	134.163.984	303.731.848.280
TỔNG CỘNG	9.752.884.909	236.371.628.169.136

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Cổ phiếu niêm yết	163.779.150.920	160.838.365.450	147.818.216.294	208.634.241.010
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.527.198.988	1.100.572.496	1.981.656.200	2.813.809.642
Chứng chỉ quỹ	55.802.210.678	52.094.677.700	37.795.364.326	46.329.470.630
Trái phiếu	186.928.440.781	186.928.440.781	480.098.749.718	480.098.749.718
TỔNG CỘNG	408.037.001.367	400.962.056.427	667.693.986.538	737.876.271.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.2. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (VND)
NGẮN HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	16.576.432.682	51.200.280.000	51.200.280.000	16.576.432.682	78.132.880.000	78.132.880.000
Chứng chỉ quỹ	16.576.432.682	51.200.280.000	51.200.280.000	16.576.432.682	78.132.880.000	78.132.880.000
Ghi nhận theo giá gốc	85.693.874.506	85.693.874.506	35.563.939.239	88.848.071.477	88.848.071.477	38.688.942.636
Đầu tư tự doanh khác	15.338.915.258	15.338.915.258	-	18.496.504.253	18.496.504.253	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	70.354.959.248	70.354.959.248	35.563.939.239	70.351.567.224	70.351.567.224	38.688.942.636
TỔNG CỘNG	102.270.307.188	136.894.154.506	86.764.219.239	105.424.504.159	166.980.951.477	116.821.822.636
DÀI HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	108.285.757.806	147.707.304.455	147.707.304.455	108.284.163.406	169.349.031.737	169.349.031.737
Cổ phiếu	15.285.757.806	19.918.579.250	19.918.579.250	15.284.163.406	19.316.487.900	19.316.487.900
Chứng chỉ quỹ	93.000.000.000	127.788.725.205	127.788.725.205	93.000.000.000	150.032.543.837	150.032.543.837
Ghi nhận theo giá gốc	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000	14.150.483.000	14.150.483.000	7.010.780.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000	14.150.483.000	14.150.483.000	7.010.780.200
TỔNG CỘNG	122.436.240.806	161.857.787.455	158.916.403.455	122.434.646.406	183.499.514.737	176.359.811.937

(* Đối với các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá gốc, giá trị thuần là giá trị ghi sổ trừ dự phòng suy giảm giá trị.

7.3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Ngắn hạn		
1. Tiền gửi có kỳ hạn		
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	628.037.300.819	998.420.757.339
TỔNG CỘNG	628.037.300.819	998.420.757.339

(* Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn còn lại từ một (01) tháng đến một (01) năm và được hưởng lãi suất từ 5,10%/năm đến 8,70%/năm.

7.4. Các khoản cho vay

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cho vay margin (*)	1.870.447.859.022	2.670.081.302.288
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	384.350.836.986	704.520.781.730
TỔNG CỘNG	2.254.798.696.008	3.374.602.084.018

(* Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 3.832.347.082.830 VND và 5.452.733.585.166 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.5. Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
Tài sản tài chính FVTPL								
Ngắn hạn	408.037.001.367	18.111.076.110	(25.186.021.050)	400.962.056.427	667.693.986.538	70.381.683.086	(199.398.624)	737.876.271.000
Cổ phiếu niêm yết	163.779.150.920	16.246.550.755	(19.187.336.225)	160.838.365.450	147.818.216.294	60.989.910.886	(173.886.170)	208.634.241.010
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.527.198.988	11.267.442	(437.893.934)	1.100.572.496	1.981.656.200	838.940.339	(6.786.897)	2.813.809.642
Chứng chỉ quỹ	55.802.210.678	1.853.257.913	(5.560.790.891)	52.094.677.700	37.795.364.326	8.552.831.861	(18.725.557)	46.329.470.630
Trái phiếu	186.928.440.781	-	-	186.928.440.781	480.098.749.718	-	-	480.098.749.718
TỔNG CỘNG	408.037.001.367	18.111.076.110	(25.186.021.050)	400.962.056.427	667.693.986.538	70.381.683.086	(199.398.624)	737.876.271.000
Tài sản tài chính AFS								
Ngắn hạn	102.270.307.188	34.623.847.318	-	136.894.154.506	105.424.504.159	61.556.447.318	-	166.980.951.477
Ghi nhận theo giá trị hợp lý								
Chứng chỉ quỹ	16.576.432.682	34.623.847.318	-	51.200.280.000	16.576.432.682	61.556.447.318	-	78.132.880.000
Ghi nhận theo giá gốc								
Đầu tư tự doanh khác	15.338.915.258	-	-	15.338.915.258	18.496.504.253	-	-	18.496.504.253
Cổ phiếu chưa niêm yết	70.354.959.248	-	-	70.354.959.248	70.351.567.224	-	-	70.351.567.224
Dài hạn	122.436.240.806	39.421.546.649	-	161.857.787.455	122.434.646.406	61.064.868.331	-	183.499.514.737
Ghi nhận theo giá trị hợp lý								
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.285.757.806	4.632.821.444	-	19.918.579.250	15.284.163.406	4.032.324.494	-	19.316.487.900
Chứng chỉ quỹ	93.000.000.000	34.788.725.205	-	127.788.725.205	93.000.000.000	57.032.543.837	-	150.032.543.837
Ghi nhận theo giá gốc								
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.150.483.000	-	-	14.150.483.000	14.150.483.000	-	-	14.150.483.000
TỔNG CỘNG	224.706.547.994	74.045.393.967	-	298.751.941.961	227.859.150.565	122.621.315.649	-	350.480.466.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.6. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Ngắn hạn	74.031.210.006	59.929.583.989
Các khoản cho vay	23.901.274.739	8.855.327.898
Cho vay margin	23.901.274.739	8.855.327.898
Các tài sản tài chính AFS	50.129.935.267	51.074.256.091
Cổ phiếu chưa niêm yết	34.791.020.009	32.577.751.838
Đầu tư tự doanh khác	15.338.915.258	18.496.504.253
Dài hạn	2.941.384.000	7.139.702.800
Các tài sản tài chính AFS	2.941.384.000	7.139.702.800
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.941.384.000	7.139.702.800
TỔNG CỘNG	76.972.594.006	67.069.286.789

7.7. Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm nay (VND)	Giá trị lập dự phòng năm trước (VND)	Mức (trích lập)/ hoàn nhập năm nay (VND)
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán (VND)	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC (VND)			
I	HTM		628.037.300.819	628.037.300.819	-	-	-
1	Hợp đồng tiền gửi		628.037.300.819	628.037.300.819	-	-	-
II	Chứng chỉ quỹ		2.254.798.696.008	2.230.897.421.269	(23.901.274.739)	(8.855.327.898)	(15.045.946.841)
1	Phải thu khách hàng về giao dịch margin		1.870.447.859.022	1.846.546.584.283	(23.901.274.739)	(8.855.327.898)	(15.045.946.841)
2	Các khoản cho vay ứng trước		384.350.836.986	384.350.836.986	-	-	-
III	AFS	9.093.924	99.844.357.506	46.773.038.239	(53.071.319.267)	(58.213.958.891)	5.142.639.624
1	Ngắn hạn	7.055.906	85.693.874.506	35.563.939.239	(50.129.935.267)	(51.074.256.091)	944.320.824
	Đầu tư tự doanh khác	-	15.338.915.258	-	(15.338.915.258)	(18.496.504.253)	3.157.588.995
	Cổ phiếu	7.055.906	70.354.959.248	35.563.939.239	(34.791.020.009)	(32.577.751.838)	(2.213.268.171)
2	Dài hạn	2.038.018	14.150.483.000	11.209.099.000	(2.941.384.000)	(7.139.702.800)	4.198.318.800
	Cổ phiếu	2.038.018	14.150.483.000	11.209.099.000	(2.941.384.000)	(7.139.702.800)	4.198.318.800
	TỔNG CỘNG		2.982.680.354.333	2.905.707.760.327	(76.972.594.006)	(67.069.286.789)	(9.903.307.217)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	-	5.228.700.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	30.999.425.008	23.214.205.266
Cổ tức, lãi trái phiếu doanh nghiệp	4.225.526.000	592.658.460
Dự thu lãi tiền gửi	10.923.563.783	1.421.098.833
Dự thu lãi margin	15.850.335.225	21.200.447.973
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119.411.739.932	180.823.047.480
Phải thu khác	13.045.316.061	12.967.497.128
	163.456.481.001	222.233.449.874
Trả trước cho người bán	4.232.401.524	5.854.290.376
Trả trước các bên liên quan	-	707.561.455
Người bán H_TC161	2.800.000.000	2.800.000.000
Người bán H_TC144	-	1.447.875.000
Khác	1.432.401.524	898.853.921
	4.232.401.524	5.854.290.376
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán (*)	(16.072.387.699)	(17.520.262.699)
TỔNG CỘNG	151.616.494.826	210.567.477.551

(*) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2022	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập/ (hoàn nhập) trong năm	Số dự phòng cuối năm
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	17.520.262.699	17.520.262.699	-	17.520.262.699
Các khoản phải thu	13.272.387.699	13.272.387.699	-	13.272.387.699
Khách hàng H_CN1022	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Khách hàng H_CN1012	1.780.000.000	1.780.000.000	-	1.780.000.000
Khách hàng H_CN1013	1.685.000.000	1.685.000.000	-	1.685.000.000
Khác	5.807.387.699	5.807.387.699	-	5.807.387.699
Trả trước cho người bán	2.800.000.000	4.247.875.000	(1.447.875.000)	2.800.000.000
Người bán H_TC161	2.800.000.000	2.800.000.000	-	2.800.000.000
Người bán H_TC144	-	1.447.875.000	(1.447.875.000)	-
TỔNG CỘNG	16.072.387.699	17.520.262.699	(1.447.875.000)	16.072.387.699

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tạm ứng	485.200.000	576.073.980
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	959.561.833	816.271.618
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.731.925.974	1.445.398.955
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	812.500.000	538.292.347
Chi phí bảo trì bảo dưỡng phần mềm	657.487.431	99.999.998
Khác	1.261.938.543	807.106.610
Ký quỹ ngắn hạn	-	4.714.853.325
TỔNG CỘNG	4.176.687.807	7.552.597.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Tài sản cố định khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá					
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	31.262.023.072	7.604.065.167	165.020.000	56.770.560	39.087.878.799
Mua trong năm	4.439.934.636	1.674.280.000	83.794.160	-	6.198.008.796
Thanh lý, nhượng bán	-	(851.695.260)	-	-	(851.695.260)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	35.701.957.708	8.426.649.907	248.814.160	56.770.560	44.434.192.335
Giá trị khấu hao lũy kế					
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	23.104.296.760	4.271.271.738	165.020.000	56.770.560	27.597.359.058
Khấu hao trong năm	3.939.550.063	602.004.364	638.368	-	4.542.192.795
Thanh lý, nhượng bán	-	(851.695.260)	-	-	(851.695.260)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	27.043.846.823	4.021.580.842	165.658.368	56.770.560	31.287.856.593
Giá trị còn lại					
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	8.157.726.312	3.332.793.429	-	-	11.490.519.741
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	8.658.110.885	4.405.069.065	83.155.792	-	13.146.335.742

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 22.412.682.915 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 27.388.035.035 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phần mềm (VND)	Tài sản vô hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	15.720.742.834	2.967.788.256	18.688.531.090
Tăng trong năm	1.816.500.000	-	1.816.500.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	17.537.242.834	2.967.788.256	20.505.031.090
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	11.944.851.970	2.967.788.256	14.912.640.226
Hao mòn trong năm	1.640.826.309	-	1.640.826.309
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	13.585.678.279	2.967.788.256	16.553.466.535
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	3.775.890.864	-	3.775.890.864
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.951.564.555	-	3.951.564.555

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 13.449.551.090 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 11.132.386.440 VND).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Chi phí vật dụng văn phòng	2.880.903.416	2.174.388.414
Chi phí cải tạo văn phòng	1.512.863.410	-
Chi phí bản quyền phần mềm	342.632.255	-
Khác	1.965.537.459	181.073.713
TỔNG CỘNG	6.701.936.540	2.355.462.127

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021	21.350.120.520
Tiền lãi đã nhận trong năm	(1.350.120.520)
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	1.178.821.110
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	21.178.821.110
Tiền lãi đã nhận trong năm	(1.178.821.110)
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	865.708.899
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	20.865.708.899

14. VAY NGẮN HẠN

	Số dư đầu năm (VND)	Số vay trong năm (VND)	Số đã trả trong năm (VND)	Số dư cuối năm (VND)
Vay thấu chi	547.695.690.235	5.878.353.108.848	6.376.048.799.083	50.000.000.000
Vay ngắn hạn (*)	1.958.000.000.000	5.673.000.000.000	6.701.000.000.000	930.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.505.695.690.235	11.551.353.108.848	13.077.048.799.083	980.000.000.000

(*) Các khoản vay bằng đồng Việt Nam với tổ chức tín dụng có kỳ hạn từ 01 tháng đến 12 tháng và có lãi suất từ 3,70% đến 8,70%/năm, tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi, trái phiếu của Công ty. Tại ngày lập báo cáo, số dư các khoản vay đã được tốt toán.

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	5.217.090.134	7.309.961.319
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	691.272.848	671.836.929
TỔNG CỘNG	5.908.362.982	7.981.798.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả các bên liên quan (thuyết minh 32.1)	778.056.615	1.751.390.300
Phải trả mua sắm tài sản	2.151.000.000	-
Phải trả đặt cọc môi giới chứng khoán cho khách hàng	-	4.024.930.000
Đối tượng khác	447.891.904	634.225.084
TỔNG CỘNG	3.376.948.519	6.410.545.384

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
1	Thuế thu nhập cá nhân	18.656.218.377	168.646.673.051	(174.721.701.652)	12.581.189.776
	Của nhân viên Công ty	4.460.842.195	51.499.229.226	(53.788.718.059)	2.171.353.362
	Của nhà đầu tư cá nhân	14.195.376.182	117.147.443.825	(120.932.983.593)	10.409.836.414
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 29.1)	20.348.743.709	44.569.990.437	(55.999.824.703)	8.918.909.443
	Trong đó:				
	Giảm trừ thuế TNDN đã nộp	-	-	(310.000.000)	(310.000.000)
3	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	474.429.699	645.250.084	(920.330.255)	199.349.528
4	Các loại thuế khác	82.994.784	3.609.781.648	(3.472.865.280)	219.911.152
	TỔNG CỘNG	39.562.386.569	217.471.695.220	(235.114.721.890)	21.919.359.899

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả chi phí hoạt động môi giới	1.569.513.453	1.700.399.730
Phải trả phí dịch vụ mua ngoài	893.467.602	2.662.621.530
Phải trả tiền lãi vay ngân hàng	2.003.013.698	3.836.936.984
Phải trả tiền lãi cho tổ chức và cá nhân khác	10.126.325.084	14.319.226.031
TỔNG CỘNG	14.592.319.837	22.519.184.275

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả hợp đồng quản lý tiền gửi	488.238.780.855	605.742.316.469
Phải trả khác	3.488.790.422	2.415.121.124
TỔNG CỘNG	491.727.571.277	608.157.437.593

20. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH DÀI HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Gốc trái phiếu	-	100.000.000.000
Lãi dự trả theo phương pháp lãi suất thực	-	194.517.884
TỔNG CỘNG	-	100.194.517.884

Trái phiếu phát hành dài hạn bao gồm 1.000.000 trái phiếu BVSH2123001 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu (tổng cộng mệnh giá 100.000.000.000 VND). Đây là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi do Công ty phát hành theo Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Quản trị Công ty. Trái phiếu có kỳ hạn hai (2) năm được phát hành với lãi suất quy định trong phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ của Công ty. Tại ngày 30/11/2022, Công ty đã thực hiện mua lại Trái phiếu phát hành.

21. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU

	Số đầu năm (VND)	Bán trong năm (VND)	Mua lại trong năm (VND)	Chi phí repo đã phân bổ trong năm (VND)	Số dư cuối năm (VND)
Hợp đồng repo					
Doanh nghiệp	61.911.582.873	-	(62.385.500.000)	473.917.127	-
TỔNG CỘNG	61.911.582.873	-	(62.385.500.000)	473.917.127	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần tài (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	98.097.052.517	595.500.543.952	2.144.451.663.109
Cổ tức trả cho chủ sở hữu (*)	-	-	-	-	-	-	(57.760.116.000)	(57.760.116.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 (*)	-	-	-	-	-	-	(12.538.889.950)	(12.538.889.950)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	213.690.994.238	213.690.994.238
Chênh lệch đánh giá lại AFS	-	-	-	-	-	(38.860.737.345)	(66.803.108.007)	(105.663.845.352)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.240.000.000)	(1.240.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	59.236.315.172	670.849.424.233	2.180.939.806.045

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 22 tháng 04 năm 2022:

Về phương án sử dụng lợi nhuận năm 2021, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị số tiền 12.538.889.950 VND và đã chi trả cổ tức cho năm tài chính 2021 là 8% (800 VND/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 722.001.450.000 VND, tương đương với số tiền 57.760.116.000 VND. Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện trong tháng 10 năm 2022.

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần tài (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	47.769.022.922	47.769.022.922	47.901.675.608	399.208.093.183	1.874.743.668.855
Cổ tức trả cho chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	(57.760.116.000)	(57.760.116.000)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-	11.610.083.288	11.610.083.288	-	(23.220.166.576)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021	-	-	-	-	-	-	(5.671.588.073)	(5.671.588.073)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	282.944.321.418	282.944.321.418
Chênh lệch đánh giá lại AFS	-	-	-	-	-	50.195.376.909	-	50.195.376.909
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	98.097.052.517	595.500.543.952	2.144.451.663.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số lượng cổ phần (*) (Đơn vị)	Giá trị (*) (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tập đoàn Bảo Việt	43.281.193	432.811.930.000	59,9%
Các cổ đông khác	28.918.952	289.189.520.000	40,1%
TỔNG CỘNG	72.200.145	722.001.450.000	100%

(*) Không bao gồm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm (Đơn vị)	Số đầu năm (Đơn vị)
Số lượng cổ phần được phép phát hành	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	33.792	33.792
Cổ phiếu thường	33.792	33.792
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.200.145	72.200.145
Cổ phiếu thường	72.200.145	72.200.145

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

23.1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	142.937.350.000	148.580.180.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	152.000.000	152.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	1.310.000.000
TỔNG CỘNG	143.089.350.000	150.042.180.000

23.2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	3.004.290.000	11.236.630.000
TỔNG CỘNG	3.004.290.000	11.236.630.000

23.3. Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	964.000.000	964.000.000
TỔNG CỘNG	964.000.000	964.000.000

23.4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	74.585.180.000	71.722.470.000
Chứng chỉ quỹ	102.000.000.000	102.000.000.000
TỔNG CỘNG	176.585.180.000	173.722.470.000

23.5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	19.735.655.567.000	30.450.558.426.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	137.872.000.000	990.197.190.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	4.102.437.630.000	1.373.800.880.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	91.138.630.000	261.969.860.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	382.002.470.000	438.620.321.000
TỔNG CỘNG	24.449.106.297.000	33.515.146.677.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	18.026.560.000	31.339.810.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	418.408.500.000	10.221.620.000
TỔNG CỘNG	436.435.060.000	41.561.430.000

23.7. Tiền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	455.008.406.883	589.359.627.581
Của Nhà đầu tư trong nước	445.868.150.704	589.050.499.995
Của Nhà đầu tư nước ngoài	9.140.256.179	309.127.586
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng	555.024.350.334	926.900.195.324
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	11.749.167.743	3.813.379.916
TỔNG CỘNG	1.021.781.924.960	1.520.073.202.821

23.8. Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
Của Nhà đầu tư trong nước	1.000.447.654.521	1.481.492.118.883
Của Nhà đầu tư nước ngoài	9.632.858.382	8.822.467.678
TỔNG CỘNG	1.010.080.512.903	1.490.314.586.561

23.9. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	981.717.336	3.842.591.744
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	690.823.323	802.332.620
TỔNG CỘNG	1.672.540.659	4.644.924.364

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

24.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán (VND)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước (VND)
I	LÃI BÁN				
1	Cổ phiếu niêm yết	620.049.524.642	595.000.031.383	25.049.493.259	63.600.984.318
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.385.759.986	464.400.000	921.359.986	936.050.500
3	Chứng chỉ quỹ	11.737.608.000	11.521.312.086	216.295.914	4.943.830.767
4	Trái phiếu	1.044.387.233.000	1.039.094.424.831	5.292.808.169	11.855.882.806
5	Chứng chỉ tiền gửi	7.183.987.674.405	7.182.166.113.430	1.821.560.975	935.757.890
	TỔNG CỘNG	8.861.547.800.033	8.828.246.281.730	33.301.518.303	82.272.506.281
II	LỖ BÁN				
1	Cổ phiếu niêm yết	561.961.527.738	593.729.691.201	(31.768.163.463)	(24.449.113.246)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	(4.590.490.600)
3	Chứng chỉ quỹ	31.867.800.000	34.172.870.688	(2.305.070.688)	(1.676.205.272)
4	Trái phiếu	1.512.637.315.000	1.535.238.182.329	(22.600.867.329)	(29.775.157.484)
5	Chứng chỉ tiền gửi	728.553.271.021	728.654.939.900	(101.668.879)	(161.570.146)
	TỔNG CỘNG	2.835.019.913.759	2.891.795.684.118	(56.775.770.359)	(60.652.536.748)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

24.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VND)	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)
I	LOẠI FVTPL							
1	Cổ phiếu niêm yết	163.779.150.920	160.838.365.450	(2.940.785.470)	60.816.024.716	(63.756.810.186)	22.454.920.132	(86.211.730.318)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.527.198.988	1.100.572.496	(426.626.492)	832.153.442	(1.258.779.934)	707.386.988	(1.966.166.922)
3	Chứng chỉ quỹ niêm yết	55.802.210.678	52.094.677.700	(3.707.532.978)	8.534.106.304	(12.241.639.282)	2.235.957.352	(14.477.596.634)
4	Trái phiếu	186.928.440.781	186.928.440.781	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	408.037.001.367	400.962.056.427	(7.074.944.940)	70.182.284.462	(77.257.229.402)	25.398.264.472	(102.655.493.874)
II	LOẠI AFS							
	Ngắn hạn	16.576.432.682	51.200.280.000	34.623.847.318	61.556.447.318	(26.932.600.000)	-	(26.932.600.000)
1	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	16.576.432.682	51.200.280.000	34.623.847.318	61.556.447.318	(26.932.600.000)	-	(26.932.600.000)
	Dài hạn	108.285.757.806	147.707.304.455	39.421.546.649	61.064.868.331	(21.643.321.682)	6.804.264.620	(28.447.586.302)
1	Cổ phiếu niêm yết	15.285.757.806	19.918.579.250	4.632.821.444	4.032.324.494	600.496.950	2.128.222.050	(1.527.725.100)
2	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	93.000.000.000	127.788.725.205	34.788.725.205	57.032.543.837	(22.243.818.632)	4.676.042.570	(26.919.861.202)
	TỔNG CỘNG	124.862.190.488	198.907.584.455	74.045.393.967	122.621.315.649	(48.575.921.682)	6.804.264.620	(55.380.186.302)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

24.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và AFS

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Từ tài sản tài chính FVTPL	49.053.202.686	46.975.973.344
Cổ phiếu	11.418.779.011	10.271.173.347
Trái phiếu	37.634.423.675	36.704.799.997
Từ tài sản tài chính HTM	50.642.025.591	31.105.614.175
Trái phiếu	-	5.236.730.475
Hợp đồng tiền gửi	50.642.025.591	25.868.883.700
Từ các khoản cho vay	325.812.286.324	361.765.431.577
Cho vay margin	265.861.078.811	273.607.678.180
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	59.951.207.513	88.157.753.397
Từ tài sản tài chính AFS	4.815.207.000	1.262.622.800
Cổ phiếu	4.815.207.000	1.262.622.800
TỔNG CỘNG	430.322.721.601	441.109.641.896

24.4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	320.154.341.569	467.669.525.660
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	23.476.070.167	28.326.733.881
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	200.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	8.774.610.453	12.696.040.438
Doanh thu lưu ký chứng khoán	9.501.824.770	9.233.492.094
Thu nhập hoạt động khác	4.136.704.167	2.645.622.229
Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	112.262.000	22.155.538
Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.425.363.144	1.921.084.063
Doanh thu khác	599.079.023	702.382.628
TỔNG CỘNG	366.243.551.126	520.571.414.302

25. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 7.7)	15.045.946.841	(20.767.122.952)
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng tài sản tài chính AFS	(5.142.639.624)	146.670.268
TỔNG CỘNG	9.903.307.217	(20.620.452.684)

26. CHI PHÍ LÃI VAY

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí repo	473.917.127	172.582.873
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	3.902.506.165	8.443.095.668
Chi phí lãi vay ngân hàng	92.742.069.852	73.624.602.646
Chi phí lãi vay khác	37.589.146.125	26.344.415.692
TỔNG CỘNG	134.707.639.269	108.584.696.879

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	76.782.686.802	120.692.645.928
Lương và các khoản phúc lợi	74.838.131.317	118.975.705.453
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.944.555.485	1.716.940.475
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	721.927.118	12.550.459.449
Chi phí vật tư văn phòng	801.502.150	277.266.643
Chi phí công cụ, dụng cụ	897.787.801	1.151.101.419
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.107.265.893	5.856.316.528
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.390.418.738	5.502.929.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.296.486.478	18.521.065.462
Chi phí khác	3.305.158.825	12.861.185.436
TỔNG CỘNG	115.303.233.805	177.412.970.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thu nhập khác	2.299.928.912	80.406.311
Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	286.333.000	29.272.727
Thu nhập khác	2.013.595.912	51.133.584
Chi phí khác	(545.427.150)	(641.069.458)
Phạt chậm nộp thuế	(997.150)	(1.313.268)
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	(95.116.110)
Chi phí khác	(544.430.000)	(544.640.080)
Kết quả hoạt động khác	1.754.501.762	(560.663.147)

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

29.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2021: 20%)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận trước thuế	181.003.755.273	351.027.954.489
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	593.588.410	20.017.634.453
Lỗi chưa thực hiện trong kỳ	77.257.229.402	-
Các khoản dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	15.045.946.841	1.673.495.518
Chi phí dự phòng tài sản tài chính được hoàn nhập trong kỳ	-	13.462.937.291
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Thu nhập từ cổ tức	(16.233.986.011)	(11.533.796.147)
Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ	-	(60.062.585.261)
Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	(9.829.959.306)	(20.767.122.952)
Chi phí dự phòng tài sản tài chính ghi nhận trong kỳ	(24.986.622.426)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	222.849.952.183	293.818.517.391
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	44.569.990.437	58.763.703.478
Thuế TNDN hiện hành ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	20.348.743.709	5.260.339.154
Thuế TNDN đã trả trong năm	(55.999.824.703)	(43.675.298.923)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	8.918.909.443	20.348.743.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào lãi/lỗ	3.622.215.221	14.076.336.616	(10.454.121.395)	9.319.929.593
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	14.809.078.795	24.524.263.131	(9.715.184.337)	12.548.844.228
TỔNG CỘNG	18.431.294.016	38.600.599.747	(20.169.305.732)	21.868.773.821

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	92.156.470.077	193.002.998.735
Trong đó:		
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	18.111.076.110	70.381.683.086
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS	74.045.393.967	122.621.315.649
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18.431.294.016	38.600.599.747

30. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Số phát sinh trong năm (VND)	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	122.621.315.649	(48.575.921.682)	-	74.045.393.967
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(24.524.263.132)	9.715.184.337	-	(14.809.078.795)
TỔNG CỘNG	98.097.052.517	(38.860.737.345)	-	59.236.315.172

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	480.397.560	50.195.376.909
Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	480.397.560	50.195.376.909
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(39.341.134.905)	-
Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(39.341.134.905)	-
TỔNG CỘNG	(38.860.737.345)	50.195.376.909

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
 - có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc của Công ty;
- Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT)	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV)	Công ty cùng Tập đoàn
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Công ty thành viên (BHBV)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Đơn vị cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Công ty liên kết của Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	122.975.736	337.651.687
	Phí lưu ký	214.648.513	231.473.236
	Phí cung cấp báo cáo	105.000.000	87.500.000
	Phí tư vấn	100.000.000	100.000.000
	Phí công nghệ thông tin	(440.124.392)	(1.662.203.836)
	Thuê văn phòng	(6.161.904.000)	-
	Cổ tức đã trả	(34.624.954.400)	(34.624.954.400)
	Phí chi trả cổ tức, quản lý sổ cổ đông	88.000.000	88.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Phí lưu ký	230.215.982	623.962.084
	Phí giao dịch chứng khoán	1.758.024.151	6.325.617.940
	Thuê văn phòng 11 Nguyễn Công Trứ	(3.372.884.400)	(3.246.317.600)
	Thuê văn phòng 94 Bà Triệu	(486.681.813)	(498.000.000)
	Phí bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ cấp cao	-	(18.500.000.000)
	Phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	(2.887.728.580)	(2.810.594.054)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	715.320.420	728.482.560
	Phí lưu ký	5.764.293	20.130.017
	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(1.955.000.000)	(1.266.618.141)
	Phí Bảo hiểm ung thư	(258.092.900)	(239.209.425)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	1.323.476.288	1.652.273.570
	Phí lưu ký	1.523.700	359.672.915
	Phí quản lý chứng khoán	247.543.650	355.827.339
	Phí tư vấn	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng 233 Đồng Khởi	(6.377.868.288)	(6.237.042.857)
	Phí vé máy bay	(166.419.875)	(108.367.300)
	Phí cải tạo và lắp đặt nội thất tại số 8 Lê Thái Tổ	(884.451.819)	(707.561.455)
	Phí Quản lý tòa nhà	(1.785.168.000)	-
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ tức	4.000.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Các giao dịch	Số đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số cuối năm
Tập đoàn Bảo Việt	Phí tư vấn chuyển nhượng TNPQ	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
	Dịch vụ CNTT	(755.727.193)	1.085.820.496	(440.124.397)	(110.031.094)
	Quản lý sổ cổ đông, trả cổ tức	88.000.000	-	(88.000.000)	-
	Phí cung cấp báo cáo biến động cổ phiếu	-	105.000.000	-	105.000.000
	Đặt cọc thuê nhà	-	564.841.200	-	564.841.200
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(427.328.660)	1.730.726.987	(1.954.999.827)	(651.601.500)
	Thuê văn phòng	(1.324.061.640)	7.701.929.928	(6.377.868.288)	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Đặt cọc thuê nhà	483.171.840	-	-	483.171.840
	Chi phí khác	-	-	(166.419.875)	(166.419.875)
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ tức	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát; Tiền lương của Hội đồng quản trị chuyên trách, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.778.128.482	1.786.366.004
Lương của Ban Tổng giám đốc Công ty	2.038.912.750	2.053.461.910
	3.817.041.232	3.839.827.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.2. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận sau thuế - VND	146.887.886.231	282.944.321.418
Loại trừ lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện sau thuế - VND	(66.803.108.007)	50.742.655.668
Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế - VND	213.690.994.238	232.201.665.750
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) - VND	(12.821.459.654)	(12.538.889.951)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	200.869.534.584	219.662.775.799
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.200.145	72.200.145
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	2.782	3.042

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính cùng kỳ để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 362/2022/BVSC-QLHĐ ngày 22 tháng 04 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban Quản trị được ước tính bằng 6% lợi nhuận sau thuế trong năm theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 362/2022/BVSC-QLHĐ ngày 22 tháng 04 năm 2022.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

32.3. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Đến 1 năm	13.069.682.388	11.836.627.888
Trên 1 - 5 năm	16.570.794.464	23.320.428.852
TỔNG CỘNG	29.640.476.852	35.157.056.740

32.4. Thông tin báo cáo bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (VND)	Đầu tư tài sản tài chính (VND)	Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán (VND)	Các bộ phận khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Năm nay					
1. Doanh thu bộ phận	655.468.452.663	163.210.218.052	32.450.680.620	70.414.961.887	921.544.313.222
2. Chi phí bộ phận	440.364.117.818	157.841.349.010	14.813.472.712	13.972.886.366	626.991.825.906
3. Chi phí phân bổ	82.011.934.928	20.420.793.294	4.060.215.403	8.810.290.181	115.303.233.805
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	133.092.399.917	(15.051.924.252)	13.576.992.505	47.631.785.340	179.249.253.511
Năm trước					
1. Doanh thu bộ phận	838.668.449.331	255.983.201.580	41.022.774.319	11.438.070.226	1.147.112.495.456
2. Chi phí bộ phận	483.906.074.521	99.117.625.637	19.145.054.812	15.942.152.048	618.110.907.018
3. Chi phí phân bổ	129.708.866.134	39.590.485.194	6.344.602.026	1.769.017.448	177.412.970.802
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	225.053.508.676	117.275.090.749	15.533.117.481	(6.273.099.270)	351.588.617.636

(*) Công ty chưa trình bày các khoản mục tài sản và nợ phân bổ do hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức và tiêu chí phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5. Thực hiện theo kết luận của Thanh tra Bộ Tài Chính

Trong năm, Công ty thực hiện hoàn nhập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp theo biên bản Thanh tra Bộ Tài chính ngày 25 tháng 04 năm 2022 như sau:

Nội dung	Số tiền (VND)
Giảm Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(18.496.504.253)
Giảm Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(15.369.303.699)
	(33.865.807.952)

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để Công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

Công tác QTRR tại Công ty được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm theo dõi, và báo cáo rủi ro tháng. Định kỳ hàng quý, Công ty tiến hành họp HĐ QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong quý, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình. Tuy nhiên, Ban Điều hành Công ty cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cân nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015. Qua từng năm, Hội đồng Quản trị điều chỉnh, bổ sung các hạn mức này cho phù hợp với thị trường và chiến lược của công ty. Phụ lục mới nhất về Phân cấp quyết định đầu tư và Hạn mức đầu tư được Hội đồng Quản trị ban hành vào ngày 17 tháng 03 năm 2017.

Danh mục các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục. Danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chưa niêm yết lại có xu hướng xấu đi nếu thị trường niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường niêm yết giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu, chứng chỉ quỹ. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 21%/ vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đối với danh mục tự doanh (tiếp theo)

Công cụ đánh giá rủi ro mà Công ty sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sàn chứng khoán biến động +/-10%:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VND)
31 tháng 12 năm 2022		
Kịch bản 1	+10%	9.463.811.621
Kịch bản 2	-10%	(12.666.045.953)
31 tháng 12 năm 2021		
Kịch bản 1	+10%	131.537.623
Kịch bản 2	-10%	(1.150.402.480)

Đối với cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ: khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho Công ty chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng (Xem phần quản lý rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ ở phần sau của Thuyết minh này).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng cho khách hàng vay ký quỹ.

Tiền gửi ngân hàng

Để quản trị rủi ro tín dụng, hạn mức đầu tư vào tiền gửi ngân hàng được thực hiện tuân thủ theo hạn mức rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt vào đầu các năm tài chính. Thực tế cho thấy Công ty không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

Đầu tư trái phiếu

Công ty đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng quản trị Công ty. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Để quản trị rủi ro tín dụng trong dịch vụ cho vay ký quỹ, Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng. Các thông tin về mức độ tín nhiệm, lịch sử giao dịch và tài sản của khách hàng là những tiêu chí chính để xếp loại. Thêm vào đó, Công ty thực hiện việc đánh giá và điều chỉnh xếp loại khách hàng hàng tháng, đảm bảo tính cập nhật.

Công ty cũng đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay ký quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: sự biến động về giá, tính thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng, v.v. Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tất toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2022							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	628.037.300.819	-	-	-	-	-	628.037.300.819
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng tiền gửi	628.037.300.819	-	-	-	-	-	628.037.300.819
Tài sản tài chính khác	2.440.934.255.082	-	-	-	13.082.801.414	(23.551.774.739)	2.430.465.281.757
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.865.708.899	-	-	-	-	-	20.865.708.899
Phải thu cổ tức	4.225.526.000	-	-	-	-	-	4.225.526.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.271.763.480.414	-	-	-	99.673.967	(23.551.774.739)	2.248.311.379.642
Khác	144.079.539.769	-	-	-	12.983.127.447	-	157.062.667.216
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.529.318.217	-	-	-	-	-	149.529.318.217
TỔNG CỘNG	3.218.500.874.118	-	-	-	13.082.801.414	(23.551.774.739)	3.208.031.900.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại Ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Đơn vị tính: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2021							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	998.420.757.339	-	-	-	-	-	998.420.757.339
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng tiền gửi	998.420.757.339	-	-	-	-	-	998.420.757.339
Tài sản tài chính khác	3.571.139.043.693	-	-	-	390.074.118	20.518.364.999	3.592.047.482.810
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	21.178.821.110	-	-	-	-	-	21.178.821.110
Phải thu cổ tức	9.261.200	-	-	-	-	-	9.261.200
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.370.191.756.871	-	-	-	79.673.967	20.518.364.999	3.390.789.795.837
Khác	179.759.204.512	-	-	-	310.400.151	-	180.069.604.663
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.560.460.232	-	-	-	-	-	66.560.460.232
TỔNG CỘNG	4.636.120.261.264	-	-	-	390.074.118	20.518.364.999	4.657.028.700.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi Công ty tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các khách hàng giao dịch chứng khoán.

Chính sách của Công ty là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, tuân thủ chính sách nội bộ về cân đối dòng tiền và thanh khoản. Tại Công ty chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ cũng như các nghĩa vụ thanh toán khác. Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty đạt bình quân ở mức 575%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ quy định 180%.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 – 03 năm	Từ 03 – 05 năm	Từ 05 – 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2022								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	-	373.789	836.863	-	-	-	-	1.210.652
Trái phiếu	-	-	188.528	-	-	-	-	188.528
Hợp đồng tiền gửi	-	-	648.335	-	-	-	-	648.335
Cổ phiếu	-	373.789	-	-	-	-	-	373.789
Tài sản tài chính khác	(23.552)	20.866	2.433.151	-	-	-	-	2.430.465
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.866	-	-	-	-	-	20.866
Phải thu cổ tức	-	-	4.226	-	-	-	-	4.226
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	(23.552)	-	2.271.863	-	-	-	-	2.248.311
Khác	-	-	157.063	-	-	-	-	157.063
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	149.529	-	-	-	-	149.529
TỔNG CỘNG	(23.552)	394.655	3.419.544	-	-	-	-	3.790.647
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	980.000	-	-	-	-	980.000
Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	2.463	-	-	-	-	2.463
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	5.908	-	-	-	-	5.908
Khác	-	-	5.955	-	-	-	-	5.955
TỔNG CỘNG	-	-	994.326	-	-	-	-	994.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2021								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	-	386.862	1.372.332	22.000	22.000	164.450	-	1.967.644
Trái phiếu	-	-	342.220	22.000	22.000	164.450	-	550.670
Hợp đồng tiền gửi	-	-	1.030.112	-	-	-	-	1.030.112
Cổ phiếu	-	386.862	-	-	-	-	-	386.862
Tài sản tài chính khác	20.518	21.179	3.550.350	-	-	-	-	3.592.047
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	21.179	-	-	-	-	-	21.179
Phải thu cổ tức	-	-	9	-	-	-	-	9
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	20.518	-	3.370.271	-	-	-	-	3.390.790
Khác	-	-	180.070	-	-	-	-	180.070
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	66.560	-	-	-	-	66.560
TỔNG CỘNG	20.518	408.041	4.989.243	22.000	22.000	164.450	-	5.626.252
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	2.505.696	-	-	-	-	2.505.696
Trái phiếu phát hành	-	-	-	100.195	-	-	-	100.195
Chi phí phải trả	-	-	4.363	-	-	-	-	4.363
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	7.982	-	-	-	-	7.982
Khác	-	-	65.588	-	-	-	-	65.588
TỔNG CỘNG	-	-	2.583.628	100.195	-	-	-	2.683.823

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng

Ông Nhữ Đình Hòa

Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC” hoặc “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 03/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2022 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1,4 và 7 tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.180.939.806.045 VND.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Xuân Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”) và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công bố của ban tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Số tham chiếu: 60758149/22680108/ATTC/LR

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập ngày xx tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”) và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của các kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách lập báo cáo được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các văn bản pháp quy áp dụng và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
2071-2023-004-1

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
5040-2019-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Số Công văn:..... /2022/BVSC-TCKT

V/v: báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Ông Lê Thịnh Vượng

Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ



Ông Nhĩ Đình Hòa

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	108.139.841.991
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	83.041.904.422
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	130.876.724.110
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		322.058.470.523
5	Vốn khả dụng	7	2.105.222.707.229
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4) (%)		654%

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Ông Lê Thịnh Vượng

Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ



Ông Nhĩ Đình Hòa

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 03/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 01 năm 2022 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 4 và 7 tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1. Phòng Giao dịch Trụ sở (Hà Nội)	Tầng 1, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3. Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội)	Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng (85 Vũ Trọng Phụng), Quận Thanh Xuân, Hà Nội
4. Phòng giao dịch Thành Công (Hà Nội)	Tầng 10, Tòa nhà Sky City 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
5. Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
6. Phòng giao dịch 81 Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 2, tòa nhà Đô Thành, số 81 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
7. Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	Tầng G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
8. Phòng giao dịch 174 Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh)	Tầng G & 1, 174 Lê Hồng Phong, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.180.939.806.045 VND, tổng tài sản là 3.857.650.840.076 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 91"). Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2.2. Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

2.3. Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 91/2020/TT-BTC về Quy định chỉ tiêu An toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu An toàn tài chính ("Thông tư 91") thay thế cho Thông tư số 87/2017/TT-BTC ban hành ngày 15 tháng 08 năm 2017. Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 91 bao gồm:

- Bổ sung, sửa đổi và làm rõ một số chỉ tiêu xác định vốn khả dụng và các giá trị rủi ro;
- Sửa đổi và bổ sung một số nội dung trên mẫu biểu báo cáo an toàn tài chính tương ứng với các thay đổi trên.

Thông tư 91 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

3.1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 91 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2. Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư 91, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ (Thuyết minh 3.2.1);
- Các khoản tăng thêm (Thuyết minh 3.2.2); và
- Vốn khác (nếu có).

3.2.1. Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài đảm bảo (được xác định bằng khối lượng tài sản * giá tài sản * (1 - Hệ số rủi ro thị trường));

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

3.2.1. Các khoản giảm trừ (tiếp theo)

- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày (được xác định bằng khối lượng tài sản * Giá tài sản * (1 - Hệ số rủi ro thị trường));
- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty được điều chỉnh giảm phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ với tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị của tài sản bảo đảm, giá trị sổ sách.

Theo đó, giá trị của tài sản bảo đảm khi tính khoản điều chỉnh giảm của phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 - Hệ số rủi ro thị trường) phù hợp với quy định của Thông tư 91.

Phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng của các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn, dài hạn không bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định của Thông tư 91, trừ chứng khoán được phát hành bởi công ty con, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty mẹ của Công ty hoặc các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Các hợp đồng, giao dịch phải xác định rủi ro thanh khoản theo quy định của Thông tư 91;
- Các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

3.2.2. Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính; và
- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 91.

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3.3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định đối với các tài sản được quy định tại khoản 2, Điều 9, Thông tư 91, bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật. Giá trị rủi ro thị trường của chứng khoán chưa phân phối hết từ các hợp đồng bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, chứng quyền có đảm bảo do Công ty phát hành, hợp đồng tương lai được xác định theo các công thức cụ thể được trình bày trong Thuyết minh số 3.3.2.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.3.1. Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định tại Phụ lục I, Thông tư 91.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

3.3.2. Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi tương đương tiền và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế sử dụng lãi suất thực chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của trái phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; mệnh giá và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị

lớn nhất trong các giá trị sau: giá từ các báo giá; giá của kỳ báo cáo gần nhất; giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất hoặc giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán/Quỹ ETF

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

e. Hợp đồng tương lai

Giá trị rủi ro thị trường đối với hợp đồng tương lai được xác định theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Max {((giá trị thanh toán cuối ngày - Giá trị chứng khoán mua vào) x Hệ số rủi ro thị trường của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ), 0}

Trong đó:

- Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.

- Giá trị chứng khoán mua vào là giá trị chứng khoán cơ sở mà tổ chức kinh doanh chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai;

- Giá trị ký quỹ là phần giá trị tài sản mà tổ chức kinh doanh chứng khoán ký quỹ cho giao dịch đầu tư, tự doanh, tạo lập thị trường.

3.3.3. Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

3.4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn; các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán.
- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

3.4.1. Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Phụ lục III, Thông tư 91.

3.4.2. Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm; các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn theo điểm k khoản 1 Điều 10 Thông tư 91	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng).
2	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
3	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.4.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá của các tài sản được xác định theo **Thuyết minh 3.3.2.**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

3.4.2. Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A. Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B. Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên) hoặc theo quy định cụ thể (đối với chứng khoán phái sinh).

c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

d. Các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 10, Thông tư 91 được xác định như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán} \times 100\%$$

Đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày được xác định như sau:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán	Hệ số rủi ro	Giá trị rủi ro thanh toán
Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng	chiếm từ 0% đến 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8%
	chiếm từ trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100%

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán

3.4.3. Giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị tài sản đảm bảo} = \text{Khối lượng tài sản} \times \text{Giá tài sản} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

Giá tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

3.4.4. Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

3.4.5. Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

3.5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khác quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác, phần chênh lệch giảm về đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL"), chi phí lãi vay và phần chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành đã ghi nhận vào chi phí trong năm.

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1	Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng (VND)	0	149.529.318.217	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	0	-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3	-	-
III. Trái phiếu tổ chức tín dụng				8.400.000.000
6.1	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
6.2	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
6.3	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
6.4	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	56.000.000.000	8.400.000.000
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				-
7.1	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
7.2	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
7.3	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
7.4	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			35.913.672.763
8.1 Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	13.184.340.009	1.977.651.001
8.2 Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	10.000.000.000	2.000.000.000
8.3 Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
8.4 Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
8.5 Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	57.744.135.088	14.436.033.772
8.6 Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
8.7 Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	49.999.965.684	17.499.987.989
8.8 Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
V. Cổ phiếu			56.772.134.584
9 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	217.160.929.000	21.716.092.900
10 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	14.212.383.600	2.131.857.540
11 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	26.307.235.660	5.261.447.132
12 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
13 Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	55.325.474.024	27.662.737.012
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			7.053.508.521
14 Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	70.535.085.205	7.053.508.521
15 Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			526.124
16 Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-	-
17 Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	-	-
18 Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-	-
19 Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40	1.035.310	414.124
20 Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	140.000	112.000
VIII. Chứng khoán phái sinh			-
21 Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
22 Hợp đồng tương lai trái phiếu hình phủ	3	-	-
IX. Chứng khoán khác			-
23. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
24. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
25. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
26. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
27. Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần	100	-	-
28. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
29. Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		-	-
Cách tính: Giá trị rủi ro = Max{((PO x Q0 x k - P1 x Q1) x R - MD), 0}			
30. Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)	10	-	-
31. Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm	10	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)			108.139.841.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro (VND)
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1)	38.584.304.614
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2)	39.973.662.438
Rủi ro với các khoản tạm ứng (Thuyết minh 5.3)	38.816.000
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 5.4)	4.445.121.370
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	83.041.904.422

5.1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)		Giá trị rủi ro (VND)					Tổng giá trị rủi ro (VND)
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
1 Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (*)	-	-	-	-	37.682.238.049	902.066.565	38.584.304.614	
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	
3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	
4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	
5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							38.584.304.614	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh. Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

(*) Chi tiết

	Giá trị sổ sách (VND)	Giá trị tài sản đảm bảo (VND)	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo (VND)	Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác (%)	Giá trị rủi ro thanh toán (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn	628.037.300.819	-	628.037.300.819	6	37.682.238.049
Dự thu cổ tức	4.225.526.000	-	4.225.526.000	8	338.042.080
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7.050.306.062	-	7.050.306.062	8	564.024.485
	639.313.132.881	-	639.313.132.881		38.584.304.614

5.2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	39.973.662.438	39.973.662.438
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				39.973.662.438

5.3. Rủi ro với các khoản tạm ứng

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
1	Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm từ 0%-5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8	485.200.000	38.816.000
2	Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100	-	-
TỔNG RỦI RO TẠM ỨNG				38.816.000

5.4. Rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán được điều chỉnh tăng thêm đối với các hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng do tổng giá trị các hợp đồng tại các tổ chức này chiếm từ trên 10% đến trên 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty.

STT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
1	Tiền gửi kỳ hạn và lãi dự thu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20%	22.225.606.849	4.445.121.370
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				4.445.121.37

6. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
I Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới 31 tháng 12 năm 2022	776.956.355.903
II Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 6.1)	253.449.459.464
III Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	523.506.896.439
IV 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	130.876.724.110
V 20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})	130.876.724.110

6.1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
Chi phí khấu hao	6.183.019.104
Trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	15.045.946.841
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	(4.198.318.800)
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn khác	(944.320.824)
Chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	102.655.493.874
Chi phí lãi vay	134.707.639.269
Tổng cộng	253.449.459.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	722.339.370.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	610.253.166.720		
3	Cổ phiếu quỹ	(496.682.500)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	59.236.315.172		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	59.379.106.210		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	59.379.106.210		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	670.849.424.233		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	93.044.981.705		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		4.167.633.024	210.457.700
16	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng			2.270.027.612.426

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) <ul style="list-style-type: none"> • Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường • Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng 		1.703.835.800	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) <ul style="list-style-type: none"> • Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường • Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng 		-	
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) <ul style="list-style-type: none"> • Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường • Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng 		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính) <ul style="list-style-type: none"> • Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống • Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày 		-	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
10	Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
11	Phải thu nội bộ			
	• Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
13	Các khoản phải thu khác			
	• Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		4.232.401.524	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Tạm ứng			
	• Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	• Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		959.561.833	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.731.925.974	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			9.627.725.131
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	• Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	• Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		108.453.920.000	
II	Tài sản cố định		17.097.900.297	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác		29.625.359.769	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.057.714.330	
2	Chi phí trả trước dài hạn		6.701.936.540	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		20.865.708.899	
5	Tài sản dài hạn khác		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 91/2020/TT-BTC		-	
1C	Tổng			155.177.180.066
D	Các khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng			-
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			2.105.222.707.229

(* Ghi chú Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Ông Lê Thịnh Vượng

Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

